

**LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG
CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN
THIỆN NGHIỆP – HÀM TIẾN
(1930 - 1975)**

Chỉ đạo biên soạn:

Đảng ủy xã Thiện Nghiệp và đảng ủy phường Hàm Tiến.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Trần Tú Minh – Bí thư đảng ủy xã Thiện Nghiệp;

Nguyễn Văn Thanh - Bí thư đảng ủy phường Hàm Tiến.

Sưu tầm tư liệu:

Trần Nhật Nghĩa; Trần Tú Minh; Nguyễn Văn Thanh
và tổ sưu tầm tư liệu.

Biên soạn: Trần Nhật Nghĩa; Trần Tú Minh.

Biên tập: Trần Nhật Nghĩa.

Trình bày, bìa và sửa bản in: Trần Tú Minh.

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện chỉ thị số 37-CT/TU ngày 01/8/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) “ về tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ lịch sử truyền thống các cấp” và Thông báo kết luận số 406-TB/TU ngày 11/4/2013 của Ban Thường vụ Thành ủy Phan Thiết về việc biên soạn lịch sử truyền thống của 2 địa phương là xã Thiện Nghiệp và phường Hàm Tiến, giai đoạn 1930 -1975, Ban biên soạn lịch sử truyền thống đã sưu tầm tư liệu, tổ chức tọa đàm, hội thảo từng giai đoạn, thời gian thực hiện đã hơn 8 năm qua (2008 – 2016), đến nay cơ bản đã hoàn thành tập “ **Lịch sử truyền thống của đảng bộ và nhân dân xã Thiện Nghiệp – phường Hàm Tiến**”, gồm có 3 phần:

- Phần 1: Quá trình hình thành, phát triển và truyền thống yêu nước của nhân dân Thiện Nghiệp - Thiện Khánh từ thuở lập làng đến Cách mạng tháng Tám thành công.

- Phần 2: Đảng bộ và nhân dân Thiện Nghiệp – Thiện Khánh đấu tranh bất khuất trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp.

- Phần 3: Đảng bộ và nhân dân Thiện Nghiệp – Thiện Khánh bám trụ kiên cường, chiến đấu, giành thắng lợi hoàn toàn trong sự nghiệp chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Lịch sử đấu tranh cách mạng của quân dân Thiện Nghiệp - Hàm Tiến như một bản anh hùng ca góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, đã được các thế hệ nối tiếp dựng xây dựng, tô bồi bằng mồ hôi, nước mắt và cả máu xương. Ghi nhận, tôn vinh công lao to lớn, quý báu ấy là tình cảm, trách nhiệm và ước nguyện từ lâu của Đảng bộ và nhân dân 2 địa phương.

Tập lịch sử truyền thống này đã được đảng ủy Thiện Nghiệp - Hàm Tiến và Ban biên soạn hết sức cố gắng đầu tư trong điều kiện có thể, nhằm tái hiện sinh động, quá trình tạo lập, chiến đấu, hy sinh quả cảm của các tầng lớp nhân dân địa phương cùng tất cả những người từng hoạt động, đóng góp cho sự nghiệp giải phóng quê nhà, từ thuở mới lập làng cho đến năm 1975, đặc biệt nhất là thời kỳ có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Những trang sử vàng chói lọi đã được viết bằng máu của lớp lớp đồng bào chiến sỹ, cán bộ, đảng viên - người trước ngã người sau tiếp bước. Thành tích ấy chính là nhờ quá trình đấu tranh bất khuất, kiên trung, đoàn kết chung lòng, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng của toàn Đảng, quân dân xã nhà cùng với sự phối hợp, góp sức của nhiều lực lượng khác.

Hy vọng những dòng lịch sử trung thực, khách quan, đầy hào khí, nghĩa tình sẽ góp phần tích cực vào sự nghiệp giáo dục, nhắc nhở lớp trẻ “ ôn cố tri tân”, nâng cao hơn nữa lòng tin vào sức mạnh của nhân dân, vào sự lãnh đạo tài tình của Bác Hồ, của Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng vừa là niềm tự hào sâu sắc của tất cả chúng ta. Từ đó toàn hệ thống chính trị ở địa phương không ngừng phát huy truyền thống chiến đấu oanh liệt, vẻ vang, bất khuất, kiên cường vào công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương trong thời kỳ mới.

Sự kiện diễn ra trong thời kỳ này vô cùng phong phú, phản ánh các phong trào đấu tranh cách mạng sục sôi, quyết liệt của nhân dân, nhất là từ khi có tổ chức Việt Minh và Chi bộ Đảng đầu tiên của xã ra đời. Nhiệm vụ của Ban biên soạn lịch sử truyền thống là phải sưu tập, xử lý, thẩm định thông tin, để đạt tính chính xác cao nhất. Do đó tám năm qua chúng tôi đã tổ chức hàng chục cuộc khai thác, tọa đàm và hội thảo nhóm theo từng thời kỳ. Qua đó chắc lọc những tư liệu đủ độ tin cậy, tiến hành biên soạn, biên tập xác minh nhiều lần. Ban biên soạn đã cố gắng ghi chép, phản ánh, tái hiện lại quá trình đấu tranh cách mạng theo phân kỳ chung của lịch sử tỉnh Bình Thuận. Ngoài nguồn tư liệu sống, nhiều ý kiến đóng góp hết sức trách nhiệm và công phu của nhiều nhân chứng lịch sử. Ban biên soạn còn cẩn trọng nghiêm túc sưu tầm, nghiên cứu các tư liệu thành văn khác. Do các báo cáo thời kháng chiến còn lại không nhiều, nên chủ yếu chúng tôi dựa vào lời kể, hồi ký, tự thuật của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt hoặc các nhân chứng đã từng sống, chiến đấu trên vùng đất này, kể cả việc tham khảo tài liệu của địch để xác minh đối chiếu và đánh giá các nguồn thông tin.

Tuy nhiên, do thời gian đã quá lâu mà nhân chứng thì mất nhiều, người còn thì trí nhớ cũng giảm sút. Mặc dù đã rất nhiều cố gắng nhưng với những khó khăn hạn chế như trên, chắc chắn tập sách không tránh khỏi thiếu sót, hoặc có thể còn một số chi tiết chưa hoàn toàn chính xác. Không thể cầu toàn và kéo dài thời gian lâu hơn nữa, nên chúng tôi mạnh dạn xin được phát hành tập Lịch sử truyền thống này. Mong được các đồng chí, các bạn đọc gần xa tiếp tục đóng góp, bổ sung, để lần tái bản sau được hoàn chỉnh hơn.

Xin thành thật cảm ơn và trân trọng nhận được ý kiến đóng góp của các đồng chí và bạn đọc./-

Tháng 2 năm 2016

ĐẢNG ỦY XÃ THIỆN NGHIỆP - PHƯỜNG HÀM TIẾN.

LỜI CẢM ƠN

Nhân dịp kỷ niệm 41 năm ngày Giải phóng Phan Thiết (30/4/1975 -30/04/2016), đảng ủy xã Thiện Nghiệp và đảng ủy phường Hàm Tiến được phép phát hành tập “ Lịch sử truyền thống của đảng bộ và nhân dân xã Thiện Nghiệp - phường Hàm Tiến”, giai đoạn 1930-1975.

Quá trình đi sưu tầm tư liệu, Tổ sưu tầm chúng tôi rất may mắn gặp được những nhân chứng lịch sử, các đồng chí lão thành cách mạng, thân nhân liệt sỹ, thương binh, cựu chiến binh, cựu TNXP và những người có công, đã đóng góp nhiều ý kiến, nhiều thông tin có giá trị.

Chúng tôi luôn đón nhận được sự động viên, giúp đỡ tận tình của các đồng chí nguyên là lãnh đạo huyện Hàm Thuận, khu Lê Hồng Phong, huyện Thuận Phong qua các thời kỳ, các đồng chí là cán bộ, chiến sỹ đã trực tiếp sống và chiến đấu cùng các cô, các chú là những người dân đã bám trụ kiên cường trên mảnh đất này suốt hai cuộc kháng chiến chống quân xâm lược.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn tất cả đồng chí, đồng bào, đặc biệt là một số cán bộ chủ chốt như:

Ông Nguyễn Hữu Tín: bí thư huyện Thuận Phong (năm 1969 đến năm 1973);

Ông Mãn Tấn Dũng: bí thư huyện Thuận Phong (năm 1974 đến năm 1975);

Ông Lê Đình Nguyên: phó bí thư huyện ủy Thuận Phong

Ông Nguyễn Bá Lâm: chủ tịch UBKC hành chánh xã Quang Cảnh;

Ông Trần Văn Năm: huyện đội phó Thuận Phong (năm 1968 đến năm 1975);

Bà Nguyễn Thị Sang: bí thư chi bộ xã Hồng Thịnh;....

Và rất nhiều quý cô, chú khác với chính cuộc sống, cống hiến của bản thân mình đã trải qua 2 cuộc kháng chiến đầy gian khổ và mất mát đau thương nhưng rất vinh dự, tự hào rất đáng cho thế hệ mai sau học tập và phát huy. Thời gian qua các nhân chứng lịch sử đã đóng góp bằng tất cả tâm huyết, trí tuệ, tình cảm, cung cấp nhiều tư liệu, hiện vật, hình ảnh quý cho tổ sưu tầm tư liệu.

Đây là việc làm nhằm ghi lại truyền thống của địa phương, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, khơi dậy đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” góp phần giáo dục truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng; đồng thời phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong thời kỳ hòa bình xây dựng, bảo vệ Tổ quốc cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau, đặc biệt là cho tuổi trẻ của quê hương Thiện Nghiệp – Hàm Tiến.

Nhân dịp này, Tổ sưu tầm tư liệu và Ban biên soạn lịch sử - truyền thống Thiện Nghiệp – Hàm Tiến và xin trân trọng cảm ơn những nhân chứng lịch sử, các cán bộ lão thành cách mạng, thân nhân liệt sỹ, thương binh, cựu chiến binh, cựu TNXP và những người có công đã ghé vai, góp sức hỗ trợ về tinh thần và vật chất, đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ và cùng trực tiếp chung tay, tiếp sức cho tập sách “ Lịch sử truyền thống của đảng bộ và nhân dân xã Thiện Nghiệp - phường Hàm Tiến” chính thức ra đời. Riêng đối với các nhân chứng lịch sử đã qua đời, chưa kịp nhìn thấy tập lịch sử này, chúng tôi xin kính cẩn nghiêng mình tri ân và tưởng nhớ.

Xin trân trọng cảm ơn!

Phần thứ nhất

**QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN
VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CỦA
NHÂN DÂN THIỆN NGHIỆP - THIỆN KHÁNH
TỪ THUỞ LẬP LÀNG ĐẾN
CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG
(NĂM 1945)**

CHƯƠNG I

QUÊ HƯƠNG THIỆN NGHIỆP - HÀM TIẾN

(Đặc điểm tự nhiên - kinh tế - chính trị - xã hội)

Xã Thiện Nghiệp và phường Hàm Tiến ngày nay, trước năm 1945 là xã Thiện Nghiệp và xã Thiện Khánh thuộc phủ Hàm Thuận. Sau năm 1975, hai xã trên được sáp nhập lại thành xã Hàm Tiến thuộc huyện Hàm Thuận. Qua nhiều lần thay đổi, ngày nay xã Thiện Nghiệp trở về tên cũ của mình còn xã Thiện Khánh mang tên phường Hàm Tiến. Do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, năm 1983 Hàm Tiến được giao về thị xã Phan Thiết. Theo Nghị định số 89/2001/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ, ta tách xã Hàm Tiến thành 2 đơn vị hành chính: phía bắc lập lại xã Thiện Nghiệp, phía nam dọc biển là phường Hàm Tiến.

Thiện Nghiệp ngày nay nằm về hướng đông của thành phố Phan Thiết, cách trung tâm thành phố 16 km. Có Tỉnh lộ 715 đi qua. Tổng diện tích tự nhiên là 7.404,05 ha.

Phía đông giáp: phường Mũi Né của thành phố Phan Thiết và xã Hồng Phong của huyện Bắc Bình. Phía tây giáp: phường Hàm Tiến của thành phố Phan Thiết và xã Hàm Đức của huyện Hàm Thuận Bắc. Phía nam giáp: phường Hàm Tiến. Phía bắc giáp: xã Hàm Đức.

Thiện Nghiệp nằm trong vùng cồn cát ven biển, có ba dạng địa hình. Dạng địa hình gò đồi thấp với đỉnh khá bằng, sườn thoải dạng lượn sóng, độ cao trung bình 80-120 m, diện tích 6.643,2 ha, chiếm 89,72% diện tích tự nhiên, phân bố toàn bộ khu trung tâm đến ranh giới phía tây và bắc của xã. Dạng địa hình bóc mòn có diện tích 520,5 ha, bao gồm các dãy núi Bà Me, Bà Tàng bao bọc theo sườn ranh giới phía đông và phía đông bắc của xã, sườn đồi núi có độ dốc khá lớn. Dạng địa hình thấp trũng diện tích 240,34 ha, thuộc khu vực của các thôn Thiện Hòa và Thiện Trung. Được hình thành do các khối cát gió thổi và xói mòn bề mặt tạo nên các vùng trũng khép kín, có sườn thoải đáy bằng.

Khí hậu, thủy văn là vùng cát đỏ xã Thiện Nghiệp có chế độ khí hậu mang nét đặc trưng của vùng duyên hải nam trung bộ: rất khô hạn, nắng nhiều mưa ít. Nhiệt độ trung bình năm xấp xỉ 27°C .

Trong năm, thời tiết chia làm 2 mùa rõ rệt : Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 và chiếm khoảng 85% lượng mưa cả năm, lượng mưa không đều giữa các tháng trong mùa; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, với các đặc trưng nắng gắt, gió mạnh.

Gió tại vùng cát theo mùa, với hai hướng gió chính đối lập nhau. Gió tây nam thổi từ tháng 5 đến tháng 9 và gió đông bắc thổi từ tháng 10 đến tháng 4. Gió mạnh trong mùa khô gây ra không khí khô nóng, đặc biệt hiện tượng cát bay, tạo nên những cồn cát di động, hoặc những trận gió cát góp phần làm cho khí hậu khắc nghiệt hơn.

Đặc điểm thủy văn: Trên địa bàn xã Thiện Nghiệp không có sông suối tự nhiên chảy qua, chỉ có mương Bàu Ghe xuất phát từ núi Đá Vàng chảy qua Bàu Me rồi thẳng đến Suối Tiên và ra cầu Rạng đổ về biển; chiều dài khoảng 5 km và có nước quanh năm. Mương đáy cạn, xuất phát từ các đỉnh đồi cao phía trên và chỉ có tính chất là các dòng chảy tạm thời vào mùa. Các con mương còn lại đều xuất phát từ các bàu nước như mương Bàu Chai, Bàu Chát, Bàu Qui...

Thiện Nghiệp có 04 nhóm đất: Nhóm đất cát: Gồm đất cát đỏ và đất cát trắng vàng, khả năng giữ mùn, giữ nước kém với diện tích khoảng 6.643 ha, chiếm 89,7% diện tích tự nhiên. Nhóm đất phù sa: diện tích 240 ha, tập trung ven theo Suối Tiên, đây là vùng đất có điều kiện thuận lợi nhất cho sản xuất nông nghiệp của xã. Nhóm đất đỏ: diện tích 90 ha, nằm ven khu vực núi đá. Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá: diện tích 430 ha, tập trung về phía đông xã, giáp ranh với phường Mũi Né.

Nguồn nước mặt cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp của xã Thiện Nghiệp sử dụng từ các bàu nước tự nhiên với tổng diện tích mặt nước khoảng 58.000 m², trong đó có 05 bàu có diện tích mặt nước khá lớn, đó là: Bàu Tàng, Bàu Chát, Bàu Nổi, Bàu Sen, Bàu Ron; trong đó có Bàu Chát, Bàu Nổi là có nước quanh năm. Nguồn nước ngầm: Sử dụng giếng khoan, giếng đào chủ yếu phục vụ cho nước sinh hoạt.

Dân số trung bình của xã là 7.189 người/ 1.510 hộ, mật độ dân số là 0,81 người/km², số người trong độ tuổi lao động là 3.700 người. Trong đó lao động nông, lâm nghiệp chiếm 67%. Phân bố đều trên địa bàn 5 thôn: Thiện Sơn, Thiện An, Thiện Hòa, Thiện Trung, Thiện Bình.

Về giáo dục, y tế không ngừng phát triển. Hiện có hệ thống trường học từ mầm non đến trung học cơ sở gồm: 8 lớp học mẫu giáo khoảng 240 cháu, 2 trường tiểu học với khoảng 600 học sinh; 1 trường trung học cơ sở khoảng 450 học sinh....Xã có trạm xá, có 2 y sĩ và có 5 y tá chăm sóc kịp thời sức khỏe cho nhân dân. Văn thể: Có 1 đội bóng đá xã và 5 đội bóng đá thôn.

Hiện xã có chợ nằm trên địa bàn thôn Thiện Hòa có khoảng 60 hộ buôn bán nhỏ. Nền kinh tế của xã Thiện Nghiệp chủ yếu dựa vào sản xuất nông, lâm nghiệp, do điều kiện khí hậu không thuận lợi nên việc đầu tư phát triển ngành nông nghiệp còn thấp.

Thế mạnh của sản xuất nông nghiệp là cây lâu năm (cây điều, cây dừa) với diện tích khoảng 2.109 ha, cây hàng năm có diện tích khoảng 1.481 ha, chủ yếu là gieo trồng các loại cây nhờ nước trời như: khoai mì, dưa lấy hạt, dưa ăn quả, đậu các loại ... diện tích canh tác lúa nước ổn định khoảng 20 ha. Sản xuất lâm nghiệp chủ yếu là thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng.

Nền công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của Thiện Nghiệp chậm phát triển, định hướng tiêu thụ sản phẩm từ cây điều, dừa chưa được ổn định. Thiện Nghiệp có tiềm năng nông, lâm nghiệp, dịch vụ du lịch nhờ nằm cạnh khu du lịch Phan Thiết - Hàm Tiến - Mũi Né. Những năm qua thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tình hình kinh tế xã hội có nhiều chuyển biến. Nhưng do Thiện Nghiệp trước đây là vùng căn cứ kháng chiến bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh, nên vẫn còn là một xã nghèo, cơ sở hạ tầng thấp, sản xuất nông nghiệp còn bấp bênh; đời sống nhân dân vẫn còn lắm khó khăn.

Hàm Tiến ngày xưa là làng Thiện Khánh, qua nhiều lần thay đổi địa danh, nay mang tên phường Hàm Tiến. Phường Hàm Tiến nằm về phía đông thành phố Phan Thiết, cách trung tâm tỉnh lỵ 10 km, với diện tích tự nhiên 1.039,15 ha; ở vào vị trí: Phía đông giáp: phường Mũi Né của thành phố Phan Thiết. Phía tây giáp: phường Phú Hải. Phía nam giáp: biển Đông. Phía bắc giáp: xã Thiện Nghiệp của thành phố Phan Thiết.

Địa hình của Hàm Tiến được tạo nên bởi sự bồi tích của sóng biển, dạng đồng bằng xen lẫn với trung du và cồn cát, khá đa dạng, địa hình thấp dần từ tây bắc đến đông nam. Với địa hình độc đáo được thiên nhiên ban tặng, vừa là nơi tiếp giáp với khu du lịch Mũi Né đã tạo cho Hàm Tiến một thế mạnh hấp dẫn trong việc phát triển ngành du lịch, nhất là du lịch sinh thái biển và các dịch vụ khác

Phường Hàm Tiến cũng nằm trong vùng nhiệt đới của vùng duyên hải nam trung bộ, nhiệt độ cao đều quanh năm, mỗi năm chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa nắng. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10 hàng năm. Mùa nắng từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau. Đặc điểm thủy văn: Trên địa bàn, ngoài dòng Suối Tiên từ Thiện Nghiệp đổ ra biển băng qua phường Hàm Tiến, còn lại là bãi lạch, nước nhả chảy quanh năm.

Hàm Tiến có 3 nhóm đất chính. Nhóm đất cát: diện tích khoảng 666 ha; chủ yếu là đất cồn cát đỏ, đất cát điển hình đọng nước. Nhóm đất này nằm ven biển, không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Song ngược lại, với lợi thế biển đẹp rất phù hợp, lý tưởng để phát triển du lịch kết hợp với thương mại, dịch vụ. Nhóm đất xám: diện tích 372 ha. Đất sông suối có diện tích 1,3 ha.

Nguồn nước mặt của Hàm Tiến chủ yếu dựa vào suối và nước nhả từ đọng cát chảy ra biển. Do đó về mùa khô nguồn nước này rất thấp. Nguồn nước ngầm chủ yếu là nước giếng, khá dồi dào và mát ngọt so với các phường, xã trên địa bàn thành phố Phan Thiết.

Dân số trung bình của xã là 8.050 người/ 1.740 hộ, mật độ dân số là ... người / km², số người trong độ tuổi lao động là 2.860 người. Trong đó lao động nông, lâm nghiệp chiếm khoảng 33%. Phân bố đều trên địa bàn 4 khu phố: Khu phố 1,2,3 và 4.

Về giáo dục, y tế không ngừng phát triển. Hiện có hệ thống trường học từ mầm non đến trung học cơ sở, gồm 6 phòng học mẫu giáo với khoảng 200 cháu, 1 trường tiểu học có 22 lớp với hơn 660 học sinh, 1 trường trung học cơ sở có 14 lớp khoảng 570 học sinh. Xã có trạm xá, có 4 y sĩ, y tá chăm sóc kịp thời sức khỏe cho nhân dân. Văn thể: Có đội bóng đá của phường.

Hiện xã có chợ nằm trên địa bàn khu phố 3, có khoảng 60 hộ buôn bán nhỏ. Cơ cấu kinh tế của phường là thương mại - du lịch - dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp - nông nghiệp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá cao, chiếm... Khu vực thương mại dịch vụ từng bước phát triển. Nhiều doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh với nhiều loại hình hoạt động: sản xuất, chế biến, dịch vụ du lịch...

Kinh tế nông nghiệp đang chuyển dần sang lĩnh vực dịch vụ du lịch. Đây là ngành phát triển mạnh, đem lại nguồn thu nhập lớn cho cơ sở, giải quyết việc làm và góp phần ổn định và nâng cao đời sống nhân dân.

Thiện Nghiệp - Thiện Khánh ngày xưa và quá trình biến đổi:

Thời kỳ trước năm 1945. Ngược dòng lịch sử, trở về nguồn gốc xa xưa, năm 1852 xã Thiện Nghiệp chính thức được thành lập, thuộc tổng Thắng An, huyện Hòa Đa, phủ Hàm Thuận. Lúc mới hình thành tên gọi là thôn, sau đó thành xã nhưng nhân dân ngày ấy quen gọi là làng Thiện Nghiệp.

Dân cư xã Thiện Nghiệp lúc đầu khoảng 300 người. Là vùng đất mới khá hấp dẫn nên dân cư ngày càng đông đúc và phát triển thành hai vùng: Vùng chuyên sản xuất nông lâm: Phú Sơn, Phú Hiệp, Phú Điền và vùng làm ngư nghiệp, gồm các ấp: Thiện Hải, Thiện Long, Thiện Phước, Thiện Sơn.

Đến cuối thế kỷ XIX, do nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, sinh cơ, lập nghiệp, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, xã hội... một số cụ có uy tín ở vùng biển đề nghị cấp có thẩm quyền cho tách Thiện Nghiệp thành hai xã.

Thế theo nguyện vọng của dân làng, năm 1893, triều đình nhà Nguyễn đã cho tách Thiện Nghiệp thành hai xã: Thiện Nghiệp và Thiện Khánh.

Thiện Nghiệp còn lại chủ yếu là rừng, rẫy, vườn đất im... gồm các ấp: Phú Sơn, Phú Hiệp, Phú Điền. Thiện Khánh chủ yếu là làm nghề biển, chế biến hải sản và buôn bán, gồm các ấp: Thiện Hải, Thiện Long, Thiện Hòa, Thiện Phước; về sau lập thêm ấp Thiện Sơn (vùng Bàu Sen). Thiện Nghiệp có nghĩa là tạo dựng cơ nghiệp lâu dài, hiền hòa, tốt đẹp. Thiện Khánh mang ý nghĩa hiền hòa tốt đẹp, vui vẻ, phúc đức...

Về ranh giới, đặc điểm tự nhiên ở mỗi làng mỗi vẻ; làng Thiện Nghiệp thuộc vùng rừng, núi, có nhiều bàu nước im, bao gồm: Bàu Me, Bàu Ghe, Bàu Sen, Bàu Tàng, Bàu Thiêu, Giồng Triền, Giếng Đố... Trong đó, chỉ duy nhất Bàu Me là có nước nhả quanh năm. Làng Thiện Khánh chạy dọc bờ biển, với nhiều động cát trắng, cây rừng, đồi cát nhô ra gần sát biển, gồm các địa danh: Bà La, Rạng, Láng Cháy, Sao Biển, Mũi Đá ông Địa...

Thời kỳ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 - 1954. Về phía chính quyền của địch: Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, địch vẫn duy trì các đơn vị hành chính phủ, tổng, làng, xã như trước năm 1945, chúng cử bộ máy tri phủ, bang tá, chánh tổng, hương lý để cai quản, thống trị, hà khắc nhân dân.

Về phía chính quyền cách mạng: ta thành lập chính quyền cách mạng với ranh giới hành chính mới, khác với địch hoàn toàn.

Sau khi ổn định một bước về tình hình mọi mặt, nhằm tôn vinh công lao một người con của xứ Rạng, đó là đồng chí Hồ Quang Cảnh - người đảng viên cộng sản đầu tiên năm 1930, hy sinh năm 1933 ở nhà lao Buôn Mê Thuộc. Để kịp thời giáo dục truyền thống cho nhân dân, khoảng giữa năm 1946, chính quyền cách mạng thành lập xã mới, lấy tên xã Quang Cảnh - bao gồm 2 làng, xã cũ: Thiện Nghiệp và Thiện Khánh.

Đến cuối năm 1950, tỉnh ủy Bình Thuận quyết định thành lập khu căn cứ Lê Hồng Phong, lúc đầu gồm 4 xã: Hồng Sơn, Hồng Trung, Hồng Hải và Hồng Liêm. Trong đó hai xã Hồng Trung và Hồng Hải là từ xã Quang Cảnh tách ra. Ngoài một số xã cắt giao cho căn cứ Lê Hồng Phong, các xã còn lại của huyện Hàm Thuận được sáp nhập lại. Toàn huyện Hàm Thuận còn 8 xã, lấy tên đầu mỗi xã bằng chữ Hàm (Hàm Cẩn, Hàm Kiệm, Hàm Liêm, Hàm Chính, Hàm Nhơn, Hàm Đức, Hàm Trí và Hàm Dũng). Vùng địch tạm chiếm lấy tên xã Hàm Dũng (Mũi Né) thuộc huyện Hàm Thuận quản lý. Vùng giải phóng thuộc Lê Hồng Phong.

Đến tháng 4 năm 1951, tỉnh ủy Bình Thuận quyết định nâng Khu căn cứ lên thành huyện căn cứ Lê Hồng Phong, gồm 11 xã, lấy tên đầu mỗi xã bằng chữ Hồng (Hồng Thái, Hồng Liêm, Hồng Sơn, Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Hải, Hồng Tiến, Hồng Thịnh và Hồng Thắng).

Từ năm 1951 đến năm 1954, xã Hồng Hải được chia nhỏ thành 3 xã căn cứ, cụ thể như sau: Hồng Hải mới gồm: Rạng, Láng Cháy, Xóm Trạm, Bàu Sen; Hồng Thịnh gồm: Giếng Đé, Triền, Bàu Tàng; Hồng Tiến gồm: Bàu Me, Bàu Ghe, Bàu Ron, Bàu Điền, Hòn Một.

Thời kỳ 1954 - 1975.

Về phía chính quyền của địch: Khoảng tháng 7 năm 1955, địch lập Nha hành chính Mũi Né (thuộc quận Hàm Thuận), quản lý mảng nam căn cứ Lê Hồng Phong, trong đó có các xã Thiện Nghiệp, Thiện Khánh... Đến năm 1958, địch lập quận mới lấy tên quận Hải Long, gồm 7 xã: Thạch Long, Khánh Thiện, Thiện Nghiệp, Thiện Khánh, An Hải, Phước Thiện Xuân, Thanh Hải.

Trước năm 1975, xã Thiện Nghiệp từ Bàu Thiêu đến Bàu Me; gồm các ấp: Phú Sơn, Phú Hiệp, Phú Điền, ... xã Thiện Khánh gồm: Bàu Sen, Rạng, Láng Cháy, Mũi Đá Ông Địa... có các ấp: Thiên Hải, Thiện Long, Thiện Hòa, Thiện Phước, Thiện Sơn.

Về phía cách mạng: Từ cuối năm 1954 đến tháng 6 năm 1955, huyện Hàm Thuận được chia thành 6 miền, trong đó miền A gồm các xã nam Lê Hồng Phong trực thuộc huyện ủy Hàm Thuận. Tháng 7 năm 1955, tỉnh ủy Bình Thuận thành lập Ban cán sự Miền A trực thuộc tỉnh ủy, đến năm 1962, đổi Miền A thành Đông Hải, đến năm 1966 lập huyện Thuận Phong. Các xã cũ của Miền A, Đông Hải như: Hồng Hải, Hồng Thịnh, Hồng Tiến thuộc huyện Thuận Phong.

Đến năm 1962, ta tái lập lại xã căn cứ Hồng Thịnh, thuộc Huyện căn cứ Lê Hồng Phong. Đến năm 1966, giải thể huyện Lê Hồng Phong, lập thành hai huyện căn cứ Hòa Đa và Thuận Phong, lúc này các xã Hồng Thịnh, Hồng Tiến, Hồng Hải thuộc huyện Thuận Phong.

Đầu năm 1974, tỉnh ủy Bình Thuận quyết định tái lập lại Huyện căn cứ Lê Hồng Phong, gồm 8 xã trong đó có xã Hồng Thịnh.

Thời kỳ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 cho đến nay: Tháng 4 năm 1975, xã Thiện Nghiệp lấy tên mnh thời kháng chiến là xã Hồng Tiến, xã Thiện Khánh đặt tên xã Hồng Hải thuộc huyện Thuận Phong. Đến cuối năm 1975, ta sáp nhập 2 xã Hồng Tiến và Hồng Hải lấy tên mới là xã Hàm Tiến thuộc huyện Hàm Thuận.

Năm 1983 tách xã Hàm Tiến khỏi huyện Hàm Thuận và nhập vào thị xã Phan Thiết; Từ năm 2000 cho đến nay: Tách xã Hàm Tiến thành 2 đơn vị hành chính là phường Hàm Tiến và xã Thiện Nghiệp thuộc thành phố Phan Thiết.

Tài nguyên thiên nhiên và cảnh quan môi trường ngày xưa. Nơi đây có nguồn nước nhĩ quanh năm từ trong rừng chảy ra bờ biển. Cài xen trong rừng có hơn chục bàu nước ngọt quanh năm. Riêng Thiện Nghiệp đã có trên mười bàu, cung cấp nước sinh hoạt, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt là giếng Triền đã trở thành địa danh nổi tiếng của tỉnh Bình Thuận trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Tuy ở sát biển, nhưng ngày xưa Thiện Nghiệp có núi, có rừng...; trong rừng có nhiều loại cây quý, cả dược liệu; địa thế của rừng, đồi cát, núi, bàu... tạo thế thuận lợi

cho việc phát triển thể trận nhân dân du kích chiến tranh. Các loại cây lấy gỗ như: Gõ đỏ, Giáng hương, Sò đo, Găng, Gủ, Thắc rần, Quành quành... Về cây dược liệu có các loại như: Tu hú, Giang, Trắc tiên, Sáo vòng... Hai loài hoa Tâm lang và Sài hồ cung cấp nhụy cho ong ruồi làm mật. Đây là loại mật thơm ngon, có giá trị dược liệu cao. Khu rừng đã trở thành địa danh nổi tiếng, là nơi trú ẩn, đóng quân của lực lượng kháng chiến - đó là Rừng Rít; rừng có nhiều loại cây, dây, gai chen chúc, chằng chịt nhau như: Cút cu, Trắc, Mấu, Tâm lang, Ô rô, Tre...

Thật đáng tự hào về một vùng quê vừa đẹp, giàu, lại vừa thơ mộng - Thiện Nghiệp, Thiện Khánh ngày xưa với nhiều loại cây rừng ăn quả như: nhãn, cam đường, vú bò, trám, cò ke, xây, guì, cám, găng, gủ, sáo vòng... Trong hàng chục loại trái, củ rừng, có một số là nguồn lương thực quan trọng của dân làng như: nần, gủ, khoai từ rừng... Củ com can ăn thay nước uống. Trái mồng chuồng ngọt lịm thơm ngon... Núi rừng, bầu nước đa dạng đã trở thành quê hương của nhiều loài thú sinh sống: heo, thỏ, đò, cọp, nai, các loài chim (cu, cút, đa đa, te te, le le, gà, công, két, nhông, quạ, kên kên)... Nhiều loài động vật rất phong phú như cá đồng, lươn, ếch, rắn, kỳ đà... Đáng tự hào nhất là con đồng với nhiều món đặc sản thơm ngon như đồng nướng, đồng xào lăn, đồng nấu canh dưa hồng, nấu chua lá xây... con đồng luôn gắn bó với những người kháng chiến. Những loại trái, củ, lá và thú rừng là nguồn thức ăn phong phú, đa dạng của dân làng cũng như lực lượng kháng chiến. Đúng là “rừng nuôi bộ đội, rừng vây quân thù”.

Thiện Nghiệp là quê hương, vùng đất có nhiều bầu nước. Có một số bầu đã có tên được ghi vào lịch sử: Bầu Tàng, Bầu Chát, Bầu Nôi, Bầu Sen, Bầu Ron, Bầu Me... Thiện Khánh lại có thể mạnh về bãi ngang, rạn đá. Nếu Thiện Nghiệp, núi rừng trùng điệp, động thực vật phong phú thì Thiện Khánh càng giàu đẹp, mộng mơ với biển xanh, cát trắng, nắng vàng... Với chiều dài bờ biển khoảng 8 cây số, tính từ đá ông Địa đến động Bà Lụa. Bờ biển lại có dáng hình thon thả của người con gái đang phơi mình như nắng, cạnh bên sóng vỗ rì rào... càng tôn thêm vẻ đẹp nên thơ của một vùng quê rừng - biển. Đây là một trong những thắng cảnh, bãi tắm quyến rũ, vừa là ngư trường nổi tiếng của phủ Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận. Vùng biển, hải phận, ngư trường đánh bắt của dân Thiện Khánh rất giàu tôm cá, ốc hương, cá nục, cá mò, cá thu, cá đò dạ, cá mai, cá suốt ...

Cảnh quan môi trường trong lành sạch đẹp. Từ thuở ban sơ, thiên nhiên không chỉ ban tặng cho vùng quê Thiện Nghiệp - Thiện Khánh biển, rừng, tài nguyên phong phú mà còn tạo cho nơi đây cảnh quan độc đáo - rừng, biển, bãi đá, động cát hòa quyện vào nhau thấm thiết. Những động cát, rừng cát doi ra sát bờ biển, tạo nên cảnh sơn, thủy hữu tình. Có dòng nước ngọt chảy dài từ rừng ra biển, sau này dân làng gọi là “Suối Tiên” - cát mịn, trong lành, mát lịm quanh năm.

Những bãi tắm gần với vườn dừa, trong lành, sạch đẹp. Nhờ sóng biển bào mòn, một tảng đá tự nhiên tạc nên hình Ông Địa - từ đó, nơi đây từ xa xưa đã trở thành địa danh nổi tiếng, độc đáo đó là: Bãi “Đá Ông Địa”, luôn hấp dẫn du khách gần xa từ mọi miền đất nước.

Nguồn gốc dân cư, dân số trước năm 1945. Xuôi dòng lịch sử, trên con đường khẩn hoang mở đất về phương nam, theo lời kêu gọi của nhà Nguyễn, những dân cư ven biển miền trung (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên) đã

lần lượt tìm đến rồi dừng chân ở vùng đất xinh đẹp, giàu tiềm năng - dưới biển trên rừng, tôm cá dồi dào, thú rừng phong phú. Vùng đất hấp dẫn này đã giữ chân một số nông, ngư dân – thế là một làng mới bắt đầu được hình thành.

Với mơ ước có được cuộc sống no đầy, vui đủ, bình yên nên họ đặt tên cho làng là Lạc Sơn và gọi ngọn núi cao nhất trong dãy núi là núi Ông Trang – tên người đầu tiên có công tìm ra vùng đất mới. Ngày xưa, khu rừng ở đây nhiều cây me cổ thụ, thân to đến hai ba người ôm không xuể nên dân làng đặt tên cho vùng đất này là Bàu Me. Khi ổn định nơi ăn, chốn ở, dân làng thấy nơi đây hiền hòa, sung túc, có thể tạo dựng cơ nghiệp lâu dài nên làm đơn xin quan trên lập làng và lấy tên Thiện Nghiệp. Tên làng Thiện Nghiệp đầu tiên được ghi trong đạo sắc phong của vua Tự Đức (năm Nhâm Tý - 1852). Lúc đó Thiện Nghiệp là một thôn thuộc phủ Hòa Đa.

Như vậy là nhờ chính sách khẩn hoang của nhà Nguyễn, từ đầu thế kỷ thứ XVIII, đồng bào ở các tỉnh từ Quảng Bình, Nghệ An đến Phú Yên; chủ yếu là Nam, Ngãi, Bình, Phú lần lượt vào tụ cư, khai hoang lập nghiệp tạo dựng nên các làng Thiện Nghiệp và Thiện Khánh.

Dân các tỉnh miền trung vào đây bằng hai con đường. Số đi đường biển vào sống ở ven biển, bắt đầu làm nghề biển. Số bà con đi đường bộ vào sống ở ven rừng khẩn hoang lập xóm ấp ở Thiện Nghiệp và làm nghề nông, lâm, hải sản. Nơi tụ cư đầu tiên là ở núi Ông Trang được gọi là xóm Mới - tên chính thức là làng Lạc Sơn, có nghĩa là xóm làng yên vui bên chân núi. Thời mới lập làng dân cư sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt, chăn nuôi, săn bắt và đánh bắt cá biển.

Nhờ điều kiện đất đai rộng, giàu tài nguyên rừng, biển, lúc đầu những người lao động chính trong gia đình từ miền trung vào vùng đất này khai khẩn, làm ăn thấy dễ dàng thuận lợi. Sau đó họ đã về quê đưa vợ, con, rủ bạn bè ... vào đây lập nghiệp ngày càng đông.

Theo tài liệu còn lưu trữ, những người có công lập làng đầu tiên ở đây có hai Ông: Đặng Văn Kiên và Nguyễn Văn Thành (Tiên sư - Tiên hiền). Người phát động nhân dân quyên góp công sức xây cất đình làng gồm các ông: Nguyễn Tài làm trưởng ban, Nguyễn Lý làm hương chủ, Mai Lân làm hương Bái... (Hậu hiền).

Vào đầu thế kỷ XX, có một số người Hoa đã đến nhập cư ở khu vực xóm Rạng, sống chủ yếu bằng nghề buôn bán.

Vốn là dân nghèo khổ, chịu thương, chịu khó... cuộc sống ở miền trung thường bị thiên tai, bão lụt ... vào đây gặp môi trường thuận lợi, đồng bào đã tận tảo, chắc chắn gây dựng cơ nghiệp, nâng cao đời sống, một số gia đình đã có dư.

Kinh tế ngày xưa: Từ thế mạnh tự nhiên sẵn có của mình vừa được thiên nhiên ưu đãi, đồng bào Thiện Nghiệp và Thiện Khánh sớm phát triển các nghề phù hợp để khai thác các nguồn tài nguyên phong phú.

Thiện Nghiệp với hai nghề chính là nông nghiệp và lâm nghiệp. Người dân ở đây cần mẫn, siêng năng, lập vườn, rẫy, trồng dừa, mangle, mít..Vật nuôi gắn bó thiết thân với người dân ở vùng này là con trâu - kéo cày, kéo xe và sinh sản.

Dừa là cây chiến lược có giá trị kinh tế cao của Thiện Nghiệp ngày xưa. Những lúc nông nhàn, đồng bào đã vào rừng lấy gỗ, chủ yếu là bán cho các xưởng đóng tàu, thuyền và gỗ gia dụng như, khai thác dầu rái... Về nghề rừng và khai thác lâm sản cũng rất đặc trưng vừa đa dạng, phong phú như: bắt ong, bẫy thú, lột dây

mầu, dây cóc, bút dây xanh, đèo đòn gánh, cán cuốc, đào và đánh cạm đông, đuôi thỏ, đuôi cút, rập, lục cu, đa đa, gà rừng...

Cây vườn chủ lực của Thiện Nghiệp, Thiện Khánh ngày xưa là: dừa, mít, mãng cầu ta (na). Về nông sản thu hoạch từ rẫy gồm: hạt dưa, mè, đậu, nhiều loại khoai (lang, mì, nọc, bí, tím, khoai từ...). Nếu Thiện Nghiệp sống nhờ vào nông nghiệp, thì Thiện Khánh sớm giàu lên từ kinh tế biển. Người dân Thiện Khánh phát triển nghề biển, muối mắm, đánh dây neo, buôn bán... Nhờ thế mạnh và sớm biết khai thác biển nên kinh tế Thiện Khánh phát triển nhanh hơn Thiện Nghiệp. Một số nhà lều đã có ghe bầu, chở hàng hóa vào bán ở tận Sài Gòn, Lái Thiêu và tận các tỉnh miền trung. Các chủ ghe bầu bán hàng xong, mua tin - còn gọi là “gỗ tin” từ Lái Thiêu chở về (tin là một cái hủ bằng đất nung, miệng nhỏ dùng để đựng nước mắm, dung tích từ 2 lít đến 3 lít). Đầu thế kỷ thứ XX, một số nhà lều khá, phát triển sớm như: bà Hộ Hai, Ông Hộ Hời, ông Quảng Mốc, ông Lý Trần, ông Hương Thân, ông Hương Hộ Nghĩa... Về thủ công có các nghề: rèn, mộc, may, đan, dệt, đánh dây neo, lò vôi, nấu dầu dừa, bán tàu dừa làm chà cá nục... Dầu dừa là một mặt hàng đặc sản của vùng này. Trước năm 1945, Rạng có hai hãng nước mắm của người Pháp vừa có ghe lưới đánh bắt cá để làm nước mắm.

Chuyên và giỏi về đan lác có các ông: thợ Hai, thợ Ba; thợ đóng thùng lều có Trương Oanh, thợ làm dây neo có Ba Sang, má Lung, dệt có bà thợ Bảy, rèn có hai anh em: Hồ Hữu Khánh, Hồ Hữu Thạnh...

Nhờ nông, lâm, hải sản phong phú nên Thiện Nghiệp cũng sớm phát triển. Chợ Rạng, sát bãi biển cũng được sớm hình thành, nhờ ở vị trí trung tâm các làng lân cận nên dân cư tụ tập, mua bán khá sầm uất. Đồng bào Thiện Nghiệp, Thiện Khánh thường xuyên mua bán, giao thương ở bốn chợ lớn lúc bấy giờ: chợ Dinh, chợ Mũi Né, chợ Rạng, chợ Phú Hải.

Sớm gần gũi, gắn kết với các thương trường nổi tiếng của tỉnh như Mũi Né, chợ Dinh, chợ Rạng, chợ Phú Hải... nên hàng hóa ở Thiện Nghiệp, Thiện Khánh được dễ dàng tiêu thụ, trao đổi. Dân Thiện Nghiệp bán các mặt hàng: gỗ, dầu rái, mặt ong... khoai, đậu, mè, trái cây, hạt dưa, nhiều lâm sản khác... Dân Thiện Khánh nước mắm, dừa trái, dây dừa, tàu dừa, vôi hàn từ vỏ sò... Đến cuối thế kỷ XIX, kinh tế vùng này đã bắt đầu phát triển.

Văn hóa - Xã hội: Do kinh tế sớm phát triển, nhất là kinh tế biển, đến đầu thế kỷ thứ XX, về mặt xã hội cũng bắt đầu phân hóa giàu, nghèo... Một số hộ có điều kiện giàu lên nhanh chóng, vừa là chủ nhà lều, chủ lưới rừng vừa là chủ vườn dừa, trong nhà có nhiều trai, bạn; vừa trực tiếp đánh bắt, sản xuất, vừa chế biến sản phẩm, buôn bán hải sản... Phần đông nông, ngư dân còn lại làm thuê, gánh mướn, thu nhập thấp, đời sống chật vật, thiếu thốn, vay mượn - ăn trước trả sau, thiếu hụt quanh năm. Nhọc nhằn, vất vả, đáng thương, nhất vẫn là số kiếp ngư dân nghèo, quanh năm lặn hụp, bồng bênh giữa biển khơi, mong manh như bọt nước.

Một số ít người giàu cầu kết với hương lý, cường hào gắn với thực dân Pháp, sau năm 1940, ngã theo Nhật, hiếp đáp dân nghèo. Những người gặp họa nạn, túng thiếu đi vay, phần lớn đều là con nợ của bà Lục Thị Đậu một địa chủ nhiều ruộng nhất tỉnh quê ở Mũi Né. Đến hạn, nếu ai không trả hết nợ sẽ bị xiết tài sản, đất đai... để trừ nợ. Bà Đậu ngày càng giàu nhanh nhờ hình thức cho vay nặng lãi và thu lúa tô.

Khi kinh tế phát triển, nhất là vào đầu thế kỷ thứ XX, thực dân Pháp chính trang tinh lý Phan Thiết, chiếm độc quyền các mặt hàng, khuyến khích ăn chơi sa đọa. Nạn cờ bạc, trộm cướp ở đây cũng phát triển. Cùng với sự quản lý của tổng đoàn, hương lý, số thanh niên đã xung phong vào lực lượng tráng đinh, tuần tra, canh gác, bảo vệ an ninh trật tự. Ở Thiện Nghiệp có các ông: Võ Ty, Võ Đức Lý... Ở Thiện Khánh có các ông: Thủ Lộ Minh..... Đây là những tráng đinh có sức khỏe và giỏi về võ thuật, giúp dân làng có cuộc sống bình yên...

Giao thông, phương tiện chuyên chở: Trong thời kỳ phong kiến, theo bút tích của cụ Nguyễn Thông viết về Hồ Trắng (tức Bàu Trắng) năm Quý Tuất (năm 1876) thì trước đó ven bờ biển của phủ Hàm Thuận đã có đường “cái quan” (đường cho quan và những người chạy Trạm đi) từ các tỉnh nam bộ ra triều đình Huế. Riêng chặng đường cái quan thuộc tỉnh Bình Thuận đi dọc ven bờ biển gồm có 16 trạm dừng chân. (Có tư liệu Bình Thuận chỉ có 9 trạm). Rạng là điểm nghỉ ngơi vừa cũng là điểm chuyển giao, nhận trách, công văn giữa những người chạy trạm (như nhân viên bưu điện ngày nay). Tính từ nam ra bắc, trạm thứ 7 nằm trên địa giới của thôn (xã) Thiện Nghiệp, gần xóm Rạng, được mang tên “ trạm Thuận Tĩnh”. Đây là một trong những trạm quan trọng, hấp dẫn, là trung tâm của các thương trường, cửa biển lớn như: Mũi Né, Phan Thiết, Phú Hải, chợ Dinh. Nhiều hàng hóa, hải đặc sản đa dạng, phong cảnh hữu tình. Người chạy trạm, các quan, du khách đều muốn dừng chân ở trạm Thuận Tĩnh để thưởng thức cảnh vật... Mãi đến ngày nay vẫn còn in dấu ấn địa danh “ Xóm Trạm” nổi tiếng, vang bóng từ thuở xa xưa...

“ Quê hương tôi có triều dương xanh ngắt,
Cảnh cát, đồi ôm áp những vằn thơ...”

Ngoài đường cái quan, trước năm 1940, cả vùng này chỉ có một con đường cát dài duy nhất từ Mũi Né vào Phan Thiết và một số con đường nhánh trong rừng cát từ Rạng vào Bàu Me, Bàu Tàng.

Ngày xưa, dân đưa hàng hóa, trao đổi, đi lại giữa các vùng chủ yếu là gánh, đi bộ trên cát, băng rừng, hoặc đi dọc theo bờ biển. Về sau, một số ít hộ đã có xe trâu để vận chuyển lâm sản, nông sản, hàng hóa... Riêng ở Rạng thì ngoài đường bộ còn có đường thủy vào Phú Hải, Phan Thiết.

Thời kỳ trước năm 1945 phải kể đến một con đường rừng huyết mạch của nhân dân lúc bấy giờ nối liền Phú Long- Phú Hải- Xóm Trạm- Rạng - Bàu Sen- Mũi Né, nhân dân gọi là “ Đường Trông” hay “ Đường Gạo”, nhân dân buôn bán vận chuyển nông lâm hải sản đều nhờ con đường này.

Số gia đình khá giả, khi cần vào Phan Thiết thì đi ngựa hoặc đi cáng (cáng như chiếc võng, có mái che, hai người khiêng, khi mệt chống gác cáng trên 2 cây nạn để nghỉ. Đây là một loại dịch vụ lúc bấy giờ). Vào khoảng năm 1939, bà Lục Thị Đậu ủng hộ tiền cho chính quyền làm con đường đá, rải sỏi từ Mũi Né vào Đá Ông Địa, nhưng thường bị gió, cát vùi lấp nên việc đi lại cũng còn khó khăn.

Đến năm 1940, Mũi Né có 03 hộ sắm xe đò chở khách, nhưng đường cát, đá lởm chởm, hoạt động kinh doanh không hiệu quả nên các chủ xe đã lần lượt bán xe. Đa số dân nghèo đi bộ đến Phú Hải, rồi tiếp tục đi xe ngựa vào Phan Thiết, vận chuyển chính vẫn là xe trâu và ghe, thuyền. Đó là phương tiện chủ lực của giao thông thời ấy.

Trước năm 1940, Thiện Nghiệp, Thiện Khánh mỗi làng đều có một trường sơ học, gồm 3 lớp: đồng ấu (lớp năm - là lớp một ngày nay), dự bị (lớp tư) và sơ đẳng (lớp ba). Học sinh học xong lớp ba thì thi sơ học yếu lược. Ai muốn học cao hơn phải vào trường Pháp - Việt Phan Thiết. Số ít thanh niên học giỏi, tốt nghiệp tiểu học thời bấy giờ như các ông Hồ Quang Cảnh, Lê Khoa (Ông Cảnh đậu Primire trước năm 1930, ông giáo Khoa thi đỗ vào năm 1933). Đến năm 1939, do nhu cầu giáo dục của con em ở làng Thiện Khánh cũng như cả tổng Thắng An, các nhà hảo tâm vận động nhau xây dựng trường tiểu học, đóng góp lớn nhất là bà Lục Thị Đậu. Nhờ đó, từ năm 1940 trở đi, ở Mũi Né có trường tiểu học mang tên trường “ Khánh Thiện”. Trường đặt sau đình làng và tồn tại cho mãi đến ngày nay.

Kể từ đó, con em các làng Thiện Nghiệp, Thiện Khánh, Khánh Thiện, Thạch Long... đều học ở trường này và vào Phan Thiết thi tốt nghiệp tiểu học. Nhờ đó, trong vùng có nhiều con em tốt nghiệp tiểu học; thay vì trước đây chỉ có những nhà khá giả, có điều kiện mới cho con em vào Phan Thiết học trường Nam và trường Nữ. Dân nghèo cố gắng lắm cũng chỉ cho con học hết lớp ba. Điều đáng tự hào là các thầy, cô dạy ở trường tiểu học Mũi Né - Hiệu trưởng Nguyễn Đình Huệ và nhiều giáo viên khác đều giác ngộ cách mạng, hoặc có tinh thần yêu nước, dạy cho học sinh tinh thần ái quốc, thương dân. Sau Cách mạng tháng Tám, đa số thầy, cô ở đây đều tham gia kháng chiến. Thầy Nguyễn Liêm dạy lịch sử Việt Nam giáo dục lòng yêu nước cho học sinh.

Ngoài hệ thống trường công, trường tư thực, nhân dân còn rước thầy về nhà dạy chữ Nho, chữ Pháp và chữ Quốc ngữ cho con em của mình. Một số con em không có điều kiện đến trường công thì học tư ở các lớp do dân làng tổ chức.

Dân làng ở đây, ngày xưa khi đau bệnh chủ yếu là dùng thuốc nam, mụ vườn dờ dề... ai khá giả thì uống thuốc bắc. Khoảng năm 1940, chính quyền phong kiến xây dựng ở Mũi Né một khu khám bệnh tây y - được gọi là nhà thương Mũi Né. Ở đây có y tá trưởng (y sĩ), có y tá và nữ hộ sinh. Nhờ đó dân các làng lân cận mới được trị bệnh bằng tây y, cứu được người bệnh nặng hoặc nhiều ca sinh khó, thay vì trước đây phải chết cả mẹ lẫn con vì quá khả năng của các bà mụ vườn.

Khánh Thiện - Mũi Né trước năm 1945 giữ vai trò trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tổng Thắng An nói chung, của các làng lân cận nói riêng. Chính Mũi Né đã tạo điều kiện cho Thiện Nghiệp, Thiện Khánh phát triển toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội...

Văn hóa, văn nghệ, thể thao: Những năm 1930, dòng văn học lãng mạn du nhập, ảnh hưởng vào lớp thanh niên Thiện Khánh khá mạnh. Một số tác phẩm, tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng, Khái Hưng, Lê Văn Trương ... đã trở thành sách gối đầu giường của nhiều thanh niên học sinh trong làng.

Từ năm 1936, phong trào bóng đá ở Thiện Nghiệp, Thiện Khánh, Khánh Thiện bắt đầu phát triển. Mỗi làng có sân bóng đá trên đất cát. Các làng thường tổ chức giao lưu đá bóng với nhau. Chính điều kiện chạy trên sân cát, càng rèn luyện đôi chân dẻo dai, bền bỉ. Đội bóng Rạng (Thiện Khánh) nổi tiếng trong vùng, đã từng tổ chức đá giao hữu với các làng trong tổng Lại An như Dân Thạnh, Kim Ngọc, Phú Long... Một số cầu thủ xuất sắc như các anh: Bồn La, ... Nhờ thông qua phong trào bóng đá,

các cơ sở cách mạng đã tập hợp, giáo dục lòng yêu nước, ý thức chống giặc Pháp cho thanh niên lúc bấy giờ.

Gắn với truyền thống cúng đình làng, lăng, vạ... vào những dịp xuân, thu, nhị kỳ; phong trào văn nghệ ở đây sớm phát triển. Đến đầu thế kỷ thứ XX, ngoài các làng điệu dân ca như hát đối, hát ru, hò bả trạo, còn phát triển các thể loại hát bội, cải lương, tân nhạc... Ở Rạng sớm hình thành đoàn hò bả trạo nổi tiếng trong vùng. Mỗi dịp xuân, thu nhị lệ, cúng đình, làng. Ông Mười Lý đàn lễ nhạc, ông Huỳnh Trúc cầm lái chèo dẫn đầu dàn nghệ nhân hò bả trạo.

Trước năm 1930, đình làng thường mời các gánh hát bội ở miền trung. Sau năm 1930 ở Phan Thiết, Phú Long có lập đoàn múa bóng nổi tiếng: Bóng Tuất, Bóng Kiệm...; đoàn hát bội do các ông Kiểm Xưa, Hào Nhâm ... làm bầu gánh đã thường xuyên lưu diễn ở Thiện Nghiệp, Thiện Khánh. Mỗi dịp xuân, thu nhị lệ, cúng đình, lăng, vạ... nhân dân trong vùng được thưởng thức các thể loại văn nghệ nói trên.

Trung tâm văn hóa, văn nghệ của Thiện Nghiệp, Thiện Khánh là khu chợ Rạng. Nổi bật nhất là từ những năm 1930, một người Hoa, tên là ông Hai Xèo đã xây một rạp hát, tường gạch, mái lợp ngói âm dương, khoảng 50 chỗ ngồi. Đây là rạp hát dùng để cho thuê. Nhờ đó, các đoàn hát bội, cải lương ở miền trung, Sài Gòn thường đến đây biểu diễn. Đời sống vật chất phát triển, đời sống tinh thần của nhân dân cũng tươi vui, khởi sắc.

Ngoài thưởng thức các hình thức thể thao, văn nghệ truyền thống kể trên, nhân dân ở đây còn tham gia sôi nổi phong trào đua ghe, lắc thúng... Các làng chài ven biển thuộc tổng Thắng An thường tổ chức loại hình này vào dịp lễ, tết với tinh thần giao lưu, thượng võ, thi đua, trao đổi, học tập lẫn nhau. Chính tinh thần thi đua, danh dự của làng, các trai tráng đã hăng hái đoàn kết luyện tập để đội thuyền, thúng... của đơn vị mình được xếp hạng cao. Ông Lê Mai ở Mũi Né lái thuyền đua rất giỏi. Các lần tổ chức hội thi bóng đá, thường có mặt các đội Thiện Nghiệp, Thiện Khánh, Khánh Thiện, Thạch Long. Trong đó đội bóng Thiện Khánh thường đạt giải cao.

Tôn giáo, tín ngưỡng: Vào giữa thế kỷ thứ XIX, gắn liền với tín ngưỡng dân gian, khi đình làng Thiện Nghiệp được hình thành thì nhân dân ở đây cũng đồng thời cất chùa, cất miếu... với truyền thống: “Đất của vua, chùa của làng”.

Chùa Trường Thọ: Được thành lập vào khoảng năm 1850, do dân làng tạo dựng, quản lý và thường xuyên cắt cử người ra trông giữ, nhang khói (gọi là thủ tự). Chùa thờ Phật theo phong tục tập quán địa phương. Do hoàn cảnh chiến tranh loạn lạc nên từ giữa thế kỷ thứ XIX đến nay, Chùa được di chuyển nhiều nơi, dân dời đi đâu thì chùa theo đến đó.

Đầu tiên chùa tạo dựng ở giồng Chùa (nay thuộc thôn Thiện Hòa), năm 1962 về giồng Thầy Ba (nay là thôn Thiện Sơn) sau đó về xóm Bà La (khu phố 4, phường Hàm Tiến). Sau ngày Miền Nam được hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), chùa Trường Thọ được dời về lại nơi xuất phát từ xa xưa thuộc xóm Lò Rèn (thôn Thiện Trung, xã Thiện Nghiệp ngày nay).

Ở xóm Rạng cũng được nhân dân xây cất cơ sở thờ tự. Trước tiên là lăng do nhân dân tạo lập vào năm 1910 để thờ Linh Ông Nam Hải. Đây là một trong những lăng lớn trong vùng.

Lăng vạ Thiện Khánh có hai đạo sắc phong: Đạo sắc phong thứ nhất của vua Duy Tân thuộc Duy Tân ngũ niên, nhuận lục nguyệt, sơ bát nhật (tức ngày mùng 8 tháng 6 nhuận năm 1911; gia tặng cho Quan Khánh Đệ Quân là Dực Bảo Trung Hưng). Đạo sắc phong thứ hai của vua Khải Định, thuộc Khải Định cửu niên, thất nguyệt, nhị thập ngũ nhật (tức ngày 25 tháng 7 năm 1925), gia tặng cho Thủy long tôn thân là Ưông Nhuận Dực Bảo Trung Hưng Trung Đẳng Thần.

Vào khoảng năm 1893, làng Thiện Khánh chính thức được thành lập, ban ngũ hương và những cụ có uy tín đã vận động nhân dân tiến hành xây cất đình làng riêng ở Rạng, tách khỏi Thiện Nghiệp. Hai đình làng Thiện Nghiệp và Thiện Khánh là trung tâm chính trị, văn hóa của nhân dân hai làng. Hằng năm, đến kỳ xuân, thu, nhị lễ “nhà Làng” đều tổ chức cúng tế, rước đoàn hát bội ca hát linh đình. Đây vừa là nơi sinh hoạt tín ngưỡng vừa là đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

Năm 1920 nhà thờ Rạng mới được hình thành do linh mục PhiLip người Pháp xây dựng, quản lý, lo việc tín ngưỡng cho bà con theo đạo Thiên chúa giáo. Số giáo dân đầu tiên khoảng 30 hộ, gọi là giáo họ Rạng. Đến năm 1955, dịch đưa một số đồng bào Thiên chúa giáo di cư từ miền bắc vào Rạng, lập ở Láng Cháy một xóm đạo mới gọi là xóm Sao Biển (thuộc ấp Thiện Long). Số giáo dân ở đây đi xem lễ ở nhà thờ Rạng. Đến năm 2005 giáo họ này được nâng lên thành giáo xứ Rạng.

Ở Thiện Khánh, nhân dân xây cất được hai ngôi chùa. Chùa Hải Tịnh hình thành vào năm Đinh Dậu (năm 1957), lúc đầu chỉ là khuôn hội Thiện Khánh, sau đó được nâng lên thành chùa. Các cụ tham gia sáng lập chùa Hải Tịnh gồm: Đỗ Thể, Trần Gia Lợi, Mai Văn Phong, Huỳnh Thái, Võ Ban, Phan Ất, Giáo Bút... Khi chùa mới hình thành có khoảng 20 tín đồ, do Hòa thượng Thích Diệu Thọ trụ trì. Chính vị hòa thượng này là người có công tạo dựng và đặt tên cho chùa là Hải Tịnh.

Khoảng năm 1960, ở Thiện Khánh hình thành tiếp ngôi chùa thứ hai; do các ông sáng lập là Trần Lê, Trần Đánh, Nguyễn Đài và đặt tên chùa là Phước Thiện. Lúc mới ra đời chùa Phước Thiện có khoảng 50 tín đồ do Hòa thượng Thích Thuyết Quang trụ trì.

CHƯƠNG II PHONG TRÀO YÊU NƯỚC TRƯỚC NĂM 1945

Phong trào ủng hộ nghĩa quân Tây Sơn (1771 - 1801). Do vị thế chiến lược rất quan trọng, nên phủ Hàm Thuận đã trở thành kho nhân, tài, vật, lực và khu căn cứ tự nhiên nên cả hai lực lượng Nguyễn Huệ và Nguyễn Ánh đều muốn chiếm giữ.

Trải qua 30 năm, từ năm 1771 đến năm 1801, đặc biệt là 8 năm liền (1781 - 1789), Hàm Thuận đã trở thành nơi tử chiến, hai bên đánh nhau quyết liệt. Nhân dân phủ Hàm Thuận nói chung, Thiện Nghiệp nói riêng đã hết lòng ủng hộ, cung cấp cho nghĩa quân Tây Sơn nhiều thứ quan trọng, thiết yếu như: nhân lực, lương thực, thực phẩm (mắm, muối, cá khô...) và các nhu yếu phẩm như đệm buồn, vải, dây neo, ghe thuyền... Bên cạnh đó, đồng bào ở đây còn bị quân Nguyễn Ánh cướp bóc, bắt giao nộp những thứ kể trên. Nhiều trai tráng là con em của đồng bào Thiện Nghiệp đã tự

nguyện hoặc phải gia nhập vào đội quân của đôi bên, thương vong, chết chóc là điều không thể tránh khỏi.

Nhân dân Thiện Nghiệp với các phong trào sĩ phu yêu nước (1861 - 1888). Tham gia ủng hộ nghĩa binh Phan Trung (1861 - 1866). Ông Phan Trung, người quê Phan Thiết, có tư chất thông minh, học giỏi, đậu cử nhân năm 1841 và làm quan tri huyện ở tỉnh Gia Định.

Khi quân Pháp đánh chiếm Gia Định; năm 1861 ông Phan Trung chiêu mộ được gần 2.000 quân (trong đó có khoảng 500 thanh niên của Bình Thuận). Ông thành lập 2 cơ, phối hợp với nghĩa quân Trương Định, đánh nhau với quân Pháp nhiều trận, giao tranh ác liệt ở tuyến lửa Biên Hòa.

Sau khi triều đình Huế nhượng 3 tỉnh miền đông cho Pháp, mặc cho triều đình cấm đoán, nghĩa quân ông Phan Trung vẫn lãnh đạo lực lượng bám trụ ở rừng miền đông quấy rối, chống Pháp suốt 6 năm liền (1861 - 1866).

Ông đã lấy Phan Thiết làm bàn đạp, mua vũ khí từ Tân Gia Ba (Xinh- Ga - Po) chở về Phan Thiết rồi chuyển vào nam bằng đường biển để giúp nghĩa quân Trương Định. Trong 500 thanh niên tham gia nghĩa quân là người Bình Thuận, có con em của Thiện Nghiệp, nhất là những thủy thủ gan dạ, vững tay chèo. Nhân dân ở đây còn ủng hộ lương thực, thực phẩm, tiền, hàng cho nghĩa quân trong những năm khói lửa, ác liệt.

Ủng hộ phong trào Ty địa - Đồng Châu xã (1862 - 1884). Khi lục tỉnh Nam kỳ rơi vào tay thực dân Pháp, từ năm 1862 trở đi, có 111 sĩ phu yêu nước ở nam bộ, miền trung đến Bình Thuận, riêng phủ Hàm Thuận đã giữ chân 57 nhà yêu nước hoạt động. Trong số đó có những sĩ phu tiêu biểu như: Trương Gia Hội, Trần Thiện Khánh, Trà Quý Bình, Nguyễn Thông v.v... Các cụ đã từng bước lập nên các tổ chức “Đồng Châu xã”, “Hội Bình Thơ” ... nhằm tập hợp, giáo dục lòng yêu nước cho dân.

Gắn bó lâu dài và trực tiếp nhất là cụ Nguyễn Thông, khi cuối đời ông đã lập Trại Núi ở Xa Ra, giáp ranh với Triều - thuộc Thiện Nghiệp. Trong thời gian 4 năm (1880 - 1884), ông đã dùng văn thơ, uy tín, đức độ của mình để giác ngộ nhân dân trong vùng, trong đó có đồng bào tổng Thắng An nói chung, làng Thiện Nghiệp nói riêng.

Tham gia nghĩa quân Ung Chiêm (1885 - 1888). Hưởng ứng Chiêu Cần vương của vua Hàm Nghi, năm 1885 ông Ung Chiêm là chánh tổng Lại An đã khởi xướng phong trào chống Pháp trong toàn phủ Hàm Thuận. Ông tự xưng là Chánh Sơn phòng, thành lập bộ chỉ huy gồm các ông Ung Chiêm, Cao Hành, Bùi Đăng, Từ Sĩ Vệ, Võ Cẩn, Huỳnh Hữu Trí, Thầy Tài... phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng nghĩa quân của các tổng Lại An, Thắng An, Đức Thắng... Nghĩa quân làm chủ một vùng rộng lớn, từ Phan Thiết ra Rạng, Mũi Né, Long Sơn, Thiện Nghiệp, Dân Thạnh, Thuận Sen. Nghĩa quân lập căn cứ đóng quân dọc rừng cát từ Phú Hải lên Dân Thạnh; luyện quân ở những nơi kín đáo, hiểm trở như hốc núi Giếng Chanh, Triều, Râm Tre, Dương Xuân, Phước Môn, Xoài Quỳ...

Nhiều lần nghĩa quân mai phục, đánh chiếm phủ lỵ Hàm Thuận. Nhân dân toàn phủ Hàm Thuận, trong đó có đồng bào Thiện Nghiệp đã hết lòng ủng hộ nghĩa quân cả nhân, tài, vật, lực...

Đến tháng 8 năm 1886, bọn tay sai ở phủ Hàm Thuận và tỉnh Bình Thuận phải cầu viện binh của Pháp ở Sài Gòn. Tên thiếu tá Delorme (Đờ-loóc-mơ) và tay sai Trần Bá Lộc đã đưa hai tàu chiến từ Sài Gòn ra đổ bộ ở Phan Thiết, Mũi Né, bao vây hòng tiêu diệt nghĩa quân.

Hai bên đánh nhau quyết liệt, nghĩa quân dàn mặt trận từ Bến Lội ra Rạng lên Triền, núi Tà Dôn. Nghĩa quân chiến đấu quả cảm. Nhưng tương quan lực lượng quá chênh lệch, vũ khí của nghĩa quân quá thô sơ như: cung, ná, dao, mác ... trong khi đó quân Pháp có súng hiện đại. Các lãnh tụ của nghĩa quân lần lượt bị bắt, bị hành quyết. Chúng bêu đầu hai cha con ông Ung Chiếm ở Cây Me chợ Dinh, ông Cao Hành ở cây Duối chợ Đồn, chúng bắn ông Võ Cẩn bên bờ Suối Đá ở làng Dân Thạnh.

Những gia đình tham gia, ủng hộ nghĩa quân bị giặc Pháp truy lùng, tàn sát, tra thù, nghĩa quân lần lượt tan rã. Đến năm 1888, phong trào này bị kết thúc.

Dù nghĩa quân ông Ung Chiếm bị thất bại, nhiều người cống hiến hy sinh cả tài sản, tính mạng, nhưng đây là niềm tự hào của nhân dân Hàm Thuận nói chung, đồng bào Thiện Nghiệp nói riêng. Lãnh tụ, chiến sĩ và đồng bào đã thể hiện ý chí quật cường, sẵn sàng chiến đấu dũng cảm để đánh đổ bọn phong kiến tay sai và quân xâm lược Pháp.

Hưởng ứng phong trào Duy Tân (1905 - 1929). Sang đầu thế kỷ thứ XX, Bình Thuận một lần nữa được nhiều nhà chí sĩ yêu nước dựng chân mưi việc lớn, cùng với những người con hiếu nghĩa của Bình Thuận đẩy lên phong trào Duy Tân rộng mạnh đầy ý nghĩa. Tiêu biểu có các cụ: Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Trương Gia Mô, Hồ Tá Bang, Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh v.v...

Các cụ khởi xướng, tổ chức phong trào Duy Tân với chủ trương: Chấn dân khí, Khai dân trí, Hậu dân sinh nhằm thực hiện giáo dân, tân dân, dưỡng dân. Các cụ đã lập Liên Thành Thương quán, Dục Thanh học hiệu, Hạnh Lan đường. Cụ thể là phát động nhân dân phát triển kinh tế, cạnh tranh với Pháp, học chữ Quốc ngữ, cắt tóc ngắn, đọc sách báo tiến bộ. Ảnh hưởng lớn nhất là hoạt động của Hội Liên Thành, có văn phòng chi nhánh ở Mũi Né. Phong trào Duy Tân lan tỏa khắp nơi trong tỉnh, có cả Thiện Nghiệp, Thiện Khánh. Hội Liên Thành hoạt động công khai là kinh doanh nước mắm nhưng mục đích chính là bí mật giáo dục, bồi dưỡng lòng yêu nước cho thanh niên, mở trường, mở lớp dạy học nâng cao trình độ cho dân. Ông Trần Sớ (Tu Lập) là cơ sở cách mạng nằm trong Hội Liên thành Mũi Né. Ông đã góp phần giác ngộ thanh niên, học sinh của Khánh Thiện, Thiện Khánh, Thiện Nghiệp.

Ở Thiện Nghiệp, Thiện Khánh có 3 nhà nho yêu nước từ miền Trung vào đây lập nghiệp, dạy học, bốc thuốc như: Hồ Sĩ Lâm (Thầy Cò), Hồ Nhật Toại (Tu Toại), Phạm Hữu Học...

Những năm 1905 - 1929, những nhà nho yêu nước ở Thiện Khánh, Thiện Nghiệp đã hưởng ứng mạnh mẽ phong trào Duy Tân. Bằng trí tuệ, uy tín, đạo đức của mình, các cụ đã giáo dục nhân dân ý thức về độc lập dân tộc, lòng căm thù giặc Pháp, nhất là khuyến khích lớp trẻ phải có hoài bão, nuôi dưỡng tinh thần chống thực dân, đế quốc và bọn hương lý cường hào.

Thông qua giáo dục cùng với truyền thống gia đình, hai làng Thiện Khánh, Thiện Nghiệp đã hun đúc, đào tạo được một nhóm thanh niên tiên tiến, giàu lòng yêu

nước, tham gia đọc sách báo tiên bộ, tiếp thu chủ nghĩa Daruyn (Đắc - uyn), chủ nghĩa Mác - Lênin. Một số thanh niên vào học trường Pháp -Việt ở Phan Thiết đã tham gia phong trào bãi khóa đòi ân xá cụ Phan Bội Châu (năm 1925), đòi để tang cụ Phan Chu Trinh (năm 1926).

Nhóm thanh niên tiên tiến ở Thiện Khánh (Rạng) có: Hồ Quang Cảnh, Hồ Duy Khánh, Hồ Nhất Trinh, Lê Khoa...; nhóm thanh niên tiên tiến ở Thiện Nghiệp có Nguyễn Thanh Hoa, Ngô Minh Quang... đã tham gia sôi nổi phong trào đọc sách báo tiên bộ, ủng hộ nạn lụt miền Trung...

CHƯƠNG III

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH DO TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO (1930 -1945)

Phong trào những năm 1930 - 1935. Năm 1930, đồng chí Hồ Quang Cảnh và đồng chí Nghệ (Thầy Nghệ) từ Sài Gòn về Phan Thiết hoạt động, xây dựng cơ sở. Hai đồng chí đã giáo dục, phát triển được 2 nhóm thanh niên yêu nước ở Rạng và Mũi Né, thành phần có cả thầy giáo, thợ may... Nhờ mối thân tình bè bạn, đồng chí Hồ Quang Cảnh đã thành lập ở Rạng một nhóm thanh niên yêu nước gồm 6 người:

Đỗ Thân; Trần Mạnh (Hai Mạnh) - thợ may; Nguyễn Giáo - thợ hớt tóc (người đạo Thiên chúa giáo); Ngô Thân - tiểu thương; Nguyễn Phú (Giáo Phú)- dạy học; ông Chín Dần. Nhóm ở Mũi Né đa số là thầy giáo, gồm: Giáo Vỹ, Giáo Mưu, Giáo Ngạn, ông Ba Tuân, ông Ký Đước... Hai nhóm thanh niên ấy đã liên lạc với các làng khác thuộc các Tổng Lại An, Thắng An để hoạt động.

Nhằm hưởng ứng phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh và kỷ niệm 13 năm ngày Nhân dân thế giới chống chiến tranh đế quốc (ngày 01 tháng 8 năm 1918 - ngày 01 tháng 8 năm 1931), tổ chức cộng sản tỉnh Bình Thuận chủ trương phát động một đợt hoạt động gây tiếng vang lớn trong toàn tỉnh.

Cờ đỏ búa liềm, truyền đơn được in ẩn, chuẩn bị từ làng Tuy Hòa được chuyển đến các nơi trong phủ Hàm Thuận. Các làng Thiện Nghiệp, Thiện Khánh, Khánh Thiện... nhất loạt hành động. Hai nữ cơ sở cách mạng là Nguyễn Thị Ngôn và bà Tư Quán gánh truyền đơn, tài liệu chạy bộ từ Tuy Hòa xuống Rạng.

Vào đêm 14 rạng ngày 15 tháng 8 năm 1931, các đảng viên cộng sản, hội viên nông hội đỏ, cơ sở, quần chúng tốt đã đồng loạt treo cờ, băng rôn, rải truyền đơn khắp nơi trong phủ Hàm Thuận. Ở Thiện Nghiệp và Thiện Khánh, cờ đỏ búa liềm được treo lên ngọn cây me to ở chùa Trường Thọ và nóc nhà làng Thiện Khánh; truyền đơn được rải khắp nơi. Những cốt cán triển khai việc treo cờ và rải truyền đơn có các ông: Giáo Thân, Giáo Phú, Chín Dần, Hai Mạnh...

Khoảng đến nửa đêm hôm đó, nhờ có sự hướng dẫn, chuẩn bị trước của cơ sở, cốt cán; nhằm uy hiếp bọn tay sai nên tiếng mõ, thanh la, trống... tại nhà làng Thiện Khánh, Thiện Nghiệp đồng loạt khua vang. Xa xa, vọng lại tiếng hô to: “Cộng sản về làng ... bắt ... bắt...”... Mọi người, mọi nhà vẫn đóng chặt cửa, bọn hương lý hốt hoảng không dám ra đường. Tờ mờ sáng hôm sau, dân làng thấy truyền đơn, biểu ngữ

khắp nơi, cờ đỏ búa liềm phát phới tung bay trên các ngọn cây cao, nóc nhà trường... Ngay trên nóc tôn gác trước nhà làng Thiện Khánh cũng có cờ đỏ búa liềm. Bọn hương lý hò hét thúc giục tay sai đi thu lượm truyền đơn, biểu ngữ; ngay tại nhà hương lý cũng có truyền đơn cách mạng. Chúng vừa lượm vừa lảm bảm: “Cộng sản có phép tàng hình...”.

Lần đầu tiên người dân Thiện Khánh, Thiện Nghiệp thấy cờ Đảng, nghe hai từ Cộng sản... họ vừa mừng, vừa lo, vừa sợ, vừa hy vọng sẽ có một sự đổi thay mới.

Ngay sau đó, Hồ Đắc Bích chỉ huy lực lượng, lùng bắt một số người có tinh thần yêu nước bị tình nghi là cộng sản hoặc liên can có người thân là cộng sản như Hồ Quang Cảnh, Hồ Sĩ Lâm, Phạm Học (giáo Học)... Riêng đồng chí Hồ Quang Cảnh, chúng tra tấn rất dã man ngay ở xã; ở phủ rồi chuyển về tỉnh. Chúng đánh đập, hành hạ cụ Hồ Sĩ Lâm là thân sinh của đồng chí Hồ Quang Cảnh, nhằm lung lạc tinh thần, nhưng đồng chí Cảnh vẫn bền gan, vững chí không một lời khai báo. Sau đó chúng kết án và đày đồng chí Hồ Quang Cảnh lên nhà lao Buôn Mê Thuộc. Một số người khác chỉ bị án treo vì không đủ tang chứng, cơ sở để buộc tội.

Qua cao trào đấu tranh năm 1931, đồng bào Thiện Nghiệp, Thiện Khánh càng gửi gắm niềm tin, tỏ rõ tình cảm và lòng khâm phục của mình đối với những người cộng sản như Hồ Quang Cảnh, Nguyễn Gia Tú, Nguyễn Tương ...

Những năm 1932 - 1935, phong trào cách mạng trong toàn phủ Hàm Thuận nói chung, Thiện Nghiệp, Thiện Khánh nói riêng đều lắng đọng, khó khăn... vì hầu hết cốt cán bị giam cầm, quản thúc, chỉ diễn ra một số cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ..

Những năm ấy, tình hình đời sống nhân dân càng khó khăn, khốn đốn, bị tác động ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, hàng nông, lâm, hải sản rẻ mạt so với hàng công nghiệp. Bọn thực dân ở phủ Hàm Thuận tăng thuế chợ, thuế đò, thuế xe ngựa, đặt thêm một số thứ thuế mới như: đường, muối, bông, khung dệt... Bọn Tây đoan lùng sục bắt gỗ, rượu, muối... Nạn thất nghiệp, mất mùa diễn ra liên tiếp, đời sống nông dân, ngư dân toàn phủ cũng như Thiện Nghiệp, Thiện Khánh càng thêm cơ cực...

Năm 1934, với sự vận động, giúp đỡ, hướng dẫn của các đồng chí Nguyễn Gia Tú, Trần Hoàn, Phan Lợi...; gia đình của các đồng chí Nguyễn Tương, Nguyễn Thắng, Hồ Quang Cảnh... đã viết kiến nghị đòi địch thả tù chính trị, cải thiện chế độ lao tù, xét lại những vụ án không hợp lý (Riêng đồng chí Hồ Quang Cảnh hy sinh năm 1933, nhưng gia đình và đồng đội ở Hàm Thuận chưa nắm được thông tin).

Đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ (1936 - 1939). Những năm 1936 - 1939, ở Pháp – chính phủ Pháp tiến bộ lên cầm quyền; Mặt trận bình dân Pháp chủ trương nới rộng Quyền dân sinh, dân chủ ở các nước thuộc địa nói chung, Đông Dương nói riêng. Thực dân Pháp ở Bình Thuận, Hàm Thuận vẫn tăng cường bóc lột, nhân dân vô cùng cực khổ; chúng nắm độc quyền các mặt hàng thiết yếu. Bọn tư thương mua muối giá 0,16 đồng/1 hộc, bán lại cho dân giá 2,5 đồng/1 hộc (1 hộc khoảng 100 kg). Mặt khác thực dân Pháp còn tăng thuế chợ, thuế đò, thuế môn bài, hạ lương công chức, thực hiện chính sách ngu dân, giảm trường, giảm lớp...

Vào khoảng tháng 8 năm 1936, sau khi đồng chí Lâm Đình Trúc vào Sài Gòn tìm hiểu nội dung, biện pháp về tổ chức phong trào Đông Dương Đại hội trở về; đồng

chí Nguyễn Gia Tú thành lập Ủy ban vận động Đông Dương Đại hội ở Phan Thiết gồm các đồng chí: Nguyễn Gia Tú; Lâm Đình Trúc; Tống Ngọc Cang;

Ở phủ Hàm Thuận, đồng chí Nguyễn Gia Tú tổ chức được nhiều ban hành động ở các làng. Ở những nơi ít thực lực, cốt cán thì hai, ba làng liên kết lại cử một ban hành động. Như Khánh Thiện, Thiện Nghiệp và Thiện Khánh đã cử một ban hành động ghép để điều hành, vận động, hướng dẫn quần chúng.

Ban này tập hợp giáo dục nông dân, ngư dân, trí thức, thợ thuyền, nghề nghiệp, tiểu thương... thành các nhóm theo giới tính, ngành nghề, lứa tuổi... Đây là các nhóm được tổ chức, hoạt động công khai, hợp pháp; nhóm thảo luận các quyền tự do, dân chủ như: tự do hội họp, ngôn luận, tổ chức đi lại làm ăn. Truyền đơn, báo chí tuyên truyền về các nội dung: bản hiệu triệu, chương trình hành động về Đông dương đại hội đều được cốt cán và các ban hành động phân phát rộng rãi đến nhân dân.

Đến tháng 9 năm 1936, địch ngăn cấm các cuộc vận động, bắt bớ các nghiệp đoàn, hiệp hội như nghiệp đoàn đánh cá, buôn bán nước mắm, thợ may, cắt tóc, hội bóng đá v.v... Với sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Gia Tú, các nghiệp đoàn, hiệp hội, nhất là nông, ngư dân trong phủ nói chung, các làng Thiện Nghiệp, Thiện Khánh nói riêng nhanh chóng chuyển vào hoạt động bí mật, đồng thời hướng dẫn mọi tầng lớp mà chủ lực là thanh niên chuyển sang các hoạt động công khai, thu hút đông đảo quần chúng như: tiếp tục dạy và học chữ quốc ngữ, mua báo, đọc báo, viết báo, bình luận sách báo tiến bộ; giáo dục hội viên, quần chúng đoàn kết, đùm bọc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và đấu tranh. Ở Thiện Khánh, Thiện Nghiệp, Khánh Thiện các phong trào bóng đá, đua thuyền vẫn tiếp tục phát triển công khai, hợp pháp.

Cốt cán lãnh đạo trực tiếp phong trào ở đây có các ông: Lê Khoa, Nguyễn Phú, Nguyễn Chí Diễm, Hồ Nhất Trinh, Dương Hữu Nam, ở Thiện Khánh lập được Hội truyền bá chữ Quốc ngữ, tập hợp được một số hội viên như Lê Khoa, Mai Văn, Nguyễn Chí Diễm, Dương Hữu Lễ, Tám Lệ... Hai người có công gây dựng phong trào bóng đá, tập hợp thanh niên ở Thiện Khánh, Thiện Nghiệp là Dương Hữu Lễ và Nguyễn Chí Diễm (Những năm 1954-1960, Nguyễn Chí Diễm cộng tác với giặc)

Qua hưởng ứng phong trào Đông Dương Đại hội ở Hàm Thuận nói chung, Thiện Nghiệp, Thiện Khánh nói riêng đã thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân, tập dượt cho quần chúng biết và dám đấu tranh công khai, hợp pháp; nâng cao giác ngộ chính trị cho đông đảo nhân dân. Trong phong trào Đông Dương Đại hội, ở phủ Hàm Thuận, đồng chí Nguyễn Gia Tú tổ chức được nhiều ban hành động.

Từ nhóm thanh niên yêu nước, tổ nông hội cũ còn lại sau những năm 1931 - 1932, sang năm 1936 - 1939, các hội: nông dân, bóng đá, ái hữu, nghề nghiệp phát triển rộng hơn, đông đảo hội viên hơn, có nhóm tập hợp trên 10 hội viên, phối hợp tham gia các cuộc đấu tranh chung.

Vào dịp tết Đinh Sửu (1937), tên chủ thầu chợ Phan Thiết tăng tiền chỗ lên gấp đôi, bà con tiểu thương, nông dân, ngư dân mua bán ở đây đều uất ức, bất bình.

Trước tình hình đó đồng chí Nguyễn Gia Tú lãnh đạo thành lập Ban vận động bãi thị gồm các ông: Phan Lợi, Lâm Đình Trúc, Tống Ngọc Cang. Sau khi vận động được đông đảo Phan Thiết và Hàm Thuận, chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, tinh thần. Vào phiên chợ Thanh Minh (tháng 4 năm 1937), toàn dân phối hợp ngừng mua bán 3 ngày liền. Tên thầu chợ và bọn thu tiền chỗ thất thu, các sinh hoạt hàng ngày của bọn

thực dân, phong kiến bị khó khăn, cùng với áp lực của quần chúng, buộc địch phải giải quyết yêu sách: Không tăng thuế chợ, không đánh đập, phạt vạ vô cớ...

Nhân dân Thiện Nghiệp, Thiện Khánh, Khánh Thiện tham gia sôi nổi cuộc đấu tranh này và phấn khởi, tin tưởng khi giành được thắng lợi. Sau đợt đấu tranh, bọn thu tiền chỗ ở các chợ Mũi Né, Rạng, Phú Hải cũng rúng động, hết dám hống hách với nhân dân. Việc mua bán, đi lại của bà con được dễ dàng, thuận lợi hơn.

Với chủ trương của Đảng ta thời kỳ này là đẩy mạnh các phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp, đòi dân sinh, dân chủ. Những năm 1936 - 1939, cốt cán, cơ sở cách mạng đã lãnh đạo nhân dân Thiện Nghiệp, Thiện Khánh tham gia một số cuộc đấu tranh với nhiều hình thức như hăng hái tham gia vào các tổ chức: Hội ái hữu, Nhóm bình dân học vụ, Hội bóng đá, Hội may, Hội đua thuyền... Một số người có uy tín trong làng đã tố cáo bọn lý hương tham nhũng, thâm lạm công quỹ; đấu tranh bài trừ mê tín dị đoan, đòi giảm thuế chợ và các loại thuế khác. Ngày 02 tháng 7 năm 1937, từ Phan Thiết ra đến Mũi Né, nhiều hàm hộ đã tham gia vào cuộc đấu tranh chống địch bắt dân đựng nước mắm trong chai, không cho đựng nước mắm trong tin để chúng độc quyền bán vỏ chai. Hội Liên thành đã lãnh đạo, phát động đồng bào nhất là số hàm hộ ở Mũi Né, Rạng, Phú Hải... phối hợp với nhân dân Phan Thiết đấu tranh lật mặt bọn Pháp và tay sai. Thông qua đó, tập hợp, giác ngộ đông đảo nhân dân, ngư dân, thợ thuyền, người làm nước mắm, tiểu thương, tiểu chủ, thanh niên, học sinh, giáo viên... Đây là bước tập dượt rất quan trọng, là cơ sở để phong trào quần chúng chuyển lên bước cao hơn.

Tổ chức Mặt trận Việt Minh và Cách mạng tháng Tám (1941 - 1945). Sang đầu năm 1940, địch bắt đầu đàn áp quyết liệt các phong trào dân sinh, dân chủ, ngăn cấm mọi hoạt động công khai, hợp pháp. Nắm được tình hình đó, nhóm đảng viên cộng sản ở phủ Hàm Thuận chủ trương rút vào hoạt động bí mật. Đồng chí Nguyễn Gia Tú lánh vào Tuy Hòa, Rẫy Thơm để tạo bàn đạp liên lạc, chỉ đạo cơ sở mạng quốc lộ I và khu vực Thiện Nghiệp, Thiện Khánh...

Năm 1941, nhiều đảng viên, hội viên nông hội, cơ sở, cốt cán của phủ Hàm Thuận, tổng Lại An, Thắng An, một lần nữa bị địch khủng bố, bị bắt tù đày, một số bị lưu đày lên nhà lao Buôn Mê Thuộc; các đồng chí Nguyễn Gia Tú, Trần Chí Thức (ở Mũi Né)... bị đày an trí ở Ly Hy (Thừa Thiện - Huế).

Nhân dân Thiện Nghiệp, Thiện Khánh cũng như trong toàn phủ càng bị áp bức, bóc lột, chèn ép, đàn áp bởi 3 lực lượng: phát xít Nhật, thực dân Pháp và bọn tay sai - "một cổ 3 tròng"!

Quân Nhật vừa đến Hàm Thuận năm 1941, đám hào lý ở tổng Thắng An nói chung, các làng Khánh Thiện, Thiện Nghiệp, Thiện Khánh nói riêng bị phân hóa thành 2 phe: Số cơ hội nhanh tay ngã theo chủ mới - phát xít Nhật; Số còn lại vẫn tiếp tục trung thành với chủ cũ - thực dân Pháp.

Bọn cường hào, ác bá nổi tiếng ở tổng Thắng An, phải kể đến là: tổng Mùi, tổng Tào... chuyên ăn của đút lót, phù thu, lạm bổ. Tên Tư Rớ làm mật thám rất thính hơi, chỉ điểm cho Pháp bắt cơ sở Việt Minh, trong số bị Pháp bắt có các ông: Trần Chí Thức, ...

Tham Chính, Mười Dần cùng Tư Chạy ở Mũi Né, Phạm Khiêm Nhạn ở Rạng nhanh chóng tạo thêm một lớp tay sai mới. Số này vênh vác gọi là thức thời chuyển sang

học tiếng Nhật để làm thông ngôn, chỉ điểm, rình rập, theo dõi, khống chế nhân dân. Chúng vừa đại diện cho Nhật bao thầu, nắm độc quyền các mặt hàng nông, lâm sản như: bông, thầu dầu, hạt dưa, đậu, mè, gỗ, dầu rái, mật ong ..., vừa ép dân phải tự phá hoại hoa màu để thay vào đó các loại cây gai, đay, thầu dầu... Ai chống lại, chúng đàn áp, đánh đập. Nhân dân vô cùng căm phẫn, sẵn sàng chờ dịp đứng lên.

Thấu hiểu lòng dân và trong điều kiện bị địch kiểm soát gắt gao, các cơ sở, cốt cán trung kiên ở Thiện Khánh, Thiện Nghiệp chỉ duy trì phong trào bóng đá, truyền bá chữ quốc ngữ, đọc báo, theo dõi thời sự, tin tức, giáo dục lòng căm thù giặc Pháp - Nhật và lũ tay sai; hướng dẫn dân tìm mọi cách không phá hoa màu, không làm theo ý đồ của quân Nhật. Thông qua lao động sản xuất, mua bán, tiếp xúc hàng ngày, cốt cán của ta phổ biến các gương đấu tranh của nông dân, ngư dân trong phủ Hàm Thuận để bà con ở đây học tập và củng cố niềm tin, chờ đợi thời cơ thuận lợi sẽ tiêu diệt lũ bạo tàn. Ở Thiện Nghiệp, Thiện Khánh vẫn duy trì được phong trào bóng đá, Hội truyền bá chữ quốc ngữ để tập hợp thanh niên. Dựa vào thế công khai hợp pháp của tổ chức Duy-cu-roa phát động; các ông giáo Phú, giáo Đền, Dương Hữu Nam... tổ chức liên kết phong trào bóng đá từ Dân Thạnh đến Thiện Nghiệp, Thiện Khánh. Đội bóng đá ở hai làng khá mạnh; nòng cốt có các cầu thủ giỏi như Nguyễn Ngọc, Mai La, Nguyễn Mẹo, Nguyễn Ty...

Cuối năm 1943, tổ chức Mặt trận Việt Minh được nhen nhóm, từ Phan Thiết, tổng Đức Thắng phát triển, lan tỏa ra tổng Thắng An, lên tổng Lại An... Với các hình thức giả dạng mua bông, bán lụa, thợ may, hớt tóc, bốc thuốc trị bệnh cho dân... các ông Lưu Minh Kim, Lưu Minh Tâm, Nguyễn Kim Bông, Dương Hữu Nam, Nguyễn Phú (Giáo Phú)... tuyên truyền về Mặt trận Việt Minh, móc nối lại các cơ sở cũ, xây dựng cơ sở mới. Những năm 1944 - 1945, nhiều nhóm Việt Minh ở các làng Thiện Nghiệp, Thiện Khánh, Khánh Thiện được thành lập, tập hợp khá đông cơ sở, quần chúng tốt như: Hồ Nhất Trinh, Hồ Đức Hậu, Phạm Đình Hòa...

Từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1945, phong trào phát triển nhanh, rộng nhờ những đồng chí đảng viên cũ từ các nhà lao Ly Hy, Ban Mê Thuộc trở về Bình Thuận, Hàm Thuận như: Nguyễn Tương, Nguyễn Gia Tú, Nguyễn sắc Kim, Nguyễn Nhơn, Cổ Văn An... Tổ chức Mặt trận Việt Minh tỉnh Bình Thuận, phủ Hàm Thuận được thành lập. Hầu hết các làng trong phủ Hàm Thuận đều có tổ chức hoặc hội viên, cơ sở của Mặt trận Việt minh.

Nhóm Mặt trận Việt minh xã Thiện Nghiệp được thành lập gồm: Võ Đình Quý, Nguyễn Văn Cúc, Võ Tấn Trương... Nhóm Mặt trận Việt minh xã Thiện Khánh cũng đồng loạt ra đời, gồm: Lê Khoa, Phạm Đình Hòa, Hồ Nhất Trinh, Hồ Đức Hậu, Nguyễn Bá Lân, Mai Thanh Phong, Mai Văn (Hét)...

Từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1945, các đồng chí Nguyễn Tương, Nguyễn Gia Tú, Nguyễn Phú, Nguyễn Kim Bông, Tiểu Nghi, Dương Hữu Lễ, Nguyễn Sắc Kim... đến các làng trong phủ Hàm Thuận gặp gỡ, động viên, phân công hội viên, cốt cán tích cực, khăn trương tuyên truyền, giải thích chính sách, Điều lệ của Mặt trận Việt minh. Số cốt cán cũ, cơ sở, hội viên làm nòng cốt tập hợp quần chúng, xây dựng các nhóm Việt minh, các đoàn thể cứu quốc để chuẩn bị giành chính quyền.

Những ngày đầu tháng 8 năm 1945, phong trào, khí thế của quần chúng đã thật sự được khơi dậy. Tin tức quân đồng minh đánh thắng bọn phát xít, tình hình hoạt

động của Mặt trận Việt minh khắp nơi trong nước liên tiếp dội về. Đồng bào Thiện Nghiệp, Thiện Khánh phấn chấn, tất cả trong tư thế sẵn sàng chờ lệnh.

Ngày 23 và 24 tháng 8 năm 1945, Ban vận động Việt Minh hai làng Thiện Khánh và Thiện Nghiệp được thành lập và cử người đi tuyên truyền, vận động nhân dân đứng lên đánh đổ phát xít Nhật, giành chính quyền, đồng thời thành lập các đoàn thể cứu quốc, lực lượng tự vệ.

Ngày 24 tháng 8 năm 1945, tại hai làng Thiện Khánh và Thiện Nghiệp, cờ quẻ ly của chính quyền phong kiến bị hạ xuống, cờ đỏ sao vàng được trân trọng kéo lên. Lần này, nhân dân nhìn cờ của Mặt trận Việt Minh với cảm giác xúc động, tự hào và không phải phập phồng lo sợ như lần nhìn cờ Đảng năm 1931. Chiều hôm đó, cán bộ, cốt cán đi tận từng nhà dân thông báo toàn dân chuẩn bị tập trung để rạng sáng ngày mai (25 tháng 8 năm 1945) có mặt ở Phan Thiết để dự mittinh.

Ngày 24 tháng 8 năm 1945 là ngày đổi đời của nhân dân Thiện Nghiệp - Thiện Khánh, ngày lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp và phong kiến, tay sai; giành chính quyền về tay nhân dân.

Đêm hôm đó, ai cũng nôn nao chờ trời mau sáng. Khi gà vừa cất vang tiếng gáy, mọi nhà thức dậy chuẩn bị cơm nước để tập hợp lên đường.

Đoàn người biểu tình giương cờ, biểu ngữ từ Long Sơn, Suối Nước, Thạch Long, Mũi Né ..., mang gậy gộc nghiêm trang tập trung về Rạng rồi cùng lực lượng của Thiện Nghiệp, Thiện Khánh hùng dũng tiến vào Phan Thiết. Trên đường đi, đoàn người hô vang khẩu hiệu:

“Đả đảo phát xít Nhật;
Việt Nam hoàn toàn độc lập;
Việt Nam muôn năm...”.

Trước năm 1945 ở Rạng có hai thầy dạy võ rất uy tín là thầy hai Sơn và thầy Minh. Khi mới giành chính quyền với uy tín của mình thầy Nguyễn Văn Minh (thủ Lộ Minh), nhanh nhẹn, xông xáo, hô hào dẫn đầu thanh niên đi diễu hành và sau đó ông là người huấn luyện cho lực lượng tự vệ xã.

Đoàn biểu tình từ hướng Mũi Né, Phú Hải vừa đến đồn G.I thì bị lính Nhật chặn lại gây khó khăn, nhưng trước khí thế áp đảo của quần chúng và cách đấu tranh khôn khéo của ta nên chúng nhượng bộ, đoàn người lại tiếp tục tiến lên. Trưa hôm đó, đoàn biểu tình ở mảng đông cũng kịp thời có mặt tại sân vận động tỉnh, hòa cùng dòng người từ các làng trong tỉnh kéo về đông nghịt, sân vận động rợp cờ hoa, đúng là ngày hội lớn của toàn tỉnh.

Khi cuộc mittinh tuyên bố bắt đầu, hàng nghìn người im phắc, lắng nghe đồng chí Nguyễn Tương đọc diễn văn đong dạc trên lễ đài. Nội dung càng in sâu vào tâm trí, tình cảm của mọi người dự lễ là: quá trình, ý nghĩa của cuộc Cách mạng Tháng Tám và lời kêu gọi toàn dân ta phải quyết tâm xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ nền độc lập nước nhà.

Đến chiều tối mịt, đoàn người mới quay về đến Rạng, Mũi Né. Đi bộ hàng chục cây số, tuy vất vả, mệt... nhưng ai cũng cảm thấy thỏa mái, sung sướng, tự hào vì kể từ đây, mình không còn là người dân nô lệ.

Những ngày tiếp theo của tháng 9 năm 1945, tại sân banh của mỗi làng, tiếp tục tập hợp đông đảo nhân dân với khí thế, tinh thần chiến thắng của buổi lễ - chào mừng ngày độc lập ở quê nhà.

Tại Thiện Nghiệp, ông Nguyễn Thanh Hoa, đại diện Mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng đọc diễn văn khai mạc; Ở Thiện Khánh ông Lê Khoa, đại diện Ủy ban Cách mạng lâm thời phát biểu.

Đồng bào dự lễ, nhất là số dân nghèo nghẹn ngào, xúc động khi nghe cán bộ Việt Minh hùng hồn tuyên bố: “xóa nợ, bỏ thuế, đặt biệt là thuế thân...”. Kể từ đây dân nghèo không còn phải khiếp đảm kinh hoàng mỗi khi nghe tiếng trống, mõ thúc dòn đòi thuế và bị đóng trần, gông cùm vì nợ thuế.

Ở Thiện Nghiệp, nguyên lý trưởng Nguyễn Trừ giao nộp đồng Triện. Ông Nguyễn Bá Lân, đại diện chính quyền cách mạng (đại diện Mặt trận Việt minh) tiếp nhận. Tại đình làng Thiện Khánh, nguyên lý trưởng cũng giao nộp đồng Triện cho người đại diện Mặt trận Việt minh đứng ra tiếp nhận.

Sự kiện trên đánh dấu một bước ngoặt, một sự đổi đời, đổi chế độ chính trị, đồng Triện đại diện quyền lực của chế độ phong kiến được thay bằng con dấu của chính quyền cách mạng, chính quyền nhân dân. Chính quyền tay sai cùng đồng hành với bọn thực dân, đế quốc rời khỏi vị trí của mình, nhường chỗ cho những chiến sĩ cách mạng vì dân, vì nước đứng lên quản lý, làm chủ quê hương.

Đồng thời với đám lý hương giao nộp đồng Triện, thì việc cử người đại diện chính quyền cách mạng của từng làng cũng được tiến hành. Kết quả cuộc bầu cử chính quyền cách mạng ở xã là thể hiện chính thức việc xây dựng chính quyền cách mạng, thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân.

Chính quyền xã Thiện Nghiệp năm 1945 được thành lập. Mặt trận Việt minh gồm các ông: Chủ nhiệm: ông Võ Đình Quý; Ủy viên: Ông Nguyễn Đình Cúc; Ông Nguyễn Văn Sâm.

Chính quyền làng Thiện Khánh năm 1945: Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời: Chủ tịch: ông Lê Khoa; Phó chủ tịch: ông Nguyễn Bá Lân; Ủy viên phụ trách nông dân, ngư nghiệp: ông Đỗ Chấn; Ủy viên phụ trách quân sự, an ninh, trật tự: ông... Văn Đước (Kiểm Đước); Ủy viên phụ trách thông tin, tuyên truyền: ông Hồ Nhất Trinh.

Mặt trận Việt minh gồm các ông: Chủ nhiệm: ông Nguyễn Bá Lân; Phó chủ nhiệm: ông Hồ Như Thạch; Ủy viên: Hồ Hữu Thạnh; Mai Thanh Phong; Phạm Đình Hòe. Các đoàn thể: Thanh niên: Nguyễn Văn Hiếu (Hai Hiếu); Phụ nữ: Huỳnh Thị Xâm; Nông dân: Hồ Hữu Khánh; Hội phụ lão: ông Đỗ Thê.

Sau khi thành lập chính quyền cách mạng, từ tháng 9 năm 1945 đến ngày 01 tháng 01 năm 1946; Mặt trận Việt Minh, chính quyền, các đoàn thể của hai xã Thiện Nghiệp và Thiện Khánh cùng phát động toàn dân tiến hành đồng thời 6 công việc lớn:

Xây dựng lực lượng tự vệ; Tham gia đánh quân Nhật; Thực hiện “Hũ gạo nuôi quân”; Hưởng ứng “Tuần lễ vàng”; Đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ”; Bầu cử đại biểu quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Với khí thế hừng hực của Cách mạng tháng Tám, mỗi làng đã tập hợp được nhiều thanh niên nam nữ, xây dựng các tiểu đội, trung đội tự vệ. Tuy với vũ khí thô sơ là giáo, mác, gậy gộc, dây, mõ... nhưng các chàng trai, cô gái oai vệ, hùng dũng,

hăng hái luyện tập quân sự, tuần tra canh gác nghiêm ngặt, bảo vệ xóm làng. Các lò rèn hừng hực lửa, rèn vũ khí. Tiêu biểu, nhiệt tình nhất là các ông thợ, chủ lò rèn ...

Khoảng giữa tháng 11 năm 1945, chiến hạm của Nhật vào cửa biển Mũi Né. Sau một thời gian ngắn, chúng đổ quân bao vây Phan Thiết, đưa quân đổ bộ vào bãi Rạng. Quân Nhật ngang nhiên yêu cầu chính quyền cách mạng nộp cá, gạo, nước mắm... Đồng chí Nguyễn Bá Lân trực tiếp gặp quân Nhật, lúc đầu nói tiếng Pháp chúng không hiểu; sau đó đồng chí Lân nhờ thầy Huân (thầy dòng ở nhà thờ) làm phiên dịch, dùng tiếng Anh. Trả lời với chúng là dân ở đây đang khó khăn, thiếu đói, không có cá, gạo để đủ ăn, bọn Nhật hung hăng, đe dọa nhưng trước lý lẽ khôn khéo, mềm dẻo nhưng cương quyết, bọn Nhật đành nhổ neo về Phan Thiết. Theo sự phân công, trung đội tự vệ Rạng ứng chiến dọc bờ biển suốt thời gian đấu tranh với bọn Nhật, sẵn sàng bảo vệ dân, đề phòng lính Nhật cướp giết, hãm hiếp.

Khoảng tháng 12 năm 1945, tàu Nhật bị máy bay của quân đồng minh ném bom cháy, trôi vào chìm ở khu vực Xóm Trạm. Từ sự kiện, vết tích ấy, nơi đây có thêm địa danh “Rạng Tàu”.

Với tinh thần quyết tâm chống giặc đói, theo lời kêu gọi của Bác Hồ; đoàn thể phát động, của ít lòng nhiều, đồng bào Thiện Nghiệp, Thiện Khánh hưởng ứng phong trào hủ gạo đồng tâm, hủ gạo nuôi quân một cách tự nguyện, tự giác. Mỗi nhà đều sắm chiếc “tín” đặc biệt, mỗi ngày hoặc mỗi bữa nấu cơm bót đi một nắm gạo cho vào chiếc hủ đó. Hằng tuần, đoàn thể đi gom lại và giao nộp cho cấp trên.

Một dấu ấn sâu đậm không thể nào quên đó là thực hiện “Tuần lễ vàng”. Nhờ sự vận động, giải thích sâu, kỹ của Mặt trận Việt Minh: “Chính phủ cần tiền, vàng mua vũ khí để chống giặc ngoại xâm...”. Nhiều tấm lòng của các ba, các má, các chị được thể hiện, người cho nhẫn cưới, người góp đôi bông tai, người hiến dây chuyền, lắc, kiềng vàng, nút áo...; có những kỹ vật thân thương cũng được bà con dâng hiến cho cách mạng. Chị Mười Rõ ở Rạng đã hiến đôi bông tai ngày cưới, Mẹ chị phó Đầu hiến một bộ nút áo vàng, chị Phạm Thị Ngại cho một tấm lắc, đồng thời đồng viên người con gái hiến thêm một sợi dây chuyền. Vợ chồng chị Mai Thị Nhâm tặng một đôi nhẫn vàng...

Tiếp theo đó là “Tuần lễ đồng”, vận động nhân dân ủng hộ, quyên góp đồng để cách mạng chế tạo vũ khí. Đợt vận động này kéo dài hàng tháng. Nhiều gia đình khá giả đã đóng góp những vật dụng quý bằng đồng như: chân đèn, lư nhang, cổ đồng, mâm thau... Ban vận động của từng làng đã thu nhận vàng, đồng nộp lên cho huyện chặt chẽ, phân minh.

Bao năm nhọc nhằn, cơ cực, sống kiếp ngựa trâu, tăm tối nghèo đói, thất học; nay được Mặt trận Việt Minh, chính quyền đoàn thể phát động, nhà nhà, người người đều tham gia dạy và học chữ quốc ngữ. anh dạy em, con dạy cha mẹ, bạn bè chỉ bảo cho nhau... Các nơi công cộng như: công chợ, đình làng... đều lập hàng rào đỏ chữ. Nhờ đó đã đồng viên người già, phụ nữ, thiếu niên đều học. Nhiều chị phụ nữ nhờ qua phong trào này đã biết đọc, biết viết, “biết làm cán bộ”.

Tuy còn khó khăn, thiếu thốn mọi bề nhưng nhân dân Thiện Nghiệp, Thiện Khánh vẫn thực hiện sôi nổi, tự giác, hiệu quả cao trào diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm thông qua các phong trào hoàn toàn tự giác, tự nguyện, thể hiện ý thức của người dân của một nước độc lập.

Một trong những nội dung quan trọng là bầu cử đại biểu quốc hội vào ngày 06 tháng 01 năm 1946. Thực hiện chủ trương của huyện, tháng 12 năm 1945, Ban vận động bầu cử đại biểu quốc hội ở các xã được thành lập:

Ban bầu cử hai xã làm tốt các nhiệm vụ: phổ biến, hướng dẫn thể lệ, thời gian, địa điểm bầu cử. Ban bầu cử còn phối hợp với lực lượng thông tin tuyên truyền, huy động thanh thiếu niên mang cờ, trống đi cổ động, hò hò... nhắc nhở mọi công dân nhớ thực hiện nghĩa vụ vinh quang của mình, bằng hai câu thơ lục bát:

“Nhớ ngày mừng sáu tháng giêng,
Là ngày Quốc hội đầu tiên ra đời.”

Ngày 06 tháng 01 năm 1946, một ngày không thể nào quên. Cử tri của hai xã Thiện Nghiệp, Thiện Khánh lần đầu tiên được cầm lá phiếu bầu đại biểu quốc hội. Toàn thể cử tri đã thuộc và hiểu ý nghĩa của câu đối do Mặt trận Việt Minh huyện Hàm Thuận vận động kín đáo, ý nhị:

“Tương, Nhung, Quang, Giàng, Trà, Thời, Chát,
Đôi, Luận, Đan, Nga, Đàng, Ngọc, Trinh.”

Nhờ đó, đồng bào đã dồn phiếu cho hai ứng cử viên có công lao, xứng đáng, góp phần để 2 ông trúng cử với số phiếu tuyệt đối - đó là: đồng chí Nguyễn Tương, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam và bác sĩ Huỳnh Tấn Đôi - nhà trí thức yêu nước.

Hai ông đã trúng cử vào đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

CHƯƠNG IV NHẬN XÉT CHUNG

Với vùng đất được thiên nhiên ban tặng, ưu đãi - bên biển, bên rừng; khí hậu hiền hòa, nắng mưa thuận lợi, môi trường trong lành, thoáng mát. Điều kiện đó đã hấp dẫn dòng người khẩn hoang từ các tỉnh miền trung đổ về đây lập nghiệp.

Bắt đầu là dân các tỉnh miền trung, sau đó có cả người Hoa, dân nam bộ đến tụ cư sinh sống. Đất lành, chim đậu, đồng bào gốc từ các tỉnh “ngũ Quảng” (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Thuận, Quảng Nam, Quảng Ngãi) và Bình Định, Phú Yên lần lượt đến đây khai khẩn, phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, ngành nghề, buôn bán trù phú, nhộn nhịp... Chẳng bao lâu đời sống cư dân được nâng lên, dân số tăng nhanh, ngày thêm đông đúc.

Với vị thế núi, rừng, đồi cát, bầu nước... thuận lợi để phát triển chiến tranh nhân dân, vừa xa nơi quản lý của triều đình và bọn thực dân. Cộng vào đó là người dân Thiện Nghiệp, Thiện Khánh đa số gốc miền trung, vốn giàu lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc, có truyền thống chống giặc ngoại xâm, nên các nhà yêu nước ở các nơi đã tụ hội về đây đứng chân hoạt động. Nhờ đó đã tác động, giúp dân giác ngộ cao hơn. Từ xa xưa, đồng bào Thiện Nghiệp sớm có mặt và tham gia các phong trào đấu tranh yêu nước diễn ra ở Phủ Hàm Thuận.

Từ sau năm 1930, khi có tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo; Trải qua 15 năm ác liệt (1930 - 1945), đồng bào nơi đây đã đoàn kết, phối hợp với các xã trong

vùng đấu tranh chống địch với nhiều hình thức, mức độ khác nhau. Thật hào hùng, đồng bào Thiện Nghiệp, Thiện Khánh đã nhất tề đứng lên cùng nhân dân cả nước làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 vô cùng vĩ đại. Truyền thống đó là cơ sở, niềm tin, tiền đề giúp Thiện Nghiệp, Thiện Khánh vững chân bước tiếp vào cuộc kháng chiến trường kỳ, chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Bắt đầu từ một thôn nhỏ với dân cư ít ỏi; Thiện Nghiệp ra đời vào giữa thế kỷ XIX. Vậy mà đến cuối thế kỷ ấy đã phát triển toàn diện, đủ mạnh để hình thành hai làng: Thiện Nghiệp và Thiện Khánh, dân số không ngừng tăng lên.

Cùng với sự phát triển sớm về kinh tế, nhất là kinh tế biển, đồng bào Thiện Nghiệp, Thiện Khánh đã trân trọng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc, của cha ông; biết kết hợp phong tục, tập quán tốt đẹp của người miền trung, đồng thời tiếp thu, chọn lọc văn hóa, phong cách của người dân nam bộ, văn hóa đồng quê với văn hóa cư dân biển; Nhân dân Thiện Nghiệp, Thiện Khánh từng bước tạo nên một đời sống văn hóa, tinh thần riêng của mình - lành mạnh, đạo lý, nghĩa tình.

Kết nối đạo lý truyền thống của ông cha, hòa quyện với vùng quê mới, cư dân Thiện Nghiệp, Thiện Khánh đã hun đúc nên tính cách, nét riêng trong đời sống vật chất, tinh thần, từ cách ở, ăn, mặc, ứng xử... Đó là cách sống, tính chất của người nông dân, nông thôn pha lẫn với cư dân biển. Ngay trong một gia đình, một con người đã làm hai nghề nông và biển, hội đủ hai tính cách ấy.

Họ sống thật thà, chất phát, thẳng thắn, bộc trực, mến khách thật lòng, trọng nghĩa tình, cần mẫn, giản dị, hiền hòa, chịu thương, chịu khó... Họ ghét thói xu nịnh, xa lạ với cách sống thủ đoạn, khách sáo, lừa gạt...

Dân Thiện Nghiệp, Thiện Khánh ngày xưa rất căm ghét bọn hào lý hống hách, tham quan, ô lại, xu nịnh. Phần đông chỉ cho con đi học biết đọc, biết viết, biết làm người, ít mộng tưởng học để làm quan, ăn trên ngồi trốc... Với hai lĩnh vực kinh tế khác nhau: nông, lâm và ngư nghiệp; tính chất phong phú ấy đã hình thành một đời sống văn hóa tinh thần mang đậm phong cách của nông nghiệp rẫy, vườn với dân chài vùng biển.

Khi mới giành được chính quyền, Mặt trận Việt Minh hai làng Thiện Nghiệp và Thiện Khánh đã tập hợp đoàn kết được toàn dân. Khi thực dân Pháp tái chiếm quê hương đầu năm 1946, các thành phần, lứa tuổi, tầng lớp, tôn giáo đã đáp lời kêu gọi của Bác Hồ, thực hiện tiêu thổ kháng chiến và tham gia kháng chiến. Về những hàm hộ tiêu biểu, nòng cốt có các ông: Nguyễn Mốc, Nguyễn Trận, Mai Hời, Lê Đầu... Một số ông đã từng làm chánh tổng trước đây nay cũng theo Mặt trận Việt Minh kháng chiến; đó là Đỗ Hữu Khánh, Dương Lân...



Phần thứ hai

**ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN
THIỆN NGHIỆP – THIỆN KHÁNH
ĐẤU TRANH BẤT KHUẤT TRONG 9 NĂM
KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
(1946 – 1954)**

Chương I
Xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng,
lãnh đạo toàn dân kháng chiến
(1946 - 1947)

Âm mưu thủ đoạn đánh phá của địch đối với xã Quang Cảnh. Những ngày đầu xuân năm Bính Tuất, giữa lúc đồng bào Hàm Thuận, Phan Thiết đang chuẩn bị đón tết Nguyên đán – tết hòa bình đầu tiên trên quê hương vừa giành độc lập, bỗng dưng những chiếc xe thông tin của tỉnh từ Phan Thiết tỏa ra các ngã đường thông báo: giặc Pháp sắp tấn công Phan Thiết và đọc lệnh tản cư của Ủy Ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Bình Thuận. Đồng bào Phan Thiết, Hàm Thuận rời bỏ tất cả, chuẩn bị tản cư ra các vùng nông thôn của Hàm Thuận.

Về phía giặc Pháp sau khi chiếm được Phan Rang, chúng tiến vào Phan Thiết, ngang qua Hàm Thuận vào ngày 31 tháng 01 năm 1946 (ngày 29 tháng Chạp năm Ất Dậu). Để đánh lừa ta, địch cắm cờ đỏ sao vàng trên chiếc xe dẫn đầu nên có người nhầm tưởng là xe của ta, không biết đó là xe của địch. Trên đoạn đường từ Long Thạnh đến Tuy Hòa, chúng đã bắn chết một số đồng bào. Trưa hôm đó, vừa đến Phú Long, địch gặp một phân đội của chi đội I do đồng chí Trần Đình Nộ chính trị viên đại đội I chỉ huy chặn đánh. Sau khi bắn hỏng một xe và diệt một số tên địch, bộ đội ta rút quân; chúng tức tối sục vào khu vực chợ Phú Long giết hại khoảng 30 đồng bào.

Sau khi chiếm đóng Phan Thiết tương đối ổn định, đầu tháng 02 năm 1946 quân Pháp bung ra đánh phá Hàm Thuận. Ngày 08 tháng 02 năm 1946 chúng tàn sát khoảng 70 đồng bào ở xã Tân Xuân (nay là xã Hàm Liêm); tiếp đó khoảng giữa tháng 02 năm 1946, địch xua quân từ Phan Thiết ra đánh phá Thiện Khánh, Thiện Nghiệp. Ngày 18 tháng 02 năm 1946, giặc Pháp bắn hai sư thầy Nguyễn Tâm Tú và Nguyễn Văn Sâm ở chùa Trường Thọ, vì chúng lục soát thấy trong chùa có cờ đỏ sao vàng.

Đầu tháng 3 năm 1946, quân Pháp bung ra đóng một loạt đồn: Kim Ngọc, Tuy Hòa, Lầu Ông Hoàng...; riêng bót cầu Rạng và đồn Rạng lúc đầu với hình thức dã chiến; đồn Rạng nằm trong khu vực nhà thờ Rạng. Ngày 19 tháng 3 năm 1946, Pháp tiến hành rào kiên cố khu vực nhà Chung của nhà thờ thành đồn Rạng. Bót cầu Rạng với quân số một tiểu đội, đồn Rạng với quy mô một trung đội chốt giữ, do tên quan ba Demontozane (Đờ- Mông - Tô - Dẫn) làm đồn trưởng.

Vừa đóng đồn, địch vừa lập bộ máy tay sai để khống chế nhân dân. Riêng Thiện Nghiệp là một trong những xã tiêu biểu của Hàm Thuận; toàn dân thực hiện vườn không nhà trống, đi theo kháng chiến, không ai hợp tác nên địch không lập được bộ máy tay sai, không đóng được đồn bót; toàn xã Thiện Nghiệp trở thành vùng kháng chiến từ đầu năm 1946.

Ở Thiện Khánh: Ban hội tề đầu tiên gồm: Xã Mậu, Biện Cư và Cai Thới. Xã Mậu làm lý trưởng làng Thiện Khánh những năm 1946 - 1947 và sau đó là Lý Khả (1947-1948). Ở Thiện Khánh, địch còn dựa vào linh mục Đinh Hữu Truyền để nắm bà con giáo dân, khống chế nhân dân... Cai Hương, Cai Thới, Đội Có.. là những tên tay sai đặc lực gây nhiều tội ác với nhân dân.

Ngoài lực lượng tại chỗ, quân dân hai xã Thiện Nghiệp và Thiện Khánh còn bị địch ở Mũi Né, Phú Hải, Phú Long, các đồn Kim Ngọc, Lầu ông Hoàng... nhất là tên Tây lai Lu I-Lavalê, mẹ người Việt cha người Pháp, khát máu bắn giết, sát hại dân lành. Trong hai năm 1946 – 1947, hàng chục cán bộ, chiến sĩ, đồng bào Thiện Nghiệp, Thiện Khánh liên tiếp hy sinh vì nhiều lực lượng phối hợp đánh phá như: Đồn và Nha Bang tá Mũi Né, đồn Rạng, bót cầu Rạng, lính Lê Dương, bọn Pháp và tay sai tại chỗ trực tiếp thường xuyên như Tây cá đuối, thông ngôn Phạm Khiêm Nhạn (Mười Nhạn), Cai Thới, Biện Cư, Lý Khả, Ba Đay, Kiểm Quế, Kiểm Quờn...

Địch thi hành chính sách tam quang: đốt sạch, phá sạch, giết sạch. Chúng thường dùng ngựa lưng sục, đuôi bắt cán bộ, đồng bào. Bọn lính đi ngựa cực kỳ man rợ. Bắt được cán bộ, chiến sĩ, đồng bào, địch dùng ngựa kéo lê hoặc treo cổ, mổ bụng, xẻo tai, xẻo mũi, cắt cổ... chúng bắn một lúc nhiều người rồi chôn chung hầm để uy hiếp tinh thần nhân dân... mỗi mộ từ 02 đến 03 người, cũng có mộ chôn đến 05 người... (nhân dân địa phương ghi nhớ mãi địa danh lịch sử: mộ 03 hình, mộ 05 hình...). Chúng bắt được thầy giáo Ba Trinh buộc vào yên ngựa lôi từ Bàu Sen về chợ Rạng. Học trò của Ông thương tiếc đã chôn cất tiễn đưa thầy (năm 1946).

Ở vùng tạm bị chiếm như Rạng, Mũi Né chúng thả mật thám săn lùng, nhận dạng, nhìn mặt; không chế, hù dọa nhân dân. Chúng dùng roi cá đuối (đuôi con cá đuối phơi khô) đánh người; có trường hợp bọn tay sai đốt nhà dân, đốt và đập phá cả chùa chiền, đền thờ, đình làng, miếu mạo ...

Năm 1946, địch thực hiện âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh; năm 1947, chúng thực hiện chiến lược: “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”. Ở huyện Hàm Thuận, địch thực hiện chiến thuật “vét dầu loang”, tiếp tục đóng đồn, nông dân, lấn chiếm vùng ta, mở rộng vùng địch kiểm soát.

Đặc biệt là năm 1947, địch đóng thêm đồn và mở rộng hệ thống đồn bót; bắt lính, lập tề; liên tiếp tổ chức nhiều trận càn, đột kích, đi ba trui (tuần tra, lục soát, đột kích nắm tình hình với quy mô nhỏ) vào vùng ta. Chúng dùng nhiều hình thức, thủ đoạn: bắn, giết, cắt cổ, mổ bụng, treo cổ... khủng bố tinh thần cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Năm 1947, xã Quang Cảnh (Thiện Nghiệp và Thiện Khánh) là một trong những xã bị địch đánh phá ác liệt, hy sinh, tổn thất lớn nhất trên địa bàn huyện Hàm Thuận. Trong vòng hai năm (1946-1947), nhất là năm 1947, hàng chục cán bộ, chiến sĩ, đồng bào bị giặc sát hại bằng những hình thức của thời trung cổ.

Ngày 14 tháng 6 năm 1946, (ngày rằm tháng 5 năm Bính Tuất) địch bắt đồng chí Huỳnh Tấn Phong (Hai Phơ) cán bộ công an xã, cột vào ngựa lôi chạy về đồn Mũi Né, đến động Bà Lụa đứt dây kéo, chúng lập tức bắn luôn tại chỗ. Tiếp sau đó cán bộ công an xã liên tiếp bị tổn thất. Đồng chí Vương Hồ (Hai Hồ); cán bộ công an xã Quang Cảnh bị quân Pháp bắn hy sinh tại xóm Lò Rèn (Bàu Me). Sau đó là đồng chí Nguyễn Bình (Năm Bình). Đồng chí Lê Văn Toàn, trưởng công an (trưởng ban phòng điệp) xã Quang Cảnh sau nhiều lần bị địch tình nghi tra tấn; tháng 02 năm 1947, chúng đã sát hại ông...

Một hình ảnh thật thương tâm, đáng ghi sâu mỗi thù quân cướp nước, đó là trong trận đột kích vào Bàu Sen, Hòn Một ngày 10 tháng 8 năm 1946 (ngày 14 tháng 7 năm Bính Tuất). Khi quân Pháp ập vào, bà Nguyễn Thị Cang vợ của ông Bộ Thường đang ẵm con cho bú nên chạy chậm, bị chúng xả súng bắn từ phía sau lưng.

Xác chết người mẹ khô cứng nhưng cháu bé quá đói vẫn gào thét bò trên ngực, miệng ngậm chặt vú cố tìm hơi ấm của dòng sữa mẹ...Đứa con - chứng tích lịch sử ấy chính là chị Nguyễn Thị Nữ, sinh năm 1945 (Ất Dậu) còn sống sót đến năm 2010.

Đầu năm 1947, đồng chí Mai Công, cán bộ thanh niên thôn ở Bàu Sen bị địch bắt cất cổ tại Rẫy Thơm. Nhiều đồng chí cán bộ, thôn trưởng cũng lần lượt hy sinh; ngày 28 tháng 7 năm 1947, quân Pháp tràn vào xóm Lò Dầu, thôn Công Nông, sát hại nhiều người, trong đó có đồng chí Võ Văn Thới (Hai Thới) là thôn trưởng hy sinh tại đồng ruộng quê nhà. Tiếp đó, đồng chí Mai Thanh Khiết trưởng thôn Trạm hy sinh. Thời gian này có 03 cán bộ liên lạc nối tiếp nhau bị giặc giết khi đang làm nhiệm vụ, trong đó có đồng chí Huỳnh Thiện Ngôn, trưởng ban liên lạc xã. Ông Chín Mến là cán bộ tài chánh bị Pháp bắn hy sinh tại đồng ruộng của ông Biện Thới. Anh Phạm Trọng Tình ở Bàu Me bị địch bắt khảo tra cho đến chết... Ngày 08 tháng 6 năm 1947 đồng chí Nguyễn Thị Ngọc (Nuôi) du kích xã bị địch cất cổ.

Ngày 28 tháng 8 năm 1947, địch hành hình một lúc 05 cán bộ xã Quang Cảnh rồi chôn chung một hầm ở trước Lăng Ông xã Thiện Khánh - Vạn lưới rừng, bên bờ biển Rạng, gồm các đồng chí: Hồ Nhất Trinh, Huỳnh Thị Xảo, Đàm Nhung, Hồ Hữu Thạnh và Huỳnh Thị Huyền (vợ Thầy Sơn - thầy dạy võ).

Bọn địch ở đây còn có nhiều hành động man rợ, thú tính hơn bầy quỷ dữ, chúng đốt một lúc hơn 50 nóc nhà của dân ở Xóm Rạng, nhìn mặt bà con đi chợ Rạng để khống chế, hù dọa; nhằm làm nhục những người có uy tín trong làng bằng cách chúng bắt một số cụ ông, cụ bà cởi trần, truồng chạy trên bãi biển để chúng tro tráo đứng nhìn, cười cợt... Trong vòng chưa đầy hai năm (1946-1947), giặc đã giết hại hàng chục cán bộ, chiến sỹ, đồng bào của xã Quang Cảnh bằng nhiều hình thức hết sức dã man...

Từ đầu năm 1946 đến năm 1947, trước tình hình tái chiếm, đánh phá của quân Pháp; lãnh đạo tỉnh và huyện có nhiều chủ trương về công tác tư tưởng, tổ chức, đặc biệt là phát triển chiến tranh du kích và sản xuất tự túc...

Về tư tưởng, văn hóa, khi quân Pháp mới đến đánh phá, có một số người nhảy ra làm tay sai cho giặc, số khác hoang mang bỏ chạy, không dám công tác. Tỉnh, huyện chủ trương phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, củng cố, ổn định tinh thần cho cán bộ, chiến sỹ và nhân dân, từng bước tập hợp lại số cốt cán cũ trong cách mạng tháng Tám.

Thông báo cho dân đi sơ tán, tản cư để tránh tổn thất. Các đồng chí lãnh đạo huyện Hàm Thuận và Khu hành chánh 6 trực tiếp xuống chỉ đạo Thiện Khánh, Thiện Nghiệp tập hợp cốt cán, phát động dân ổn định tình hình, thực hiện tiêu thổ kháng chiến, tránh lánh, đồng thời củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng du kích để kháng chiến lâu dài.

Đầu năm 1946 ta chủ trương đổi phủ Hàm Thuận thành huyện Hàm Thuận, giải thể tổ chức tổng, nhập xã, chia Hàm Thuận thành 6 khu hành chánh để tiện cho việc chỉ đạo. Chuyên cơ quan huyện Hàm Thuận từ Phan Thiết lên Lại An Thượng sau đó vào rừng Tào Quang, Rẫy Thơm giáp ranh giữa Tuy Hòa với Thiện Nghiệp (thuộc xã Hàm Đức ngày nay). Ta khẩn trương lập thôn kháng chiến, xây dựng căn cứ; xây dựng thực lực toàn diện: Đảng, chính quyền, đoàn thể, quân đội, công an, du kích, dân quân để đánh địch, bảo vệ dân.

Củng cố và phát triển các tổ chức kháng chiến như: Hội Mẹ chiến sĩ, Hội Thiên chúa giáo, Phật giáo kháng chiến, công đoàn... Riêng khu hành chánh 6 gồm các xã cũ: Thiện Nghiệp, Thiện Khánh, Khánh Thiện, Long Sơn, Thạch Long, do các đồng chí Nguyễn Gia Tú, Nguyễn Kim Bông, Trần Hữu Cáp... phụ trách, trực tiếp chỉ đạo vùng này xây dựng thực lực, ổn định, sắp xếp mọi mặt để bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.

Về quân sự, ta chủ trương và phát động phong trào xây dựng các lực lượng: Tự vệ chiến đấu, dân quân rộng rãi, du kích bán thoát ly, du kích tập trung, ban, tổ liên lạc, đi giao liên, gác bù báo động, báo an, rèn vũ khí thô sơ; trừ gian, diệt ác, phá tề, lập khắp khiêng tề... ; tự vệ và du kích xã phối hợp với các lực lượng trên đánh địch.

Về phát triển kinh tế kháng chiến, ta chủ trương đẩy mạnh sản xuất tự túc, bảo vệ mùa màng, lập các chợ kháng chiến, vận động dân dùng tiền tín phiếu - trao đổi hàng hóa giữa vùng ta và vùng địch. Ta vừa tích cực thu thuế, thu đảm phụ kháng chiến vừa kiên trì vận động kêu gọi dân ủng hộ kháng chiến...

Cụ thể từng năm. Năm 1946: Chuyển đổi Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời phủ Hàm Thuận thành Ủy ban hành chánh huyện. Đầu năm 1946, ta tăng cường đưa cán bộ huyện và khu xuống giúp xã, củng cố chính quyền; đến cuối năm 1946 chính quyền xã ổn định, ta rút cán bộ khu và huyện về, để cán bộ xã tự lực. Tích cực thành lập lực lượng vũ trang tỉnh, huyện, xã và đẩy mạnh chiến tranh du kích. Đối với vùng địch hậu, cán bộ ta cải trang, len lỏi bám vào vùng địch tuyên truyền, giáo dục vận động quần chúng, xây dựng cơ sở.

Đầu năm 1947, ta triển khai 4 chủ trương lớn gồm: Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch; Chỉ thị toàn quốc kháng chiến của Trung ương Đảng; Sự tu dưỡng của người Cộng sản; Các chính sách và công tác kháng chiến.

Bên cạnh Ủy ban hành chánh, ta lập thêm Ủy ban kháng chiến. Đến tháng 7 năm 1947, nhập 2 tổ chức này thành Ủy ban kháng chiến hành chánh, gọi tắt là Ủy ban Kháng - Hành.

Tháng 9 năm 1947, Hội nghị thành lập đảng bộ huyện Hàm Thuận, đồng chí Phan Tấn Trình thay đồng chí Nguyễn Gia Tú làm bí thư huyện ủy. Sau đó ta củng cố, phát triển tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể. Huyện ủy Hàm Thuận sáng tạo trong việc biên soạn và sớm phổ biến sổ tay công tác đảng đến cơ sở, hướng dẫn các chi bộ sinh hoạt đảng. Ta đẩy mạnh phát triển đảng viên mới, thành lập thêm một số chi bộ cơ quan và chi bộ cơ sở xã; hội ấy tổ chức Đảng Cộng sản được gọi bí mật là Hội Các Mác.

Về kinh tế, tài chính, ta triển khai chính sách công điền, công thổ, tạm cấp ruộng đất, thu đảm phụ kháng chiến, xây dựng ngân sách xã...

Triển khai thế trận nhân dân du kích chiến tranh. Tiêu thổ kháng chiến, lập thôn kháng chiến. Nhận được tin Pháp tái chiếm Hàm Thuận và chủ trương tiêu thổ kháng chiến của cấp trên; cán bộ huyện, xã phát động nhân dân Thiện Nghiệp, Thiện Khánh huy động lực lượng chặt cây rào rập dọc con đường từ đá ông Địa ra Rạng để chặn đường, gây khó khăn, làm hạn chế tốc độ tiến quân của Pháp. Quân Pháp phải khó khăn dọn dẹp mấy ngày sau mới đi lại bình thường.

Toàn dân tự giác phá nhà ở, cơ sở thờ tự, sản xuất, nhà lều nước mắm... chôn giấu tài sản, tản cư vào rừng, không cho địch lấy cơ sở của ta để đóng quân. Thế trận chiến tranh nhân dân ở đây được hình thành theo vị trí, đặc điểm, tính chất riêng của từng vùng, thôn, xóm.

Xã Thiện Nghiệp trở thành vùng kháng chiến, đồng bào ở đây về cơ bản vẫn ở nguyên tại chỗ với tư thế sẵn sàng, hành trang gọn nhẹ. Khi địch đến, dân tránh lánh sâu vào rừng, khi chúng rút quân ta về lại vườn đất cũ tiếp tục sản xuất.

Đối với nhân dân Thiện Khánh, khi Pháp mới tái chiếm hình thành 3 nhóm: Một bộ phận ở nguyên tại chỗ; bộ phận thứ hai chôn giấu tài sản tản cư vào các khu rừng Triền, Bến Ngách, Thắc Rắn, rừng Am, Râm tre, Hòn Một... lập căn cứ kháng chiến. Nhóm thứ ba bị địch bắt lừa ra Mũi Né, sống cảnh màn trời, chiếu đất; sau một thời gian ngắn, đa số bà con này cũng chạy vào rừng. Như vậy Thiện Nghiệp, Thiện Khánh lúc bấy giờ hình thành thế trận 3 vùng: Vùng căn cứ kháng chiến, vùng bản lẻ và vùng địch hậu (vùng Rạng).

Cùng toàn huyện, quân dân hai xã Thiện Khánh, Thiện Nghiệp nhanh chóng thích nghi với điều kiện mới, từng bước chuyển đổi phương thức sinh hoạt, ăn, ở, đi lại, lao động sản xuất; luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, báo động, báo an, chống càn, tránh lánh. Cuộc sống với tài sản, vật dụng sinh hoạt đều chuẩn bị nơi chôn cất trước khi địch đến... Khi nghe tiếng keng báo động, dân quân đưa dân đi tránh lánh (gọi là chạy Tây), du kích bám đánh địch bảo vệ dân.

Tiếp tục, khẩn trương xây dựng, củng cố tổ chức, phát triển thực lực kháng chiến. Đầu năm 1946, khi giặc Pháp đóng đồn bót, lập bộ máy tay sai, đánh phá ác liệt; một bộ phận cán bộ xã dao động bỏ công tác. Do đó, việc tiếp tục, khẩn trương xây dựng, củng cố chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang cần phải đặt ra và trở nên cấp thiết.

Nhờ sự giúp đỡ, hướng dẫn, chỉ đạo của cán bộ huyện, Khu hành chánh như các đồng chí Nguyễn Gia Tú, Trần Hữu Cáp, Nguyễn Kim Bông... cùng các cơ quan Ban cán sự Cục Nam tỉnh Bình Thuận, bộ đội chủ lực và tự vệ ông Trương; ở địa phương sớm củng cố được Mặt trận Việt Minh, chính quyền, các đoàn thể xã, thôn và dân quân du kích.

Thực hiện chủ trương của tỉnh và huyện, khoảng đầu tháng 6 năm 1946, ta sáp nhập hai xã Thiện Nghiệp và Thiện Khánh thành lập xã mới. Để kịp thời phát huy truyền thống hào hùng chống quân xâm lược, chọn tên người con trung hiếu của quê hương - Hồ Quang Cảnh - một đảng viên cộng sản năm 1930 đã hy sinh năm 1933, để đặt tên xã - xã Quang Cảnh. Cơ quan của xã lúc đầu đứng chân ở Bàu Ghe, năm 1947 dời qua Hố Bà Bảo ở Me Đôi, rồi dời qua Hố Thị sau đó chuyển đổi nhiều nơi tùy theo tình hình trạng thái chiến trường.

Những năm 1946 đến 1950, xã Quang Cảnh bao gồm hai xã cũ là Thiện Nghiệp và Thiện Khánh; do đó xã Quang Cảnh lúc bấy giờ có diện tích rộng lớn so với các xã khác trong huyện, gồm nhiều vùng: căn cứ kháng chiến, bản lẻ, địch hậu; xã có núi rừng, ruộng rẫy và biển; bao gồm: Ô Rô, Bàu Thiêu, Bàu Đé, Bàu Me, Bàu Ghe, Bàu Điền, Bàu Tàng, Bàu Sen, Bà La, Rạng, Láng Cháy, Sao Biển, Mũi đá Ông Địa... ; lúc đầu có 04 thôn và sau đó (đầu năm 1947) được chia thành 05 thôn.

Thôn Công Nông (Bàu Me) do đồng chí Võ Văn Thới là cán bộ Mặt trận Việt Minh vừa làm thôn trưởng; Thôn Thiện Nhơn do đồng chí Mai Thanh Khiết làm thôn trưởng; Thôn Thiện Chính do đồng chí Đàm Nhung làm thôn trưởng; Thôn Liên Sơn do đồng chí (?) làm thôn trưởng; Thôn Triền (Liên Quang) bao gồm cả Bàu Thiêu, Ô Rô do đồng chí Ngô Minh Quang làm thôn trưởng.

Hầu hết các cơ quan, các lực lượng của Ban Cán sự cực Nam tỉnh Bình Thuận, huyện Hàm Thuận đều đứng chân trên địa bàn xã Quang Cảnh, tập trung đông nhất là ở Ô Rô, Bàu Thiêu, Triền. Đặc biệt Bàu Thiêu là “tinh lý, thủ phủ” của Bình Thuận trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp.

Khi mới thành lập (1946-1947) Ủy Ban kháng chiến hành chính xã Quang Cảnh gồm các đồng chí: Nguyễn Bá Lân làm chủ tịch; Nguyễn Thanh Hoa làm phó chủ tịch; Mai Thanh Phong làm ủy viên thư ký (Mai Thanh Phong sau năm 1954 làm cho địch).

Đầu năm 1947, các tổ chức Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể của xã lần lượt được thành lập hoặc củng cố: Mặt trận Việt Minh do đồng chí Hồ Nhất Trinh làm chủ nhiệm, đến cuối năm 1947 đồng chí Hồ Như Thạch làm chủ nhiệm; Hội Mẹ chiến sĩ do má Trợ (Ngô Thị Trọng còn gọi là Ngô Thị A) làm Hội trưởng; Hội Phụ nữ Cứu quốc do đồng chí Huỳnh Thị Xẩm, sau đó là đồng chí Nguyễn Thị Hòa Xuân làm bí thư; Đoàn thanh niên Cứu quốc do đồng chí Nguyễn Bá làm bí thư; Công đoàn xã do đồng chí Hồ Hữu Khánh làm Chủ tịch, vừa kiêm Đội trưởng nghiệp đoàn vận tải xe trâu liên xã;

Ban liên lạc xã do đồng chí Huỳnh Thiện Ngôn làm trưởng ban và trực tiếp chỉ huy một tiểu đội thanh thiếu niên đi liên lạc, gác bù, nắm tin, báo động, báo an... Công an do đồng chí Lê Văn Toàn làm trưởng ban.

Khi xã chưa có chi bộ đảng thì tổ chức Mặt trận Việt Minh giữ vai trò nòng cốt, lãnh đạo toàn diện các phong trào kháng chiến (1946-1947).

Trong năm 1947, một số đồng chí chủ chốt của xã Quang Cảnh lần lượt được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Khoảng cuối năm 1947, chi bộ xã Quang Cảnh được thành lập, lấy tên chi bộ Hồ Nhất Trinh; từ đó chi bộ phát triển thêm nhiều đảng viên mới. Từ cuối năm 1947 đến cuối năm 1949, đồng chí Phạm Đình Hòe làm bí thư chi bộ và đồng chí Nguyễn Bá Lân giữ chức vụ Chủ tịch Ủy Ban kháng chiến hành chính xã Quang Cảnh.

Thời kỳ đầu (cuối năm 1947 đến đầu năm 1948) chi bộ xã Quang Cảnh có một số đảng viên: Nguyễn Bá Lân, Hồ Như Thạch, Phạm Đình Hòe, Hồ Đức Hậu, Hồ Hữu Khánh, Hồ Hữu Thạnh, Mai Thanh Phong, Ngô Minh Quang, Hồ Nhất Trinh...

Những năm 1946-1947, nhiều cán bộ xã, nhất là các đồng chí thôn trưởng liên tiếp hy sinh, nhằm kịp thời phát huy truyền thống cách mạng tại quê nhà; cuối năm 1947, ta lấy tên một số đồng chí đã hy sinh đặt tên thôn:

Thôn Nhất Trinh: gồm Rạng, Bàu Sen; Thôn Thanh Khiết: Xóm Trạm, Cây Găng, chợ Kháng chiến Cây xây; Thôn Khánh Thạnh: Cây Cám - Láng ông Bộ Thường; Xóm Bàu Me, Bàu Thiêu, Bàu Đé, Ô Rô... vẫn mang tên thôn Công Nông; Khu vực giồng Triền vẫn mang tên thôn Triền (Bàu Thiêu, Ô Rô, Rừng Rít).

Phát triển lực lượng, vừa đẩy mạnh chiến tranh du kích. Xây dựng lực lượng và đẩy mạnh chiến tranh du kích lúc bấy giờ có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Sau khi ổn

định tình hình, xã Quang Cảnh từng bước xây dựng được 5 lực lượng quân sự: Tự vệ, dân quân rộng rãi, dân quân gương mẫu, du kích thôn và du kích tập trung xã. Trung đội du kích tập trung (du kích lưu động) rất mạnh, hoạt động rất hiệu quả; lúc bấy giờ đã được huyện tin tưởng trang bị 5 khẩu súng. Toàn trung đội có 3 tiểu đội, trong đó có 1 tiểu đội nữ – mưu trí, dũng cảm, khỏe mạnh; xông xáo. Tiêu biểu như các chị: Tư Hạnh, Năm Bán, Ánh, Cúc, Ngọc, Thanh... chị Hạnh, chị Thanh lần lượt làm tiểu đội trưởng. Nhiều chị đã chiến đấu mưu trí dũng cảm như chị Nguyễn Thị Bán (Năm Bán), chị Cúc, chị Huỳnh Thị Dương... Đặc biệt tiểu đội nữ được chia thành hai bộ phận: du kích thoát ly và du kích mật, đây là nét độc đáo của xã Quang Cảnh... Tiểu đội nữ du kích này là lực lượng đặc biệt của xã và huyện. Ngoài trung đội du kích tập trung xã, mỗi thôn còn có một tiểu đội du kích thôn, đứng chân hoạt động thường xuyên ở thôn và phối hợp với du kích xã.

Đến cuối năm 1946; Khu hành chính 6 giải thể, du kích của Khu 6 được chuyển thành lực lượng du kích tập trung xã Quang Cảnh do đồng chí Nguyễn Văn Phước (Tư Lâm) làm trung đội trưởng trực tiếp chỉ huy. Ban lãnh đạo chỉ huy chung về quân sự gồm các đồng chí: Phạm Đình Hòa, Nguyễn Bá Lân, Nguyễn Văn Phước...

Riêng lực lượng dân quân do đồng chí Lê (anh Tám Lê) làm trung đội trưởng, thường đứng chân ở vườn mít nhà má Hai (Nguyễn Thị Ai). Các anh chị du kích, dân quân gương mẫu, gan dạ, mưu trí như: Nguyễn Tường, Nguyễn Đợi, Thái Thanh Vân, Lý Hòa Chảy, Đỗ Thảo, Huỳnh Thị Dương...

Tự vệ, dân quân, du kích của xã sớm có mặt ngay ngày đầu đánh quân Pháp xâm lược và phối hợp với các lực lượng huyện, tỉnh, đặc biệt là sát cánh cùng với tự vệ ông Trương hoạt động rất hiệu quả ở tại xã cũng như nhiều nơi khác trên địa bàn huyện.

Ngày 31 tháng 01 năm 1946, tự vệ xã Thiện Nghiệp, Thiện Khánh đã đi liên lạc, dẫn đường phối hợp tham gia đánh trận đầu tiên khi quân Pháp mới tấn công vào Phú Long (Xóm Lua).

Sau khi tự vệ ông Trương được thành lập, từ giữa năm 1946 đến giữa năm 1947, lực lượng quân sự xã đã phối hợp chặt chẽ, đánh liên tiếp nhiều trận vừa bảo vệ dân, bảo vệ căn cứ kháng chiến, làm tiêu hao sinh lực địch vừa bồi dưỡng lực lượng ta.

Tự rèn vũ khí và dùng vũ khí thô sơ để đánh địch là chủ yếu nên hồi ấy các lò rèn trong xã rực lửa ngày đêm để rèn mã tấu, dao găm... Kể từ đó đã hình thành “xóm lò rèn” gần chùa Trường Thọ (thuộc thôn Thiện Trung, xã Thiện Nghiệp ngày nay). Dân quân, du kích tham gia gác bù, báo động, báo an cho cán bộ, cơ quan và đồng bào đi lại; tiêu biểu nhất là phối hợp với các lực lượng huyện, tỉnh tham gia các trận đánh và đẩy mạnh hoạt động trừ gian, diệt ác, phá tề, đánh chống càn...

Ngoài việc thường xuyên phục kích các bàu, giếng nước gây tổn thất cho cán bộ, đồng bào, chiến sĩ ta; từ tháng 4 đến tháng 6 năm 1946, địch liên tiếp mở các trận càn vào vùng căn cứ của ta; lũng sục, đột kích vào Bàu Sen, Bàu Me, Bàu Tàng, Giếng Chanh, Giếng Đé, Triền ra đến tận Bàu Thiêu, Bàu Trắng... Hầu hết các trận càn ấy địch đều đi qua xã Quang Cảnh; lực lượng xã liên tiếp đánh chống càn, đưa dân đi tránh lánh...

Riêng thôn Triền (thôn Liên Quang) còn có nhiệm vụ gác bù, báo động, báo an, bảo vệ các cơ quan kháng chiến của tỉnh, của huyện ở Triền, Ô rô, rừng Tào Quang... Quân dân xã Quang Cảnh đã phối hợp chặt chẽ với các xã giáp ranh Dân Đồng, Dân Thạnh, đặc biệt là thôn Triền cùng với Giếng Chanh, các thôn Hòa Minh, Hòa Bình bảo vệ cơ quan của huyện của tỉnh đứng ở rừng Tào Quang và giồng Triền...

Bao vây, bức rút bót cầu Rạng và đồn Rạng là một trong những nhiệm vụ chính của du kích, dân quân xã Quang Cảnh. Gần 2 năm 1946 - 1947, quân dân ở xã đã liên tiếp bao vây, cô lập địch ở bót cầu Rạng bằng nhiều cách như bắn tỉa, phát loa làm công tác địch vận, bao vây chặn đường tiếp tế về lương thực, thực phẩm. Với nhiều hình thức bức rút đồn thù, bọn địch đóng ở bót cầu Rạng không chịu nổi, đến giữa năm 1947, chúng phải bỏ bót cầu Rạng rút vào đồn Rạng. Từ đó, nhân dân, cán bộ ở xã đi lại, sản xuất có phần thuận tiện hơn.

Ngày 9 tháng 6 năm 1947, anh Nguyễn Công Đức, hòa theo đoàn người gánh gạo vào chợ Mũi Né đã phát hiện và chỉ dẫn cho anh Nguyễn Văn Giáp – bộ đội huyện Hàm Thuận đột nhập vào hàng rào đồn Rạng giữa ban ngày gỡ lấy được một bọc khoảng 10 quả lựu đạn. Lòng mừng khắp khởi quay về đơn vị; khi đến cây Cà, không may anh Giáp lọt vào ổ phục kích của địch và hy sinh.

Một trong những hoạt động tiêu biểu, táo bạo, sáng tạo của ta là treo cờ cách mạng lên nóc nhà thờ Rạng. Nhằm gây thanh thế, tiếng vang của Việt Minh, tạo lòng tin cho dân, đồng thời hạ uy thế của địch; với sự chỉ đạo của Mặt trận Việt Minh, chính quyền xã đã yêu cầu du kích xã nghiên cứu, tìm biện pháp treo cờ cách mạng lên nóc nhà thờ Rạng (sát đồn Rạng).

Nhà thờ Rạng nằm chung trong khu vực đồn Rạng, địch bảo vệ nghiêm ngặt, lực lượng cách mạng rất khó đột nhập nhưng mặt khác nhà thờ Rạng nằm gần đường, nóc nhà rất cao, nhiều người dễ trông thấy. Nếu treo được cờ lên nóc nhà thờ này sẽ gây ảnh hưởng lớn, và tác dụng tốt về tư tưởng, lòng tin cho dân. Đồng chí Nguyễn Văn Phước (Tư Lâm) trung đội trưởng du kích xã vừa chỉ đạo, vừa xung phong cùng làm nhiệm vụ khó khăn, nguy hiểm này. Ba đồng chí trực tiếp làm nhiệm vụ nguyên là thợ hái dừa, leo trèo rất giỏi.

Vào một buổi chiều đầu tháng 4 năm 1946, khi trời chập choạng tối, tổ du kích mật phối hợp làm ám tín hiệu cho tiểu đội du kích thoát ly của xã đột nhập, ém quân quanh khu vực nhà thờ và đồn Rạng yểm trợ cho tổ xung kích hành động. Với sự giúp sức của hai anh Nguyễn Văn Phước và Đỗ Nhỏ to con, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, vừa cảnh giới, vừa giữ thang cho đồng chí Trần Nhỏ leo lên đỉnh cây thánh giá. Lá cờ được buộc sẵn vào cây tre tầm vông. Khi leo đến nơi, đồng chí Nhỏ dùng dây cước buộc chặt cán cờ vào cây thánh giá trên nóc nhà thờ. Giữa cán cờ ta buộc vải, giấy tạo dáng nguy trang giống hình quả lựu đạn để đánh lừa địch.

Lá cờ đỏ sao vàng rộng gần 2 mét vuông phấp phất bay cao trong gió, nổi bật hẳn lên trên những ngọn dừa xanh, hiên ngang, ngạo nghễ. Địch phát hiện nhưng không sao lấy được, phải bắn rất nhiều đạn, mấy ngày sau mới phá được lá cờ. Tinh thần dũng cảm, mưu trí, sáng tạo của các chiến sĩ du kích Rạng càng được dân tin yêu, mến phục. Mãi đến hôm nay, sau gần 70 năm, dân Rạng vẫn còn nhớ như in và

tự hào về vóc dáng vạm vỡ, hình ảnh của anh Tư Làm và tổ du kích gắn liền với lá cờ đỏ sao vàng năm ấy.

Vào tháng 6 năm 1946, khi lực lượng tự vệ ông Tương đang tập luyện tại đồi cát bầu Tâm Lang xã Dân Thạnh thì được nhân dân báo tin giặc Pháp đang càn vào xóm. Một trung đội được phân công bố trí thế trận vây đánh; du kích, dân quân Triều phối hợp báo động, báo an, theo dõi địch. Bọn địch chủ quan, ngạo mạn, bị đánh bất ngờ nên thiệt mạng 4 tên, số còn lại tháo chạy.

Cuối tháng 7 năm 1946, lực lượng tự vệ chiến đấu tỉnh (tự vệ ông Tương) phối hợp với tự vệ, du kích của xã Minh Thành, Dân Đồng, Dân Thạnh, Quang Cảnh... do đồng chí Nguyễn Tương trực tiếp chỉ huy, tập kích, công đồn Tuy Hòa. Dầu lửa, mìn đót được chuẩn bị chu đáo nhưng khi tiếp cận được đồn, đêm ấy trời mưa quá to, phát hỏa không cháy. Tuy ta chưa diệt được đồn, nhưng đây là trận công đồn đầu tiên trên địa bàn huyện; qua đó ta tập dượt, rèn luyện kỹ thuật và tinh thần, tự tưởng cho lực lượng tự vệ, du kích.

Du kích xã Quang Cảnh được điều động và phối hợp với các lực lượng trên tham gia nhiều trận đánh. Khoảng 3 giờ sáng ngày 10 tháng 8 năm 1946, một cánh quân của Pháp càn vào Bầu Tàng, chúng bắt anh Tư Được. Nhờ dân báo tin, đại đội Phan Đình Phùng bố trí đội hình phục kích. Hai bên đánh nhau dữ dội – bọn Pháp tháo chạy. Anh Tư Được cũng bung chạy. Nhờ đó ta đã giải thoát được một chiến sĩ du kích.

Tiếp đó, cuối năm 1946, đồng chí Nguyễn Tương lại huy động tự vệ các xã: Quang Cảnh, Dân Thạnh, Dân Đồng... cùng lực lượng tự vệ chiến đấu tỉnh đánh trận phục kích tại Rừng Rít, thuộc xã Quang Cảnh. Giữa trưa nắng, cát nóng, thiếu nước, quân Pháp đi càn từ Ô rô đang quay về vừa mệt, đói, vừa bất ngờ nên bị quân ta tiêu diệt và gây thương vong khoảng 10 tên. Đây là trận thắng lớn đầu tiên trên địa bàn xã. Quân dân xã Quang Cảnh vô cùng phấn khởi và tin tưởng ta có thể đánh được quân Pháp.

Sang năm 1947, dân quân, tự vệ, du kích xã tiếp tục được huy động, phối hợp với tự vệ ông Tương đánh liên tiếp nhiều trận: Ở Tuy Hòa, Cóc Chua, đá Ông Địa, động Bà Hoè... gây cho địch nhiều tổn thất. Vào một sáng tháng 5 năm 1947, du kích xã Quang Cảnh phối hợp với lực lượng tự vệ ông Tương phục kích tại đá Ông Địa. Đúng như dự kiến, 3 chiếc xe GMC của Pháp lọt vào ổ phục kích. Sau hơn 30 phút chiến đấu, quân ta tiêu diệt đoàn xe, làm chết và bị thương một trung đội địch, thu toàn bộ vũ khí. Trực tiếp chỉ huy trận này là đồng chí Tống Viết Khánh cùng 2 hàng binh người Nhật làm cố vấn. Sau trận này, lực lượng ta càng trưởng thành và có thêm vũ khí đánh giặc.

Trong vòng hơn một năm (tháng 6 năm 1946 đến tháng 10 năm 1947), tự vệ, du kích xã đã phối hợp tốt với các xã bạn và tự vệ ông Tương đánh giặc giữ làng, bảo vệ dân, cán bộ... là chỗ dựa tin cậy của chính quyền, Mặt trận đoàn thể và nhân dân xã Quang Cảnh.

Không chỉ phối hợp với tự vệ tỉnh, lực lượng của huyện Hàm Thuận, du kích xã còn phối hợp với bộ đội chủ lực để đánh địch trên địa bàn. Ngày 16 tháng 10 năm 1946, nhân dân Rẫy Thơm cung cấp tin quân Pháp ở đồn Tuy Hòa càn vào Triều. Đại

đội Quang Trung thuộc Tiểu đoàn 86 huy động du kích xã cùng triển khai thế trận đánh địch.

Đúng như tin báo của dân, vừa sáng một trung đội lính Pháp từ đồn Tuy Hòa càn vào Giếng Thiên, gặp lực lượng tự vệ, du kích ém quân ở đây nổ súng không cho chúng tiến sâu vào căn cứ; bị động, bọn địch phải quay về. Ra đến Rẫy Thơm, địch lọt gọn vào ổ phục kích, quân ta hoàn toàn làm chủ trận địa, xông lên xiết chặt vòng vây. Sau khoảng 90 phút đánh nhau quyết liệt, ta diệt tại chỗ 18 tên địch, thu được một số quân trang, quân dụng. Đây là trận thắng to đầu tiên trên địa bàn huyện Hàm Thuận, có sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa đồng bào, tự vệ, du kích xã với bộ đội chủ lực, thể hiện rõ nét nghệ thuật chiến tranh du kích - chiến tranh nhân dân...

Bộ đội chủ lực còn tổ chức diệt đồn địch giữa ban ngày, gây tiếng vang lớn trong toàn tỉnh. Sáng ngày 14 tháng 6 năm 1947, bộ đội Hoàng Hoa Thám do đồng chí Nguyễn Minh Châu chỉ huy cải trang đánh kỳ tập đồn Lâu Ông Hoàng, diệt nhanh gọn một đại đội địch đóng tại đồn, thu nhiều quân trang, quân dụng và vũ khí, đặc biệt trong đó có khẩu đại liên Vít-ke địch vừa đưa đến ngày hôm trước.

Tỉnh tổ chức lễ mừng chiến thắng lớn trận này tại Rẫy Thơm, có đông đủ đồng bào ở khắp nơi của Phan Thiết, Hàm Thuận về dự. Địa điểm sân lễ tại xã nhà nên nhân dân xã Quang Cảnh dự lễ rất đông. Tại đây không chỉ triển lãm mà bộ đội còn bắn thử mấy loạt Vít-ke. Đồng bào trong tỉnh nói chung, xã Quang Cảnh nói riêng vô cùng phấn khởi, tin tưởng, càng yêu thương, gắn bó với bộ đội ta. Trong đêm văn nghệ ấy, đồng bào, chiến sĩ còn được thưởng thức bài ca: “Chiến thắng đồn Lâu Ông Hoàng” của chiến sĩ ta vừa mới sáng tác:

“... Bên mình có bốn ông Tây,
Vớ mười chiến sĩ giả làm Việt gian.
Thỏ mình xuất hiện Việt Minh,
Tay cầm cây tiểu liên thanh bắn liền.
Bắn chết mười tên thỏ gian,
Vớ bốn thằng Pháp mà Lâu Ông Hoàng rung rinh...”

Trừ gian, diệt ác, phá tề, hạn chế sự kềm kẹp của địch nhằm mở rộng phong trào hoạt động của quân dân ta là một yêu cầu bức xúc của Rạng nói riêng, của toàn xã Quang Cảnh nói chung.

Đồng bào xã Quang Cảnh tổn thất, hy sinh nhiều và vô cùng khó khăn, cực khổ vì do địch đánh phá nhiều mặt, trong đó có tên Cai Hương tay sai sáng hơi, nguy hiểm. Lực lượng du kích xã quyết tâm tổ chức diệt tên này.

Hàng ngày tên Cai Hương ra chợ Rạng nhìn mặt, phát hiện những người ở vùng kháng chiến, hẳn luôn dọa nạt, vùi vãnh nhân dân. Vốn bản tính thích ăn chơi, ham mê tửu sắc, tên Hương thường lân la đến nhà ve vãn chị Nguyễn Thị Bán (Năm Bán) là một nữ du kích mật có nhan sắc nổi bật trong vùng; với làn da trắng mịn màng, dáng người dong dầy. Đội du kích thoát ly được phân công diệt ác phối hợp chặt chẽ với du kích mật và cơ sở bên trong nắm tình hình, theo dõi quy luật đi lại hoạt động của tên Hương rất kỹ.

Hôm ấy, giữa trưa nắng oi ả (tháng 3 năm 1947), từ đồn Rạng với nét mặt hí hửng, tên Hương xăm xăm đi xuống và ghé vào nhà ông Hồng gần nhà chị Năm Bán.

Tên Hương luôn chú ý rình rập, nắm tình hình, tìm cơ hội hòng dờ trò đối với chị Năm.

Đúng theo kế hoạch như đã hợp đồng tác chiến, xây dựng phương án đánh địch từ trước, vừa thấy cơ sở mật làm ám hiệu; nhanh như chớp 4 chiến sĩ du kích (Xu, Lương, Mùi, Tâm) phục kích trong hồ nhuộm lưới gần nhà chị Năm Bắn nhảy ra tiêu diệt nhanh gọn, bốn chiến sĩ rút lui liền sau đó. Với tuổi 15, Trần Xu và đồng đội đã làm được việc lớn, diệt tên ác đầu sỏ, nhân dân rất tin tưởng, mến phục. Ngay sau đó, chị Năm Bắn và cả gia đình lập tức chạy ra vùng kháng chiến.

Quá hoảng sợ, tên Hương gắng gượng chạy điếng về đồn Rạng cách đó khoảng vài trăm mét, mấp máy thều thào: “Tao vào nhà con Bắn, bị thằng Xu và du kích đâm...”. Bọn địch trả thù hèn hạ, lập tức đốt sạch khoảng 50 nhà dân. Ngày 24 tháng 3 năm 1947 (ngày mùng 2 tháng 02 năm Đinh Hợi) chúng bắt, giết các ông: Trần Lô, Trần Lạc, Trần Đùm là cha, chú và anh ruột của đồng chí Trần Xu rồi chôn chung một hố ở gần đồn Rạng. Tiếp đó, ngày 20 tháng 4 năm 1947 (ngày 29 tháng 5 năm Đinh Hợi) địch ở đồn Rạng tiếp tục bắn các đồng chí Mai Thanh Khiết, Nguyễn Văn Hiếu... và chôn chung một hố.

Sau khi Cai Hương đền tội, Kiểm Quế (cha của Hương) và Kiểm Qườn lại nổi lên tiếp tục hại dân, hại nước. Khoảng một tháng sau – cuối tháng 4 năm 1947, đồng chí Nguyễn Văn Phước (Tur Làm) trực tiếp chỉ huy trung đội du kích xã diệt gọn hai tên tay sai phản quốc.

Diệt ác mạnh, lũ tay sai chùn bước, dân đi lại dễ dàng hơn nhưng bọn địch hần học trả thù, bắn, giết đồng bào càng man rợ. Cuối năm 1947, địch treo giá: “Ai lấy được đầu của đồng chí Phạm Đình Hòe - bí thư chi bộ xã Quang Cảnh thì được thưởng mười ngàn đồng tiền Đông dương”.

Trong một trận càn quét vào Thiện Nghiệp vào những ngày đầu Pháp mới chiếm đóng Hàm Thuận, quân giặc ập vào chùa Trường Thọ lục soát, lấy được trên máng thượng 2 lá cờ: Cờ Đảng và cờ Tổ quốc. Chúng khẳng định các thầy chùa là Việt Minh, xông vào bắt và trói 2 nhà sư vào gốc cây sò đo phía trước chùa tra khảo.

Dù bị tra tấn dã man nhưng hai nhà sư chỉ nhận mình là người tu hành; nhằm uy hiếp, khủng bố tinh thần của nhân dân, chúng đưa thầy Nguyễn Tâm Tú và thầy Nguyễn Văn Sâm trói vào cây me to gần chùa xử bắn, lúc ấy khoảng 10 giờ ngày 18 tháng 02 năm 1946 (nhằm ngày 17 tháng Giêng năm Bính Tuất). Mãi đến chiều hôm đó, đồng bào mới cởi trói được và tổ chức mai táng hai nhà sư ở trước sân chùa.

Từ đó về sau, hàng năm cứ đến ngày 17 tháng Giêng, dân làng ở đây tụ tập đến chùa hương khói, cúng giỗ để tưởng nhớ, tự hào về hương linh hai nhà sư yêu nước và khắc sâu thêm mối thù quân cướp nước và bán nước. Các cụ già thường kể cho con cháu nghe về lòng quả cảm của thầy Sâm và thầy Tâm Tú, pháp danh Thượng Thiện Hạ Tài, pháp hiệu Huỳnh Sơn.

Ngày hôm sau (19 tháng 02 năm 1946), giặc Pháp tiếp tục càn vào Bàu Me. Bọn tay sai vừa đập phá, vừa tuyên bố: “Chùa của Việt Minh, Miếu cũng của Việt Minh”. Vách miếu xây bằng đá núi, mái lợp ngói; đốt miếu không được nên chúng đập phá bàn thờ, xé cờ, bài vị, đập gãy giáo, mác... thờ trong Miếu!

Ở Rạng - Thiện Khánh có ông Nguyễn Giáo (Giáo Cà) - người theo đạo Thiên chúa, vốn là cơ sở cách mạng từ năm 1930; sau khi ta diệt đồn Rạng, giặc giết chị

Đào con gái của Ông, ông tản cư ra Hòn Một tham gia kháng chiến, vận động con cháu của mình rã ngũ, không đi lính cho Pháp. Về sau Ông là một trong những cốt cán, hội viên nòng cốt, tích cực trong Hội Thiên chúa giáo kháng chiến của xã và huyện. Ông luôn tích cực vận động giáo dân ủng hộ kháng chiến.

Đội thiếu niên Thiện Khánh, Thiện Nghiệp, sau đó là xã Quang Cảnh thông minh, mưu trí, dũng cảm, gan lì, làm được nhiều việc lớn hơn lứa tuổi của mình: gác bù, đi liên lạc, báo động, báo an, kể cả việc tham gia diệt ác... Với cái tuổi 15, 17, các em đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nhiều em thật sự tiêu biểu như: Trần Xu, Vọng, Nhân, Út, Sáu, Thiện, Thanh, Tâm, Mạnh, Ngẫu, Trợ, Để, Hoài, Xuân, An...

Thật đáng ghi nhận, tôn vinh, tự hào về các nữ thanh niên là dân quân du kích xã. Đầu năm 1946, chính quyền cách mạng xã Thiện Khánh sớm quan tâm củng cố, phát triển lực lượng du kích, trong đó có một tiểu đội nữ và được chia thành hai bộ phận: tổ thứ nhất thoát ly ra vùng căn cứ; tổ thứ hai là du kích mật - sống và hoạt động ngay trong lòng địch (vùng Rạng). Trong tiểu đội nữ có nhiều chị mới ở cái tuổi mười lăm – mười bảy.

Nguyễn Thị Mười, mới 16 tuổi; đi liên lạc mang công văn từ thôn lên xã, không may lọt vào ổ phục kích của địch. Mua chuộc, dụ dỗ không thành, chúng đã hèn hạ tra tấn em đến chết. Mười hy sinh dũng cảm và đã giữ được bí mật, không hé lộ những thông tin quan trọng của cách mạng.

Nhiều chị rất tiêu biểu như Nguyễn Thị Bán, Huỳnh Thị Dương... xuất sắc nổi bật nhất là Nguyễn Thị Nuôi (còn có tên kháng chiến là Võ Thị Ngọc). Vốn là cô gái vườn quê, vất vả dầm mưa dãi nắng nhưng làn da của Chị vẫn trắng mịn với mái tóc đen suông dài, mượt mà, óng ả càng làm tôn lên vẻ đẹp của khuôn mặt trái soan. Cô gái miền biển, xúr vườn mang đậm tính thật thà, chơn chất, duyên dáng, sắc sảo, chừng chạc hơn nhiều so với lứa tuổi vừa tròn mười tám xuân xanh.

Chị thường được đồng đội gọi bằng một cái tên thân thương là cô Hai Ngọc. Với vai trò đội viên du kích mật sống hợp pháp ở Rạng – vùng địch tạm chiếm nên Ngọc có điều kiện luôn bám sát đồn giặc, phối hợp tham gia nhiều việc do tổ chức phân công; hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ: gác bù, làm ám tín hiệu, nắm tình hình, cung cấp tin tức, đi liên lạc cho má Lung, chuyển tài liệu, vũ khí từ vùng kháng chiến vào xóm Rạng và trực tiếp tham gia diệt ác...

Trong sự kiện nổi tiếng vào tháng 4 năm 1946, tổ du kích Rạng treo lá cờ đỏ sao vàng thật to lên nóc nhà thờ Rạng; chị Ngọc là một thành viên tích cực thâm nhập nắm tình hình và tham gia cảnh giới cho các anh yên lòng tập trung hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Nắm được quy luật bọn lính Tây trong đồn Rạng háo gái, hóng hách, ngạo mạn, thường ra chợ Rạng hù dọa, khống chế đồng bào vừa tán tỉnh chọc ghẹo các cô gái; lãnh đạo xã phân công cho lực lượng du kích nghiên cứu tìm cách diệt địch táo bạo bất ngờ, làm thổi động và gây tiếng vang lớn. Đánh địch bằng “mỹ nhân kế” là phương án tối ưu đã được lãnh đạo thông nhất; vấn đề còn lại là ai dám sẵn sàng nhận nhiệm vụ. Người trực tiếp nhận vai đó phải mỹ miều, nhan sắc vừa thông minh, dũng cảm, bình tĩnh, vừa hết sức nhanh nhẹn...

Không ai khác, cô Hai Ngọc chính là người được tổ chức tin giao công việc phức tạp, nguy hiểm ấy. Thế là Chị được cấp trên điều ra chiến khu tập luyện kỹ thuật

sử dụng thành thạo dao găm, lựu đạn... và mang vũ khí về nhà chôn giấu. Sau quá trình thâm nhập nắm tình hình, chuẩn bị thật kỹ càng, công phu, tỉ mỉ về mọi mặt nhất là yếu tố tinh thần và tâm lý. Sáng hôm ấy, Ngọc đến chợ với rổ rau muống nặng hơn thường lệ. Nhờ phong cách mời chào khách mua rau đơn giản, duyên dáng, tên lính Pháp háo sắc đã từng phải lòng say đắm cô gái bán rau xuất hiện sớm hơn mọi ngày, lần la ve vãn...

Với sự phối hợp trợ giúp của đồng đội ở các địa điểm đã được bố trí xung quanh, Nuôi bình tĩnh lật mấy bó rau ngụy trang đây trên mặt rổ; thật nhanh gọn và cực kỳ chính xác - chiếc dao găm bén nhọn cắm phập vào ngực – tên Pháp bùng súng lẫn lộn kêu la. Đúng lúc đó, súng từ hai tổ du kích yểm trợ đồng loạt nổ. Trong lúc hỗn loạn, lính trong đồn chưa kịp trở tay; nhanh như chớp, Nuôi chụp khẩu tiểu liên thomson của hắn băng thoăn thoắt hướng về vùng căn cứ. Thấy địch đuổi sau lưng, không thể chần chừ, rất nhanh trí, Chị giấu khẩu súng vào đống vỏ sò hầm vôi ở trước nhà má Đình cho nhẹ người rồi nhanh chân ẩn khuất sau mấy lùm cây. Nghe tin địch lộng lộn truy bắt, cả gia đình Ngọc phải lập tức tản cư ra vùng kháng chiến an toàn.

Sau trận đánh Tây táo bạo ấy, kết hợp với bao vây bức rút đồn bót và công tác địch vận của ta; lính ở bót cầu Rạng và đồn Rạng rúng động, bót hung hăng, lộng hành ức hiếp nhân dân. Chính những thành tích, chiến công vang dội, tiêu biểu ấy, bọn địch ở đây rất căm tức, luôn tìm đủ mọi thủ đoạn để trả thù đối với người nữ du kích mưu trí kiên cường.

Vào một ngày đầu mùa hạ tháng 4 năm 1947, trong chuyên công tác, Ngọc hóa trang đột nhập vào xóm Rạng giữa trưa, bị mật thám phát hiện truy đuổi, Chị đã gắng sức xuống được hầm bí mật nhưng do có gián điệp chỉ điểm, địch huy động lực lượng bao vây phong tỏa. Ngọc bị giặc bắt dẫn đi trước sự lo lắng, tiếc thương của đông đảo nhân dân, đồng đội.

Như bây giờ hồ dữ vô được miếng mồi ngon, địch đưa Ngọc về đồn Rạng đánh phủ đầu, tra tấn liên tiếp mấy ngày đêm, bắt chị phải cung khai và thừa nhận những việc Chị đã làm nhưng không có kết quả. Thế là địch giải giao Chị lên đồn Mũi Né hành hạ, đánh đập, nhục hình hơn hai tuần lễ vẫn không moi thêm được thông tin. Bọn đao phủ hèn học đưa Chị quay về lại đồn Rạng tiếp tục khảo tra. Hơn một tháng ròng rã, hết địch ở đồn Rạng đến đồn Mũi Né, rồi lại đồn Rạng dùng mọi thủ đoạn, đủ cực hình: tra tấn, dụ hàng, ve vãn... Vì mê mẩn nhan sắc, có tên hứa sẽ bảo lãnh nếu Chị chịu làm vợ hắn, song vẫn bị khước từ. Không từ bỏ một thủ đoạn nào - chúng đã hèn hạ, nhẫn tâm cắt mái tóc dài suông, mượt mà của Chị. Mặc cho quân thù dùng hết các thủ đoạn gian manh nhưng không sao khuất phục được người con gái kiên trinh, bất khuất ...

Với đôi lần may mắn nhận được gô com thăm nuôi của gia đình, không bỏ lỡ cơ hội, Chị đã khôn khéo gửi được bức thư thật ngắn gọn cho tổ chức bằng lời lẽ đanh thép vừa như trăng trời, dạn dò: “Cháu đã xác định thà chết chứ không khai báo, các cô chú yên tâm...”. Đọc được thư Chị, má Chế Thị Minh (thường gọi là Má Lung); người hoạt động bí mật bên trong lòng địch trực tiếp tổ chức, lãnh đạo Ngọc đã tự hào và nghẹn ngào nhận xét: “Đúng là con gái của xứ Rạng, con gái của Mẹ, nó mà khai thì chúng ta sẽ tổn thất khó lường”.

Khi trăng lên xế bóng trong cái đêm đáng thương, đáng nhớ – đêm 08 tháng 6 năm 1947 (nhằm 20 tháng 4 năm Đinh Hợi) địch ở đồn Rạng lén đưa chị Ngọc lên khu vực Đường Hàm - Mã Thánh nhằm bí mật cắt cổ thủ tiêu. Hành động đê hèn, gian ác của chúng không sao qua được sự theo dõi chặt chẽ của đồng bào Rạng – cùng bọn đao phủ người Pháp áp tải bên Chị còn có tên tay sai đắc lực Lý Hòa Xướng – người cùng làng với Ngọc đi trước dẫn đường.

Đứng trên đồi cát, dưới ánh trăng, hai tay nắm chặt nắm đất quê hương nhìn toàn cảnh Rạng thân yêu lần cuối, cô Hai Ngọc đồng dạ hô to “Hồ Chí Minh muôn năm”. Giữa đêm thanh vắng, tiếng thét căm hờn, thanh thót vang lạnh lạnh của Ngọc như tiếng kèn xung trận mãi mãi ngân vang trong lòng quân, dân Rạng; khiến kẻ thù cũng phải khiếp phục người nữ du kích xóm Rạng kiêu hãnh, bất khuất, kiên cường.

Thông qua tình làng, nghĩa xóm; gia đình nhờ ông Giáp trong Ban hội tế xã Thiện Khánh xin xác chị Nuôi về chôn cất, quân Pháp vẫn không cho, chúng viện lý do dưới xác có cài lựu đạn. Quá tiếc thương người con trung dũng, gia đình, đồng đội đã bí mật lập thể chuyển xác chị ra khỏi nơi nguy hiểm ấy.

Thủ tục mai táng hết sức đơn sơ - chiến tranh là thế; một tấm ván lót lưng và chiếc chiếu phủ người, Ngọc được yên nghỉ tại chính cái nơi Chị đã hy sinh (trên Dốc Rạng, Đường Hàm - Mã Thánh). Thương tiếc và khâm phục Chị nên các anh: Năm Chén, Tư Đô, Tư Ôm, Sáu Tản... người dân cùng làng bí mật, vội vàng, khăn trương tấm liệm, chôn cất Ngọc trước sự căm đoán của quân thù ...

Tính đến giữa năm 1947, Chị Ngọc là nữ du kích đầu tiên diệt được lính Tây, thu được súng giữa ban ngày trên chiến trường Bình Thuận. Mới hơn một năm tham gia kháng chiến, Ngọc đã thể hiện tài trí của mình trên cả ba chiến trường: trong lòng địch, ở chiến khu, tại nhà tù của giặc. Chỉ là một nữ thanh niên, một đội viên du kích bình thường nhưng chị Ngọc đã sống, chiến đấu, hy sinh như một người cộng sản, thật xứng đáng là ngọn cờ đầu trong phong trào nhân dân du kích chiến tranh của tỉnh nhà.

Kể từ đó, đoàn thể các cấp trong tỉnh phát động bộ đội, hội viên, đoàn viên, thanh thiếu niên... học tập tinh thần chiến đấu bảo vệ khí tiết cách mạng và quyết tâm trả thù cho người con gái xóm Rạng. Hình ảnh, tấm gương của cô Hai Ngọc không bao giờ phai nhạt trong tâm trí, tình cảm của đồng bào Rạng cũng như quân dân căn cứ Ô Rô, Lê Hồng Phong, Hàm Thuận... Chị Nguyễn Thị Nuôi - nữ du kích Rạng, một cô gái xinh xắn, hiền lành sớm trở thành tấm gương sáng cao đẹp tuyệt vời về lòng dũng cảm, trí thông minh cho quân dân huyện Hàm Thuận và toàn tỉnh Bình Thuận lúc bấy giờ.

Tiểu đội nữ du kích là “con cưng”, là lực lượng đặc biệt của Rạng, xã Quang Cảnh và của huyện Hàm Thuận. Các chị nhỏ nhắn, xinh tươi, hiền dịu; từ tình yêu quê hương, đất nước, chí căm thù giặc đã trở nên cứng cỏi, mưu trí, dũng mãnh, thông minh và làm được rất nhiều việc lớn. Trong tập thể ngoan cường đó, Chị Ngọc là hiện thân của con cháu Trưng Vương - một trong những nữ du kích mình đồng, da sắt, bất khuất, kiên cường, gan dạ đến lạ thường. Đồng bào ai cũng hết mực tin yêu mến phục. Chính kẻ thù cũng phải khiếp sợ người nữ du kích miền biển, xứ dừa. Đến nay, sau gần bảy mươi năm đã đi qua, song hình ảnh của chị Ngọc vẫn không phai mờ trong tình cảm, tâm trí của mọi người, nhất là nhân dân xóm Rạng.

Cái chết bất tử của cô Hai Ngọc là biểu tượng tuyệt vời về lòng yêu nước, thương dân và nghệ thuật chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích. Sức chịu đựng, tinh thần chiến đấu dũng cảm, phi thường của người nữ du kích năm xưa ở Rạng thể hiện rõ nét chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam. Thật đáng cho các thế hệ khâm phục, tự hào, tôn vinh và suy ngẫm.

Tuổi trẻ xã Quang Cảnh là thế - còn các ba các má cũng rất ngoan cường, gương mẫu đi đầu trong mọi công việc nhất là công tác nuôi quân. Cán bộ, chiến sĩ ở khắp miền đất nước, khi đến xã Quang Cảnh hoạt động đều cảm thấy như về chính quê nhà vì luôn được sự chở che, chăm sóc của các chị, ba, má chiến sĩ. Đặc biệt là từ ngày 27 tháng 7 năm 1947, khi có Chỉ thị của Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng lấy ngày 27 tháng 7 hằng năm làm ngày thương binh, liệt sĩ. Từ cuối năm 1947 trở đi, phong trào Hội mẹ chiến sĩ nhận đỡ đầu, nuôi dưỡng bộ đội, thương binh bằng tất cả nghĩa tình. Hàng chục bà mẹ ở Bàu Me, Bàu Sen, Triền, Giếng Đé đã hết lòng vì bộ đội, thương binh. Cán bộ, chiến sĩ đã từng chiến đấu ở chiến trường Bình Thuận đều biết và nhắc tên các má chiến sĩ: Má Năm, má Di, má Sáu, má Bảy (Trương Thị Muộn), má Cối Giã (Trần Thị Đông), má Hai Vạn (Nguyễn Thị Chặng), má Trợ (Ngô Thị A), má Lung (Chế Thị Minh), má Quảng, má Châu, má Lâu, má Mỹ, má Phan Thị Miêu, má Nguyễn Thị Máy, má Nguyễn Thị Ty, má Liên, má Hương, má Rạng, má Thân, má Dĩ... Khu vực nhà ở và vườn mít của má Ngô Thị A (má Trợ) và má Nguyễn Thị Ai (má Hai) là nơi đóng quân, tổ chức lễ khao quân của bộ đội. Vườn mít xanh tốt chở che bộ đội. Mãi đến nay tuổi thọ gần cả 100 năm, nhiều cây mít cổ thụ là di tích lịch sử oai hùng ấy vẫn hiên ngang đứng vững trước thời gian, ghi lại dấu ấn của một thời chịu đựng đạn bom, chở che bộ đội lại vừa bao vây quân thù.

Các má lo cho bộ đội, chiến sĩ từ bữa ăn, giấc ngủ, cả khi hành quân xông trận diệt thù. Đến nay, sau gần 70 năm, các anh bộ đội còn nhớ như in lời động viên, dặn dò của các Mẹ: "... Bữa nay đánh bắt được ít cá tươi ... Mẹ nấu cho thật ngon – ráng ăn đi con – ăn mạnh để đủ sức đi đánh giặc. Đi đường phải coi trước, ngó sau, cẩn thận nghe các con..."

Tình cảm và sự chăm lo của các Má, các Chị ở xã Quang Cảnh nói riêng, Hàm Thuận nói chung chính là lực lượng hậu cần nhân dân, hậu cần tại chỗ, góp phần tạo nên sức mạnh vô biên để chiến thắng quân thù. Hội Mẹ chiến sĩ với phong trào nuôi quân là một biểu tượng tuyệt vời, một nét độc đáo của chiến tranh nhân dân ở Bình Thuận, Hàm Thuận. Má Dĩ, Má Năm quê ở Mũi Né nhưng có mặt khắp nơi, đã từng về hoạt động tại xã Quang Cảnh phát động phong trào; có lúc hai má trực tiếp cùng các con xông trận.

Nhiều Mẹ nhận nuôi thương binh nặng, lo việc vợ con cho thương binh như chính con ruột của mình. Nhiều người cha cũng hết lòng phục vụ bộ đội, nuôi thương binh, nhà các cụ là điếm dừng chân, nghỉ ngơi của bộ đội, bằng uy tín của mình, các Ba còn vận động, quyên góp tiền hàng cho "Mùa đông chiến sĩ", các ba Lê Đắc, Lê Mai... luôn luôn giữ vai trò nòng cốt, đi đầu trong công tác nuôi quân.

Vào một sáng tháng 8 năm 1947, địch bất ngờ đột nhập vào xóm Rạng bắt đồng chí Hồ Nhất Trinh - Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh xã Quang Cảnh. Nghe báo động, chị Huỳnh Thị Xẩm, bí thư Hội phụ nữ xã chạy ra đến bìa rừng, nhưng sợ nhỡ đến chiếc túi nhái đựng tài liệu còn để lại nhà, Chị quyết định quay về. Vừa giấu xong

tài liệu thì địch bao vây bắt Chì. Hai đồng chí Hồ Nhất Trinh và Huỳnh Thị Xảo là những cán bộ trung kiên, có mặt trong những ngày đầu giành chính quyền, luôn gần gũi quần chúng, được dân tin yêu, mến phục, là một trong những đảng viên Cộng sản đầu tiên của xã Quang Cảnh.

Đồng chí Hồ Hữu Thạnh là một trong những tự vệ xông xáo, là một trong những chủ lò rèn rực lửa suốt ngày đêm - rèn vũ khí thô sơ cho cách mạng. Năm 1947, anh là cán bộ Việt Minh, vừa là chiến sĩ du kích tập trung của xã Quang Cảnh. Trong một trận bao vây bức rút đồn Rạng, đồng chí bị giặc bắt.

Ông Đàm Nhung, đã từng là lý trưởng tiền bộ trước năm 1945 sớm trở thành một trong những cán bộ chủ chốt, xông xáo, có mặt ngay ngày đầu mới giành chính quyền năm 1945. Khi được tổ chức phân công làm thôn trưởng thôn Thiện Chánh, ông luôn sát địch, sát dân. Trong một lần đi công tác, ông bị địch bắt đưa về đồn Rạng tra tấn, nhưng không lấy được tin tức, chúng quyết định giết ông...

Đồng chí Huỳnh Thị Huyền (vợ của thầy Sơn) là cán bộ phụ nữ Cứu quốc xã Thiện Khánh từ những ngày đầu Cách mạng tháng Tám năm 1945, nằm trong Ban chấp hành Hội phụ nữ cứu quốc xã Quang Cảnh, lại vừa là cán bộ trong Ban chấp hành Hội mẹ chiến sĩ. Khi bị sa vào tay giặc, đồng chí đã kiên cường chịu mọi cực hình tra tấn, không làm lộ bí mật của cách mạng, của đoàn thể.

Dù bị giặc Pháp ở đồn Rạng tra tấn dã man, nhưng các đồng chí Huỳnh Thị Xảo, Hồ Nhất Trinh, Hồ Hữu Thạnh, Đàm Nhung, Huỳnh Thị Huyền đã kiên hùng giữ vững khí tiết, giữ bí mật cho cách mạng. Ngày 28 tháng 8 năm 1947, chúng hành hình cả 05 đồng chí và chôn chung một hầm ở trước Lăng Ông Thiện Khánh (Vạn lười rừng). Kể từ ấy, đồng bào ở đây thương tiếc, mến phục, đặt địa danh này là “Mộ 05 hình”. Đó là một ngày đáng nhớ của đồng bào Quang Cảnh.

Trước sức đánh phá ác liệt của địch trong những năm đầu kháng chiến nên việc theo dõi, báo cáo tình hình hoạt động của địch kịp thời, chính xác có ý nghĩa cực kỳ quan trọng cho mọi hoạt động của ta. Do đó, các chiến sĩ gác bù, báo động, báo an càng nêu cao tinh thần trách nhiệm, mưu trí, dũng cảm. Anh Huỳnh Thiện Ngôn, trưởng Ban liên lạc xã Quang Cảnh là một trong những chiến sĩ gác bù quả cảm, mẫu mực.

Cuối năm 1947, anh Ngôn cải trang đang canh gác trên ngọn cây me cao ở bìa xóm Rạng, địch tình nghi bắt anh vào đồn Rạng tra tấn, khai thác nhằm nắm phương thức gác bù, công tác thông tin liên lạc của ta. Trước mọi cực hình nham hiểm, ác liệt của quân thù, anh Ngôn vẫn giữ được bí mật cho cách mạng, anh chỉ trả lời: “Tôi leo lên cây me để hái me”.

Không moi được thông tin, địch vô cùng tức tối, cuối cùng chúng đưa anh ra xử bắn. Trước lúc hy sinh, anh Ngôn bình tĩnh đưa tay lên cao và hô to “ Hồ Chí Minh muôn năm”. Nhờ tinh thần hy sinh quả cảm của các chiến sĩ trong Ban liên lạc, những anh chị em gác bù... nên những cây bù ở xã Quang Cảnh và các xã lân cận mãi mãi là thông tin, vừa là niềm tin quan trọng của lực lượng kháng chiến. Các điểm gác bù, các vọng gác ở núi Hòn Một, cây Me Rạng, cây Cám, cây xây... đã trở thành niềm tin, dấu ấn, tình cảm sâu nặng của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào xã Quang Cảnh.

Về phát triển kinh tế kháng chiến. Thực hiện chủ trương của tỉnh Bình Thuận và của huyện Hàm Thuận về phát triển kinh tế kháng chiến; với tinh thần:

“Không đánh giặc thì giặc cướp của ta,
Không tăng gia lấy gì nuôi quân đánh giặc.”

Quân dân xã Quang Cảnh đã thi đua sản xuất để vừa có ăn, vừa tích lũy nuôi quân. Đồng bào ở đây tiếp tục phát huy thế mạnh của mình với 3 nghề: làm ruộng, làm vườn, làm rẫy và đánh bắt cá; trong đó có 2 nghề chính có tiềm năng lớn là vườn rẫy và biển.

Đối với vùng biển, đồng bào vùng Rạng vừa đánh bắt cá vừa chế biến các loại mắm (mắm nục, mắm mò, mắm ruốc, mắm thính...), cá khô và nước mắm. Đây là nguồn thực phẩm vô cùng quan trọng, phong phú cho lực lượng kháng chiến xã, huyện, tỉnh và Ban cán sự cực Nam.

Ngoài trái cây đặc sản như thơm, dưa, dứa, mít, măng cầu ... nhân dân Rẫy Thơm, Triền, Bàu Sen, Bàu Me, Bàu Tàng còn tăng gia sản xuất nhiều loại đậu, bắp, các loại khoai: lang, nọc, mì, tím, từ, bị... Đây là nguồn lương thực cơ bản phục vụ kháng chiến.

Trong điều kiện chiến tranh nhưng không chỉ dừng lại ở sản xuất tự túc, đồng bào xã Quang Cảnh còn làm ra hàng hóa để trao đổi, mua bán với dân ở vùng địch hậu. Do nhu cầu của cuộc kháng chiến lâu dài cũng như việc mua bán, trao đổi nông, lâm, hải sản để đổi lấy nhiều mặt hàng công nghiệp, nhu yếu phẩm khác từ vùng địch tạm chiếm; do vị thế của chiến trường, xã Quang Cảnh và các xã giáp ranh đã hình thành một số chợ kháng chiến với quy mô khá lớn: chợ Dầu Bà Én ở xã Dân Thạnh (ngày nay là xã Hồng Sơn), chợ cây Xây nằm ở vị trí tiếp giáp 3 xã: Quang Cảnh, Hàm Nhơn, Hàm Đức, chợ Láng Chai gần Bàu Thiêu cũng thuộc xã Quang Cảnh. Về sau chợ cây Xây gồm hai điểm nhóm: chợ trên và chợ dưới. Thông qua các chợ kháng chiến này, nhân dân, bộ trao đổi hàng hóa với nhau, quan trọng hơn là trao đổi tiền, hàng giữa vùng ta và vùng địch. Các chợ kháng chiến là nơi giao lưu kinh tế, chính trị, văn hóa, tình cảm giữa nhân dân vùng ta và vùng địch, là cầu nối giữa 2 vùng: căn cứ kháng chiến và vùng địch hậu. Nhiều tin tức quan trọng, tiền hàng thiết yếu được cung cấp từ đây.

Nhân dân xã Quang Cảnh còn làm tốt các nhiệm vụ bao vây kinh tế địch, đánh chống càn bảo vệ mùa màng không cho địch cướp phá. Để phát triển kinh tế vùng ta, một nhiệm vụ quan trọng đặt ra là phải cùng với bộ đội huyện, tỉnh đánh giặc ngăn chặn không cho chúng phá, đồng thời thu hoạch nhanh gọn và cất giấu tốt nông sản, nhất là lúa gạo...

Nhờ phát triển kinh tế thuận lợi, các tầng lớp nhân dân ở 3 vùng: vùng kháng chiến, vùng bản lẻ và vùng địch hậu đóng góp tiền, hàng cho kháng chiến. Nhiều gia đình hàm hộ đã ủng hộ và nộp thuế rất tích cực. Rạng, Mũi Né, Phú Hải là một trong những nơi nộp thuế, đóng đảm phụ kháng chiến nhiều nhất trong toàn tỉnh, được lãnh đạo tỉnh biểu dương.

Cùng với phát triển kinh tế, đến cuối năm 1947, nhiều tổ chức từ huyện đến xã được thành lập như y tế, giáo dục, văn hóa văn nghệ... các đoàn thể đều được củng cố. Từ đó các phong trào y tế, giáo dục, thể dục, thể thao ở vùng kháng chiến đều bắt đầu phát triển, đây là tiền đề, cơ sở để những năm tiếp theo các phong trào kháng chiến toàn diện ở xã Quang Cảnh được nâng lên thành cao trào.

Khi quân Pháp quay lại chiếm đóng, hầu hết nhân dân Thiện Nghiệp, Thiện Khánh đã tham gia kháng chiến; các tôn giáo, thầy giáo, tầng lớp trên... đều ủng hộ Mặt trận Việt Minh; tiêu biểu trong số hàm hộ có các ông Nguyễn Mộc, Nguyễn Trân, Mai Hời, Lê Đầu. Chánh tổng cũ tiến bộ có các cụ Đỗ Hữu Khanh, Dương Long...

Qua hai năm vừa kháng chiến, vừa xây dựng (1946 - 1947) thực hiện Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch hãy làm: “Công việc cần kíp lúc bấy giờ” (tháng 10 năm 1946); “Toàn quốc kháng chiến” (tháng 12 năm 1946), dồn nén thương đau, vượt qua bao tổn thất, hy sinh, thách thức vô cùng ác liệt, quân dân xã Quang Cảnh vừa sản xuất, vừa chiến đấu, vừa kháng chiến, vừa xây dựng lực lượng. Qua đó, Quang Cảnh đã có chính quyền, đoàn thể, Mặt trận, có chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam; có lực lượng vũ trang với thể trận 3 vùng: Kháng chiến, bản lề và vùng địch hậu; có thể trận chiến tranh nhân dân, có sức mạnh và niềm tin. Đây là cơ sở tiền đề vô cùng quan trọng để toàn Đảng, quân, dân xã nhà vững bước tiếp tục cuộc kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện.

Chương II

Đảng bộ, quân, dân xã Quang Cảnh

đẩy mạnh nhân dân du kích chiến tranh, kháng chiến toàn dân, toàn diện (1948 - 1950)

Về địch: xã Quang Cảnh là cửa ngõ của căn cứ Ô Rô, căn cứ của tỉnh Bình Thuận và huyện Hàm Thuận; có nhiều tổ chức, cơ quan, đơn vị của huyện, tỉnh, Ban cán sự Cục Nam đứng chân; do đó nhiều lực lượng địch từ phủ đến tỉnh, các đồn thường xuyên càn quét, đánh phá. Không chỉ các đồn Rạng, Thạch Long, Mũi Né, Lầu Ông Hoàng mà cả các lực lượng khác ở Phú Long, Kim Ngọc, Ma Lâm cũng phối hợp tấn công xã Quang Cảnh. Địch thường vào xã từ nhiều hướng: Ma Lâm qua; Triền, Phú Long vào; Tuy Hòa lên; Phú Hải, Rạng và Mũi Né thọc vô. Năm 1948, cán bộ, chiến sĩ, đồng bào xã Quang Cảnh tiếp tục hy sinh tổn thất. Ngày 11 tháng 02 năm 1948 (mùng 2 tháng Giêng năm Mậu Tý), đồng chí Nguyễn Dàn (Chín Dàn) cán bộ xã Quang Cảnh bị Pháp bắn hy sinh, thi hài đồng chí được an táng tại thôn Công Nông.

Một số cán bộ của xã gồm các ông: Thọ Tám, Nguyễn Tấn Phát, Đinh Văn Đay, Nguyễn Chừ, Nguyễn Thủ bị địch bắt tra tấn rất dã man; ngày 06 tháng 5 năm 1948 (ngày 28 tháng 3 năm Mậu Tý), chúng đã treo cổ 5 đồng chí kê trên ở đồn Thạch Long (Mũi Né). Tiếp sau đó đồng chí Trần Văn Nghi, cán bộ xã hy sinh.

Biện pháp, thủ đoạn đánh phá của địch đối với vùng căn cứ. Chúng phối hợp các lực lượng lính Lê Dương, Patidăn, Comăndô càn vào căn cứ từ cấp đại đội đến tiểu đoàn, địch tập trung triệt hạ các con đường chiến lược, cắt đứt giao thông, liên lạc vận chuyển, tiếp tế của ta; trong đó có 2 con đường quan trọng nhất là đường Hàm - Mã Thánh từ Rạng vô Bàu Sen và “đường Trông , đường Gạo” từ Phú Long về

Bàu Sen (từ cây Dừa, cây Trôm vô cây Duối lên tre Mồ côi, cây Cày, Râm tre Láng Lớn).

Phạm Khiêm Nhạn là người địa phương, nắm chắc địa hình, dẫn đường cho địch đánh phá gây cho ta nhiều tổn thất. Bài chòi của cách mạng hồi ấy có đoạn nêu tội ác của Nhạn:

“... Giận thay bọn Pháp tham tàn,
Đốt nhà khủng bố, làm than dân tình.
Có thằng Phạm Nhạn bất bình,
Dẫn đường chỉ nẻo Việt Minh ở rừng...
Tám Du to nhỏ bảo đừng,
Cái ác từng thiện mới ung tấm lòng “ ???”

Ngoài mục đích tiêu diệt các cơ quan đầu não của ta, chúng ra sức phá hoại mùa màng, triệt phá kinh tế vùng ta, cướp lúa, phá hoại sản xuất, bắn giết trâu bò. Đặc biệt những năm 1949 - 1950, có ngày chúng bắn chết cả trăm con trâu.

Đối với vùng tranh chấp, bản lẻ, bọn lính đi ngựa đột kích cả ban đêm, đuổi bắt, bắn giết cán bộ và đồng bào; chúng thường sử dụng mật thám theo dõi, phục kích bắn cán bộ đi công tác về vùng địch hậu.

Đối với vùng địch hậu, bọn lính Pháp, lính tay sai người Việt và bọn hương, lý, cường hào, ác ôn phối hợp với tên lính mục Đình Hữu Truyền không chế, o ép, hù dọa nhân dân; ngăn cản không cho dân ra vùng kháng chiến mua bán, dự lễ, xem văn nghệ, giao lưu, tiếp xúc với cách mạng...

Với nhiều lực lượng, nhiều thủ đoạn đánh phá của địch nên những năm 1948 - 1950 nhân dân xã Quang Cảnh tiếp tục hy sinh, tổn thất về người và của nhất là trâu bò, sức kéo hao hụt giảm sút lớn.

Ở vùng Rạng, địch củng cố đồn Rạng và bộ máy kèm kẹp. Bọn phản động đã mê hoặc, không chế giáo dân, chia rẽ lương - giáo, xuyên tạc chính sách của Mặt trận Việt Minh. Tình vi hơn là chúng lập ra cái gọi là: “Đội bảo vệ linh mục và xứ đạo” nhưng thực chất là để rình rập, quản thúc giáo dân, ngăn cản không cho giáo dân tiếp xúc với cách mạng; ngăn cấm bắt bớ không cho nhân dân ủng hộ kháng chiến...

Lực lượng và chủ trương của trên liên quan đến phong trào cách mạng xã Quang Cảnh. Từ tháng 6 năm 1948 - đến năm 1950, các cơ quan của huyện Hàm Thuận từ Tam Giác dời về lại đứng chân ở xã Dân Đồng và xã Quang Cảnh. Do vị thế gần rừng, gần biển, gần nước, gần dân... nhiều lực lượng dân quân chính Đảng của huyện, tỉnh, của Ban cán sự Cục Nam đứng chân ở Triền, Bàu Tàng, Bàu Sen, Bàu Thiêu... thuộc xã Quang Cảnh. Các lực lượng trên gắn bó, giúp đỡ quần dân xã nhà đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện...

Tỉnh ủy Bình Thuận và huyện ủy Hàm Thuận ban hành nhiều chủ trương tác động trực tiếp đến cuộc kháng chiến toàn diện của xã Quang Cảnh như: Tăng cường phát triển đảng viên, nâng cao số và chất lượng các chi bộ cơ sở; Phát triển kinh tế, vận động nhân tài, vật lực phục vụ kháng chiến.

Năm 1948, chủ trương bao vây kinh tế địch gặt gao, quyết liệt, ngăn cấm sự giao lưu hàng hóa giữa hai vùng, làm cho đời sống nhân dân vùng ta cũng gặp khó khăn; sau đó phải rút kinh nghiệm. Từ tháng 5 năm 1948, phát động một đợt “tổng phá tề” trên phạm vi toàn huyện...

Về công tác tư tưởng và tổ chức, những năm 1948 - 1950, tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương tăng cường công tác tư tưởng, tổ chức, huấn luyện cán bộ, củng cố toàn diện các tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, lực lượng vũ trang... Thực hiện chủ trương đó, xã Quang Cảnh triển khai xây dựng lực lượng, vừa đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng...

Tháng 4 năm 1948, Ban chỉ huy huyện đội huyện Hàm Thuận ra đời. Đầu năm 1949, Trung đội 3 bộ đội địa phương huyện Hàm Thuận được thành lập do đồng chí Trần Văn Giá chỉ huy. Trung đội này thường xuyên đứng chân hoạt động từ Triều lên Ô Rô; trực tiếp phối hợp giúp quân, dân xã Quang Cảnh đánh địch. Nhờ có nhiều lực lượng đứng chân trên địa bàn nên xã có điều kiện phối hợp chặt chẽ với: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương huyện; ta huy động và phát huy tốt sức mạnh tổng hợp của du kích tập trung, du kích bán thoát ly, dân quân gương mẫu, dân quân rộng rãi để tấn công địch, bảo vệ căn cứ, bảo vệ mùa màng...

Năm 1948, huyện ủy Hàm Thuận mở lớp huấn luyện cho cán bộ xã nhiều nội dung hết sức thiết thực như: Tình hình thế giới và trong nước; Tương quan lực lượng giữa ta và địch; Kinh nghiệm và công tác vận động quần chúng; Công tác thanh vận; Nhân dân du kích chiến tranh.

Một số tác phẩm của Bác Hồ, của đồng chí Trường Chinh : Kháng chiến nhất định thắng lợi; Người Mác Xít trong cuộc kháng chiến; Sửa đổi lề lối làm việc của X.Y. Z...

Qua những lớp học tập, cán bộ cốt cán của xã Quang Cảnh vững vàng hơn, phong trào phát triển mạnh mẽ hơn, công tác văn hóa, văn nghệ, thông tin tuyên truyền đều được đẩy mạnh; huyện Hàm Thuận phát hành tờ báo Học tập, nhiều xã có tờ tin. Đoàn văn công Sao Vàng của tỉnh thường đứng chân phục vụ trên địa bàn xã.

Năm 1949, huyện củng cố Hội Hoa kiều, Hội Thiên chúa giáo kháng chiến, vận động người Hoa, người có đạo ủng hộ tiền, hàng cho kháng chiến.

Tháng 8 năm 1948, toàn huyện Hàm Thuận tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân, thành lập ủy ban kháng chiến hành chánh các xã.

Năm 1950, toàn tỉnh đẩy mạnh phong trào tổng động viên nhân tài vật lực, chuyển mạnh sang tổng phản công, hợp bạn, rước đuốc chiến thắng. Tỉnh và huyện đều lấy xã Quang Cảnh làm điểm chỉ đạo.

Quang Cảnh là một trong những xã sớm phát triển phong trào nhân dân du kích chiến tranh và có nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm. Nhằm tổng kết rút kinh nghiệm và biểu dương, khen thưởng kịp thời; tháng 9 năm 1948, tỉnh ủy và tỉnh đội Bình Thuận mở Đại hội dân quân tại Giếng Cát, xã Đồng Tiến (xã Hàm Chính ngày nay); thời gian 2 ngày. Tại Đại hội này, Hàm Thuận được đánh giá là huyện có phong trào toàn diện nhất tỉnh. Trong đó, Quang Cảnh là một trong những xã tiêu biểu nhất được Ban tổ chức Đại hội phân công báo cáo điển hình về phát triển chiến tranh du kích, về công tác trừ gian, diệt ác, phá tề, bắn tía, bao vây bức rút đồn bót; công tác dân vận, địch vận, tôn giáo vận và xây dựng phát triển thực lực.

Phát triển thực lực, củng cố các tổ chức của xã Quang Cảnh. Thực hiện chủ trương của tỉnh và huyện ủy Hàm Thuận, những năm 1948 - 1950, xã đã đẩy mạnh việc phát triển củng cố thực lực, củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể để phối hợp cùng các xã bạn kháng chiến toàn diện.

Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, thi đua phát triển đảng viên mới. Cuối năm 1947, chi bộ xã Quang Cảnh ra đời với số lượng đảng viên rất khiêm tốn, nhờ phong trào cách mạng của quần chúng lên cao, xuất hiện nhiều nhân tố mới; từ năm 1948 trở đi chi bộ không ngừng tăng thêm số lượng đảng viên. Đặc biệt là đến đầu năm 1950, thực hiện chủ trương từ Trung ương về: “Xây dựng Đảng quần chúng đông đảo và mạnh mẽ”, Chi bộ Quang Cảnh cũng thi đua phát triển Đảng, số lượng tăng thêm hơn một trăm đảng viên. Cuối năm 1950, chi bộ xã có tổng số khoảng 300 đảng viên, được chia thành 5 phân chi. Mỗi phân chi lãnh đạo một vùng (thôn) khoảng 50 đảng viên. Chỉ tính riêng những năm 1948 - 1949, số lượng đảng viên được phát triển thêm hàng chục người, gồm: Mai Thanh Phong, Huỳnh Chút, Võ Tấn Trương, Nguyễn Tấn Quyền, Hồ Như Thạch, Nguyễn Thị Hòa Xuân, Nguyễn Thanh Hoa, Phạm Thị Khoa, Nguyễn Văn Phước (Tur Lâm), Trần Xu, Trần Đánh, Phạm Chút, Mai Văn (Ba Hét)... Ở mảng Bàu Thiêu, Bàu Đé có một số đảng viên: Phạm Ngọc Đăng, Huỳnh Nghiêm, Ngô Thương, Lê Nguyên.....

Đồng chí Phạm Đình Hòe làm bí thư chi bộ (1948 - 1949); Đồng chí Hồ Đức Hậu làm phó bí thư chi bộ (năm 1950 đồng chí Hòe chuyển công tác, đồng chí Hậu làm bí thư.).

Chi bộ xã Quang Cảnh đã thể hiện rõ vai trò nòng cốt, lãnh đạo quần dân xã nhà tham gia tốt các phong trào kháng chiến - xứng đáng với tấm gương, tên gọi chi bộ Hồ Nhất Trinh.

Về củng cố chính quyền, tháng 8 năm 1948, xã tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân; sáp nhập Ủy Ban hành chánh và Ủy ban kháng chiến thành Ủy ban kháng chiến hành chánh xã Quang Cảnh. Đồng chí Nguyễn Bá Lân tiếp tục làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Thanh Hoa làm phó Chủ tịch. Đến đầu năm 1950, đồng chí Nguyễn Bá Lân chuyển công tác (đi học ở Khu Năm), đồng chí Nguyễn Thanh Hoa làm chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chánh xã.

Bộ máy chính quyền lớn mạnh, được đông đảo nhân dân tín nhiệm bầu cử; chính quyền xã Quang Cảnh thật sự có uy tín, năng lực quản lý, điều hành trôi chảy mọi công việc kháng chiến. Phong trào của xã phát triển toàn diện. Thành lập thêm nhiều tổ chức để tập hợp đông đảo quần chúng.

Ngay những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Quang Cảnh đã tập hợp được mọi tầng lớp nhân dân, tôn giáo, thân hào nhân sĩ, nông ngư dân... Những năm 1948 - 1950, xã chính thức thành lập Hội Thiên chúa giáo, Hội Phật giáo, Hội Hoa Kiều kháng chiến... Các tổ chức này đã vận động tập hợp đông đảo tín đồ, giáo dân, người Hoa tham gia ủng hộ tiền, hàng cho kháng chiến. Nhiều giáo dân Thiên chúa giáo tiến bộ làm nòng cốt trong Hội Thiên chúa giáo kháng chiến như: Ông Nguyễn Giáo, Nguyễn Truyền, Thông Dị, Nguyễn Du, Bà mẹ Hời... ông Nguyễn Văn Hoài là thành viên trong Mặt trận Liên Việt làm Hội trưởng Hội Thiên chúa giáo kháng chiến xã Quang Cảnh.

Một trong những tổ chức tiêu biểu, phát huy tác dụng điển hình trong tỉnh, đó là Công đoàn tiếp vận (xe trâu) do anh Đoàn Châu Thương làm thư ký. Công đoàn này đã tập hợp được một đoàn xe trâu lúc đầu có 10 chiếc, sau này tăng lên khoảng 20 chiếc do các ông Đoàn Phù, sau đó là ông Phan Văn Chuột kế tiếp nhau làm đoàn trưởng. Đội vận tải đã phục vụ cho huyện, tỉnh, bộ đội chủ lực vô điều kiện. Đây là

lực lượng hậu cần tại chỗ rất quan trọng của ta. Đội vận tải xe trâu chuyên chở hàng hóa, quân nhu phục vụ các chiến dịch, các trận đánh; thường xuyên chở hàng về kho số 5 ở Ô rô cho trung đoàn 82. Những năm 1947- 1950, Đội xe trâu xã Quang Cảnh hoàn thành tốt nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa cho tỉnh. Những trận công đồn hay thu hoạch, bảo vệ mùa màng, huyện, tỉnh cần huy động xe trâu của Thiện thì đều có mặt các ông: Hộ Mậu, Nguyễn Hợi, Nguyễn Ró... Nhà các cụ có từ 1-2 chiếc xe trâu sẵn sàng phục vụ kháng chiến.

Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện ở 3 vùng và giải phóng Rạng (1948 - 1949). Trong 2 năm 1948 – 1949, thế trận chiến tranh nhân dân của xã Quang Cảnh được hình thành rõ nét; vùng giải phóng, vùng bản lẻ, vùng địch hậu đã biết phối hợp nhịp nhàng giữa 3 thứ quân cùng các xã bạn đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện.

Đối với vùng căn cứ giải phóng, dân ngày một đông hơn, thể ăn, ở, sản xuất đi lại ổn định hơn; toàn quân dân ở đây thích nghi dần với môi trường, điều kiện mới; khắc phục khó khăn, tham gia đầy đủ, tích cực, sáng tạo các phong trào, nhiệm vụ do Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể phát động.

Với truyền thống chịu thương, chịu khó đồng bào ở đây tận dụng mọi thời gian, nhất là những lúc địch không ruồng bỏ để đẩy mạnh phát triển sản xuất, không chỉ làm đủ ăn mà còn có dư để trao đổi, mua bán. Với thể mạnh của mình là nông, lâm sản; bà con tích cực tăng gia để nuôi cán bộ, chiến sĩ, nuôi thương binh, đóng đũa phụ kháng chiến.

Thực hiện lời kêu gọi của Bác Hồ, bà con vùng kháng chiến nêu cao tinh thần tiết kiệm, tích lũy để phòng khi thiên tai, địch họa không sản xuất được. Đáng nhớ nhất là năm 1949, nắng hạn cả tỉnh nhất là vùng căn cứ Ô rô nói chung, xã Quang Cảnh nói riêng; một bộ phận đồng bào bị thiếu ăn, phải đi quét trái tre, đào củ nân... ăn độn sống qua ngày. Cuộc sống của đồng bào thêm khó khăn, gian khổ... Đặc điểm ăn củ nân muốn khỏi say ta phải ngâm, xả nước hơn chục lần trong điều kiện địa bàn hiếm nước; bà con phải dùng lu, mái tích lũy nước rất công phu.

Đồng bào vùng kháng chiến còn phải linh hoạt, sáng tạo trong việc chấp hành chủ trương bao vây kinh tế địch, chống dùng hàng ngoại hóa, làm sao hạn chế việc bán nông, lâm sản từ vùng ta vào vùng địch, nhưng ngược lại phải trao đổi, mua được một số mặt hàng thiết yếu, nhu yếu phẩm ở vùng địch. Đấu tranh với địch trên mặt trận kinh tế này phải khôn ngoan, linh hoạt, tận dụng tranh thủ hàng hóa ở vùng địch để bồi dưỡng nâng cao mức sống của vùng ta.

Nguồn nhân lực ở vùng kháng chiến không đông nhưng phải tham gia nhiều mặt công tác, vừa tham gia xây dựng, củng cố các lực lượng kháng chiến, vừa tham gia chiến đấu chống càn, bảo vệ mùa màng. Cứ đến mùa lúa chín, địch huy động lực lượng vào vùng ta để cướp hoặc phá hoại hoa màu, triệt hạ kinh tế. Do đó, dưới sự lãnh đạo của tỉnh, huyện, quân dân, du kích xã Quang Cảnh đã phối hợp sát cánh cùng với các xã bạn, với lực lượng bộ đội huyện, tỉnh vừa canh gác, đánh địch, vừa mang chuyển lúa từ các xã khác về rừng. Nhiều lúc phải chuyển lúa ban đêm, đưa về căn cứ chôn giấu an toàn, bí mật; trực tiếp và thường xuyên là phối hợp gặt, chuyển, giấu lúa giúp các xã lân cận như Dân Đồng, Dân Thạnh...

Sinh lực trẻ của xã Quang Cảnh còn xung phong đi dân công, phục vụ chiến trường, tải thương, tải đạn, xay lúa, giã gạo cho bộ đội, cùng với các xã bạn đi đắp ụ, phá đường chặn xe địch cắt đứt giao thông...

Các đoàn thể vùng kháng chiến lao động cả ngày lẫn đêm, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm để đỡ đầu nuôi bộ đội, thương binh, nhận thương binh làm con nuôi. Nhà nào, đoàn thể nào cũng có con gà, giòng lang, đám mì kháng chiến. Nhà nhà đều có hủ gạo nuôi quân, cứ mỗi bữa nấu cơm đều tiết kiệm một nắm gạo bỏ vào hủ... Các em thiếu niên sức nhỏ cũng chắc chiu để có con gà kháng chiến với tất cả nghĩa tình, tự giác, tự nguyện.

Gắn với việc bao vây kinh tế địch, thực hành tiết kiệm, đồng bào Quang Cảnh còn tích cực tham gia phong trào trồng bông dệt vải. Dù vải ta thô, xấu nhưng vẫn mặc với niềm tự hào về sản phẩm do chính dân mình làm ra.

Chợ kháng chiến cây Xây, Dầu Bà Én, chợ Sân Banh Láng Le... ngày càng phát triển, thông qua đây đồng bào ở vùng kháng chiến đã trao đổi, mua bán với đồng bào vùng địch hậu. Từ nhịp cầu này, chúng ta đã chuyển thư từ, tin tức... từ vùng ta về vùng địch hậu và ngược lại. Thông qua đây, đồng bào và các cơ quan tiêu dùng tiền tín phiếu, đổi được tiền Đông Dương, mua được những mặt hàng quý hiếm từ vùng địch như thuốc tây, văn phòng phẩm, mực Sacbonne, pin đèn...

Nhằm giúp đồng bào nhận thức sâu sắc ý nghĩa của việc tiêu tiền tín phiếu do tỉnh ta phát hành, các đoàn thể, ban, ngành đã tuyên truyền, giáo dục công phu, lâu dài bằng nhiều hình thức: họp dân, vận động lễ, diễn văn nghệ, thanh thiếu niên hò lơ... Nhờ đó các tầng lớp, lứa tuổi đều thuộc lòng bài ca có nội dung kêu gọi mọi người dùng tiền tín phiếu:

“ Ta tiêu tiền tín phiếu là tiêu bạc Việt Nam,
Ta tiêu tiền tín phiếu là giết quân tham tàn.
Bạn mình rằng, bạn mình ơi, mình có biết, biết hay không?
Mình có nhớ, nhớ hay không.....”

Từ năm 1949 trở đi, chợ kháng chiến xã Quang Cảnh và các chợ giáp ranh phát triển toàn diện cả về quy mô, tính chất. Ngoài chợ cây Xây ở khu rừng phía tây Láng Lớn, Râm Ngang, tiếp giáp Râm Tre còn có chợ Sân Banh, Láng Le, phía bắc là Giếng Đé, phía đông là Dầu Bà Én thuộc Xã Dân Thạnh. Chợ nằm trong khu rừng rậm, gần sân banh Láng Le.

Xã Quang Cảnh có hai chợ kháng chiến lớn, quan trọng trong toàn tỉnh. Thứ nhất là chợ Láng Chai (khu vực Bàu Thiêu, Bàu Đé), nằm trung tâm của tỉnh, cán bộ, chiến sĩ thường mua hàng hóa, nhu yếu phẩm nơi đây. Thứ hai là chợ cây Xây, đây là chợ đông vui nhộn nhịp nhiều mặt hàng nhất trong toàn tỉnh vì nó ở vị trí trung tâm của Lê Hồng Phong, tiếp giáp với vùng địch hậu. Tất cả các nơi Phan Thiết, Hàm Nhơn, Hàm Thắng, Phú Long, Mũi Né, Rạng... đều tập trung về đây mua bán, trao đổi hàng hóa... gần như có đủ các mặt hàng nông, lâm, hải sản và nhu yếu phẩm khác như ở các chợ trong vùng địch hậu..

Chợ kháng chiến nhóm đông nhất vào thời điểm từ 9 giờ sáng đến 13 giờ trưa mỗi ngày. Bao quanh chợ có giao thông hào để núp phi pháo, máy bay của địch, có dân quân canh gác, có kiểng đánh báo động. Chợ không có mái lợp, khi nắng mưa, mỗi người phải tự dùng tấm che để bảo vệ người và hàng quán.

Dân ở Bàu Trắng, Bình Nhơn, Bình Thiện, Bàu Thiêu... gánh hàng chạy bộ từ ban đêm về đây họp chợ. Dân vùng tạm bị chiếm như Mũi Né, Phú Long, Phú Hải, Kim Ngọc, Lại Yên... đưa mèn, chiếu, vải, cá khô, muối, nước mắm, gạo và nhiều nhu yếu phẩm khác lên các chợ kháng chiến bày bán. Dân ở vùng ta đưa đến chợ gồm khoai, đậu, mè, hạt dưa, bột mì, dừa khô, dừa tươi và các loại trái cây theo mùa vụ... Chợ kháng chiến còn có cả quán hớt tóc, quán may, quán phở phong phú đông vui; nhờ có chợ kháng chiến mà đời sống của đồng bào vùng kháng chiến cũng như bộ đội bớt kham khổ.

Từ các chợ này, bà con đã thông báo nhấn tin cho đồng bào, gia đình có người đi kháng chiến đang ở vùng địch hậu biết để tham dự các buổi lễ khao quân mừng chiến thắng, các buổi liên hoan văn nghệ, họp bạn, những cuộc mitting lớn hoặc những đợt đá bóng, chiếu phim...

Chợ kháng chiến thật sự giữ vai trò trung tâm kinh tế - văn hóa, chính trị, là nhịp cầu quan trọng giữa vùng kháng chiến và vùng địch hậu. Thông qua chợ kháng chiến, địch cũng thả gián điệp, Việt gian trà trộn nắm tình hình, tung tin, xuyên tạc... Do đó ta phát động nhân dân thực hiện tốt khẩu hiệu 3 không: “Không biết, không nghe, không thấy” và nâng cao cảnh giác, phát hiện kẻ gian. Trừ gian bảo mật đã thất sự trở thành phong trào tự giác của quần chúng. Đồng thời chính quyền cách mạng cũng xử lý rất kiên quyết đối với bọn tay sai, gián điệp nên chúng phải chùn tay.

Từ năm 1948 trở đi, Công an tỉnh Bình Thuận quy định chặt chẽ về nhiệm vụ, quyền hạn của công an các cấp. Công an cấp xã chỉ được giữ phạm nhân không qua 24 giờ. Công an cấp huyện được giữ phạm nhân 7 ngày; sau đó phải chuyển về công an tỉnh. Công an xã (Ban phòng điệp) kết hợp chặt với quân sự xã để nắm tình hình và bắt tề điệp khi cần thiết.

Trong việc bao vây kinh tế địch và chống dùng hàng ngoại hóa; hồi đó công an ta đã từng phát hiện tiêu thương vào vùng ta với búi tóc to, bụng lớn, thực chất là mang giấu những mặt hàng không cho buôn bán. Anh em đã khái quát thành câu về phản ảnh thực trạng:

“Đầu phùng đá lửa

Bụng chừa ka ki...”

Đồng thời với việc tiêu trừ Việt gian, xây dựng bảo vệ căn cứ; công tác củng cố, phát triển dân quân du kích thường xuyên được quan tâm. Ngoài dân quân rộng rãi, dân quân gương mẫu, du kích bán thoát ly, xã Quang Cảnh xây dựng được một trung đội du kích tập trung. Ban chỉ huy trung đội gồm 3 đồng chí: Nguyễn Văn Phước, Nguyễn Thăng Long và Tám Lệ. Trung đội du kích xã hoạt động rất hiệu quả, thường xuyên phối hợp với lực lượng huyện, tỉnh đánh chống càn, bảo vệ mùa màng, đưa dân đi tránh lánh, bao vây, bức rút đồn Rạng. Trung đội du kích có mặt ở cả 3 vùng: Kháng chiến, bản lẻ và vùng địch hậu, vừa đánh giặc giữ làng, vừa sản xuất, vừa chiến đấu. Trung đội này đã làm nòng cốt cho quần dân toàn xã kháng chiến.

Anh Đỗ Thảo, một dân quân gương mẫu, một mình bí mật bám sát địch, cung cấp tình hình; du kích xã Quang Cảnh và bộ đội phối hợp chặn đánh, đẩy lui nhiều trận càn của địch.

Vào khoảng cuối năm 1948, một trung đội địch từ đồn Rạng theo đường hầm - Mã Thánh càn vào hướng Bàu Sen. Được đồng bào báo tin, các anh Nguyễn Văn

Phước, Nguyễn Thăng Long, và anh Tám Lê chỉ huy trung đội du kích tập trung phục kích gần Bàu Sen. Bị ta đánh bất ngờ, gây thương vong nên địch phải quay về, bỏ dở trận càn quyết. Đây là một trong những trận chỉ có du kích xã độc lập tự lực đánh địch, hiệu quả, được nhân dân tin tưởng, ngợi khen..

Với chính sách “Tam quang”, giặc Pháp bắn giết trâu bò vùng ta ngày càng quyết liệt. Có trận càn chúng bắn chết cả trăm con trâu. Từ năm 1949 trở đi, sau mỗi trận càn của giặc là trâu chết ngổn ngang, chim kên kên bay ăn đen đồng. Đặc điểm loài trâu là chúng rất thương và bệnh vực cho nhau, khi một con bị thương kêu khóc thì cả bầy tụm lại để cứu đồng đội, do đó giặc Pháp càng dễ sát hại.

Từ đó nhân dân xã Quang Cảnh rút kinh nghiệm huấn luyện trâu cũng biết chạy Tây. Mỗi khi Pháp càn vào, ta mở dây, tập cho con trâu đầu đàn biết phân biệt mùi hôi của lính Tây, biết nghe tiếng súng của Tây. Khi chủ nhà chạy, đuổi bầy trâu cùng chạy, sau nhiều lần như thế, đàn trâu quen dần và con trâu đầu đàn đã biết dẫn cả đàn chạy sâu vào rừng khi nghe tiếng súng và mùi hôi của giặc Pháp. Nhờ đó ở vùng kháng chiến vẫn duy trì được đàn trâu để cày, kéo xe, ăn thịt; đặc biệt là những con trâu to, khỏe nằm trong đội vận tải xe trâu. Đàn trâu ở vùng kháng chiến nói chung, xã Quang Cảnh nói riêng cũng biết sợ Tây, thù Tây và chúng đã biết “chạy Tây”, dẫn nhau chạy vào rừng để tránh lánh mỗi khi giặc Pháp càn vào.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Mặt trận Việt Minh phát động: “Văn hóa hóa kháng chiến, kháng chiến hóa văn hóa”; quân dân xã Quang Cảnh đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao. Nhân dân hưởng ứng phong trào ăn chín, uống sôi, giữ gìn vệ sinh, bảo vệ sức khỏe, thanh niên cùng bộ đội đá bóng giao hữu, duy trì học bổ túc văn hóa, từ phong trào bình dân học vụ trước đây. Nhiều anh, nhiều chị đã biết đọc, biết viết, biết làm cán bộ.

Nổi bật nhất của xã là phong trào văn nghệ. Năm 1948, Ban văn nghệ xã được thành lập do Đoàn Châu Thương (Đoàn Mỹ) làm trưởng ban. Xã đã xây dựng được đội văn nghệ mạnh nhất trong huyện, cùng bộ đội, cùng đội văn nghệ huyện đi lưu diễn khắp nơi. Những năm 1947-1948, Đội văn nghệ Phù Đổng của tiểu đoàn 86 thường về các xã phục vụ ca, múa, kịch...Tiếng đàn mẫđôlin, băng rô, ghi ta thời đó đã in sâu vào tâm trí, tình cảm của những người kháng chiến. Ở vùng ta, cuộc sống vật chất tuy vất vả nhưng bù lại đời sống tinh thần luôn trẻ trung tươi vui và sôi động.

Đối với vùng địch hậu và vùng bản lẻ, với sự giúp đỡ của các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, của huyện, xã đã thực hiện khá tốt, công tác dân vận, đổi mới phương thức hoạt động, tiến sâu vào vùng địch hậu làm công tác dân vận, nhất là vận động người Hoa và giáo dân Thiên chúa giáo ở Rạng.

Huyện ủy phân công cán bộ của huyện và của xã có kinh nghiệm bám vào vùng địch làm công tác dân vận. Các đồng chí Nguyễn Ngọc Chức, Nguyễn Kim Bưu, Phạm Đình Hòe... vừa dùng phương thức cần câu, vừa bám vào Rạng để giác ngộ số bà con người Hoa và giáo dân Thiên chúa giáo. Có lần ta phối hợp cán bộ dân vận với lực lượng vũ trang đột nhập vào khu vực nhà thờ Rạng giữa ban ngày để làm công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục giáo dân.

Từ tháng 5 năm 1948, thực hiện chủ trương lớn của tỉnh và huyện, xã đã phối hợp cùng các xã bạn tiến hành một đợt tổng phá tề. Ta bắt, diệt một loạt tên tay sai ác ôn, số còn lại ta bắt ra căn cứ cho học tập rồi thả về. Trước khi về chúng phải làm

cam kết không tái phạm, không tiếp tục làm tề, điệp cho địch. Song song với đợt tổng phá tề, ta liên tiếp trừ gian, diệt ác; bắt được những tên Việt gian trà trộn, len lỏi vào vùng ta hoặc vùng bản lẻ ta xử luôn tại chỗ.

Đồng thời với trừ gian, diệt ác, phá tề, lực lượng xã làm tốt công tác nắm tình hình, báo động, báo an và cung cấp tin tức cho bộ đội địa phương huyện và chủ lực tỉnh mai phục, vây đánh địch, bẻ gãy chiến thuật của bọn lính đi ngựa vào quấy phá vùng ta. Nhờ đó, cán bộ, đồng bào đi lại, sản xuất dễ dàng hơn.

Các đoàn thể của xã phối hợp với huyện phát động đồng bào ở Rạng tranh thủ thể hợp pháp, đẩy mạnh sản xuất đánh bắt cá, chế biến hải sản. Nhờ đó đồng bào ở Rạng đã cung cấp tiền, hàng, thực phẩm cho kháng chiến. Nhất là đóng góp tiền Đông Dương, đóng đảm phụ kháng chiến...

Suốt 3 năm liền (1946 - 1948), quân dân xã Quang Cảnh liên tục bao vây, bức rút đồn Rạng. Đồn Rạng như một cái gai nằm giữa vùng kháng chiến, nó không chỉ khống chế xã Quang Cảnh mà còn án ngữ cả một vùng rộng lớn, gây khó khăn cho ta tiếp cận Phú Hải, Mũi Né... Từ năm 1946 - 1948, ta liên tiếp bao vây, gọi hàng, tăng cường công tác điệp vận, đánh phá làm cho chúng ăn không ngon, ngủ không yên... Với một trung đội lính Lê Dương và một trung đội lính Pattidăn nhưng khi chúng ra khỏi đồn là bị đánh.

Phải nhờ cho được chiếc gai không chế phía nam và mở rộng căn cứ Ô Rô nên đầu năm 1949, tỉnh ủy, huyện ủy chủ trương phải tiêu diệt đồn Rạng. Lực lượng tham gia gồm có du kích xã Quang Cảnh, Đại đội 3 bộ đội địa phương huyện Hàm Thuận và Đại đội Trần Quốc Tuấn. Trực tiếp chỉ huy trận này là các đồng chí Bùi Văn Mỹ và Nguyễn Văn Giá. Với 2 tiểu đội được trang bị tương đối bén nhọn, có cả tiểu liên và trung liên. Ta dùng chiến thuật cường tập để diệt đồn này. Ban đêm quân ta bí mật đột nhập ém quân vào nhà dân ở gần đồn. Đúng 6 giờ sáng ngày 09 tháng 4 năm 1949 (ngày 12 tháng 3 năm Kỷ Sửu), theo thường lệ điệp vừa mở cửa đồn - quân ta cải trang lập tức xông vào.

Dù bị động bất ngờ nhưng với bản chất ngoan cố nên chúng vẫn chống trả quyết liệt. Sau khoảng 20 phút chiến đấu, ta diệt tại chỗ 3 tên lính Lê Dương và 4 tên lính Pattidăn. Số còn lại đạp rào chạy về Mũi Né. Ta làm chủ trận địa, thu toàn bộ vũ khí và quân trang, quân dụng.

Chị Nguyễn Thị Đào nhà ở gần đồn Rạng, nghe súng nổ hoảng sợ, chị leo rào chạy vào đồn để trú ẩn. Địch tưởng Việt Minh đột nhập nên bắn chết tại chỗ, xác vất trên hàng rào. Một chiến sĩ ta bị thương nặng, đơn vị đưa về đến Bàu Sen thì hy sinh. Sau trận diệt đồn Rạng, bộ đội đã sáng tác bài chòi ca ngợi chiến công này. Bộ đội tỉnh tổ chức lễ khao quân, mừng chiến thắng, có diễn văn nghệ - đặc biệt là tác phẩm mới - bài chòi "Diệt đồn Rạng" do Lý Hồng Bảo, lính của đại đội Trần Quốc Tuấn sáng tác:

“... Ô hô! đồn Tây ở Rạng,
Ngày đêm lòng bố bắn giết đồng bào.
Hạ quyết tâm diệt lấy đồn này,
20 phút chiến đấu ta lấy đồn.
Ô hô... tiếc thương thiệt mạng cô Đào,
Hồn du địa phủ hàng rào phơi thây.

Súng trung liên đầu bạc,
Tiểu liên súng trường.
Quân ta quơ hết cầm tay,
Nơi này sạch bóng đồn Tây- từ đây...”

Đồn bào khắp nơi, nhất là xã Quang Cảnh về dự lễ phần khởi, tự hào và kể từ đó, đồn bào ở vùng này không còn phải phập phồng lo sợ bị giặc ở đồn Rạng bắn giết, đánh đập...

Sau trận đánh, nhằm phân chia lương – giáo, gây mất tình đoàn kết quân dân và xuyên tạc chính sách tôn giáo của ta, địch tung tin Việt Minh bắn chết chị Đào. Qua sự kiện này các đoàn thể của ta đã phân tích vạch trần cho dân thấy rõ âm mưu thủ đoạn của địch, bà con càng hiểu thêm bộ mặt thật của quân thù.

Đồn Rạng bị tiêu diệt, vùng Rạng hoàn toàn được giải phóng. Từ năm 1949 đến năm 1954, Rạng trở thành vùng giải phóng, chính quyền tay sai của địch chạy lưu vong về Mũi Né. Hầu hết đồn bào Rạng, Láng Cháy, Trạm ra vùng căn cứ kháng chiến ở Láng Lớn, Râm Ngang, Hòn Một, khi không có địch bà con bám vườn đất và ban đêm đánh bắt cá đưa về chợ kháng chiến trao đổi..

Bọn lính ở đồn Rạng chạy về Mũi Né được phân công chốt giữ các tháp canh, nhiều nhất là ở tháp canh số 1, nằm ngay động Bà Lụa. Tháp này án ngữ phía tây nam, không chế không cho ta tiếp cận Mũi Né. Yêu cầu bức thiết đặt ra là ta phải tiêu diệt tháp canh này.

Sau quá trình thâm nhập nắm quy luật, năm 1950 bộ đội địa phương huyện phối hợp cùng du kích xã Quang Cảnh thực hiện phương án. Quân ta tập kích bất ngờ, chúng không kịp kêu cứu viện. Ta đánh sập tháp canh, 07 tên chết tại chỗ, trong đó có tên cai Thới. Riêng Lý Hòa Xướng phải liều mạng chui ra lỗ châu mai, nhảy xuống hầm, bò theo ống cống chạy thực mạng về Mũi Né. Cai Thới và Lý Hòa Xướng là nỗi tủi nhục của nhân dân Rạng, chúng là người dân của Rạng, nhưng sớm trở thành hai tên tay sai hại dân bán nước lần này mới diệt được tên Thới, đồn bào mới vui mừng một nửa. Một yếu tố góp phần quan trọng cho chiến công trên là nhờ trước đó ta bố trí một nữ cơ sở có nhan sắc làm địch vận, giác ngộ được anh lính trong tháp canh số 1 làm nội ứng. Sau trận đánh trên cơ sở nội tuyến này đã được tổ chức cho thoát ly ra vùng kháng chiến.

Bao vây, bức rút đồn, bót ở Rạng đồng thời với việc bắt hợp tác với giặc được đồn bào ở đây tiến hành nhiều biện pháp đa dạng, phong phú, sáng tạo. Đó là trường hợp một chủ ghe ở Rạng chuyên chở hàng hóa từ Rạng – Mũi Né – Phan Thiết (ghe buôn chở hàng) bị Pháp đóng ở đồn Thạch Long bắt buộc chở lính đi càn bố ra vùng Bình Thiện. Chủ ghe đã tự đục lỗ cho ghe bị phá nước để lấy cơ ghe hư không đi được.

Để cô lập Mũi Né, ta huy động dân công đào phá đoạn đường dài 2 cây số từ đá ông Địa ra Xóm Trạm, tiếp đến là làm chủ vùng Rạng. Do đó từ năm 1949 -1954, địch và dân ở Mũi Né muốn vào Phan Thiết phải đi đường biển. Địch huy động 3 thuyền trang bị hiện đại canh giữ bờ biển từ Phan Thiết ra Mũi Né.

Đầu năm 1949 trở đi, Quang Cảnh từ 3 vùng chỉ còn lại 2 vùng: Căn cứ kháng chiến, vùng giải phóng và bản lẻ, không còn vùng địch tạm chiếm.

Tổng động viên nhân tài, vật lực, năm 1950, trên chiến trường huyện Hàm Thuận nói chung, xã Quang Cảnh nói riêng, địch thực hiện 4 âm mưu, thủ đoạn chính như sau:

Một là, càn quét, tiếp tục thực hiện ráo riết chính sách tam quang: đốt, giết, phá sạch và cả hãm hiếp phụ nữ. Hai là, dồn dân, cô lập dân với lực lượng kháng chiến; chúng cố dồn dân vào một khu tập trung như Mũi Né, Ma Lâm, Mương Mán, Ngã Hai... Ba là, phá hoại kinh tế vùng ta, cướp phá hoa màu, bắn giết trâu bò; tung hàng ngoại hóa bán giá rẻ để phá kinh tế vùng kháng chiến. Bốn là, đánh phá vùng căn cứ kháng chiến, trọng điểm là Ô rô, Tam Giác, trong đó có xã Quang Cảnh.

Trước tình hình trên và căn cứ vào chủ trương của Trung ương Đảng, Ban Cán sự cực Nam, tỉnh ủy Bình Thuận đề ra 4 chủ trương lớn:

Mở chiến dịch BTN (bắc Bình Thuận), bẻ gãy kế hoạch dồn dân, rào làng của địch ở Tuy Phong, Hòa Đa... Tổng động viên nhân tài, vật lực, chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công, tăng cường và đổi mới công tác dân vận. Phát động phong trào thi đua, lập thành tích để rước đuốc chiến thắng từ Bắc vào Nam. Xây dựng Đảng quân chúng đông đảo và mạnh mẽ...

Đảng bộ, quân dân huyện Hàm Thuận nói chung, xã Quang Cảnh nói riêng thực hiện đồng thời các chủ trương trên bằng tất cả sức lực, khả năng và niềm tin chiến thắng.

Phát động nhân dân cung cấp nhân tài, vật lực. Đầu năm 1950, cán bộ chủ chốt của huyện Hàm Thuận nói chung, xã Quang Cảnh nói riêng được quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ ba của Đảng ta về: Tổng động viên nhân tài, vật lực, chuyển mạnh sang tổng phản công với khẩu hiệu:

“Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”

Đầu năm 1950, tỉnh ủy Bình Thuận đề ra khẩu hiệu: “Kiện toàn Mặt trận, đẩy mạnh dân vận để tổng động viên nhân tài, vật lực, phụng sự tiền tuyến”.

Thực hiện chủ trương của cấp trên và được sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của huyện ủy Hàm Thuận, Ban vận động tổng động viên của huyện, xã Quang Cảnh xây dựng nội dung, hình thức vận động cụ thể.

Ban vận động xã gồm có Mặt trận Việt minh, chính quyền và các đoàn thể. Ban vận động vừa họp dân, vừa đến từng nhà, gặp từng người tuyên truyền, giải thích, nói rõ về mục đích, ý nghĩa, nội dung của cuộc tổng phản công, giành thắng lợi quyết định; Trung ương, toàn quốc mở chiến dịch, từng tỉnh nói chung, tỉnh Bình Thuận nói riêng cũng mở chiến dịch. Muốn chiến thắng, bộ đội phải đông, mạnh, ăn no, được trang bị vũ khí hiện đại. Do đó, Đảng, Bác Hồ, Mặt trận Việt Minh kêu gọi toàn dân cung cấp sức người, sức của cho bộ đội, cho tiền phương đánh thắng giặc.

Quang Cảnh là một trong những xã sáng tạo, có nhiều hình thức phong phú trong công tác vận động quần chúng như: Sớm thành lập Ban vận động, có kế hoạch triển khai cụ thể, vừa họp dân, vừa vận động lẻ từng đối tượng, phân công ai vận động ai để có kết quả. Lồng ghép nhiều nội dung, nhiệm vụ trong công tác phát động. Huy động sức mạnh tổng hợp như thông qua các loại hình văn hóa, văn nghệ, phát loa, lập từng nhóm thiếu nhi đi hò hò. Ban vận động xã lập sổ vàng truyền thống, kêu gọi nhân dân tự nguyện ký vào sổ và ghi rõ số tài sản ủng hộ. Một số gia đình có điều kiện cho nhiều trâu, bò, lúa, gạo như các ông: Đỗ Ba (kiếm Ba), Đỗ Năm (kiếm

Năm), Đỗ Lộc (mục Gộc), Nguyễn Văn Trung (mục Trung)... Ta mời những người có uy tín vừa làm gương trong công tác ủng hộ tiền hàng, vừa tham gia vận động. Dùng quần chúng vận động quần chúng, gắn các hình thức văn nghệ, thông tin, báo chí với tổ chức giao lưu, họp bạn, chính con cháu tí tê thuyết phục cha mẹ, ông bà xung phong, tự nguyện đóng góp tiền bạc, tài sản...

Về nội dung phát động dân bao vây kinh tế địch, không dùng hàng ngoại hóa, các em thiếu niên liên tục cô đọng, hò lơ, giúp mọi người thuộc lòng và thực hiện các câu ca dao:

“ Anh mặc áo vải ta thô,

Nhưng em quý chuộng vì đồ nước ta ...”

Thực hiện chiến dịch BTN và thi đua lập thành tích để rước đuốc chiến thắng. Trong năm 1950, Trung ương Đảng và Trung ương Đoàn có sáng kiến phát động phong trào thi đua lập thành tích để báo công trong dịp rước đuốc chiến thắng từ bắc vào nam. Ngọn đuốc chiến thắng được xuất phát từ chiến khu Việt Bắc, sau đó các tỉnh tiếp tục chuyển lửa cho nhau lần lượt vào đến Cà Mau.

Từ chủ trương và phong trào chung ấy, tỉnh ủy Bình Thuận và tỉnh đoàn thanh niên đồng thời phát động toàn Đảng, quân, dân trong tỉnh đóng góp nhân tài, vật lực phục vụ tổng phản công, phục vụ chiến dịch BTN của tỉnh. Gắn với yêu cầu đó, tổ chức Đoàn thanh niên tỉnh, huyện, xã xây dựng chương trình, kế hoạch thi đua, phấn đấu lập thành tích cao nhất để báo công nhân dịp tổ chức lễ rước đuốc chiến thắng, khi ngọn đuốc về đến tỉnh Bình Thuận.

Các tầng lớp, lứa tuổi, quân dân xã Quang Cảnh hưởng ứng các cuộc vận động nêu trên vô cùng hào hứng, sôi nổi, tự giác đứng với tinh thần tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng.

Hàng chục thanh niên đã đăng ký tòng quân, nhập ngũ, nhiều anh chị tình nguyện đi dân công phục vụ chiến trường, đào phá đường cắt đứt giao thông địch, nhiều đợt đi dân công từ 7 đến 20 ngày ra đến Hòa Đa, Tuy Phong để phục vụ các trận đánh ...

Nhiều nữ thanh niên xã Quang Cảnh tập trung về các kho lương thực của huyện, của tỉnh và của Trung đoàn 812 để xay lúa, giã, sàng gạo. Có những chị phụ nữ sức khỏe yếu hoặc có con nhỏ không tập trung dài ngày đi xa nhà thì nhận lúa về nhà xay, giã rồi chuyển lại cho bộ đội...

Sau mỗi đợt ban vận động huyện, xã thu nhận được lương thực, thực phẩm, hàng hóa của dân ủng hộ, thì từng đoàn xe trâu, đoàn người kéo kịt chở, gánh hàng về địa điểm quy định. Riêng xã Quang Cảnh huy động hơn 20 xe trâu làm nhiệm vụ hậu cần, đây là xã có đội xe trâu đông nhất trong tỉnh.

Đứng với tinh thần tổng động viên, tổng phản công giành thắng lợi. Đồng bào, nhất là thanh niên, phụ nữ xã Quang Cảnh cùng các xã giáp ranh, cả vùng địch tạm chiếm không kể hiểm nguy, vận chuyển hàng trăm tấn gạo, muối, các loại thực phẩm, văn phòng phẩm, thuốc tây và nhiều mặt hàng nhu yếu phẩm khác. Vượt qua bót, đồn của giặc từ vùng ven biển xóm Rạng, Phú Hải, Phú Long lên Bàu Sen, Bàu Tàng rồi về căn cứ Ô Rô. Các kho hàng hóa, lương thực, thực phẩm của tỉnh, của bộ đội chủ lực luôn đầy ắp, bảo đảm cơ bản đáp ứng yêu cầu về hậu cần cho các chiến dịch.

Quân dân xã Quang Cảnh đã thể hiện đúng tinh thần:

Kẻ công trận, người vận lương,

Kẻ ra chiến trường, người hậu phương góp sức.

Trai trẻ ra tiền tuyến, phụ nữ, người già yếu ở hậu phương. Thanh niên Quang Cảnh có mặt khắp chiến trường, làm tất cả mọi nhiệm vụ: phá đường, đắp ụ, vận chuyển hàng hóa, xay lúa giã gạo phục vụ chiến dịch...

Tháng 4 năm 1950, tỉnh ủy chọn Bàu Sen (xã Quang Cảnh) làm địa điểm tổ chức lễ xuất quân tham gia và phục vụ chiến dịch BTN của tỉnh (BTN là mật danh Bình Thuận Nord - nghĩa là chiến dịch tấn công phía bắc Bình Thuận).

Trước khi diễn ra lễ xuất quân, tổ chức Đoàn thanh niên cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã phối hợp với Ban vận động, bộ đội vận động, thu hút thanh niên toàn tỉnh (trong đó có xã Quang Cảnh) về Trại Máu, Rẫy Thơm, sân banh Đất Quít, Sân banh Láng Le, sân banh Quang Cảnh gần Hòn Một... để học tập, họp bạn, giao lưu, đốt lửa trại, sinh hoạt văn nghệ, thể thao... nhằm nâng cao tinh thần yêu nước, ý chí căm thù giặc. Những nơi họp bạn này chính là điểm hẹn của tình bạn, tình đồng đội; tình đồng chí... tình yêu kháng chiến trong sáng, dạt dào, đậm đà sâu sắc, là bến hẹn của thanh niên. Thông qua đây, thanh thiếu niên xã Quang Cảnh càng có điều kiện quan hệ, tiếp xúc, nâng cao ý thức giác ngộ, xung phong nhận nhiệm vụ. Là xã được chọn làm quê hương của họp bạn, nhân dân Quang Cảnh càng tự hào, hăng hái thi đua cứu quốc.

Sân banh xã Quang Cảnh nằm ở phía đông núi Hòn Một, gần vườn mít của má Trọ, má Hai. Nơi đây còn là sân lễ khao quân của bộ đội chủ lực sau mỗi chiến công. Sân banh xã Quang Cảnh là một trong những điểm hẹn lý tưởng, an toàn của thanh thiếu niên xã nhà cùng bộ đội và thanh thiếu niên các xã lân cận. Các bạn trẻ lấy nơi đây để giao lưu, gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm công tác, đốt lửa trại. Sân banh này đã từng tổ chức các trận bóng đá giao hữu và nhiều đêm liên hoan văn nghệ. Tiếng hát, tiếng đàn, tiếng còi tổ chức trò chơi vang dậy khắp núi rừng, đây đã từng là một trong những nơi được bộ đội chọn làm quê hương kháng chiến.

Là xã có và gần nhiều địa điểm được tỉnh chọn làm nơi tập họp, tổ chức các cuộc lễ lớn, thanh thiếu niên xã Quang Cảnh cũng có điều kiện giao lưu, học hỏi, nâng cao trình độ mọi mặt. Mỗi lần tỉnh, huyện, xã làm lễ xuất quân đưa tiễn thanh niên ra trận ở Hòa Đa, Tuy Phong, Tam Giác, Miền Tây, là các khu vực Bàu Tàng, Bàu Sen, Hòn Một... đông vui tràn ngập ánh lửa, ánh đèn, rộn ràng, hùng hực khí thế tổng phản công.....

Sau chiến dịch BTN, xã Quang Cảnh lại vinh dự được đón tiếp những người con chiến thắng trở về vào những ngày giữa mùa thu năm 1950, khu vực Bàu Sen, Bàu Tàng lại rộn ràng, nhộn nhịp niềm vui.

Sau chiến công diệt đồn Duồng ngày 28 tháng 7 năm 1950, tiểu đoàn 86 chuyển quân về lại xã Quang Cảnh. Vào khoảng giữa tháng 8 năm 1950, lễ khao quân trọng thể được tổ chức tại Bàu Tàng. Hàng trăm đồng bào ở vùng kháng chiến và nhiều nơi ở vùng địch hậu về dự lễ rất đông vui. Đây là một trong những buổi lễ long trọng, hoành tráng mừng chiến công đầu của bộ đội xung kích mới thành lập. Nét đặc biệt ở đây là bộ đội mượn được chiếc đại hồng chung của chùa Trường Thọ và gióng lên những hồi chuông ngân vang khi bộ đội diễu hành; đã để lại dấu ấn sâu đậm khó quên cho mọi người.

Nội dung chương trình buổi lễ hôm ấy vô cùng phong phú: Báo cáo thành tích, khuếch trương chiến quả; bộ đội điều binh, nhiều tiết mục văn nghệ đặc sắc... mọi người được nghe bài hát mới của đồng chí Minh Quốc, cán bộ chính trị trung đoàn 812 vừa sáng tác: “ Nghe chiến công Duồng”, bài ca có đoạn: “... *gì vui hơn khi nghe chiến công, gì say hơn khi nghe chiến công; chiến công đồn Duồng! Minh vui mà Pháp phải buồn, bởi vì đồn Duồng nát tan...*”

Sau lễ khao quân vài hôm, vào khoảng 8 giờ sáng của một ngày tháng 8 năm 1950, một tiểu đoàn lính Âu phi càn vào Bàu Sen, mũi chính diện đi đúng vào đội hình - nơi đóng quân của trung đội 2 của lực lượng xung kích. Trung đội 2 nhanh chóng chiếm lĩnh được đường hầm (đường xe trâu bị nước mưa xói lở). Quân ta đánh chúng bật ra, chạy tạt qua đưng trung đội 1 diệt tiếp một số tên. Trung đội 3 từ hướng Bàu Sen vận động lên tiếp viện xiết chặt vòng vây. Gần một giờ nổ súng, ta diệt hơn một tiểu đội địch, thu được 1 trung liên, 1 tiểu liên và 3 khẩu súng trường; đặc biệt là thu được một lồng chim bồ câu đưa thư của địch. Về phía ta, trung đội 2 tổn thất lớn: hy sinh 4 và bị thương 6 đồng chí..

Thất bại về bộ binh, địch dùng không quân. Chiều hôm đó chúng đưa hai máy bay oanh tạc đến ném bom khu vực Bàu Sen làm sập 3 căn nhà ngói của dân; đồng chí Đỗ Chánh Đáng (còn gọi là Phan Ba) cán bộ quân báo của Trung đoàn 812 bị thương nặng.

Về phong trào được chiến thắng; để có nhiều thành tích báo công trong buổi lễ rước đuốc lịch sử này, từ ngày 19 tháng 5 năm 1950, quân dân xã Quang Cảnh nhất là thanh thiếu niên đã phát động, xây dựng, đăng ký thực hiện chương trình, kế hoạch thi đua toàn diện với nhiều chỉ tiêu cụ thể. Thông qua phong trào này, thanh thiếu niên xã đã thực sự hăng hái, tích cực, sôi nổi trên các lĩnh vực một cách chủ động, sáng tạo từ việc đi liên lạc, gác bù, sản xuất, bảo vệ mùa màng, bao vây kinh tế địch đến văn nghệ, thể thao và duy trì thành nề nếp phong trào bình dân học vụ, thiết thực và hiệu quả.

Một lần nữa, xã Quang Cảnh lại sáng lên ánh lửa, ánh đèn - địa điểm Hòn Một - Bàu Sen lại vinh dự được lãnh đạo tỉnh, Ban cán sự cực Nam chọn làm nơi tổ chức Lễ rước đuốc chiến thắng của tỉnh. Những ngày giữa tháng 10 năm 1950, xã Quang Cảnh rợp cờ hoa. Ngày 18 tháng 10 năm 1950, hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ, đoàn viên, thanh niên tiên tiến, những gương mặt điển hình trong toàn tỉnh tụ hội về Hòn Một - Bàu Sen để dự lễ rước đuốc chiến thắng. Sau đó từng huyện nhận và rước đuốc chiến thắng của huyện mình chạy về sân lễ của huyện. Không khí đông vui tràn ngập ánh lửa, tiếng hô khẩu hiệu vang vọng, ầm ập núi rừng; lòng người dân Quang Cảnh cũng cháy bỏng, tràn ngập niềm hân hoan và niềm tin chiến thắng...

Về nội dung cũng như hình thức lễ rước đuốc - Hàm Thuận là huyện có điều kiện thuận lợi nhất trong tỉnh, địa điểm tỉnh tổ chức nằm trên địa bàn của mình. Hàng trăm cán bộ dân quân chính Đảng của huyện Hàm Thuận tập trung về xã Quang Cảnh tham gia buổi lễ của tỉnh tổ chức. Ngay sau đó, huyện Hàm Thuận nhận đuốc của mình và rước chạy về Rẫy Thơm - địa điểm sân lễ của huyện. Hơn 600 cán bộ, chiến sĩ, chủ yếu là đoàn viên, thanh thiếu niên có thành tích xuất sắc từ các xã trong huyện được chọn tập trung về địa điểm của huyện làm lễ rồi nhận rước đuốc chạy về xã của mình.

Cán bộ, đồng bào, thanh thiếu niên xã Quang Cảnh vừa được xem, được dự lễ rước đuốc của tỉnh, của huyện, lại vừa tổ chức rước đuốc của xã nhà. Các anh, chị có thành tích trong các phong trào thi đua của xã được vinh dự đứng trong đoàn quân chiến thắng. Trong số những gương mặt tiêu biểu đó có các đồng chí: Trần Đánh, Trần Xu, Nguyễn Văn Phước, Nguyễn Thăng Long, Đinh Góp, Huỳnh Thị Dương, Nguyễn Thị Bán...

Mãi đến hôm nay, 65 năm lùi vào quá khứ, nhưng khi nghe gọi lại sự kiện, phong trào tổng động viên nhân tài vật lực, rước đuốc chiến thắng, người dân xã Quang Cảnh vẫn thấy mình như trẻ lại, sôi nổi, hồn nhiên và nhớ như in cảnh đông đảo, rộn rịp, khí thế của những ngày tổ chức lễ rước đuốc chiến thắng, nhớ lại thành tích thi đua đánh Tây thật hào hùng.

Thời gian tổ chức lễ kéo dài hai ngày đêm; tổ chức đá bóng, diễn văn nghệ, triển lãm tranh ảnh về thành tích kháng chiến. Đoàn văn công Sao Vàng của tỉnh cùng các đoàn văn nghệ của bộ đội, các huyện, xã phối hợp biểu diễn; tiếng hát, tiếng đàn âm áp ngân vang.

Địa điểm vườn mít nhà má Trọ (Ngô Thị A) là nơi tổ chức sân lễ, dưới tán những cây mít to, mát là hội trường mới cất và rợp cờ hoa. Đặc biệt trên lễ đài, ngoài ảnh Bác Hồ, cờ, khẩu hiệu còn có treo hình của đại tướng Võ Nguyên Giáp và đồng chí Trường Chinh - Tổng bí thư Trung ương Đảng.

Lễ rước đuốc cũng như các buổi lễ khao quân mừng chiến thắng, dân luôn được nghe những bài thơ, bài chòi... do bộ đội sáng tác nhanh để ca ngợi các chiến công. Ngoài đoàn văn công chuyên nghiệp Sao Vàng của tỉnh, bộ đội, các đội văn nghệ huyện, xã cũng đóng góp nhiều tiết mục biểu diễn rất hay. Điệu hát, giọng hò hòa với tiếng đàn Măndôlin, Băng rô, phong cầm, tiếng Acmonica, sáo trúc... réo rắt, du dương thời ấy đã in sâu vào tình cảm, tâm trí của những người kháng chiến, nhất là đồng bào sống ở chiến khu. Những địa điểm Sân banh, Sân lễ, Chợ kháng chiến, những cây to cao làm điểm gác bù, Vườn mít nhà má Trọ, má Hai... đã ăn sâu vào tâm khảm của những ai đã từng tham gia đánh thực dân Pháp ở chiến trường Ô rô, Quang Cảnh...

Qua 3 năm tiếp tục chiến đấu, trưởng thành, quân dân xã Quang Cảnh đã tạo nên thế trận chiến tranh nhân dân, kháng chiến toàn dân, toàn diện.

Đẩy mạnh việc tấn công địch, bảo vệ vùng căn cứ, bao vây, bức rút đồn bót địch; tiêu diệt đồn Rạng, giải phóng hoàn toàn vùng Rạng, xã Quang Cảnh không còn vùng địch tạm chiếm.

Đồng thời với quá trình sản xuất và chiến đấu, xã đã củng cố, tăng cường, phát triển thực lực, bầu cử Hội đồng nhân dân, củng cố chính quyền, đoàn thể, nâng cao quy mô, sức chiến đấu, lãnh đạo của chi bộ Đảng.

Thực hiện sáng tạo phong trào thi đua toàn diện, thiết thực, cung cấp nhân tài, vật lực, phục vụ tốt công tác hậu cần nhân dân, hậu cần tại chỗ.

Kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, giáo dục, y tế... phát triển toàn diện; vừa đánh giặc, vừa xây dựng, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, vừa tiêu hao sinh lực địch, vừa bồi dưỡng lực lượng ta. Các tôn giáo, dân tộc, mọi thành phần đều tham gia kháng chiến. Nhờ ta có nội dung, hình thức, biện pháp dân vận phù hợp, vừa huy

động, vừa chú ý bồi dưỡng sức dân, mặc dù trong năm 1950 ta huy động sức dân quá lớn; được quân, lương, tiền, hàng ... nhưng quan trọng hơn cả là vẫn giữ được tình cảm và lòng tin của dân. Nhân dân tiếp tục ủng hộ kháng chiến. Rõ ràng 5 năm qua, quân dân xã Quang Cảnh vừa chiến đấu, vừa sản xuất, cung cấp nhân tài, vật lực, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vừa hậu phương, vừa tiền tuyến.

Vị trí chiến lược của xã Quang Cảnh vô cùng quan trọng; nơi đứng chân của nhiều lực lượng các cấp, là cửa ngõ bảo vệ căn cứ Ô rô. Quang Cảnh có rừng núi, biển, có ruộng, rẫy, nguồn nước, lương thực, thực phẩm dồi dào nuôi kháng chiến. Có chợ kháng chiến lớn tại xã và các chợ giáp ranh. Có vị thế để kháng chiến toàn dân, toàn diện; phát triển chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân, hậu cần nhân dân, hậu cần tại chỗ; sản xuất chiến đấu nuôi quân, bảo vệ các cơ quan.

Trong tất cả các phong trào thi đua kháng chiến đều huy động được sức mạnh tổng hợp, có sự phối hợp chặt chẽ giữa quân, dân. chính Đảng, bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, du kích, dân quân, thanh niên cùng tham gia.

Bên cạnh những thành tích đáng trân trọng, cũng bộc lộ những hạn chế, bất cập về tổ chức, tư tưởng, công tác dân vận cần nghiêm túc rút kinh nghiệm...

Chương III **Xây dựng căn cứ vững chắc,** **làm tròn nhiệm vụ vừa hậu phương vừa tiền tuyến** **(1951 - 1954)**

Những năm 1951 – 1954, ở Hàm Thuận và căn cứ Lê Hồng Phong, xã Quang Cảnh cũ, địch tiếp tục thực hiện chính sách tam quang; đánh phá ác liệt hơn, dồn dân, thu hẹp vùng kháng chiến, củng cố vùng địch tạm chiếm. Địch tăng quy mô các trận càn; huy động tổng lực: bộ binh, máy bay ném bom, nhảy dù, pháo binh phản kích, mỗi trận càn từ cấp tiểu đoàn trở lên.

Ngoài các cứ điểm đã có, chúng phát triển thêm hệ thống lô cốt ngầm kiên cố (boong ke) thay hệ thống tháp canh cao trước đây (Đờ - la - tua). Ở Mũi Né, Phú Hải, Phú Long, Kim Ngọc, địch đều làm hệ thống đồn bót mới.

Những toán lính Com-măng-đô thường phục kích các giếng, bàu nước, ngã đường để bắn cán bộ, đồng bào. Bàu Sen, Bàu Tàng, Giếng Đê, Giếng Triền, Giếng Chanh... là những địa điểm địch thường xuyên phục kích, bắn phá, quyết cắt đứt nguồn nước của ta. Để có nước sinh hoạt, nhiều lúc ta phải đổi bằng máu; giành giật với địch từng lon nước.

Địch liên tiếp mở các trận càn lớn về quy mô, tính chất, lực lượng, phương tiện vào vùng căn cứ, bắn lè, đốt nhà, bắn trâu bò, càn quét các xã Hồng Thanh, Hồng Tiến, Hồng Thịnh... gom xúc dân về Mũi Né.

Ngày 19 tháng 01 năm 1953, địch cho nhiều lượt máy bay ném bom, bắn phá các xã Hồng Sơn, Hồng Thịnh, Hồng Trung, Hồng Liêm, Hồng Chính... Sau đó, dùng xe tăng, bộ binh chia làm hai cánh: Một cánh đánh vào xã Hồng Liêm, nhằm

chia cắt tuyến đường từ căn cứ Lê Hồng Phong qua miền tây; Cánh thứ hai đánh vào các xã còn lại của căn cứ Lê Hồng Phong.

Tiếp đó, ngày 12 tháng 02 năm 1953, địch dùng máy bay Đacôta chở khoảng 200 quân, nhảy dù xuống khu vực xã Hồng Sơn rồi tỏa ra đánh phá các xã lân cận như Hồng Thịnh, Hồng Trung, Hồng Liêm, Hồng Tiến.

Cuối tháng 4 năm 1953, địch huy động 8 tiểu đoàn đánh phá căn cứ Lê Hồng Phong xơ xác, gây tổn thất lớn về nhiều mặt cho đồng bào...

Ngoài ra địch sử dụng pháo ở các cứ điểm: Ma Lâm, Kim Ngọc, Tuy Hòa, Mũi Né bắn phá suốt ngày đêm... Hồi ấy, sinh hoạt của quân dân ta đều bị khó khăn, đảo lộn...

Trước những âm mưu, thủ đoạn đánh phá mới của địch, quân dân căn cứ Lê Hồng Phong nói chung, xã Quang Cảnh nói riêng, gặp rất nhiều khó khăn. Tình hình, hệ quả đó bắt nguồn từ một số nguyên nhân:

Một là, do địch đánh phá ác liệt bằng nhiều lực lượng, gây cho ta tổn thất, đảo lộn về sản xuất, sinh hoạt cũng như chiến đấu, nhất là ở vùng căn cứ. Hai là, do ta huy động quá sức dân trong đợt tổng động viên nhân tài vật lực năm 1950. Ba là, do ta phát triển đảng viên mới quá ồ ạt, thiếu thử thách cần thiết, một số cơ hội, động cơ phân đấu không rõ ràng, nay gặp ác liệt chạy đầu hàng, bỏ công tác... làm mất lòng tin của nhân dân. Bốn là, một số cán bộ xã làm công tác dân vận chưa tốt, vừa sai phạm trong việc huy động sức dân, vừa lãng phí làm ảnh hưởng không tốt đến tư tưởng quần chúng, một số ít đồng bào chạy vào vùng địch ở Mũi Né. Năm là, Trong công tác bao vây kinh tế địch, chống dùng hàng ngoại hóa có lúc, có việc ta làm quá tả, phản tác dụng, mất lòng dân.

Chủ trương của tỉnh và huyện, để mở rộng vùng căn cứ, tạo thế đứng chân kháng chiến lâu dài, cuối năm 1950, tỉnh ủy Bình Thuận quyết định lập Khu căn cứ Lê Hồng Phong, lúc đầu gồm 4 xã: Hồng Sơn, Hồng Liêm, Hồng Trung và Hồng Hải. Trong đó, hai xã mới Hồng Trung và Hồng Hải là từ xã Quang Cảnh trước đây được chia tách thành hai xã.

Khi tiềm lực các mặt đã được chuẩn bị khá đầy đủ, tháng 4 năm 1951, tỉnh ủy quyết định nới rộng hơn nữa khu căn cứ Lê Hồng Phong và nâng lên thành huyện căn cứ Lê Hồng Phong, gồm 11 xã, lấy tên đầu mỗi xã bằng chữ Hồng (Thái, Liêm, Sơn, Lâm, Chính, Trung, Thanh, Hải, Tiến, Thịnh, Thắng).

Riêng xã Hồng Hải được tách ra thành 3 xã mới: Hồng Hải mới, Hồng Thịnh và Hồng Tiến.

Sự kiện thành lập huyện căn cứ Lê Hồng Phong và phân ranh giới 11 xã căn cứ vào cuối tháng 4 năm 1951 đã trở thành dấu ấn in sâu vào ký ức của cán bộ, đồng bào xã Hồng Hải. Về tổ chức được tỉnh ủy chuẩn bị công phu, tỉ mỉ từ nội dung đến hình thức. Láng Gũ và khu vực Bàu Ron thuộc xã Hồng Hải mới được tỉnh ủy chọn làm địa điểm tổ chức hội nghị. Hồng Hải cũng là xã chủ lực được tỉnh ủy phân công giúp tỉnh và huyện làm hội trường. Lãnh đạo xã thành lập tiểu ban hậu cần huy động nhân lực các vùng: Bàu Ron, Bàu Tàng, Bàu Sen, Bền Ngách... chặt cây, tre, cắt và bện tranh (đánh tranh) làm hội trường to, đẹp và có cả phòng trưng bày, triển lãm...

Tại hội nghị này có triển lãm tranh ảnh... tố cáo tội ác của giặc đã đốt nhà, cướp của, giết người, hãm hiếp phụ nữ... Hội nghị còn tổ chức chương trình văn

nghệ hoành tráng; ngoài đoàn văn công Sao vàng của tỉnh phục vụ còn có nội dung tự biên tự diễn của các xã.

Ban cán sự cực Nam và tỉnh ủy Bình Thuận chủ trì; thành phần Hội nghị gồm đại diện dân, quân, chính, Đảng của tỉnh và huyện Lê Hồng Phong. Cán bộ, chiến sĩ, đồng bào 3 xã Hồng Tiến, Hồng Hải, Hồng Thịnh đều tham gia phục vụ Hội nghị từ công tác bảo vệ đến hậu cần...

Sau khi huyện căn cứ Lê Hồng Phong ra đời, từ giữa năm 1951, tỉnh ủy Bình Thuận thành lập Đặc phái đoàn: Dân, Quân, Chính, Đảng, đặc trách trực tiếp giúp tỉnh xây dựng, củng cố toàn diện huyện căn cứ Lê Hồng Phong.

Đồng chí Trương Đức Chính (Trương Công Cừu), ủy viên thường vụ tỉnh ủy làm trưởng đoàn, đồng chí Bách Tùng làm phó trưởng đoàn, đồng chí Đỗ Hoàng Thận làm thư ký.

Đối với 3 xã mới từ xã Hồng Hải được tách ra gặp nhiều khó khăn về tư tưởng, tổ chức, đời sống, cũng như thế ăn ở chiến đấu nên đoàn cán bộ tinh phân công các đồng chí: Bách Tùng, Hồ Đức Hậu, Nguyễn Bá Lân, Lê Đình Nguyên trực tiếp đứng chân tiếp tục xây dựng, củng cố toàn diện cho 3 xã này.

Cũng trong năm 1951, tỉnh ủy mở hội nghị chuyên đề: “Xây dựng vùng bản lẻ, tiền sâu hậu địch (vùng sau lưng địch)”, với phương thức căn cứ móc nối cơ sở ra vùng ta vừa dùng hầm bí mật bám trụ trong vùng địch. Kể từ đó, Hồng Tiến, Hồng Hải, Hồng Thịnh trở thành bàn đạp đứng chân của các lực lượng tỉnh, huyện và các xã bạn có vùng địch hậu để móc nối cơ sở từ Kim Ngọc, Phú Hải, Mũi Né ra huấn luyện, học tập hoặc cũng từ đây ta tìm cách đột nhập vào vùng địch nằm hầm bí mật để ban đêm tiếp xúc, phát động quần chúng, xây dựng cơ sở, vũ trang tuyên truyền, thu đảm phụ kháng chiến...

Tuy mới ra đời, nhưng được sự quan tâm giúp đỡ của cấp trên nên 3 xã Hồng Hải, Hồng Thịnh, Hồng Tiến đã vươn lên từng bước khắc phục khó khăn thực hiện tốt các chủ trương, nhiệm vụ của tỉnh ủy Bình Thuận và huyện căn cứ Lê Hồng Phong đề ra, đó là:

Giữ vững và mở rộng vùng căn cứ, sản xuất tự túc, bảo vệ mùa màng. Đẩy mạnh phát triển chiến tranh du kích, giữ dân và từng bước vận động dân về lại vùng ta. Đẩy mạnh các phong trào văn hóa, văn nghệ, y tế, thể dục, thể thao... Tăng cường xây dựng lực lượng du kích, dân quân nhất là du kích tập trung để đủ sức đánh địch. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào nuôi quân, đi bộ đội, đi dân công phục vụ chiến trường.

Cuối năm 1950, khi mới thành lập khu căn cứ Lê Hồng Phong, xã Quang Cảnh được chia thành hai xã: Hồng Trung và Hồng Hải. Chi bộ xã Hồng Hải có khoảng 300 đảng viên, chi ủy gồm các đồng chí Hồ Như Thạch, Nguyễn Thanh Liêm, Nguyễn Thanh Hoa, do đồng chí Hồ Như Thạch làm bí thư. Do chất lượng một bộ phận đảng viên không đáp ứng yêu cầu, xa rời dân, công tác dân vận kém, cộng vào đó công tác bao vây kinh tế địch cũng nặng nề quá tải, huy động nhân tài vật lực quá sức dân, đời sống khó khăn, dẫn đến một số dân chạy vào vùng địch. Trước tình hình trên tỉnh ủy chỉ đạo lấy Hồng Hải làm điểm chỉ đạo rút kinh nghiệm để nhân ra thành diện. Nhiều cán bộ của tỉnh, của huyện được tăng cường xuống trực tiếp xây dựng chính quyền xã mới và củng cố toàn diện về tư tưởng, tổ chức, công tác dân vận...

Đoàn cán bộ tăng cường gồm: Hồ Đức Hậu, Bách Tùng, Lê Đình Nguyên, Lương Tri, Đỗ Hoàng Thâm...

Khoảng tháng 02 năm 1951, chi bộ xã Hồng Hải tiến hành đại hội tại Giếng Đá, có đại diện của Ban cán sự cực Nam tỉnh ủy Bình Thuận, Ban cán sự khu Lê Hồng Phong tham dự và chỉ đạo. Toàn đại hội có trên 300 đại biểu, làm hội trường mới trang trí, trưng bày, triển lãm phong phú, có đại diện các xã bạn tham dự. Đại hội bầu chỉ ủy mới gồm các đồng chí: Ngô Minh Quang, Võ Tấn Trương, Nguyễn Thanh Hoa, Võ Thạnh, Lê Đình Nguyên... do Hồ Đức Hậu làm bí thư.

Đến tháng 4 năm 1951, ta chia Hồng Hải thành 3 xã nhỏ (Hồng Hải, Hồng Thịnh và Hồng Tiến) xã Hồng Hải nhỏ mới tách ra từ xã Hồng Hải lớn cũng được cấp trên chú ý tập trung chỉ đạo. Ranh giới xã Hồng Hải mới gồm: Bàu Sen, Rạng, Láng Cháy, Xóm Trạm và đá Ông Địa. Trụ sở, cơ quan xã đóng ở khu vực đất vườn của ông Cả Láng ở Bàu Sen.

Toàn xã được chia thành 3 thôn (vùng): Thôn I (vùng 1) gồm: Xóm Trạm, đá Ông Địa; đồng bào tản cư ở sâu vào Láng Găng, Cây Cà, ban đêm bám biển đánh bắt cá. Thôn II (vùng 2) gồm: xóm Rạng – xóm Hành, dân vào lập thôn căn cứ ở từ cây Cám đến bìa rừng Láng Lớn chạy qua giáp cây cóc ông Bộ Thường. Thôn III (vùng 3) gồm: xóm chợ Rạng, dân vào rừng xây dựng căn cứ ở từ lán Hòn Một đến giáp cây cóc ông Bộ Thường.

Toàn xã có 1 chi bộ cơ sở, khoảng 100 đảng viên, do đồng chí Nguyễn Thạch làm bí thư, sau đó đồng chí Hồ Đức Hậu làm bí thư; đồng chí Nguyễn Thanh Hoa làm phó bí thư. Chi bộ được chia thành 3 phân chi, lãnh chỉ đạo từng thôn. Bí thư phân chi vùng 1 là đ/c Nguyễn Quý

Ủy ban kháng chiến hành chính xã gồm: Chủ tịch- Nguyễn Thanh Hoa; Ủy viên thư ký- Đỗ Hoàng Thâm (Sáu Bi).

Mặt trận và các đoàn thể được kiện toàn: Ban chấp hành Hội phụ nữ có: Nguyễn Thị Bích, Nguyễn Thị Minh Hương; Ban chấp hành Đoàn thanh niên có: Nguyễn Hồng Lĩnh, Nguyễn Hữu Chi. Đội thiếu niên hoạt động khá sôi nổi; các chị xông xáo như: Bạch Tuyết, Khiếu Sinh, Hường Nhi, Nguyễn Thị Nguyệt... Hội mẹ chiến sĩ do Chế Thị Minh (Má Lung) làm Hội trưởng.

Ban chỉ huy xã đội có: Nguyễn Đức Đảng, Nguyễn Hữu Chi, Nguyễn Bá Cang...Đỗ Văn Hương (Sang thời kỳ Mỹ Diệm, năm 1956 trở đi, Hương tham gia cho địch).

Phát triển chiến tranh du kích được đặt lên hàng đầu, do đó lực lượng du kích được phân công cụ thể, bám trụ từng vùng để nắm chắc tình hình hoạt động của địch, báo động, báo an, đánh chống càn, bảo vệ căn cứ, mùa màng, bảo vệ, canh gác cho dân bám biển đánh bắt cá...

Ban chỉ huy trung đội du kích tập trung gồm các đồng chí: Hoàng, Nguyễn Nhân... Các chiến sĩ chỉ huy du kích tập trung được phân công như sau: Vùng Rạng có các đồng chí: Trần Đảnh, Đặng Tiểu, Nguyễn Văn Tân... Vùng Láng Găng do các đồng chí: Trần Xu, Trần Lê, Lại Đình Quý, Đỗ Đen... Vùng cây Cám do các đồng chí: Vũ Kim Hùng, Huỳnh Văn Lợi, Trần Hoàng...

Thực hiện chủ trương vừa đánh giặc vừa tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế vùng kháng chiến; các ban, ngành, đoàn thể xã Hồng Hải phát động dân tích cực sản

xuất, cải thiện đời sống vừa đóng góp cho kháng chiến. Đồng bào cần mẫn, ban ngày bám đất sản xuất, ban đêm bám biển đánh bắt hải sản, kết hợp nông ngư, đồng thời tiếp tục bán dừa khô, xơ dừa, đánh dây neo, bán tàu dừa cho ngư dân Mũi Né...

Du kích xã Hồng Hải đánh giặc rất dũng cảm, gan lì, một trong những trận tiêu biểu là chặn đánh xe tăng vào ngày 25 tháng 4 năm 1953. Khi được tin có xe tăng địch từ hướng đá Ông Địa tràn vào căn cứ, một tiểu đội du kích liền triển khai thế trận chiến đấu; 6 chiếc xe tăng Pháp hung hăng, ngạo mạn, nghênh ngang vào khu vực Dốc Hình – Hòn Vung. Dưới sự chỉ huy của các anh Trần Đánh, Trần Xu; một tổ du kích với 3 khẩu súng trường Anh và mấy quả lựu đạn đã đuổi theo, quàng bám đánh nhau với địch suốt cả một buổi sáng. Tuy ta chưa đủ lực làm tiêu hao sinh lực địch, nhưng chúng phải quay đầu về lại Phan Thiết. Đồng bào thán phục, ngợi khen du kích xã ta đánh giặc rất anh hùng. Các anh trực tiếp lẫm xả chiến đấu với đoàn xe tăng Pháp không ai khác hơn là những gương mặt đã từng vào sinh ra tử đối mặt với quân thù từ những năm 1946 – 1947; đó là Nguyễn Văn Phước, Trần Đánh, Trần Xu.

Trong trận đánh xe tăng này có một nữ du kích tiêu biểu đã hy sinh anh dũng, đó là Huỳnh Thị Dương. Chị đã cùng các anh bám sát đoàn xe tăng địch để báo động cho dân tránh lánh. Khi chạy đến khu vực cây Cám- lảng cóc ông Bộ Thường, địch phát hiện bao vây nhả đạn chị hy sinh ngày 25 tháng 4 năm 1953 (ngày 12 tháng 3 năm Quý Tỵ). Từ năm 1946, Chị đã làm liên lạc cho đội tự vệ, nhiều lần tình nguyện xung phong đi trinh sát, bám sát đồn giặc, nắm chính xác tình hình. Sau đó Chị đã trở thành một trong những nữ du kích kiên cường, mưu trí gan dạ, được đồng đội và đồng bào tin yêu mến phục.

Trong năm 1953, với sự phối hợp trinh sát nắm tình hình, cung cấp thông tin chính xác kịp thời của du kích Hồng Hải, bộ đội chủ lực chặn đánh và bắn cháy một xe tăng của quân Pháp ở cách đá Ông Địa khoảng 700 mét về hướng đông bắc.

Xây dựng xã căn cứ Hồng Thịnh, khi mới được thành lập, ranh giới hành chính của xã Hồng Thịnh gồm: Giếng Đé, Triền, Láng Rộng, Bàu Tàng. Toàn xã được chia thành 5 thôn (còn gọi là vùng). Vùng 1 là Bàu Tàng; vùng 2 là Triền khô; vùng 3 là Bàu Sen; vùng 4 là Triền nước; vùng 5 là Láng Rộng.

Về bộ máy tổ chức, Hồng Thịnh sớm được củng cố, tăng cường. Toàn chi bộ cơ sở có khoảng 100 đảng viên, do đồng chí Ngô Minh Quang làm bí thư, đồng chí Võ Tấn Trương làm phó bí thư.

Ủy ban kháng chiến hành chính xã do đồng chí Võ Tấn Trương làm Chủ tịch, đồng chí Tô Thu Vân làm phó chủ tịch.

Ban chấp hành Hội nông dân gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Trung. Ban chấp hành Hội phụ nữ xã gồm các đồng chí Phạm Thị Khoa, Huỳnh Thị Hiệp, (Tám Cân), Nguyễn Thị Dậu, Nguyễn Thị Thìn, Huỳnh Thị Hiệp.

Ban chấp hành Đoàn thanh niên gồm các đồng chí Đinh Góp, Đinh Thị Đào, Tô Thị Tâm... Do đồng chí Đinh Góp làm bí thư. Nhiều đoàn viên hăng hái, xung kích trên mọi lĩnh vực như các anh: Hai Tùng, Hai Long, Sáu Công; Các chị Tư Châu, Năm Nhỏ, Mười Sang...

Ban Thiếu niên gồm các chị: Tô Thị Cẩm Lệ, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Sang ... Do chị Tô Thị Cẩm Lệ làm trưởng ban. Trên xã có Ban Thiếu niên, dưới thôn có Thiếu đoàn, mỗi thôn có thiếu đoàn trưởng và 2 thiếu đoàn phó. Cán bộ thiếu

đoàn ở các thôn lúc ấy gồm: Đỗ Văn Công, Lê Thị Cúc, Nguyễn Thị Lai, Nguyễn Thị Cao...

Tổ chức chặt chẽ, cán bộ thiếu niên xông xáo, nhiệt tình nên tập hợp hơn 100 em (khoảng 60 nam và 40 nữ). Hồng Thịnh xây dựng được đội văn nghệ chủ yếu là thanh thiếu niên. Đội này mạnh nhất trong các xã, phối hợp cùng các đoàn văn nghệ huyện và bộ đội lưu diễn khắp nơi ...

Các em thiếu niên Hồng Thịnh hồi ấy làm được nhiều việc lớn hơn tuổi của mình. Vào vùng địch nắm tình hình, mua hàng hóa, đi liên lạc, gác bù, báo động, báo an, diễn văn nghệ, hò lơ, cô động tuyên truyền chống dùng hàng ngoại hóa, bao vây kinh tế địch, cô động phong trào bình dân học vụ, lập hàng rào đỏ chữ... Sản xuất tự túc và tham gia phong trào chăn nuôi, trồng trọt, nuôi quân như “con gà, giòng lang kháng chiến, hủ gạo nuôi quân...”.

Ban chấp hành Hội mẹ chiến sĩ gồm có má Hương, má Cối Giã, má Nguyễn Thị Ty ... Má Bảy (Trương Thị Muộn) đã giáo dục, động viên và lần lượt đưa 7 đứa con tham gia kháng chiến.

Từ năm 1951, thực hiện chủ trương: “đưa thương binh về làng”, mỗi thôn, các má nhận nuôi 4 đến 5 thương binh nặng. Riêng thôn 4 có 4 má nhận nuôi 4 anh – đó là má Cối Giã, má Cho, má Rạng, má Hương (Mục Ba). Gia đình Ông Tư Gân, ông Mục Gộc, Nguyễn Văn Trung (Mục Trung)... ở Triền là một trong những chỗ dựa vững chắc của cán chiến sỹ ta.

Hồi ấy nhiệm vụ nhiều, cán bộ thì ít, nên một đồng chí phải kiêm nhiệm nhiều chức danh. Có đồng chí là du kích xã vừa phụ trách vùng đội phó dân quân vừa làm cán bộ thiếu niên.

Ban chỉ huy xã đội gồm các đồng chí: Nguyễn Xuân Thùy làm xã đội trưởng, Huỳnh Văn Luân làm xã đội phó. Ban chỉ huy trung đội du kích tập trung xã gồm các đồng chí: Nguyễn Thăng Long, Nguyễn Văn Thôi...

Công đoàn vận tải xã Hồng Thịnh đã tập hợp duy trì được đội vận tải xe trâu gồm 12 chiếc, vận chuyển lương thực, thực phẩm, hàng hóa cho huyện, tỉnh và bộ đội. Ông Phan Văn Chuột, thôn trưởng thôn 3, kiêm đội trưởng đội vận tải, các đội viên hăng hái như: Đoàn Phù, anh Tư Phương, anh Sáu Công, anh Hắc, anh An, Phan Văn Thu. Nhiều cụ già tuổi cao ý chí càng cao, vận động con em hết lòng phục vụ kháng chiến. Nổi bật có các ông: Trùm Tụ, Tư Hương, Biện Hoạch, Thọ Dương, Hai Tiêu, Tư Rợ, Tư Gân, Hai Rơ...

Những năm 1950 - 1953, Hồng Thịnh là một trong những xã có phong trào văn nghệ mạnh nhất huyện căn cứ Lê Hồng Phong, được cấp trên điều động đi lưu diễn khắp nơi trong huyện và hội diễn giao lưu với bộ đội trong những dịp tổ chức lễ mừng chiến thắng...

Duy trì được phong trào văn nghệ như thế là nhờ các diễn viên hăng hái, nhiệt tình, cộng vào đó là các anh chị lãnh đạo đội có phương pháp tổ chức, động viên, tập hợp; mặt khác gia đình cha mẹ của các thành viên trong đội văn nghệ luôn tạo điều kiện khuyến khích con em mình hoạt động phục vụ đồng bào, chiến sỹ. Đoàn Văn công Sao Vàng của tỉnh đứng chân trên địa bàn xã nên gần gũi, thường xuyên hướng dẫn, tập luyện giúp xã. Đội văn nghệ gồm có: Chị Đáng, Nguyễn Thị Sang, Tô Thị Tâm (Năm Sâm), Nguyễn Thị Lại, Nguyễn Văn Thụ (Thiên), Nguyễn Văn Phụng,

Nguyễn Thị Kết, Tô Thị Cẩm Lệ... do đồng chí Nguyễn Văn Hoa làm đội trưởng. Chị Lệ đã đào tạo, dìu dắt một tổ nghệ sĩ nhí hát hay múa dẻo như: các cô Hoàng, Hoa, Ngọc; các cậu Chúc, Hải... Chương trình văn nghệ hội ấy thường xen kẽ các tiết mục của tỉnh, của huyện và của xã, gồm các thể loại kịch nói, kịch câm, hoạt cảnh múa lèo, đơn ca múa sạp... Những điệu múa, lời ca đều có nội dung giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần thi đua kháng chiến...

Dưới ánh lửa bập bùng hoặc ánh đèn măngson sống động những điệu múa “Hội ngày mùa” với lời hát “tiến ta tiến tiến gieo mầm cây lúa non, nền hòa bình cùng chung đắp xây...”; điệu múa “Ươm tơ tằm”, với lời hát: “Ươm tơ tằm, ta kéo tơ dệt áo...”. Một điệu múa rất hay rất dẻo, nhịp nhàng được người xem khen ngợi, đó là “Tình hữu nghị”, được tổ thiếu niên trong đội văn nghệ xã đầu tư tập luyện hết sức công phu...

Hồng Thịnh là một trong những xã có nhiều hoạt động tiêu biểu, có phong trào thi đua toàn diện, thực chất, hiệu quả. Toàn Đảng, toàn quân dân trong xã phối hợp với các xã bạn, với bộ đội huyện, tỉnh hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, thể hiện rõ nét cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài...

Trước hết là thi đua sản xuất, nhất là sản xuất lương thực; các loại khoai, đậu... năm nào cũng dư ăn, có bán và làm nghĩa vụ nuôi kháng chiến. Những lần tỉnh, huyện tổ chức hội nghị triển lãm nông sản toàn huyện, Hồng Thịnh đã góp phần trưng bày những quả dưa, củ mì, khoai, sắn, thơm to dài, nặng ký... kết quả tốt như thế là nhờ đồng bào thực hiện triệt để khẩu hiệu “người người tăng gia, nhà nhà tăng gia”.

Tiếp đến là vận động dân bám trụ căn cứ; dù địch đánh phá Hồng Thịnh rất ác liệt, đời sống có lúc thật khó khăn, đảo lộn nhưng nhờ công tác dân vận tốt, tinh thần giác ngộ cao, hầu hết đồng bào đã bám trụ kiên cường, quyết tâm xây dựng căn cứ, quyết tâm kháng chiến đến cùng. Chỉ có một bộ phận nhỏ dân của Thạch Long, Khánh Thiện năm 1946 tản cư ra xã Quang Cảnh, nay quá ác liệt, họ dao động chạy về lại Mũi Né.

Từ năm 1951 – 1954, dân Hồng Thịnh liên tục bố phòng, đánh chông, rào làng chiến đấu, chống địch càn quét, đưa dân đi tránh lánh. Mỗi lần địch vào có một bộ phận dân quân chuyên lo nhiệm vụ cất giấu tài sản, đưa người già, trẻ em đi tránh lánh, số sinh lực còn lại cùng bộ đội tham gia chiến đấu; với tinh thần mỗi người dân là một chiến sĩ, cuộc cày trở thành vũ khí...

Bảo vệ mùa màng, bảo vệ căn cứ, bảo vệ cơ quan của cấp trên là một nhiệm vụ thường xuyên của dân quân Hồng Thịnh. Công tác an ninh, bảo mật được toàn dân thực hiện rất tốt, phát hiện gián điệp, Việt gian là phản ánh cho công an theo dõi. Các em thiếu niên cũng thực hiện tốt khẩu hiệu 3 không: “không biết, không nghe, không thấy”.

Những năm 1952 – 1953, trên chiến trường toàn huyện, toàn tỉnh diễn ra nhiều trận đánh lớn, cần huy động sức người, sức của nhất là cần sinh lực bổ sung cho bộ đội và đi dân công chiến trường. Do đó, cùng với các xã bạn, thanh niên nam, nữ xã Hồng Thịnh có mặt khắp nơi, phục vụ các trận đánh của bộ đội huyện, bộ đội chủ lực ở Mường Mán, Ngã Hai, Sông Quao, Mũi Né. Đặc biệt là trận diệt đồn Thạch Long – Mũi Né. Ngày 18 tháng 4 năm 1953, thanh niên các xã Hồng Thịnh, Hồng Sơn, Hồng Tiến, Hồng Hải đều xuống chiến trường, cả người và xe trâu đều được huy động

kiêng, chở vũ khí, đạn dược và chiến lợi phẩm về căn cứ Hồng Thịnh, Hồng Tiến, Hồng Sơn...

Về phong trào y tế, giáo dục, văn hóa, văn nghệ, thể thao... Hồng Thịnh có điều kiện thuận lợi để phát triển. Nhờ bộ đội đứng chân trên địa bàn; có sân banh của tỉnh, có nhiều cơ quan đứng chân ở Triền, có phòng y tế, trạm xá huyện, có trường học bổ túc văn hóa ở Hồng Sơn, tại xã luôn duy trì được lớp học. Nhờ đó, thanh thiếu niên Hồng Thịnh, tham gia sôi nổi các phong trào họp bạn, đốt lửa trại, diễn văn nghệ, học văn hóa. Thông qua đó thanh niên Hồng Thịnh trưởng thành, cung cấp cho huyện và tỉnh nhiều cán bộ, chiến sĩ tốt, có đạo đức, năng lực...

Xây dựng, phát triển xã căn cứ Hồng Tiến (1951 - 1954), xã căn cứ Hồng Tiến giữ vị trí chiến lược khá quan trọng đối với toàn huyện căn cứ Lê Hồng Phong. Ranh giới hành chính của xã Hồng Tiến bao gồm: Bàu Me, Bàu Ghe, Bàu Ron, Bàu Điền, Hòn Một, Bàu Tàng, Bàu Sen. Đây cũng là nơi bị địch bao vây đánh phá, phong trào kháng chiến gặp nhiều khó khăn, khó nhất trong 3 xã từ Hồng Hải lớn tách ra.

Toàn xã được chia thành 3 thôn (vùng): Thôn 1 (vùng một) gồm Bàu Ghe, Bàu Điền. Thôn 2 (vùng hai) gồm Bàu Ron, Bàu Tàng, Hòn Một. Thôn 3 (vùng ba) gồm Bàu Me, Bàu Sen.

Về hệ thống bộ máy tổ chức: Đảng, chính quyền, đoàn thể từng bước được củng cố vững mạnh. Toàn xã có 1 chi bộ, có gần 100 đảng viên, do đồng chí Võ Thạnh (Sáu Thạnh) làm bí thư. Ủy ban kháng chiến hành chính xã do đồng chí Nguyễn Tấn Đạt làm chủ tịch; đồng chí Trần Văn Thất làm phó chủ tịch. Hội Mẹ chiến sĩ do má Ngô Thị Trọng (má Trợ) làm Hội trưởng.

Chính quyền xã Hồng Tiến tập trung các nhiệm vụ quản lý, điều hành công việc kháng chiến và phát triển kinh tế; quan tâm thực hiện chính sách, giải quyết quyền lợi cho dân, cấp giấy tờ cho dân đi lại buôn bán, làm ăn trong vùng kháng chiến. Cấp giấy giới thiệu để cho dân được dắt trâu đi bán ở các xã trong vùng kháng chiến.

Bộ máy tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể từng bước được củng cố, phong trào phát triển sôi nổi, toàn diện nhất là khu vực Bàu Sen, Bàu Ghe, Bàu Tàng, Hòn Một...

Đây là khu vực địch thường càn quét đánh phá, do đó công tác canh gác, bố phòng được đặt lên hàng đầu. Từ năm 1951 đến năm 1954, vọng gác bù trên núi Hòn Một được duy trì xuyên suốt, canh gác chặt chẽ. Thanh niên, dân quân gương mẫu được phân công thay nhau canh gác, báo động, báo an, góp phần bảo vệ căn cứ, đồng bào và các cơ quan của cấp trên.

Ngày 19 tháng 01 năm 1953, địch huy động máy bay, xe tăng, bộ binh càn vào căn cứ Lê Hồng Phong, đổ quân nhảy dù ở Hồng Sơn; cánh quân khác với khoảng 10 chiếc xe tăng từ Phan Thiết ra đá Ông Địa càn lên cây Cà rồi đánh vào Bàu Tàng. Chúng bắn chết gần 100 con trâu ở láng ông Thân Liên, phía tây Bàu Tàng. Nhờ lực lượng ta chặn đánh, báo động, đưa dân tránh lánh nên đỡ tổn thất hy sinh.

Sau trận càn này, du kích, dân quân 3 xã Hồng Tiến, Hồng Hải và Hồng Thịnh phối hợp đào hàng chục hầm chống xe tăng. Mỗi hầm dài khoảng 3 mét, rộng khoảng 2 mét, tuyến hầm chạy dài từ chân động mũi đá Ông Địa đến giáp khu vực cây Cà...

Ngày 02 tháng 02 năm 1954 (ngày 29 tháng Chạp năm Quý Ty), địch từ hướng Mũi Né tràn vào dòng Dênh Dênh, bao vây bắn đồng chí Trần Văn Thất, phó Chủ tịch ủy ban xã Hồng Tiến hy sinh.

Nhằm có cái chữ để nâng cao hiểu biết, có kiến thức phục vụ kháng chiến; yêu cầu học tập của cán bộ, chiến sĩ, đồng bào xã Hồng Tiến rất cấp bách. Từ năm 1951 trở đi, với sự giúp đỡ của huyện, xã vẫn duy trì được một trường học kháng chiến đứng chân ở sân lễ xã Quang Cảnh (*cách khu vực trường tiểu học Thiện Nghiệp 2 ngày nay khoảng 700 mét*). Trường có số lượng học sinh khoảng 50 em, có 5 lớp (từ lớp 1 đến lớp 5). Thầy dạy chính ở trường gồm: Thầy Thanh, Trần Gia Lợi, Nguyễn Quý, Nguyễn Quỳnh... Trường không có nhà nội trú, học sinh ăn, ở trong dân. Bên cạnh việc tổ chức học tập trung ở trường, xã còn duy trì được thường xuyên phong trào bình dân học vụ, các đoàn thể phát động toàn dân học tập, người biết chữ dạy cho người chưa biết chữ, người học lớp cao hơn dạy lại cho người học lớp thấp... cộng vào đó là thanh thiếu niên thường cổ động, hò hò... kêu gọi mọi người học tập và chặn đường đồ chữ. Các chợ kháng chiến đều có lập hàng rào đồ chữ. Nhờ vậy mà nhiều người biết đọc, biết viết, biết làm toán, biết làm cán bộ, làm công tác phục vụ kháng chiến...

Quân dân 3 xã căn cứ phối hợp chặt chẽ, toàn diện với các xã bạn (1951 - 1954). Vẫn là 3 đứa con chung một mẹ, 3 anh em chung một nhà, từ xã Quang Cảnh rồi xã Hồng Hải tách ra; mặt khác do tính chất và trạng thái chiến trường nên 3 xã Hồng Hải, Hồng Thịnh, Hồng Tiến luôn gắn bó, phối hợp chặt chẽ với nhau và cùng phối hợp với các xã lân cận trong căn cứ Lê Hồng Phong đẩy mạnh các phong trào kháng chiến toàn diện. Phối hợp lực lượng để hoàn thành nhiệm vụ của 3 xã; nhiệm vụ do huyện ủy Lê Hồng Phong phân công; đồng thời phối hợp để hoàn thành các nhiệm vụ do tỉnh điều động giao nhiệm vụ...

Thứ nhất là phối hợp đi dân công đào phá đường. Thanh niên dân quân du kích 3 xã đã đào, phá nát đoạn đường từ đá Ông Địa ra xóm Trạm, xóm Rạng, bao vây cô lập Mũi Né. Ngoài ra số sinh lực còn tham gia đi dân công đào phá đường bộ, đường sắt, những đoạn đường do các lực lượng tinh huy động cắt phá. Thứ hai, cùng huy động lực lượng theo dõi nắm quy luật đi lại, hoạt động của địch trên biển giữa Mũi Né và Phan Thiết, nhất là các thuyền tuần tra, kiểm soát của địch... (các chiếc nôt đò - nôt đò là một loại tàu tuần tiểu của Pháp, cơ số dưới một tiểu đội trang bị trung liên, tiểu liên). Thứ ba là đẩy mạnh phong trào đi dân công phục vụ chiến trường, đi bộ đội, canh gác, tuần tra, phòng gian bảo mật. Việt gian, gián điệp xâm nhập vào vùng ta là bị ta phát hiện và trừng trị kịp thời. Ba xã phát động dân thực hiện tốt khẩu hiệu 3 không (không biết, không nghe, không thấy) và phong trào trừ gian, diệt ác; bọn gián điệp, Việt gian không dám héo lánh, bèn mắng trà trộn vào vùng ta như những năm 1947 - 1949.

Phong trào phối hợp rào làng, đánh chông, gác bù bảo vệ căn cứ được tập trung đẩy mạnh. Từ năm 1952 trở đi, địch tràn vào các xã căn cứ của huyện Lê Hồng Phong nói chung, 3 xã Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến nói riêng ngày càng ác liệt cả về quy mô, lực lượng, tính chất. Do đó, phong trào rào làng chiến đấu ở từng xã và liên xã được đẩy mạnh. Du kích làm nòng cốt cho toàn dân chặt cây rào làng, những

tuyến rào liên hoàn dài từ 5 đến 7 cây số. Rào bằng gai, cò cây sồng, đánh nhiều bãi chông dày đặc với nhiều loại chông: chông cây, chông tre, chông sắt, chông hàm...

Nhờ kết hợp rào làng với đánh chông bố phòng đã phát huy tác dụng. Địch vào đập chông, mìn nô. Ta đánh nhiều loại: chông bàn, chông sắt, chông tre, chông bằng cây Sầm, chông hàm... Du kích nắm sơ đồ đánh chông mìn để hướng dẫn dân tránh lánh và cán bộ vào ra công tác. Hàng rào gồm nhiều lớp. Đồng chí Huỳnh Văn Luông trực tiếp chỉ huy rào làng ở xã Hồng Hải. Đồng chí Nguyễn Hưng phụ trách vọng gác trên núi Hòn Một xã Hồng Tiến

Cùng với bố phòng rào làng, hệ thống các điểm gác bù, báo động, báo an giữa các xã cũng được tổ chức liên hoàn, phối hợp nhau kịp thời, chặt chẽ. Các điểm gác bù có nhiệm vụ truyền tin cho nhau ở giữa các thôn trong xã và các xã. Hệ thống bù, các điểm gác bù, các vọng gác đều có keng báo động, báo an và các chiến sĩ gác bù với tinh thần cảnh giác, trách nhiệm rất cao; đây là hệ thống an toàn và là niềm tin của cán bộ và nhân dân vùng kháng chiến. Nhờ kết hợp rào làng, đánh chông, gác bù, cùng các lực lượng phối hợp đánh chông càn nên vùng căn cứ, nhân dân, cơ quan cấp trên, cơ sở sản xuất của ta đỡ bị tổn thất.

Những năm 1951-1954, Xã Hồng Thịnh không ngừng củng cố và tăng cường các lớp hàng rào chiến đấu; đẩy mạnh phong trào canh gác bố phòng, đánh chông. Từ đầu năm 1953, du kích và thanh niên xã Hồng Thịnh đã đào được một tuyến hầm hào chống tăng dài hơn 700 mét chạy từ đầu Râm Ngang đến phía nam lán Mã Sò.

Đặc biệt từ đầu năm 1953 trở đi, xe tăng thường càn vào căn cứ với quy mô hàng chục chiếc mỗi lần. Do đó, 3 xã Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến có phong trào liên kết đào hầm chống xe tăng. Mỗi hầm sâu khoảng 2 mét, rộng khoảng 4 mét, đào thành tuyến liên hoàn dài từ 3 đến 4 cây số. Riêng tuyến hầm từ Dốc Kinh đến Cây Cày thường xuyên được củng cố nên đã hạn chế sự lộng hành của xe tăng Pháp.

Một trong những hoạt động phối hợp có hiệu quả giữa quân dân Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến với các xã bạn là công tác bố phòng đánh địch, bảo vệ căn cứ. Đây vừa có ý nghĩa sống còn, vừa do yêu cầu khách quan phải phối hợp, vì địch càn vào là đánh phá nhiều xã, dùng lực lượng đông mạnh, do đó ta cũng phải huy động sức mạnh tổng hợp của nhiều xã với lực lượng cấp trên để đánh địch, đưa dân đi tránh lánh...

Những năm 1952 – 1953, một số đồng chí bộ đội được tăng cường về trực tiếp nằm trong ban chỉ huy xã đội, đặc biệt là cán bộ binh công xưởng của huyện, tỉnh về giúp du kích xã cách làm chông sắt, chông hàm, mìn tự tạo... Nhờ đó, du kích các xã toàn huyện căn cứ Lê Hồng Phong nói chung, 3 xã Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến nói riêng đều tích cực lập nhiều tuyến rào liên hoàn đồng thời bố phòng nhiều bãi chông. Địch càn quét vào đây thường bị tổn thất.

Quân dân các xã đã rào làng chiến đấu, đào giao thông hào, hầm chống xe tăng, đánh chông liên hoàn từ Hồng Sơn đến Hồng Thịnh, từ Hồng Hải đến Hồng Trung, Hồng Tiến, Hồng Thanh. Dọc các con đường đi lại, khắp ruộng, rẫy đều có hầm núp máy bay, núp pháo, chống xe tăng. Phong trào canh gác, bố phòng, phòng gian bảo mật giữa các xã luôn kết hợp chặt chẽ. Bọn Việt gian chỉ điểm xâm nhập vào vùng ta thường bị nhân dân phát hiện kịp thời. Địch càn vào Cây Cày, Râm Tre, Giếng Chanh, Giếng Đé, Bàu Me, Bàu Sen, Bàu Tàng... đều bị quân dân ta đánh lui,

các cơ quan lãnh đạo của huyện, tỉnh, Ban Cán sự cực Nam được bảo vệ an toàn, tính mạng, tài sản của dân ít bị tổn thất...

Nếu trước đây địch ở Mũi Né thường xuyên đi ba trui, đột kích nhỏ lẻ gây tổn thất cho Hồng Hải, Hồng Tiến thì những năm 1952 – 1953 chúng không dám lộng hành đánh phá mà muốn vào vùng ta phải sử dụng lực lượng trên một trung đội...

Phong trào sản xuất nuôi quân, nuôi thương binh cũng được các xã phối hợp chia sẻ nhau từ khi có chủ trương đưa thương binh về làng, Hội mẹ chiến sĩ của 3 xã phối hợp nhau để vận động, quyên góp tiền, hàng, quà bánh. Những ngày lễ như 27 tháng 7, tết Nguyên Đán hàng năm, những đợt cao điểm về mùa đông binh sĩ, các mẹ chiến sĩ làm nòng cốt cho phong trào. Má Trọ, má Lung, má Vạn, má Côi Giã, má Châu, má Sáu, má Rạng, má Thân, má Miều, má Nguyễn Thị Ty... vừa đóng góp, vừa vận động cho bộ đội, thương binh nhiều heo, trâu, quà bánh nhất là những dịp tổ chức lễ khao quân, mừng chiến thắng. Có Má đã gả con gái của mình cho bộ đội, thương binh, nhận nuôi thương binh nặng trong nhà lâu dài như nuôi con đẻ của mình.

Phong trào văn hóa, văn nghệ, giao lưu, họp bạn. Thanh niên 3 xã Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến có môi trường, điều kiện thuận lợi để phối hợp với bộ đội, thanh niên các xã bạn trên địa bàn của mình. Các sân banh tại xã và lân cận trở thành điểm họp bạn, đốt lửa trại, giao lưu giữa thanh niên 3 xã với thanh niên các xã khác của Hàm Thuận, Phan Thiết và Lê Hồng Phong. Tiếng đàn, tiếng hát vang dậy núi rừng. Thể thao, văn nghệ được thanh thiếu niên hồi ấy sử dụng như một vũ khí sắc bén để sống, lao động, học tập, chiến đấu và phục vụ kháng chiến. Đời sống vật chất tuy kham khổ, nhưng đời sống tinh thần ở vùng kháng chiến hết sức sinh động, vui tươi. Có như thế quân dân của 3 xã căn cứ mới đứng vững, lớn lên và vượt qua tất cả khó khăn, thách thức.

Tinh thần chiến đấu, chịu đựng phi thường của cán bộ, quân dân 3 xã căn cứ. Không những chịu đựng hy sinh mà chịu đựng gian khổ của cán bộ, chiến sĩ, đồng bào 3 xã căn cứ này cũng không kém phần quyết liệt. Nên ai đó không chịu nổi, phải bỏ kháng chiến chạy về vùng địch. Sống và chiến đấu ở chiến trường này gian khổ toàn diện và vô cùng khắc nghiệt.

Trước hết là lao động sản xuất, trâu bò bị địch giết gần hết, người dân phải giãng hàng cuộc đất thay cây, bừa. Ngày địch đánh ta phải lao động sản xuất ban đêm. Không chỉ nắng, hạn thiên tai mà còn bị địch đốt phá mùa màng, quân dân 3 xã phải vừa sản xuất, vừa chiến đấu bảo vệ căn cứ, bảo vệ mùa màng... Nhiều vụ dứa, mè, đậu... bị địch đốt phá không còn để thu hoạch, có làm nhưng không được ăn là chuyện thường tình đối nhân dân ở vùng kháng chiến....

Về sinh hoạt ăn, ở, tắm giặt... Qua nhiều lần bị giặc đốt nhà, dân có lúc phải ở bụi cây, khổ nhất là người già và trẻ em vào mùa mưa ướt, lạnh. Có khi làm nhà vừa xong thì giặc đốt, làm đi làm lại nhiều lần, dân căn cứ Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến đã làm đủ loại nhà: nhà tranh, nhà rạ, nhà lợp lá dừa... Về sau sáng tạo làm kiểu nhà để hạn chế bị địch đốt phá như: nhà mái sập, nhà lợp mo cau, nhà lợp thiếc; từ năm 1952 trở đi phải ở nhà hầm (là chiếc hầm đào sâu xuống dưới cát, dùng cây, lá gác kín, đổ cát phủ dày, có ngách thông hơi, vừa chống cháy, vừa chống được phi pháo và máy bay ném bom của giặc).

Nói về cái ăn của chiến sĩ, đồng bào ở căn cứ kháng chiến vô cùng kham khổ, ăn để sống, để chiến đấu và chiến thắng. Sản xuất được gì, mua bán trao đổi được cái gì thì ăn cái ấy. Những món ăn thường ngày là lá, rau rừng, dưa, khoai, muối... Có những lúc địch đánh phá, gạo, cá, nước mắm trở nên quý hiếm. Những tháng đầu năm 1953, trong những trận càn lớn, địch huy động bộ binh, xe tăng, đổ quân nhảy dù, đồng bào căn cứ Hồng Sơn, Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến phải chạy lánh dài ngày vào rừng sâu, nhiều trẻ em đói, khát. Mẹ đói dẫn đến khô sữa nhìn con khóc mà lòng cháy bỏng... Những lúc ấy, bộ đội, du kích nhường nhịn cho dân, cho người già, trẻ em từng ngụm nước. Tình quân dân càng bền chặt qua những cuộc chiến đấu cam go, ác liệt ấy. Sống chết có nhau, bộ đội, đồng bào càng khăng khít không thể nào chia cắt!

Việc tắm giặt của dân căn cứ cũng hết sức đặc biệt, nước uống phải dành dụm, có chỉ tiêu nên vấn đề tắm giặt vào mùa nắng không phải theo ý muốn. Khi nào có điều kiện, lấy được nước thì tắm, giặt thông thả hơn, lúc thiếu giặt, có lúc phải chịu dơ, chịu ngứa. Do đó, có trường hợp tắm nắng, tắm hơi lửa, tắm rung cây (*đứng dưới bụi cây rung cành cho nước rơi ướt người rồi dùng khăn lau*) vì nước ở căn cứ Lê Hồng Phong nói chung, ở Hồng Hải, Hồng Tiến nói riêng có khi phải đổi bằng máu. Địch biết ta có những nguồn nước nhất định nên chúng thường xuyên phục kích các bàu, giếng nước để đánh cán bộ và đồng bào căn cứ... Có lúc bị bao vây, hết nước, dân phải tìm củ trác tiên, cơm can, hái trái móng chuông, dây giác (nhỏ rừng)... ăn cho đỡ khát.

Đầu năm 1953, trong lúc đang chặt nước ở giếng Bàu Sen, ông Trương Mão bị 2 chiếc máy bay của Pháp phát hiện, quần bắn Ông chết tại chỗ. Tiếp đó chúng bắn cháy nhà ông Huỳnh Nê và chết người con gái là Huỳnh Thị Tính. Ông Đặng Hiếu (Hoàng) đang gánh nước bị địch bắn chết tại Giếng Bàu Sen. Ở Râm Ngang, Láng Lớn dân phải đi cả 10 cây số mới gánh về được vài chục lít nước...

Ác liệt, hy sinh khó khổ như thế nhưng quân dân Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến đã hoàn thành xuất sắc vai trò vừa hậu phương, vừa tiền tuyến; giữ vững và mở rộng vùng căn cứ, phát triển chiến tranh du kích, xây dựng làng chiến đấu, bảo vệ các cơ quan lãnh đạo của cấp trên, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, xây dựng cuộc sống tinh thần tươi vui, lành mạnh, từng bước thu hút dân ra lại vùng kháng chiến, huy động lực lượng đi bộ đội, đi dân công phục vụ chiến trường; cung cấp nhân tài, vật lực cho kháng chiến...

Quân dân Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến phối hợp với chiến trường toàn tỉnh giải phóng quê hương (1953 - 1954). Sáu tháng đầu năm 1953, địch liên tiếp càn quét, đánh phá căn cứ Lê Hồng Phong nói chung, Hồng Thịnh, Hồng Tiến, Hồng Hải nói riêng. Đông Xuân năm 1953 - 1954, ở Lê Hồng Phong, Hàm Thuận địch vẫn tăng cường bắt lính, đôn quân, phát triển gián điệp, đột nhập vào căn cứ. Ở vùng tạm chiếm, địch củng cố quyền bằng cách lập Hội đồng Hương chính. Tại Mũi Né, chúng tổ chức lực lượng “Thường trực lưu động” để đối phó việc đột nhập của ta vào bên trong. Địch tăng thuế cũ, bày thêm thuế mới nhằm vơ vét, bóc lột nhân dân vùng địch hậu.

Về phía ta, trong năm 1953 ở toàn huyện căn cứ Lê Hồng Phong, Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến gặp khó khăn nhất định; sản xuất không ổn định, dân phải lánh

sâu vào rừng. Dân ở ven Quốc lộ I chạy vào Bến Ngạch, Trại Máu, Hồng Thịnh, Hồng Trung...

Trước tình hình trên, huyện ủy Lê Hồng Phong mở hội nghị cán bộ phân tích tình hình và đề ra chủ trương như sau: Một là tiếp tục củng cố, mở rộng vùng căn cứ; Hai là bố trí lại thể ăn, ở, sản xuất, chiến đấu của đồng bào, trước hết là tạo thế ổn định vùng căn cứ và vùng du kích; Ba là tích cực tăng gia sản xuất, bảo vệ mùa màng, bồi dưỡng sức dân...

Cuối năm 1953, sau khi tỉnh tổ chức đợt học tập chỉnh huấn: “rèn cán, chỉnh quân”; lãnh đạo huyện Lê Hồng Phong chỉ đạo các xã củng cố căn cứ, phát triển sản xuất, xây dựng lực lượng, động viên cao độ sự đóng góp nhân tài, vật lực.

Thực hiện chủ trương trên, quân dân Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến đẩy mạnh toàn diện, đặc biệt là đi dân công phục vụ chiến trường, tham gia các trận đánh trên địa bàn của huyện. Trực tiếp nhất là trận tiêu diệt chi khu Mũi Né.

Chi khu Mũi Né nằm trên mô đất dơi ra biển, đông nam và tây giáp căn cứ Lê Hồng Phong. Chi khu này là cứ điểm mạnh, gồm 2 đồn lớn, 11 tháp canh, có 4 lớp rào kẽm gai và gai lươi long phòng thủ rất chặt. Đồn Thạch Long có 1 đại đội tăng cường do tên đại úy MecDolay chỉ huy chung. Đồn Bang Tá có 1 đại đội thiếu do tên bang tá Phan Lý Ngư khét tiếng gian ác trực tiếp chỉ huy. Chi khu Mũi Né là nơi xuất quân đánh phá cả vùng kháng chiến Lê Hồng Phong nói chung, Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến nói riêng. Từ năm 1946 đến nay, quân dân ta rất căm thù, luôn luôn muốn tiêu diệt chúng.

Đầu năm 1953, tỉnh ủy và tỉnh đội Bình Thuận thống nhất lên kế hoạch, phương án chuẩn bị mọi mặt để đánh chi khu Mũi Né, giải phóng phía đông nam Lê Hồng Phong. Lực lượng được phân công trực tiếp tham gia trận đánh gồm: Trung đội đặc công và bộ đội xung kích. Chỉ huy chung trận đánh do đồng chí Nguyễn Chí Diễm, tỉnh đội trưởng. Lực lượng dân công phục vụ chiến trường gồm thanh niên, du kích các xã huyện căn cứ Lê Hồng Phong, trong đó thanh niên Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến và đội xe trâu giữ vai trò nòng cốt trước, trong và sau khi diễn ra trận đánh.

Khoảng 18 giờ ngày 13 tháng 4 năm 1953, các đơn vị bắt đầu hành quân tiếp cận. Do phải vượt qua nhiều động cát, hàng rào, tháp canh nên mãi đến 4 giờ sáng ngày 14 tháng 4 ta mới áp sát được đồn chính. Đúng 4 giờ sáng, chỉ huy ra lệnh tấn công, bộc phá, thủ pháo và các loại súng ở các mũi lần lượt nổ, đồn Thạch Long chìm trong lửa đạn. Bọn địch bất ngờ, một số bị diệt, số còn lại đầu hàng. Tên đại úy Mec Đơ-lây ngoan cố chống cự, bị diệt tại chỗ. Sau 30 phút chiến đấu, quân ta làm chủ đồn chính. Ta sử dụng khẩu pháo 94 mm vừa thu được để diệt đồn còn lại.

Cùng lúc, lực lượng đánh đồn Bang tá dùng SKZ bắn tháp canh mở đường nhưng không diệt được đồn, địch ngoan cố chống trả. Chấp hành mệnh lệnh của chỉ huy, toàn đơn vị đạp rào xông vào. Ta vương mình hy sinh và bị thương một số đồng chí, còn đại bộ phận áp sát mục tiêu và nổ súng tấn công. Địch chống trả quyết liệt, trời hừng sáng, địch càng chống cự chờ đợi viện binh.

Ta vừa nổ súng, vừa phát loa gọi hàng, vừa vận động gia đình có chồng, con, em đang ở trong đồn ra kêu gọi người thân đầu hàng. Khi ta bắn hai quả pháo 94 mm,

phá vỡ một góc đồn, bọn địch mới giương cờ trắng; ta bắt sống toàn bộ, có cả tên bang tá Phan Lý Ngự (sau đó tòa án quân sự tỉnh xử tử hình)

Tiêu diệt chi khu Mũi Né với 2 đồn chính, 11 tháp canh, ta diệt và bắt sống 2 đại đội, thu hàng trăm súng các loại, khoảng 1.000 quả đạn, pháo, cối 400, lựu đạn, 4.500 đạn các loại và nhiều quân trang, quân dụng khác. Tất cả chiến lợi phẩm chở 10 xe trâu với hàng trăm dân công khiêng vác, vận chuyển về căn cứ. Đây là trận thắng lớn nhất vùng cực nam trung bộ, được Trung ương khen ngợi. Quân dân ta phấn khởi, tự hào về chiến công tiêu diệt cứ điểm Mũi Né, thu nhiều chiến lợi phẩm nói chung, đặc biệt trong đó có khẩu pháo 94mm; đồng bào ví von hình ảnh khẩu pháo là con voi to, bộ đội sáng tác bài ca về nó, có đoạn:

“ A hà, A hà rủ nhau lên đồn Thạch Long, bắt con voi ngồi trên động mà trông cái vòi thật to; các anh lính mình bẻ thước đem đo, đo rồi chắc lưỡi thật to – cái vòi chẳng tin tính thử mà coi- 94 li chẳng chời không sai.. ”

Trong lúc tấn công đồn, bị vướng bãi mìn của địch, bộ đội và dân công đều có thương vong, tổn thất nhưng tiêu diệt cứ điểm Mũi Né là chiến công lớn, gây niềm tin cho nhân dân. Bọn địch dao động, chống lệnh đi càn và chống lệnh tái chiếm Mũi Né. Đồng bào Hồng Tiến, Hồng Hải, Hồng Thịnh rất vui mừng vì trả được mối thù cho người thân đã từng bị địch ở đây sát hại.

Mười ngày sau khi ta tiêu diệt chi khu Mũi Né, phản ứng và hòng gỡ lại đồn đau quá lớn, địch huy động cả hải, lục, không quân càn quét, hủy diệt Lê Hồng Phong nói chung, 3 xã Hồng Hải, Hồng Thịnh, Hồng Tiến nói riêng với quy mô lớn nhất từ trước tới nay. Ngày 23 tháng 4 năm 1953, địch huy động 8 tiểu đoàn với nhiều phương tiện hiện đại như máy bay, xe tăng, xe lội nước càn vào đánh phá huyện căn cứ Lê Hồng Phong theo 4 hướng:

Cánh thứ nhất, địch đổ bộ chiếm lại Mũi Né; Cánh thứ hai, từ tàu biển đổ bộ lên đất liền; có xe tăng càn quét đánh vào Rạng, Bàu Me, Bàu Sen; bao vây trung đội 4 của bộ đội xung kích trên núi Bàu Tàng; trung đội này bị tổn thất, anh Kỳ trung đội trưởng bị thương... Cánh thứ ba, từ Xa Ra càn vào Rẫy Thom, Triền, Giếng Chanh, Giếng Đé, Giếng Triền, Bến Ngạch... Cánh thứ tư, từ ga Long Thành càn vào Hồng Sơn, Trại Máu, Tre Huê, Láng Ông Giêng, Bàu Thiêu...

Đồng chí Nguyễn Minh Châu, tỉnh đội phó trực tiếp chỉ huy chuyển thương binh đang điều trị tại bệnh xá ở Triền ra khỏi vòng càn quét của địch. Dân quân, du kích các xã Hồng Hải, Hồng Tiến, Hồng Thịnh, Hồng Sơn, Hồng Trung... phối hợp đưa dân đi tránh lánh và cùng bộ đội chặn đánh suốt dọc đường chúng hành quân, tiêu hao một số địch; sau đó tập kích bọn đóng dã ngoại ở động Bà Hòe ta diệt thêm hàng chục tên.

Sau cuộc càn này, địch đóng lại đồn Mũi Né, chốt thêm ở Sa Ra, động Bà Hòe trên tuyến Quốc lộ I. Dân các xã căn cứ Hồng Hải, Hồng Thịnh, Hồng Tiến... không còn nhà cửa, hoa màu. Một số bà con định chạy và Mũi Né sống tạm. Các anh bộ đội xung kích chạy theo năn nỉ: các má, các chị đi rồi bộ đội sống với ai? Nỡ bỏ tụi con hay sao? Bà con quay lại cùng bộ đội làm nhà tiếp tục bám căn cứ. Trong hoàn cảnh khó khăn ác liệt như thế; tình quân dân vẫn keo sơn gắn bó.

Sáu tháng đầu năm 1953, địch đánh phá ác liệt, nhất là trận nhảy dù và trận phản kích sau khi đồn Mũi Né bị diệt. Các xã Hồng Hải, Hồng Tiến, Hồng Thịnh,

Hồng Sơn, Hồng Trung bị bom đạn địch cày xới, hủy diệt nhà cửa, rừng rẫy, gia súc... cảnh vật hoang tàn, xơ xác.

Từ tháng 6 đến tháng 9 năm 1953, địch đóng thêm một loạt đồn: Kim Ngọc, Tuy Hòa, Động Bà Hòe, Xa Ra, Gò, Gộp.. Chúng bắn pháo suốt ngày đêm vào Giếng Chanh, Giếng Đé, Láng Le. Địch từ nhiều hướng đánh vào Hồng Thịnh, Hồng Hải: ở Ma Lâm qua, Mũi Né, Phú Hải, Phan Thiết lên, từ Xa Ra thọc vào. Nhờ bộ đội dũng mãnh đánh chống càn, du kích, dân quân chủ động có kế hoạch, phương án, kinh nghiệm đưa dân đi tránh lánh, tiếp thức ăn, nước uống nên đồng bào đỡ tổn thất hy sinh.

Từ tháng 01 đến tháng 4 năm 1953, quân dân Bình Thuận tiêu diệt đồn Sông Quao, chi khu Mũi Né... đánh chống càn tiêu hao nhiều sinh lực địch. Tình hình tuy còn khó khăn, nhưng nhờ tin chiến thắng khắp nơi trên cả nước đội về cùng những chiến công trong tỉnh đã góp phần động viên quân dân tỉnh nhà thêm tin tưởng...

Đầu năm 1954, toàn Đảng, quân dân tỉnh Bình Thuận khẩn trương chuẩn bị toàn diện các mặt để mở chiến dịch Miền Tây của tỉnh nhằm giải phóng huyện Tánh Linh. Khí thế thi đua, tin chiến thắng khắp nơi nhất là tin thắng lớn ở Điện Biên Phủ được truyền về các xã căn cứ Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến... Hàng trăm nam nữ thanh niên của 3 xã cùng các xã bạn tình nguyện xung phong, rầm rập lên đường đi bộ đội, đi dân công. Người gồng gánh, xe trâu vận chuyển hàng hóa, lương thực, thực phẩm về các nơi quy định. Hàng trăm thanh niên Lê Hồng Phong, Miền Đông được điều đi phá đường bộ, đường sắt, dùng cả sức trâu lật cong nhiều đoạn đường ray từ Ma Lâm ra Sông Lũy; đào phá nhiều đoạn Quốc lộ I, làm tê liệt giao thông của địch.

Sau thời gian tích cực chuẩn bị, đêm ngày 07 tháng 4 năm 1954, chiến dịch Miền Tây của tỉnh bắt đầu nổ súng. Trong vòng 7 ngày đêm (ngày 07 đến ngày 14 tháng 4 năm 1954), quân dân ta tiêu diệt một loạt đồn địch: Tánh Linh, Gia Bát, La Dày, Đa Kai, Tà Xi, Suối Kiết, Sông Phan; giải phóng phần lớn miền tây của tỉnh; giải phóng hoàn toàn huyện Tánh Linh và một phần huyện Di Linh.

Thừa thắng xông lên, đến giữa tháng năm 1954, quân dân ta tấn công một loạt đồn ở phía bắc tỉnh: Duồng, Liên Hương, Lương Sơn, Sông Lũy... Thanh niên, dân quân du kích các xã Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến, các xã bạn góp phần tích cực cùng bộ đội làm nên những chiến thắng vang dội ấy, đẩy địch vào thế co cụm và bị uy hiếp. Quân dân ta càng đánh càng thắng, càng đánh càng mạnh.

Tiếp đó, ngày 18 tháng 5 năm 1954, ta tiêu diệt đồn Bàu Gia và bót Cầu Quan; áp sát Phan Thiết. Quân dân 3 xã Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến và các xã bạn được huyện và tỉnh huy động cùng bộ đội bao vây Mũi Né, Ma Lâm... Những cứ điểm cuối cùng của địch ở Hàm Thuận sắp bị tiêu diệt thì ngày 01 tháng 8 năm 1954, lệnh đình chiến được công bố. Tin vui chiến thắng được bay nhanh, toàn dân Lê Hồng Phong, Hàm Thuận, Phan Thiết nô nức đón chào và dự mittinh mừng hòa bình do huyện, tỉnh tổ chức..

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã kết thúc cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp. Ngày 20/7/1954, Hiệp định Giơnevơ về Việt Nam được ký kết. Theo đó, đất nước ta tạm thời được chia làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới bắc - nam. Trước mắt lực lượng cách mạng chuyển ra miền bắc, miền nam địch quản lý;

sau hai năm sẽ tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Lực lượng của Bình Thuận cũng chuẩn bị đi ra miền bắc gọi là đi “tập kết”.

Giữa tháng 8 năm 1954, hầu hết cán bộ, dân quân chính Đảng tập trung về Triền (xã Hồng Thịnh, huyện Lê Hồng Phong) làm lễ mừng chiến thắng. Đồng bào khắp nơi trong tỉnh cũng về đây để gặp người thân và mừng ngày hội lớn.

Cán bộ, chiến sĩ, đồng bào 3 xã Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến vui sao không nói nên lời, ngen ngào với những giọt lệ hạnh phúc trào dâng khoe mắt – xã Hồng Thịnh – đặc biệt là Triền rợp cờ hoa, khẩu hiệu, hình ảnh trưng bày. Mừng kháng chiến 9 năm thắng lợi, hạnh phúc, niềm vui nào lớn hơn thế ấy. Nói tiếp mùa thu năm 1945, bây giờ cũng lại là mùa thu năm 1954, đúng là những tháng ngày vui sướng tự hào của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ Bình Thuận, Lê Hồng Phong nói chung, 3 xã Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến nói riêng.

Tình cảm quân dân trước lúc chia tay chuẩn bị chuyển quân đi tập kết thật là khó tả. Cán bộ, chiến sĩ, đồng bào toàn tỉnh nói chung, các xã Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến nói riêng đều cảm nhận: Nếu 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp với hơn 3.000 ngày đêm gian lao, ác liệt ấy quá dài thì 7 ngày đêm mùa thu hội ngộ - chia tay ở Triền đầu tháng 8 năm 1954 sao mà quá nhanh, quá ngắn! Có người lúng túng, vội vã không biết phải làm gì, làm như thế nào trong khoảng thời gian ít ỏi hiếm hoi đó! Đúng là 7 ngày vàng không thể nào quên đối với cán bộ, chiến sĩ, đồng bào, đặc biệt là xã Hồng Thịnh – vừa sung sướng, tự hào, vừa nặng thêm trách nhiệm vì Triền – Hồng Thịnh lại được Ban Cán sự cực Nam, tỉnh ủy Bình Thuận chọn làm địa điểm học tập, tổ chức, sắp xếp lực lượng chuẩn bị chuyển quân đi tập kết.

Người thân, gia đình bộ đội, đông đảo nhân dân vui mừng mua sắm tư trang, đồ dùng cá nhân cần thiết, quà bánh, thực phẩm... tặng thưởng cho cán bộ, bộ đội và cùng khao quân mừng ngày thắng lợi. Thanh thiếu niên xã Hồng Thịnh ngày đêm tích cực luyện tập để chuẩn bị tham gia đợt hội diễn văn nghệ đặc biệt nhất trong chín năm kháng chiến. Các cô, các chị còn tranh thủ thức thâu đêm thêu nhanh những chiếc khăn tay, khăn quàng cổ, áo len... đẹp nhất để làm quà tặng cho người đi xa và thông qua đó gửi gắm tâm chân tình của người chờ đợi:

“... Đây chiếc áo len đan trong đêm lạnh,
Nền xanh lam thêu nổi nét vàng tươi.
Em gửi tặng chàng chiến sĩ xa xôi,
Để sưởi ấm lòng người nơi biên ải...”

Cán bộ, chiến sĩ từng đơn vị tập trung quán triệt tình hình, nhiệm vụ mới, học tập tinh thần Hiệp định Giơnevơ và thông suốt tư tưởng để nhận nhiệm vụ mới, ai ở lại miền nam, ai lên đường đi tập kết ra miền bắc... Một số chiến sĩ có điều kiện tranh thủ về thăm nhà, số xa nhà thì thăm viếng, chia tay đồng bào, người thân ở Hồng Sơn, Hồng Thịnh, Hồng Liêm. Hồng Lâm, Hồng Hải, Hồng Tiến, Hồng Trung... và tất cả người thân quen ở khắp nơi tụ họp về Triền.

Những ngày giữa tháng 8 năm 1954, hàng trăm đồng bào ở khắp nơi kể cả vùng địch hậu lần lượt tập trung về Triền - Hồng Thịnh để dặn dò, thăm hỏi, chia tay cán bộ, chiến sĩ. Cha mẹ thăm con, anh chị thăm em, em thăm anh, vợ thăm chồng, các cô, các chị thăm tiền người yêu... Nhiều lảng rùng chồi, mấy đôi cát trắng mịn màng bên dòng nước mát ngọt lành ở giồng Triền – Hồng Thịnh trong những ngày ấy

đã trở thành bến hẹn của tình yêu – bến yêu thương. Tình bạn, tình quân dân, tình đồng đội, đồng chí khảng khít, khát khao chờ đợi bao năm đến hôm nay, mùa thu thắng lợi này cũng chính là lúc vào vụ mùa đơm hoa, kết trái... Nhiều đôi lứa yêu nhau, họ trao nhau quà, hình ảnh, khăn thi, nhẫn đính hôn. Có những đôi nam nữ, kín đáo, dè dặt chưa thể trao nhẫn mà chỉ tặng nhau những nụ hôn bằng cả trái tim, bằng môi, bằng mắt thay lời để nhớ, để thương, để chờ, để đợi.

Các cặp vợ chồng được phép kết hôn, cưới vợ rất giản dị, đơn sơ nhưng sâu nặng nghĩa tình. Chỉ vồn vện mấy ngày đêm ngấn ngủ sống bên nhau với tình cảm vợ chồng, tình yêu kháng chiến, thế mà khi ra đi có những anh lính không hề biết mình đã để lại quê nhà đứa con đầu lòng kháu khỉnh đã cùng mẹ chờ cha. Những đám sò đo, lùm trắc, lùm tâm lang, cây xây, tàng gũ... ở quanh Triền những ngày ấy cũng tự hào vui sướng được góp phần vun đắp thêm hạnh phúc cho bao mối tình kháng chiến chơn chất, thật thà, đậm đà và mang chất lãng mạn... Trong mái lán, lùm cây dưới ánh trăng khuya lên quá đỉnh đầu báo hiệu đêm đã gần tàn nhưng tình cảm giữa kẻ ở người đi như không hề dứt. Các cô gái ở xa phải ghen với các cô ở xã Hồng Thịnh, Hồng Sơn, Hàm Đức được trực tiếp thường xuyên gần gũi, chăm sóc bộ đội, người yêu trọn vẹn bảy ngày đêm trước khi các anh chuyển quân rời khỏi giồng Triền lên ga Long Thạnh.

Là địa bàn có nhiều cơ quan, đơn vị, bộ đội đứng chân chiến đấu, sản xuất suốt chín năm nên giờ đây đồng bào Hồng Thịnh, Hồng Tiến, Hồng Hải không chỉ họp mặt, tặng quà cho bộ đội mà còn được cơ quan, bộ đội giao lại một số tài sản như: những rẫy mì, đám bắp, giồng lang, lúa gạo, trâu bò và kho hàng hóa, kho lương thực cùng nhiều dụng cụ lao động, sinh hoạt khác... đặc biệt hơn là đồng bào Hồng Thịnh, Hồng Sơn còn được một số đơn vị gửi gắm nhờ chăm sóc, vun đắp khói hương cho các “khu mộ chiến sỹ” cùng những lời nhắn nhủ, dặn dò, hứa hẹn “sau hai năm sẽ gặp nhau – hãy yên lòng chờ đợi”. Nhận những món quà nặng nghĩa tình không thể nào quên ấy, đồng bào ở đây hứa sẽ gìn giữ như những kỷ vật. Các má, các chị càng thêm bịn rịn, bùi ngùi, nghẹn ngào, xúc động, miệng gượng cười nhưng trên đôi mi không giấu được những dòng nước mắt. Nước mắt của lúc chia tay cũng vừa là nước mắt hẹn ngày gặp lại, ngày độc lập.

Khi tổ chức sắp xếp nhân sự trong tình hình mới, phần đông lực lượng vũ trang được đi ra miền bắc còn hầu hết cán bộ dân chính Đảng của tỉnh cũng như các xã Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến đều ở lại địa phương tiếp tục lãnh đạo đồng bào đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ. Trong không khí, tâm trạng chia tay tiễn đưa bộ đội và một số ít cán bộ dân chính lên đường, nhiều người đã không khỏi suy tư, lo lắng. Bộ đội đi rồi, ở lại với địch ta không có chính quyền, vũ khí, quân đội... chỉ có pháp lý là Hiệp định Giơnevơ – Trong khi đó tại địa điểm tập kết của ta đã có bóng dáng bọn tay sai trà trộn nắm tình hình. Điều đó báo hiệu cho những ngày sắp đến với cuộc đấu tranh không cân sức chắc chắn sẽ diễn ra đầy cam go, khốc liệt.

Hồi ấy ai cũng có nỗi niềm tâm sự riêng nhưng vì tình cảm và trách nhiệm chung nên cố gắng động viên nhau. Người ở lại đều tự hỏi và nghĩ rằng thời gian sum họp chắc sẽ lâu dài. Rồi đây địch sẽ trả thù khủng bố ra sao? Lực lượng của ta bao giờ trở lại? địch có thi hành Hiệp định hay không? Người ở lo cho cả người đi; đường xa diệu vợi lại đi bằng phương tiện của địch liệu có an toàn; đến môi trường, mặt trận

mới sẽ sống thế nào? Một số chị tiễn chồng, người yêu còn có thêm mối lo riêng nếu không phải hai năm mà thời gian dài lâu hơn nữa liệu lòng dạ các anh có nhạt phai hay vẫn giữ đúng lời hẹn ước. Người đi cũng lắm nỗi lo, đồng bào đồng chí ở lại sẽ sống chiến đấu thế nào?

Trần trở nhất vẫn là số cán bộ được phân công ở lại, sống hợp pháp trong dân, lãnh đạo đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định. Phương thức, phương châm hoạt động thế nào, đấu lý thế nào nếu chúng không thi hành Hiệp định? nhưng tất cả kẻ ở, người đi đều xác định:

“Đi là nhiệm vụ, ở lại cũng là nhiệm vụ”.

Một trong những dấu ấn đậm nét nhất trong tâm tưởng, tình cảm của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào là lễ kỷ niệm chín năm ngày Cách mạng tháng Tám thành công cũng là buổi lễ mừng cuộc kháng chiến chín năm thắng lợi và đêm văn nghệ chia tay ở Triền (19 tháng 8 năm 1954) – một chương trình văn nghệ đặc sắc, diễn đến tận khuya, hấp dẫn thu hút người xem như không hề muốn kết thúc. Trong đêm ấy, nhạc sĩ chính trị viên trung đoàn 812 – Minh Quốc đã trình bày bài ca “Tình đồng chí” (thơ Chính Hữu) do mình phổ nhạc và bài thơ “Đường ta đi tới” của nhà thơ Tố Hữu vừa mới viết xong với nội dung nhắc nhở, động viên nhau:

“... Đường ta rộng thênh thang tám thước...

Dù ai nói ngã nói nghiêng,

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân...”.

Sau buổi lễ hai hôm, ngày 22 tháng 8 năm 1954, các cơ quan, đơn vị hành quân đi bộ từ Triền lên ga Long Thạnh; nhiều gia đình, người thân từ giã chồng, con ở Triền rồi quay về. Một số các ba, các má, các chị... tiếp tục chuẩn bị quà bánh rồi đi bộ vào Hàm Tân đến Gò Đình, Tân Thuận (Phong Điền – Hiệp Nghĩa). Ở đây có người được dự lễ tiễn bộ đội lần thứ 2 trước khi hành quân đến Bà Tô - Cây Cám chờ tàu. Ngày 02 tháng 9 năm 1954, một lần nữa buổi mitting trọng thể được tổ chức.

Những bữa cơm ấm áp tình quân dân trong suốt những ngày bộ đội tập trung ở Triền cũng như ở Tân Thuận; không phân biệt đâu là dân, đâu là quân, ai là dân căn cứ, ai ở vùng địch hậu mà cùng nấu, cùng ăn, cùng cười cùng nói như một gia đình lớn, gắn bó, lưu luyến, sâu sắc chân tình đúng nghĩa tình quân dân, tình yêu kháng chiến..

Nếu những ngày đầu tháng 8 năm 1954, cán bộ, chiến sĩ mừng vui khôn tả vì mừng kháng chiến thắng lợi, được gặp người thân và đồng bào, thì đến khoảng giữa tháng 9 năm 1954, khi chào biệt người thân chuẩn bị lên đường, trong lòng một số chiến sĩ ta cũng ngổn ngang, nặng trĩu, xen lẫn bao điều: vui, buồn, thương nhớ và lo lắng cho gia đình, người thân ở lại... về phần mình đã chiến đấu bao năm, nay lại phải tiếp tục ra đi đến môi trường mới không biết sẽ ra sao. Bao suy tư cứ gói chặt vào lòng, còn lúc bấy giờ người đi, kẻ ở cứ động viên và đưa cao 2 ngón tay làm hiệu, nhắc nhau chờ đợi 2 năm sẽ có ngày trùng phùng, sum họp, với quyết tâm:

“... Dù ai rào giậu ngăn sân,

Lòng ta vẫn giữ là dân Cù Hồ.”

Trên đường đi từ Bà Tô xuống bến tàu, bộ đội hát vang. Khi gặp đồng bào, đồng chí Phan chính ủy Trung đoàn 812 đưa cao 2 ngón tay chào tạm biệt. Ngày 30

tháng 9 năm 1954, đoàn đến Phú Mỹ (Bà Rịa) xuống bến tàu với nỗi đau chia cắt. Tất cả lần lượt leo lên con tàu dân sự 4 tầng của Pháp, mang tên “Champana” sừng sừng đứng chờ. Tàu nhỏ neo rê sóng nhanh dần. Ai cũng leo lên boong tàu nhìn về phía bãi bờ xa xa, nhìn về quê hương Bình Thuận - quê mẹ mà lòng xốn xang thương nhớ và tự nhủ: Ba, mẹ ơi! Gắng đợi chúng con sẽ về, sẽ có ngày gặp mặt ngày hòa bình thống nhất non sông. Không ai kèm được nữa rồi, những giọt nước mắt tuôn trào nóng bỏng.

Trong đoàn quân đi ra miền bắc của tỉnh Bình Thuận có những người con của Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến. Các anh luôn nhớ, luôn mong thời gian khoảng 600 ngày sắp đến đi qua thật nhanh để sớm được quay về với những cánh rừng, bầu nước, bãi cát trắng cùng sóng biển vỗ về bên rặng dừa xanh. Các anh nhớ lắm sân banh Láng Le, sân lễ Quang Cảnh, vườn mít má Trợ, nhớ chợ cây Xây, Râm Tre, Hòn Một, giồng Triền, rừng Ô Rô, rừng Sao Vàng... Nhớ món canh thịt đông nấu với dưa hồng; cá mè, cá bẹ nướng trên lửa hồng, món gỏi cá mai... Nhớ bao người suốt ngày đêm ở tận quê nhà dõi mắt chờ trông.

Bộ đội đi rồi, tất cả đều trở lại quê nhà. Còn lại giồng Triền – Hồng Thịnh vắng lặng, bơ vơ hơn bao giờ hết. Chính những lúc đông đảo, nhộn nhịp, náo nhiệt... đi qua để lại không gian ấy càng tăng thêm phần quạnh quẽ. Những đêm liên hoan văn nghệ, những đêm đốt lửa trại, những tiếng reo hò, vỗ tay, cờ hoa, khẩu hiệu rợp trời đã làm cho Triền tung bừng, nhộn nhịp bao nhiêu thì những đêm đông ở lại, xóm làng Hồng Thịnh càng trầm lặng, lạnh lẽo bấy nhiêu; càng nhớ, càng thương, càng buồn, càng hiu quạnh... Tình cảm, lòng tin, ý thức giác ngộ, tinh thần bất khuất, kiên cường, tôi luyện suốt chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp là vũ khí, sức mạnh tinh thần bất diệt giúp cán bộ, đồng bào Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến ở lại vượt qua bao thử thách nghiệt ngã đang chờ đón. Những cốt cán trung kiên, nắm chặt tay nhau dặn dò, nhắn nhủ: “Phải chuẩn bị tinh thần, hãy vững vàng đi tới dù hai năm hay dài hơn thế nữa cũng phải giữ vững niềm tin và sẵn sàng chiến đấu”.

Phần thứ ba

**ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN
THIỆN NGHIỆP – THIỆN KHÁNH
BÁM TRỤ KIÊN CƯỜNG, CHIẾN ĐẤU
GIÀNH THẮNG LỢI HOÀN TOÀN
TRONG SỰ NGHIỆP
CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC
(1954 – 1975)**

CHƯƠNG I

Đấu tranh chính trị quyết liệt, kiên cường (1954 - 1959)

Sau khi lực lượng ta chuyển quân rời khỏi Triền lên đường đi tập kết ra miền Bắc; ở phía đông nam căn cứ Lê Hồng Phong địch lập Nha Bang Tá, sau đó đổi thành Nha hành chánh Mũi Né. Nha này quản lý một vùng rộng lớn từ Bàu Thiêu đến Rạng, Phú Hải. Địch đưa lực lượng của tỉnh từ Phan Thiết ra cùng với Nha hành chánh Mũi Né, tiếp quản vùng kháng chiến cũ và vùng bản lẻ như Bàu Thiêu, Triền, Rẫy Thơm, Bàu Tàng, Bàu Sen, Rạng... Âm mưu của chúng là thành lập bộ máy tay sai để kèm dân và đàn áp phong trào cách mạng...

Qua nhiều lần thúc ép nhân dân, đến đầu năm 1955, địch mới lập được các làng nhỏ - cử Hội đồng hương chính lâm thời, người đứng đầu gọi là Chủ tịch Hội đồng.

Làng Phú Sơn (xã căn cứ Hồng Thịnh trước đây) gồm: Trũng Tre, Tre Huê, Bàu Thiêu. Bộ máy có các ông: Nguyễn Thanh Bình, Hà Văn Sơn (Ba Sạc), Hồ Văn Thuận... Làng Phú Trung gồm: Triền, Giếng Đẻ... Bộ máy Hội đồng có các ông: Tám Cửu, Trần Bằng, Lê Thân, Tô Thu Vân, Nguyễn Mậu... Làng Phú Vinh gồm: Rẫy Thơm, Nam Triền. Làng Thiện Nhơn (xã căn cứ Hồng Hải cũ); Hội đồng hương chính gồm: Huỳnh Thái, Võ Văn Ninh, Mai Hà... Làng Phú Thiện (xã kháng chiến Hồng Tiến cũ); Hội đồng hương chính gồm: Đỗ Đề, Đỗ Nhật, Nguyễn Cường, Nguyễn Ngại...

Hội đồng hương chính lâm thời của địch có các nhiệm vụ giữ an ninh trật tự, quản lý sản xuất, đời sống và ổn định mọi mặt, cấp giấy thông hành cho dân đi lại...

Đến cuối năm 1956, địch phát hiện trong Hội đồng hương chính có người của ta, không đáng tin cậy nên tiến hành thanh lọc nội bộ; sáp nhập các làng nhỏ thành xã lớn, lập Hội đồng hương chính mới chặt chẽ hơn, không cho người của ta lọt vào; đồng thời tái lập hai xã Thiện Nghiệp và Thiện Khánh.

Xã Thiện Nghiệp gồm có 3 ấp, lấy chữ đầu của mỗi ấp là Phú: Phú Sơn, Phú Hiệp và Phú Điền. Hội đồng hương chính xã Thiện Nghiệp gồm: Nguyễn Trung, Nguyễn Hưởng, Trần Đậu, Mai Lý, Đinh Dung, Đinh Xênh, Nguyễn Kiên... Những năm 1955 đến 1957, xã Thiện Nghiệp có 3 ấp với địa giới hành chánh như sau:

Ấp Phú Sơn gồm : Bàu Thiêu, Bàu Điền; Ấp Phú Hiệp gồm: Bàu Nội, Bàu Chai, Lò Dầu. Trụ sở xã, trường học, trạm xá đóng ở ấp này; Ấp Phú Điền gồm: Điền Trung (Lò Rèn), Điền Viên.

Xã Thiện Khánh có 5 ấp; lấy chữ đầu của mỗi ấp là Thiện: Thiện Sơn, Thiện Hải, Thiện Hòa, Thiện Long và Thiện Phước. Trụ sở xã đóng ở ấp Thiện Hòa. Hội đồng hương chính xã Thiện Khánh gồm các ông: Nguyễn Tấn Quyền, Nguyễn Văn Ngọc, Mai Um, Đỗ Văn Hương, Phạm Tân, Nguyễn Văn Đào...

Đầu năm 1955, địch đưa khoảng 200 hộ đồng bào Thiên chúa giáo ngoài Bắc di cư vào Rạng, bố trí ở dọc bờ biển trên chùa Phước Thiện – Xóm Trạm, đặt tên là xóm Sao Biển (Láng Cháy).

Khi mới tiếp quản, địch tập trung dân tuyên truyền xuyên tạc Hiệp định Giơnevơ. Luận điệu của chúng là: “Việt Minh thua trận, giao đồng bào Miền Nam cho chính quyền Quốc gia. Quốc gia là chính nghĩa. Đồng bào phải ở tập trung, cử

chính quyền mới để lo an ninh, trật tự. Việt Minh đã bỏ dân đi ra Miền Bắc, đừng vọng tưởng nữa...”.

Chúng nhanh chóng xây dựng hệ thống mật thám, phòng nhì. Một số tên người địa phương sớm trở mặt lưng sục, đánh hơi rất đặc lực, điển hình như: Lê Văn Tròn ở Bàu Thiêu. Nguyễn Ngôn, Nguyễn Ngữ... ở Triền. Lê Văn Tiêu (Hai Tiêu) ở Bàu Ghe. Tại Bàu Me có Nguyễn Văn Chi, Lê Bá Ghe... Ở Rạng có Huỳnh Khuê (Hiền)

...
Đến đầu năm 1956, đi đôi với việc củng cố hệ thống chính quyền và các đoàn thể từ quận đến xã, ấp; địch còn tăng cường lập thêm lực lượng dân vệ, Thanh niên Cộng hòa, bắt thanh niên đi quân dịch ...

Ở cấp quận – Nha hành chánh Mũi Né có Tổng Đoàn dân vệ do Huỳnh Khuê (Sáu Hiền) làm Tổng đoàn trưởng. Ở xã có xã đoàn dân vệ và Thanh niên Cộng hòa. Xã Thiện Khánh do tên Phu (người gốc ở Rạng) làm xã đoàn trưởng, tên Dũng (quê ở Bàu Sen) làm xã đoàn phó. Xã Thiện Nghiệp do Lê Văn Tịnh làm xã đoàn trưởng. Mỗi xã có từ 10 đến 15 dân vệ. Đây là lực lượng chuyên lưng sục, bao vây bắt cán bộ cách mạng. Ở xã Thiện Khánh còn có một tiểu đội Thanh niên Cộng hòa mặc đồng phục màu xanh (quần, áo, mũ calo), do Trương Văn Tùng chỉ huy.

Trong 2 năm 1955 và 1956, địch tiến hành quốc sách tổ cộng đợt 1 và đợt 2, với âm mưu xuyên suốt là “tổ cộng, diệt cộng”; bằng nhiều thủ đoạn, biện pháp qua nhiều bước: Đầu tiên chúng lập danh sách và lên kế hoạch bắt, trả thù người kháng chiến cũ chúng gọi là “cựu cán, cựu can” (cựu cán bộ, cựu can phạm). Cuối năm 1954, sang đầu năm 1955, địch tiến hành đánh phủ đầu những người làm cách mạng, bắt cóc, đàn áp, khủng bố đảng viên. Chúng mở đầu chiến dịch đánh phá từ Rẫy Thom (tháng 12 năm 1954), sau đó là ở Triền, Bàu Thiêu, Bàu Tàng, Bàu Sen... Địch bắt những người kháng chiến ra trình diện, kê khai lý lịch, buộc phải trả lời các câu hỏi: Tại sao không đi tập kết? Ở lại với ai? Làm gì?...

Địch liên tiếp bắt, giết người kháng chiến gồm nhiều đợt:

Đợt 1: Ngày 30 tháng 12 năm 1954, Lê Bình Minh dẫn phòng nhì, mật thám bắt 21 người ở Rẫy Thom;

Đợt 2: Đầu năm 1955, sau tết âm lịch, địch bắt một số người ở Rạng như: Lê Đình Nguyên, Đặng Tiểu, Trương Văn Sáu, Mai Thanh Phong...

Đợt 3: Cuối tháng 9 năm 1955, chúng bắt số tình nghi diệt tên Lê Văn Tròn;

Đợt 4: Cuối năm 1955, chúng bắt nhiều cán bộ, đảng viên. Trong đó có đồng chí Nguyễn Bá Lân bị công an mật vụ bao vây, truy bắt đánh trọng thương ở Hòn Một. Sau đợt đầu tranh đòi Hiệp thương tổng tuyển cử (tháng 10 năm 1955), ta bộc lộ lực lượng nên nhiều cán bộ, đảng viên cốt cán bị bắt như Võ Thạnh, Nguyễn Thanh Hoa, Mai Văn, Tô Thu Vân...

Về phía ta, sau những ngày nhộn nhịp chia tay nhau ở Triền, đoàn quân của tinh lên đường đi tập kết, đồng bào trở lại với cuộc sống đời thường. Đó là vào những ngày lập đông (tháng 10 năm 1954). Trước một bước ngoặt lịch sử rất quan trọng, mỗi nhà mỗi cảnh, mỗi người một tâm trạng – vui, buồn, lo lắng, căng thẳng... xen lẫn thật khó tả!

Tất cả cán bộ, đảng viên của 4 xã kháng chiến cũ: Hồng Trung, Hồng Thịnh, Hồng Tiến và Hồng Hải cùng các xã bạn đều chấp hành, thực hiện chủ trương chung

của tỉnh là: trước mắt cứ về sống hợp pháp trong dân, lãnh đạo đồng bào đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Gionervơ, đòi Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Khi nào có điều kiện tổ chức, đoàn thể sẽ liên lạc sau.

Cán bộ, đảng viên về lại xóm làng sống với gia đình, đồng thời theo dõi thái độ của địch có động tĩnh gì; cùng nhân dân sắp xếp tổ chức ổn định cuộc sống. Ta động viên, hướng dẫn đồng bào trước đây ở vùng căn cứ kháng chiến về lại vườn đất cũ và hết sức cảnh giác đề phòng địch gom dân, quản thúc, trả thù...

Đồng bào Hồng Trung, Hồng Thịnh, Hồng Tiến và Hồng Hải trở về sống ở các nơi như: Bàu Thiêu, Bàu Đé, Triền, Rẫy Thơm, Giếng Chanh, Giếng Đé, Bàu Me, Bàu Sen, Bàu Tàng, Rạng, Xóm Trạm, ...

Đa số đảng viên, cán bộ, gia đình kháng chiến đều lo lắng, dự đoán tình hình chắc sẽ khó khăn vào những ngày sắp đến nhưng vẫn tổ chức vui xuân độc lập đầu tiên, đấm bạc, ẩm cúng, hạnh phúc vì sau 9 năm kháng chiến gian khổ, một mất một còn, nay sống sót được hưởng hòa bình. Đồng bào bắt tay dựng lại nhà tạm bợ để kịp đón xuân tuy rất thiếu thốn về vật chất, song đoàn kết đùm bọc lẫn nhau, thương nhớ người mới đi ra miền Bắc đồng thời lo lắng cho người ở lại. Tranh thủ thời gian còn lại để gặp dân, cán bộ cốt cán, khẩn trương phổ biến cho đồng bào các nội dung, tài liệu quan trọng như: Tinh thần Hiệp định Gionervơ; Lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch; Thư của Ủy Ban kháng chiến hành chánh tỉnh Bình Thuận... Quán triệt nhiệm vụ chính của cán bộ, đồng bào lúc này là đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Gionervơ và tiến hành đòi Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà...

Hầu hết đảng viên cũ đều về sống hợp pháp trong dân và đấu tranh buộc địch không được trả thù người kháng chiến, chính quyền quốc gia phải công nhận cán bộ Việt Minh có quyền công dân theo tinh thần Hiệp định Gionervơ...

Với tinh thần cảnh giác, một số cán bộ chủ chốt trước đây, ngày ở trong thôn xóm với dân, tối phải lánh vào các vùng khác, đề phòng địch trả thù, bắt cóc... như các đồng chí: Hồ Đức Hậu, Ngô Minh Quang, Đặng Văn Cang, Hồ Văn Lượng, Lê Đình Nguyên, Võ Thạnh, Nguyễn Bá Lân, Võ Tấn Trương...

Ta giáo dục, nhắc nhở đồng bào nêu cao cảnh giác, có trách nhiệm bảo vệ cán bộ, đảng viên vì địch sẽ trả thù, thủ tiêu, khủng bố những người kháng chiến. Số cán bộ đảng viên đều tự hiểu và xác định trách nhiệm của mình là phải xây dựng cơ sở, cốt cán, tập hợp quần chúng, sẵn sàng tư thế để đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Gionervơ...

Cuối năm 1954, đầu năm 1955, địch mở chiến dịch lòng bắt trả thù người kháng chiến cũ ở Giếng Đé, Giếng Chanh, Triền, Rẫy Thơm... Đồng bào đã khảng khái đấu tranh bảo vệ cán bộ.

Cuộc đấu tranh chống địch khủng bố đầu tiên của Miền A nổ ra ở Rẫy Thơm, vào nửa đêm 30 tháng 12 năm 1954, bọn Lê Bình Minh và Bảy Trâm đưa lực lượng bảo an, phòng nhì của tỉnh Bình Thuận ập vào Rẫy Thơm bắt 21 đảng viên, cốt cán. Đồng bào lập tức làm thanh viện, la ăn cướp; nhóm đoàn viên thanh niên đánh một tên phòng nhì bị thương. Khi địch áp tải số người bị bắt từ Rẫy Thơm ra Nha Bang tá Sa Ra vừa nổ súng uy hiếp, nhưng nhân dân Rẫy Thơm vẫn tiếp tục bám theo bao vây đồn Bang tá Sa Ra, đòi thả người vô tội.

Địch tra hỏi số thanh niên: Tại sao dám đánh lính phòng nhì? Anh em nhanh nhẩu đầu lý: “Chính quyền giao thanh niên giữ gìn trật tự, đêm khuya các ông bí mật vào bắt người vô cớ, chúng tôi tưởng ăn cướp nên phải tự vệ...”

Sau những đòn tra tấn dã man, địch đưa tất cả về Phan Thiết tiếp tục đánh đập, nhưng không có đủ cơ sở chứng cứ để giam giữ nên tất cả đều được thả. Riêng đồng chí Nguyễn Công Lý, bí thư chi bộ bị chúng đánh quá nặng nên một tháng sau thì hy sinh. Đây là trận đàn áp và chống đàn áp đầu tiên ở Hàm Thuận và Miền A; báo hiệu cho những người kháng chiến cũ và đồng bào là cuộc chiến đấu mới đã bắt đầu, gian nan và đầy máu lửa...

Về tổ chức và phương thức hoạt động của ta (1954 - 1955). Tháng 10 năm 1954, tỉnh ủy Bình Thuận thành lập miền A gồm một số xã của miền đông huyện Hàm Thuận và phía tây nam huyện căn cứ Lê Hồng Phong như: Hồng Sơn, Hồng Trung, Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến, Hàm Nhơn, Hàm Đức, Phú Hải... Ban cán sự miền A trực thuộc tỉnh ủy gồm các đồng chí Huỳnh Hà, Hồ Đức Hậu, Nguyễn Kim Bông, Nguyễn Vĩnh Lại, Nguyễn Ngọc Cao... Miền A tồn tại đến năm 1962 đổi tên thành Đông Hải; những năm 1962 đến 1966 Đông Hải thuộc huyện Lê Hồng Phong; từ cuối năm 1966 đến năm 1975 thuộc huyện Thuận Phong.

Trong điều kiện mới, ta không còn chính quyền, quân đội, phải hoạt động bí mật, do đó về tổ chức đảng ở cơ sở, tỉnh ủy Bình Thuận chỉ đạo dựa theo địa bàn từng thôn xóm, tùy tình hình và điều kiện thực tế cán bộ lãnh đạo của huyện và các xã phải kín đáo bí mật tập hợp số đảng viên còn vững vàng, thành lập chi bộ nhỏ gọn từ 5 đến 7 người hoặc xem xét phân công bố trí từng đảng viên hoạt động đơn tuyến để chỉ đạo, hướng dẫn dân đấu tranh chính trị công khai, hợp pháp bằng pháp lý Hiệp định Gionervo.

Chấp hành sự chỉ đạo của tỉnh ủy và Ban cán sự Miền A, cuối năm 1954 sang đầu năm 1955, bốn xã kháng chiến cũ Hồng Hải, Hồng Tiến, Hồng Thịnh và Hồng Trung hình thành nhiều chi bộ nhỏ theo địa bàn dân cư:

Ở Bàu Thiêu có các đảng viên được tập hợp như: Huỳnh Văn Châu, Ngô Văn Khải, Nguyễn Văn Tâm... do đồng chí Đinh Quế (Mạnh Trình) làm bí thư. Ở Triền có các đồng chí: Ngô Minh Quang, Hồ Văn Lượng, Tô Thu Vân, Châu Thanh Hương, Nguyễn Thanh Tùng... do đồng chí Nguyễn Tấn Đạt làm bí thư. Ở Rẫy Thơm có nhiều đảng viên được tập hợp như Võ Sỹ (Mười Sỹ), Trần Biên, Tám Châu, Trần Đụt... do đồng chí Nguyễn Công Lý làm bí thư.

Ở Bàu Me, Bàu Tàng có các đồng chí: Võ Tấn Trương, Phan Văn Hiến, Đặng Văn Sang... do đồng chí Nguyễn Thanh Hoa làm bí thư. Ở Rạng có các đồng chí Nguyễn Bá Lân, Lê Hữu Lý (Ba Mít), Mai Văn, Trần Xu, Trần Đánh (Chín Đánh)... do đồng chí Võ Thanh làm bí thư.

Đây là lực lượng nòng cốt lãnh đạo quân chúng ký kiến nghị, đưa kiến nghị, đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Gionervo; đòi Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Trong năm 1955, với sự lãnh đạo của Ban cán sự Miền A, các chi bộ tập hợp được đảng viên hoặc cốt cán còn vững vàng vừa hoạt động đơn tuyến, đồng thời xây dựng được một số tổ trung kiên: Đoàn thanh niên lao động (Thanh lao), tổ nông dân, phụ nữ...

Ở Bàu Thiêu, ta tập hợp được chi đoàn Thanh lao gồm nhiều anh, chị: Đặng Văn Lầu, Đặng Thanh Tòng, Nguyễn Văn Bé, Huỳnh Đông Pha, Đinh Thị Dung, Huỳnh Thị Thanh... do Nguyễn Văn Năm (Năm Nhánh) làm bí thư chi đoàn.

Ở Bàu Sen, vừa có tổ chức đoàn thể, vừa có cơ sở hoạt động đơn tuyến như: Tổ Thanh niên Lao động gồm: Trần Văn Năm, Nguyễn Khuê do Võ Thị Ngọc (Huê) làm tổ trưởng. Tổ nông dân gồm: Nguyễn Bụng, Nguyễn Cạn do ông Huỳnh Giáo làm tổ trưởng.

Một số đảng viên cốt cán hoạt động đơn tuyến như: Trần Đảnh, Đinh Văn Góp, Nguyễn Văn Phước, Nguyễn Thị Khánh, Phạm Thị Vạn (Dạng,) Nguyễn Thị Bán...

Ở Bàu Tàng có một số cơ sở đơn tuyến: Lê Còn (Lê Mai), Lê Đắc, Phạm Tùng, Trần Văn Nhanh, Bùi Lâm Sơn... Ở Bàu Điền có những cơ sở đơn tuyến: Nguyễn Văn Thời, Nguyễn Rạng...

Nhằm giữ mối liên lạc thông suốt, thường xuyên và tuyệt đối bí mật, đồng chí Hồ Đức Hậu xây dựng và phụ trách hệ thống hộp thư, đường dây giao liên giữa Ban cán sự Miền A với các chi bộ và cơ sở đơn tuyến. Cán bộ giao liên đầu tiên của miền A là ông Phạm Minh Tứ.

Đồng chí Trần Văn Năm được tổ chức giao nhiệm vụ nhận, chuyển thư từ, báo cáo giữa các đầu mối và các địa điểm: Hộp thư của Ban cán sự Miền A đặt tại gốc cây me phía tây Bàu Tàng. Hộp thư chi bộ Bàu Sen, Bàu Tàng đặt ở gốc cây cóc tại núi Hòn Một. Hộp thư chi bộ Rạng đặt tại gốc cây xây ở đồi cao phía bắc Miếu Điền (Rạng).

Thực hiện chủ trương của Miền A, đồng chí Nguyễn Ngọc Cao đã xây dựng ở Rạng và Bàu Sen một tổ trung kiên để làm thí điểm sau đó sẽ nhân rộng ra các xã khác. Tổ này gồm các chị, các má chiến sĩ trong kháng chiến chống thực dân Pháp như Nguyễn Thị Chảnh (má Vạn), Ché Thị Minh (má Lung), Ngô Thị A (má Trợ)... do đồng chí Huỳnh Thị Hiệp (Tám Cân) làm tổ trưởng. Tổ phụ nữ trung kiên đã hoàn thành tốt 3 nhiệm vụ chính do cấp trên giao phó:

Một là, Xây dựng cơ sở tiếp tế; Hai là, Xây dựng cơ sở giao liên, đi liên lạc hợp pháp cho Miền A. Ba là, Lãnh đạo quần chúng nói chung, phụ nữ nói riêng đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ. Từ tổ trung kiên này, lãnh đạo Miền A đã rút kinh nghiệm xây dựng, phát triển thêm một số tổ ở nơi khác và đã phát huy tốt trong phong trào ký kiến nghị, đòi Hiệp thương tổng tuyển cử trong năm 1955.

Ở Triền và Rẫy Thơm (xã Hồng Thịnh cũ); chi bộ tại chỗ cùng cán bộ lãnh đạo Miền A, cán bộ tình đã xây dựng được một số gia đình, cơ sở trung kiên, đảng viên hoạt động đơn tuyến, gồm có: Cơ sở hoạt động đơn tuyến như Nguyễn Thị Bích, Phan Thị Thuận, Đỗ Thị Châu (Tur Châu), Phạm Tuyên, Nguyễn Văn Có, Tô Thu Vân...; một số gia đình các ông: Đỗ Lộc (Mục Gộc), Đỗ Thanh Hương (Tur Hương), riêng nhà ông Châu Thanh Hương, nguyên là thôn trưởng trước đây có hầm bí mật để cán bộ Miền A và tình ủy về đứng chân chỉ đạo. Đặc biệt gia đình ông Nguyễn Văn Trung (Mục Trung) là một trong những chỗ dựa quan trọng của cách mạng. Ông đã có sáng kiến đặt cho thợ rèn là người tiến bộ, có cảm tình với cách mạng làm ra cây rựa “giao liên”; trong cổ rựa có đục lỗ giấu tài liệu và có chốt lắp kín rất an toàn. Đồng chí Nguyễn Văn Nhâm – giao liên của Miền A đã sử dụng chiếc

rửa bí mật, an toàn này trong nhiều năm liền, không phải bọc tài liệu, thư từ trong người như trước. Ông Nguyễn Văn Trung là cơ sở giao liên đầu mối, có hầm bí mật nuôi giấu cán bộ lúc bấy giờ.

Khi địch mới thiết lập chính quyền xã, ấp (năm 1955); ngay từ đầu ta có chủ trương đưa một số ít đảng viên và nhiều cốt cán chưa bị lộ vào nắm Hội đồng hương chính. Phần lớn số này đã phát huy tác dụng: tiêu biểu là ông Nguyễn Mậu ở Triền đã giữ được thế công khai hợp pháp suốt thời gian dài và đã từng tìm cách cấp giấy thông hành cho cán bộ ta chuyển vùng đi hợp pháp an toàn.

Nhờ xây dựng được thực lực vững mạnh, có chi bộ, đảng viên, cơ sở hoạt động đơn tuyến, hệ thống tổ chức đoàn thể, tổ trung kiên, cốt cán chính trị đông mạnh, có người của ta trong Hội đồng hương chính. Ta đã xây dựng được hệ thống đường dây liên lạc hợp pháp, bí mật chặt chẽ, sự chỉ đạo thông suốt nên các phong trào đấu tranh ở các xã này trong năm 1955 mạnh mẽ, táo bạo, quyết liệt, tiêu biểu, điển hình nhất Miền A cũng như trong toàn tỉnh Bình Thuận.

Cao trào cách mạng năm 1955. Cùng với nhân dân toàn miền A, cán bộ, đồng bào ở Thiện Nghiệp, Thiện Khánh đã có nhiều hình thức đấu tranh với địch sáng tạo, mạnh mẽ, quyết liệt. Cuối năm 1955, phong trào cách mạng ở đây đã phát triển đến đỉnh cao cả về quy mô cũng như tính chất.

Địch ngăn cấm không cho dân “tùng tam, tụ ngũ”, cơ sở cốt cán của ta đã khéo léo thông qua công việc đồng án, làm rẫy, đi rừng... để rỉ tai, tuyên truyền, giáo dục cho bà con hiểu âm mưu, thủ đoạn của địch để chủ động đấu tranh chính trị công khai, hợp pháp...

Táo bạo nhất là vụ diệt tên tay sai Lê Văn Tròn. Tròn sinh ra và lớn lên ở Thiện Nghiệp, tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Sau khi ta chuyển quân đi tập kết, Tròn trốn ở lại làm nhân viên phòng nhì; dẫn địch khai hầm lấy lương thực, vũ khí. Y còn chỉ cho địch bắt đảng viên, một số cơ sở cách mạng, trực tiếp chỉ điểm, truy lùng cán bộ thoát ly, hù dọa, khống chế gia đình cách mạng... không chế cả những ông cha, bà mẹ đã từng nuôi dưỡng, bảo bọc y trong chín năm chống thực dân Pháp.

Quá căm tức tên tay sai hại dân, bán nước; anh Nguyễn Văn Năm - bí thư chi đoàn phát động đoàn viên Đoàn Thanh Lao (Đoàn Thanh niên) Bàu Thiêu bí mật tự đứng ra tổ chức lên kế hoạch diệt tên Tròn. Biết bản tính của hắn thích ăn nhậu và có máu cờ bạc nên chi đoàn đã xây dựng phương án diệt ác công phu, bài bản. Theo sự phân công, anh Lê Văn Xưa tổ chức một bữa nhậu tại nhà và cụng ly cố gắng làm cho Tròn quá chén ngà ngà say. Đêm đã về khuya, tiệc nhậu cũng vừa tàn; anh Nguyễn Văn Năm vỗ vai hắn và nói: “Xóm trên có sòng bạc, anh em mình lên đó kiếm ít tiền xài”. Tròn chấp nhận đi ngay. Ra một đoạn đường khá xa, khi đến vườn măng cầu vắng vẻ – đúng điểm hẹn mà chi đoàn đã thống nhất sẽ phối hợp cùng nhau hành động; anh Năm ra ám tín hiệu; tổ thanh niên phục sẵn xông ra tiêu diệt. Đó là một đêm đáng nhớ - 14 tháng 9 năm 1955 (đêm 28 tháng 7 năm Ất Mùi).

Những đoàn viên cốt cán trực tiếp tham gia diệt tên Tròn gồm: Lê Văn Xưa, Huỳnh Đông Pha, Đặng Văn Lầu, Đặng Thanh Tòng, Nguyễn Văn Bé, Nguyễn Văn Nuôi, Nguyễn Văn Năm... Đây là vụ diệt ác điển hình sớm nhất trong toàn Tỉnh và

toàn Miền Nam. Sợ cấp trên phê bình, các đồng chí lãnh đạo xã và Miền A không dám báo cáo về trên.

Sau khi tên Tròn bị tiêu diệt, địch tình nghi bắt hàng loạt con em gia đình cách mạng, trong đó có cả nữ thanh niên như Đinh Thị Dung, Huỳnh Thị Thanh,... Các anh trực tiếp tham gia diệt tên Tròn đã bị tình nghi truy bắt, tra tấn dã man và bị địch đày đi Nha Trang, Huế. Riêng hai anh Lê Văn Xưa và Nguyễn Văn Bé đã bị địch tra tấn hy sinh trong nhà tù.

Phong trào ký kiến nghị, đòi Hiệp thương tổng tuyển cử của nhân dân ở đây đã gây nhiều dấu ấn. Để chỉ đạo trực tiếp phong trào, đầu năm 1955, cơ quan tỉnh ủy từ Ara dời về huyện Lê Hồng Phong. Ngày 20 tháng 7 năm 1955, các đồng chí lãnh đạo tỉnh xuống khu rừng Bến Ngạch lãnh đạo nhân dân ký kiến nghị, đòi quan hệ bình thường Bắc Nam, đòi tự do thư tín, đòi địch thi hành hiệp định Giơnevơ và không được trả thù người kháng chiến cũ. Tháng 5 năm 1956, lần thứ hai cơ quan tỉnh ủy chuyển xuống đứng chân ở Miền A, khu vực rừng Triền để chỉ đạo phát động phong trào, hướng dẫn dân đòi địch tiến hành Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Trong lúc địch cố tình không thi hành Hiệp định Giơnevơ, không thực hiện bình thường quan hệ bắc nam và ra sức hô hào bắc tiến, lập sông Bến Hải thì đồng bào căn cứ Lê Hồng Phong, Miền A nói riêng đã đẩy lên phong trào đòi Hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất đất nước, vừa tẩy chay trò hề trung cầu dân ý, truất phế Bảo Đại của Ngô Đình Diệm.

Những ngày giữa tháng 10 năm 1955, ta phát động bà con dùng nhiều hình thức như rải truyền đơn, gửi thư qua đường bưu điện, cử người trực tiếp đưa kiến nghị hoặc lén bỏ kiến nghị vào thùng phiếu trưng cầu dân ý do địch tổ chức. Ở Bà Thiên, dân làm áp lực buộc ông Nguyễn Thanh Bình đại diện cho Hội đồng hương chính xã Phú Sơn mang kiến nghị của dân về gửi cho Nha hành chánh Mũi Né. Rầm rộ, quyết liệt và gây tiếng vang lớn là ngày 14 tháng 10 năm 1955, đông đảo nhân dân ở các làng Phú Sơn, Phú Trung, Phú Vinh, Thiện Nhơn, Thiện Phước vừa đưa kiến nghị, vừa khiêng xác người chết đi đấu tranh đòi bồi thường nhân mạng.

Ông Tô Thu Vân - thành viên trong Hội đồng hương chính làng Phú Trung dẫn đầu đoàn biểu tình ở Triền. Ông Trương Minh Phát, Nguyễn Văn Tịnh, Bà Trùm Ngọ dẫn đầu đoàn mang kiến nghị của dân làng Phú Sơn. Bà Huỳnh Thị Hiệp (Tám Cân) dẫn đầu đoàn Bà Sen, Bà Tàng... Các đoàn đưa kiến nghị đến Nha hành chánh Mũi Né bị địch đàn áp, nhưng số nòng cốt đi đầu vẫn bình tĩnh, đối đáp khẳng khái với địch, tiêu biểu nhất là ông Nguyễn Văn Tịnh.

Chính quyền Quốc gia hỏi ấy quen thói kiêu ngạo, hạch sách người kháng chiến bằng luận điệu: “Ăn cơm Quốc gia thờ ma Cộng sản”. Khi bị tra khảo, Ông Tịnh bình tĩnh, nhanh nhẩu đối đáp khôn ngoan:

- Mà uống nước ở đâu?
- Tao uống nước giếng.
- Mà ăn gạo ở đâu?
- Tao ăn gạo chợ.
- Mà xài tiền gì ?
- Tao xài tiền giấy...”

Địch đuổi lý, quay sang tiếp tục đánh ông Nguyễn Văn Tịnh bị trọng thương.

Trong đợt đàn áp phong trào đưa kiến nghị, địch đã bắn chết ông Phạm Chút tại cây me ở Bàu Sen (rẫy của bà Hai Vạn). Các đồng chí Võ Thanh, Huỳnh Thị Hiệp liền nhanh chóng chuyển hướng phát động các đoàn biểu tình, đưa kiến nghị của dân: Bàu Me, Bàu Sen, Bàu Tàng, Bàu Thiêu, Bàu Ron, Rạng... phối hợp khiêng xác ông Phạm Chút vào Nha hành chánh Mũi Né tố cáo tội ác và đòi bồi thường nhân mạng. Khi địch ngăn chặn, đoàn người quay lại Rạng tiếp tục đấu tranh và để xác ông Chút trước cửa đồn Rạng, hô vang khẩu hiệu: “Đã đảo bọn giết người”. Bọn lính hoảng hốt đóng cửa đồn. Đến trưa, lợi dụng lúc bà con vào xóm ăn cơm, còn lại ít người; địch tập trung lực lượng đàn áp, cướp xác ông Phạm Chút vào đồn Rạng rồi phi tang. Mãi đến nay gia đình và tổ chức vẫn chưa tìm được hài cốt của Ông.

Đây là cuộc biểu tình, khiêng xác người chết đi đấu tranh diễn ra sớm nhất tỉnh và khu vực, thể hiện tinh thần quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh của chiến sĩ, đồng bào Miền A nói chung, Thiện Nghiệp, Thiện Khánh nói riêng. Hai sự kiện diệt ác và khiêng xác đòi địch bồi thường nhân mạng là hình thức đấu tranh mạnh mẽ, quyết liệt nhất trong thời kỳ ấy.

Tiếp đó ta vận động nhân dân tẩy chay trò hề trung cầu dân ý của Diệm. Nhằm truất phế Bảo Đại, lập chính quyền tay sai của Mỹ do Diệm đứng đầu là thủ đoạn do đế quốc Mỹ nặn ra nhằm truất phế Bảo Đại xóa chính phủ tay sai của Pháp ở miền Nam, vô hiệu hóa Hiệp định Giơnevơ, chia cắt lâu dài đất nước ta. Ngày 23 tháng 10 năm 1955, Ngô Đình Diệm bày ra trò trung cầu dân ý – bắt dân chọn một trong hai người để làm tổng thống. Địch ép cử tri: “Phiếu xanh bỏ giỏ (phiếu in hình Bảo Đại), phiếu đỏ bỏ bì (phiếu in hình Ngô Đình Diệm)”. Trong lúc dân bỏ phiếu, địch cử tay sai theo dõi, ai bầu Bảo Đại, không bầu Diệm sẽ bị bắt bớ, đánh đập ngay sau đó...

Tại thùng phiếu của làng Phú Hòa, hai anh ở Giếng Đé là Trần Văn Minh (Lưu Minh Giành) và Lê Văn Như (Bảy Như) cho hình Bảo Đại vào phong bì bỏ vào thùng phiếu và xé hình Diệm bỏ vào giỏ rác. Địch khống chế, yêu cầu bầu lại. Các anh đấu lý và không làm: “Các ông tuyên bố dân chủ tự do lựa chọn, chúng tôi có quyền...”. Ra khỏi thùng phiếu, hai anh bị chúng bắt đưa về Nha bang tá Sa Ra đánh đập, bỏ đói và tuyên bố: “Bọn mày tìm Bảo Đại xin ăn”. Đến nửa đêm, hai anh giả vờ xin đi uống nước, trốn chạy vào rừng.

Ở Bàu Thiêu, các đồng chí Hồ Đức Hậu, Đinh Quế chỉ đạo cho anh Huỳnh Đông Pha khắc con dấu giả đóng vào giấy cử tri để cho số cốt cán khỏi đi bầu cử “trung cầu dân ý” nhưng vẫn có giấy tờ thông hành hợp pháp.

Tiêu biểu nhất là tại thùng phiếu ở Rạng (xã Thiện Khánh), anh Đinh Văn Góp xé hình Diệm, chọn bầu Bảo Đại. Địch theo dõi phát hiện liền đánh anh trước đông đảo cử tri và hỏi:

- “Mày biết Bảo Đại và Ngô Chí Sĩ là ai mà chọn như thế? ”.

Sau giây phút ngần ngừ, anh Góp đáp:

- “Bảo Đại là Vua, Ngô Đình Diệm là Quan, nếu tôi bầu Diệm làm Vua thì tôi a tòng cướp ngôi vua, thế là tôi phạm tội bất trung, mà cũng góp phần làm cho Ngô Thủ tướng bất trung”.

Địch đánh Anh chết ngất rồi giải về nhà lao Phan Thiết, tiếp tục tra tấn, giam cầm. Sau khi ra tù anh Góp bị đau phổi. Bệnh tật kéo dài do di chứng tù đầy, đến năm

1967 Đinh Văn Góp đã sớm từ biệt quê hương! Tấm gương dũng khí của anh sống mãi trong lòng nhân dân Thiện Nghiệp, Thiện Khánh nói riêng, Bình Thuận nói chung.

Ông Đặng Ngọc Châu là một chi ủy viên bị chúng bắt ngày 28 tháng 10 năm 1955. Địch ở Bình Thuận lấy SaRa làm điểm tổ cộng lớn trong toàn tỉnh và bắt ép người đảng viên cộng sản này phải tố cộng ly khai Đảng. Đêm 29 tháng 10 năm 1955, địch tổ chức buổi mittting lớn ở SaRa. Trong buổi lễ, sau vài tên phản bội, đầu hàng ngoan ngoãn hô khẩu hiệu đả đảo Đảng Cộng sản và Hồ chí Minh... Chúng hí hửng đưa ông Châu ra tố cáo cộng sản. Điều làm bọn địch hoàn toàn bất ngờ là đồng chí Đặng Ngọc Châu bước lên sân lễ dũng dạc tố cáo tội ác chế độ quốc gia không thi hành Hiệp định. Ông nói to và thật nhanh: *“Chế độ Quốc gia mới tồn tại một năm mà đã thể hiện đầy đủ sự dã man, tàn bạo, trả thù, tra tấn, giết hại những người yêu nước, kháng chiến cũ. Đồng bào hãy đòi địch thi hành Hiệp định Gionervo...”*.

Chưa kịp dứt lời, đồng chí Châu đã bị lũ tay sai đánh bất tỉnh tại chỗ; sau đó đưa về nhà lao Trinh Tường tiếp tục tra tấn. Đêm 31 tháng 10 năm 1955, chúng đưa Ông từ Trinh Tường về động Bà Hòe (xã Hàm Đức ngày nay) thủ tiêu, vùi xác vào động cát giữa đêm tối mịt mù. Tinh thần, ý chí của Ông được toàn tỉnh và Miền A phát động cho tất cả cán bộ, chiến sĩ, đồng bào học tập. Nhờ đó phong trào của Thiện Nghiệp, Thiện Khánh cũng dậy lên mạnh mẽ.

Vô hiệu hóa Hội đồng hương chính của địch là một yêu cầu cấp thiết. Do đó chủ trương của tỉnh ủy, huyện ủy hồi ấy là cố gắng đưa người của ta vào nắm Hội đồng hương chính lâm thời của địch, tạo điều kiện cho nhân dân đấu tranh chính trị, đòi dân sinh, dân chủ. Với tinh thần chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện chủ trương trên, hầu hết các Hội đồng hương chính ở các làng đều có đảng viên, hoặc cốt cán của ta như ở Triền có ông Tô Thu Vân, Lê Thân, Trần Bằng, Nguyễn Cường, Nguyễn Mậu... Số cốt cán này đã phát huy tác dụng, góp phần tạo điều kiện cho các cuộc đấu tranh thắng lợi.

Vận dụng sáng tạo sự chỉ đạo của tỉnh ủy Bình Thuận, bước sang năm 1956, Ban cán sự Miền A cùng cán bộ xã vận động cốt cán ký bản kiến nghị đòi Hiệp thương tổng tuyển cử theo hình thức mới. Kịp thời rút kinh nghiệm từ những lần trước, lần này bà con không ký hàng dọc mà ký theo hình thức vòng tròn để địch khó phát hiện ai là người ký trước. Ta bố trí cho một số cơ sở nằm trong hội đồng hương chính của địch tìm cách đưa bản kiến nghị vào trong thùng phiếu nhân lúc dân bầu cử quốc hội; đồng thời gửi đến quận, tỉnh của địch qua đường bưu điện...

Phá các lớp học tố cộng do địch tổ chức là một nhiệm vụ của cốt cán. Các đồng chí lãnh đạo miền A và các xã chỉ đạo các chi bộ, chi đoàn bí mật trong xóm, ấp tìm mọi cách phá các cuộc hội họp, các lớp tố cộng do địch tổ chức như: đi lánh, báo bạn đi làm ăn xa xin vắng mặt. Một sáng kiến của thanh niên, đơn giản nhưng hiệu quả. Vào cuối năm 1955, để phá một buổi học tố cộng ở xã, tổ thanh niên Bàu Sen do anh Trần Văn Năm chỉ huy đã dùng lông của trái mắc mèo khô rải vào địa điểm họp ở dưới gốc cây me. Mọi người dự họp bị ngứa ngáy, đứng ngồi không yên, kể cả người chủ trì. Cuối cùng chúng buộc phải tuyên bố giải tán cuộc họp. Sau đó, một số thanh niên nòng cốt như Trần Văn Năm, Nguyễn Hữu Phước... đã bị địch tình nghi bắt cầm tù.

Sau cuộc đụng đầu quyết liệt giữa ta và địch trong 6 tháng cuối năm 1955, nhân dân ta tấn công dồn dập từ diệt ác đến khiêng xác người chết đi đấu tranh; tẩy chay trò hề trung cầu dân ý... Sang năm 1956, địch ở đây mở chiến dịch tổ cộng giai đoạn 2 bằng nhiều âm mưu, thủ đoạn mới.

Trước hết là chúng củng cố và phát triển lực lượng; đầu năm 1956, đi đôi với việc củng cố hệ thống chính quyền từ quận đến xã, ấp, địch lập thêm lực lượng dân vệ, thanh niên cộng hòa...

Ở cấp quận (Nha hành chánh Mũi Né) có Tổng đoàn dân vệ do Huỳnh Khuê (Sáu Hiền) làm tổng đoàn trưởng. Ở cấp xã có dân vệ và Thanh niên Cộng hòa. Dưới ấp có nhóm, dưới nhóm là liên gia (gồm từ 05 đến 10 hộ).

Tháng 01 năm 1956, chúng mở chiến dịch “Đình Tiên Hoàng” hết sức thâm hiểm, huy động tổng lực rừng rùng, vây ráp, giăng bẫy khắp nơi, bới xới từng dấu vết để triệt hạ cán bộ thoát ly trong rừng, đồng thời tổ cộng, tổ giác truy bắt cơ sở, quần chúng trung kiên trong xóm ấp...

Địch huy động lực lượng của tỉnh, Hạt Mũi Né và của 2 xã Thiện Khánh, Thiện Nghiệp; các đoàn thể đều được điều động tham gia chiến dịch tổ cộng giai đoạn 2 gồm các đoàn thể trong Phong trào Cách mạng quốc gia (lão ông, lão bà, thanh niên, phụ nữ.....)

Đoàn nông dân cách mạng Quốc gia; Phụ nữ cách mạng Quốc gia; Thanh niên cách mạng Quốc gia; Thiếu nhi cách mạng Quốc gia; Tập đoàn công dân; Thanh niên chống Cộng; Thanh niên, thanh nữ Cộng hòa; Bảo An, Mật vụ.....

Địch phát động cao trào thi đua tổ giác cộng sản, có giấy khen, bằng khen, giải thưởng cao; tổ chức tổng kết thi đua, thành lập các đoàn tổ cộng quy mô, bài bản. Đoàn tổ cộng tỉnh do tên Hồng Đức làm trưởng đoàn; đoàn của Nha Mũi Né và Yêu khu Bàu Thiêu do Phạm Xuân Khai cầm đầu. Các đoàn này phối hợp liên kết đánh phá Miền A khốc liệt, nhất là những nơi trọng điểm như SaRa, Rẫy Thơm, Triền, Bàu Tàng, Rạng... Chúng đề ra yêu cầu, chỉ tiêu, cố gắng đạt thành tích cao nhất để được khen thưởng vào dịp chào mừng “Đại hội thi đua tổ cộng toàn quốc” do Ngô Đình Diệm tổ chức vào cuối năm 1956.

Đầu năm 1956, địch đánh phá vùng Bàu Thiêu. Sau khi đồng chí Đình Quế phụ trách xã Hồng Trung bị thương và bị bắt (ngày 08 tháng 3 năm 1956), chúng bắt hai anh em Hà Thanh Hồng, Hà Trung Thành và tiếp tục bắt thêm nhiều cốt cán thanh niên ở Bàu Thiêu về Phan Thiết tra tấn, cầm tù vì bị tình nghi tham gia trong vụ giết tên Lê Văn Tròn.

Địch thúc giục, hò hét đám tay sai đắc lực ở các xã triển khai liên tiếp các chiến dịch: “Ngô Đình Khôi”, “Hoàng Hoa Thám”. Chúng rêu rao các luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc: “Vì sao Cộng sản thất bại trong việc đòi Hiệp thương tổng tuyển cử? Vì sao không có Tổng tuyển cử”... Nham hiểm, thâm độc của các chiến dịch này là tiến hành liên tiếp, tổng hợp toàn diện các mặt về: Tư tưởng, tâm lý, tổ chức, chính trị, kinh tế, văn hóa kết hợp với tra tấn, bắn giết... Chúng lấy SaRa làm điểm rút kinh nghiệm rồi nhân rộng ra toàn Miền A, huyện Hàm Thuận và toàn tỉnh Bình Thuận, vừa khủng bố tinh thần, vừa hủy diệt thể xác những người kháng chiến, gia đình cách mạng...

Trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng: địch dùng mọi thủ đoạn để đánh mất lòng tin, ý chí chiến đấu, sức chịu đựng của người cộng sản, đảng viên, cốt cán, Chúng lên danh sách và bắt những đối tượng “thành phần” – những người kháng chiến và gia đình của họ tập trung về xã, về cụm liên xã để học các lớp “tổ cộng”, mỗi đợt từ 5 đến 7 ngày. Học xong mỗi người phải viết tờ “đầu thú”, tờ phản tỉnh, bản ly khai Đảng, ly dị chồng đi “tập kết, trốn rừng...”. Cuối khóa học, chúng mở mitting cưỡng bức, một số người phải lên khán đài xé cờ Đảng, xé ảnh Bác, đã đảo cộng sản... Vì bị rúng ép, đánh đập dã man và sự bắt buộc của địch, một số người chịu không nổi nên sau chiến dịch tổ cộng đợt 2, đến cuối năm 1956, Miền A đã có trên 300 bản “đầu thú”.

Địch liên tiếp mở các lớp tổ cộng ở xã, áp khủng bố truy bắt cựu cán, cựu can rất gắt gao. Nội dung chính trong các lớp tổ cộng, địch làm mấy việc sau: Cưỡng bức đầu thú; phát động thi đua tổ cộng, nói xấu Việt Minh, học Hiến pháp nước Việt Nam Cộng hòa, học lập trường, tư tưởng đường lối quốc gia... Tại địa điểm diễn ra các buổi lễ tổ cộng, địch treo băng rôn, khẩu hiệu: “Tổ cộng là an dân, dụng cộng là phản quốc”

Bắt buộc trong bản đầu thú của một số người kháng chiến cũ phải thể hiện rõ các nội dung: *Nói xấu Việt minh, Cộng sản; thừa nhận chế độ quốc gia là chính nghĩa, Việt Minh thua trận, cuối cùng phải hứa cam kết thực hiện đường lối quốc gia.*

Nhân dịp đúng hai năm ngày ký Hiệp định Giơnevơ (20 tháng 7 năm 1954 – 20 tháng 7 năm 1956), địch thẳng tay hành hạ, làm nhục những gia đình có người đi tập kết, thoát ly, ở tù... chúng hù dọa, bắt làm tạp dịch. Buộc những gia đình có người đi tập kết phải viết đơn gửi Ủy hội Quốc tế đòi: “Bác Việt” phải trả chồng, con của họ về lại Miền Nam. Riêng Miền A có trên 200 lá đơn. Một số người buộc lòng phải viết đơn. Chúng bắt cha, mẹ phải từ con, vợ ly dị chồng; đảng viên phải ly khai Đảng...

Bị đánh đập, hành hạ về thể xác, quá căng thẳng về tinh thần nên một số người chịu đựng không nổi, bất đắc dĩ phải làm theo sự bắt buộc của chúng; có người phải xé cờ Đảng, xé ảnh Bác trong tâm trạng đau đớn, tủi nhục như xé lòng mình.

Đối với người kháng chiến cũ trong 9 năm chống thực dân Pháp địch phân làm 3 loại, có đối sách cụ thể.

Loại A: Cán bộ chủ chốt cấp xã, cán bộ huyện; bắt đi học tổ cộng, tra tấn, khai thác, giam cầm hoặc bí mật thủ tiêu. Loại B: Đảng viên thường; bắt đi tù hoặc đi hành dịch, trình diện thường xuyên. Loại C: Cán bộ thôn, cán bộ đoàn thể; xem xét kỹ để nâng lên loại A hoặc loại B nếu xét thấy họ không tiến bộ.

Số còn lại mỗi tháng đến trụ sở xã trình diện một lần, báo cáo tình hình. Trên cơ sở phân loại, chúng bắt đi học tổ cộng ở các lớp với địa điểm, quy mô, tính chất khác nhau... Làm cho mọi người mỗi mệch về thể xác, căng thẳng về tinh thần.

Tháng 12 năm 1955, tỉnh ủy họp ở Rừng Ngang (xã Hồng Thanh) huyện Lê Hồng Phong, do đồng chí Trần Lê chủ trì kiểm điểm tình hình và đề ra phương hướng năm 1956... Về đánh giá tình hình: “Ta lãnh đạo đấu tranh đòi Hiệp thương chưa đạt yêu cầu; bộc lộ lực lượng, tổn thất lớn. Chưa hướng phong trào giữ đúng phương châm đấu tranh: có lý, có lẽ, có mức độ”.

Về phương hướng: “Xây dựng cơ sở, cốt cán mật trong các đối tượng ít liên quan đến gia đình có người kháng chiến cũ, theo phương thức ngăn cách, bí mật, nứt rễ, xâu chuỗi. Đưa cốt cán của ta vào xây dựng và nắm các tổ chức hợp pháp, nửa hợp pháp. Lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.”

Đầu năm 1956, đồng chí Huỳnh Hà, bí thư Ban cán sự Miền A chủ trì mở hội nghị, đánh giá, kiểm thảo tình hình và đề ra phương hướng: “Tiếp tục lãnh đạo quần chúng đòi Hiệp thương tổng tuyển cử. Chuyên số người bị lộ tạm lắng một thời gian; giáo dục tinh thần chịu đựng gian khổ, lâu dài cho cán bộ nhân dân. Xây dựng cơ sở mật, đơn tuyến, nhất là tổ chức thanh niên lao động, cài cắm cơ sở nội tuyến trong hàng ngũ địch, phát triển các tổ chức quần chúng hợp pháp như Hội Thanh minh, Hội nghề nghiệp...”. Đến cuối năm 1956, ta chủ trương chuyển hướng về nguồn đối tượng mới trong việc xây dựng phát triển cơ sở mới; bám, dựa vào một số gia đình địch ít tình nghi; hạn chế liên lạc với các gia đình đã bị lộ vì địch theo dõi quá nghiêm ngặt.

Các xã triển khai chủ trương trên của tỉnh ủy, Ban cán sự Miền A trong điều kiện địch điên cuồng tổ cộng bằng nhiều thủ đoạn vô cùng thâm độc nhằm mục đích tiêu diệt lực lượng cách mạng. Chúng làm cho thực lực của ta đau đớn, quần quai về thể xác; căng thẳng, mệt mỏi, hoang mang về tư tưởng, tinh thần, làm lung lay ý chí niềm tin; hoài nghi, ngờ vực nhau trong đồng chí, đồng đội, gia đình, làng xóm, gia tộc...

Chính thành tích tổ cộng của địch ở Hạc Mũi Né từ tháng 5 năm 1955 đến tháng 10 năm 1956 nói lên phần nào sự tổn thất, hy sinh của ta ở Miền A nói chung, của Hồng Trung, Hồng Thịnh, Hồng Tiến, Hồng Hải nói riêng. Trong thời gian vón vện chỉ hơn một năm, địch ở Hạc Mũi Né đã phá vỡ 8 chi bộ và bắt hàng trăm đảng viên, cốt cán ở Miền A. Trong số đó, có nhiều cán bộ chủ chốt, nguyên bí thư, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trước đây, hiện nay là cán bộ Miền A, chi ủy viên, bí thư chi bộ như: Nguyễn Công Lý, Hồ Kim Phụng, Đặng Ngọc Châu, Đinh Quế (Mạnh Trinh), Võ Sỹ, Nguyễn Thanh Hoa, Ngô Tùng Lộc, Võ Thạnh, Phan Văn Hiến, Nguyễn Bá Lân, Tô Thu Vân, Nguyễn Thanh Tùng, Nguyễn Tấn Đạt, Trần Đánh, Huỳnh Văn Lợi...

Trong hoàn cảnh địch truy lùng, vây ráp gắt gao, nơi nào ta xây dựng, duy trì được cơ sở, cảm tình nội tuyến trong dân vệ, thanh niên cộng hòa... thì cán bộ còn len lỏi bám được dân. Điển hình là giữa năm 1956, địch bắt và giải giao đồng chí Võ Sỹ là cán bộ Miền A từ khu vực chợ kháng chiến cây Xay về Mũi Né, trên đường đi có ghé nhà anh Tư Rừng, là dân vệ ở Bàu Sen. Thừa lúc địch sơ hở, anh Rừng tháo dây, nhưng do bị đánh quá nhiều, yếu sức nên đồng chí Sỹ chạy không thoát.

Địch vây bắt, tổ cộng, trả thù thành phần kháng chiến; cán bộ đảng viên trung kiên sống hợp pháp trong vùng địch chịu không nổi, các anh phải thoát ly ra rừng ngày càng nhiều, dẫn đến việc đi lại, ăn ở gặp nhiều khó khăn, không bảo đảm được yêu cầu phải tuyệt đối giữ bí mật lúc bấy giờ. Chính vì thế, tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương cho một số đồng chí làm giấy căn cước giả để chuyển vùng đi hợp pháp vào vùng địch đến ở các tỉnh khác. Thực hiện chủ trương trên, khoảng giữa năm 1956, Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Tiến, Hồng Trung... đã sắp xếp cho một số đồng chí có điều kiện chuyển vùng. Đi vào Sài Gòn có: Lê Đình Nguyên, Mai Văn, Châu

Thanh Hương, Huỳnh Thị Hiệp... Riêng đồng chí Lê Minh Tứ ở Bàu Điền đi ra Phan Rang...

Những năm 1957 đến 1959, khi bắt đầu chuyển sang tổ cộng giai đoạn 3, nhất là từ năm 1959; địch thực hiện phương châm: “Bắt làm hơn bỏ sót, không có đánh cho có, có đánh cho chừa”; đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật.

Địch phân chia đồng bào thành 3 thành phần, trên cơ sở đó bắt dân treo đèn, treo 3 loại bảng “gia đình diệt cộng” tương ứng với 3 màu:

Gia đình cộng sản bảng màu đỏ; Gia đình lưng chừng bảng màu vàng; Gia đình quốc gia bảng màu xanh.

Riêng gia đình treo bảng đỏ phải đi tuần tra, canh gác, học tổ cộng liên miên, bắt đến trụ sở nhỏ cỏ, làm tạp dịch...

Nhân dân gọi đây là thời kỳ “đèn, cây, dây, mõ”, địch bắt mỗi gia đình phải treo đèn, có cây, dây, mõ để khi có “Việt cộng” về làng phải đánh mõ báo động và bao vây rượt bắt. Những gia đình bị ghép là cộng sản luôn sống trong cảnh thấp thỏm lo âu, bị bao vây, cô lập, khủng bố, rình rập, chúng ngăn cấm không cho đồng bào, bà con xóm làng tiếp xúc, giao tiếp thăm hỏi. Thậm chí ngày Tết người thân cũng ngại không dám đến thăm những gia đình bị cho là nghi can cộng sản. Nhan nhản khắp nơi và tại các điểm tổ cộng địch treo các khẩu hiệu: “Tổ cộng là yêu nước”.

Ngày 27 tháng 02 năm 1957; tiểu khu Bình Thuận chính thức cho ra đời cái gọi là: “Liên đoàn công tác lưu động Bàu Thiêu” tức là Đoàn tổ cộng lưu động do Phạm Xuân Khai cầm đầu; trực tiếp đánh phá cách mạng ở Miền A, trong đó có hai xã Thiện Nghiệp và Thiện Khánh, biến Thiện Nghiệp trở thành “Trường tra tấn” những người yêu nước.

Tiếp đó, vào cuối năm 1957, địch củng cố Đoàn tổ cộng tỉnh, ngoài tên Hồng Đức làm trưởng đoàn, còn có thêm Võ Xuân Viên, nguyên ủy viên thường vụ tỉnh ủy phản bội chạy đầu hàng, làm phụ tá giúp Hồng Đức tổ giác, đánh phá cách mạng.

Cũng từ đó, địch tổ chức các lớp học tổ cộng liên miên, đồng thời khuyến khích, treo giải thưởng cho những ai bắt được cán bộ Việt cộng. Riêng 6 tháng đầu năm 1957, Nha hành chánh Mũi Né đã mở hơn 300 buổi học tổ cộng; trong 8 tháng cuối năm 1957, chỉ riêng Đoàn tổ cộng lưu động Bàu Thiêu đã mở 98 cuộc mitting tổ cộng và bắt giam, tra tấn 94 người bị tình nghi có liên hệ với cách mạng.

Các lực lượng dân vệ, thanh niên cộng hòa phối hợp với bọn mật thám, phòng nhì và bọn lính ở đồn Bàu Thiêu dẫn chó lùng rùng, giả vờ đi săn thú, cạm dông, đuổi thỏ, ăn ong, lằn mò dấu vết, truy bắt cán bộ. Ở Thiện Nghiệp có Nguyễn Ngọc Trường cũng a dua theo thiếu úy Tư và bọn tay sai lùng sục, đuổi bắt cán bộ, chiến sĩ cách mạng.

Trong năm 1957, Nha hành chánh Mũi Né cử Huỳnh Khuê làm tổ trưởng tổ biệt phái tổ cộng ở 2 xã Thiện Nghiệp và Thiện Khánh, địch liên tiếp mở các lớp tổ cộng với nhiều hình thức, có lớp ngắn ngày, quy mô nhỏ từ 20 đến 30 người tại xã, có lớp liên xã, thời gian từ 5 đến 7 ngày, số lượng khoảng 40 đến 50 người.

Đối tượng phải học là cựu cán, cựu can; hoặc là vợ con của họ. Chúng bắt người học viết tờ phản tỉnh, viết xong địch xé bỏ, bắt viết lại nhiều lần, vì bị chúng cho là chưa thành khẩn.

Từ cuối năm 1956, địch ở Thiện Nghiệp đã mở nhiều lớp tổ cộng ở: Bàu Tàng, Bàu Sen, Bàu Me. Địa điểm tổ chức ở vườn mít, gốc me, sân nhà dân... Cá biệt có người bị truy bức chịu không nổi đành phải tố giác ông Lê Còn là người đặt hộp thư liên lạc với ông Hồ Đức Hậu...

Cuối năm 1957, địch mở nhiều buổi mitting tổ cộng nhưng quy mô, ác liệt nhất là cuộc mitting ở gần chợ Rạng (liên xã) do Hồng Đức, Võ Xuân Viên trực tiếp lên diễn đàn diễn thuyết. Trong những tháng cuối năm 1957, Võ Xuân Viên không chỉ khai báo chủ trương, tổ chức của ta mà còn trực tiếp đối chất với những cán bộ lãnh đạo đã bị Viên chỉ bắt. Hắn đã bày cho địch thủ đoạn là đánh phá đứt đường dây liên lạc của ta thì sẽ mất thông tin, lương thực, thực phẩm, tiền, hàng... và cách mạng sẽ chết. Viên trực tiếp làm cố vấn cho đoàn tổ cộng đi mở mitting tổ cộng khắp nơi trong tỉnh; mạnh miệng tố giác những gia đình đã từng che chở nuôi giấu, bảo bọc y. Sự đầu hàng, đánh phá của Viên gây tổn hại cho phong trào cách mạng toàn diện và sâu sắc, nhất là lòng tin của dân đối với cách mạng.

Không thể nhẫn nhục được nữa nên đã có sự tranh luận giữa một số cốt cán khẳng khái với Võ Xuân Viên về nội dung Hiệp định Giơnevơ khi nghe Viên công khai nói xấu cộng sản, xuyên tạc Hiệp định.

Cũng tại cuộc mitting đó đã có sự mâu thuẫn, cãi nhau về phương pháp tiến hành mitting giữa 2 tên Hồng Đức và Nguyễn Hữu Nhân (sau này Nhân làm quận trưởng quận Hải Long). Kết quả lần ấy có một số ít người xé cờ Đảng, tuyên bố ly khai Đảng như: Hồ Ân (Năm Tuân), Lê Thanh Minh (Bảy Thời), Huỳnh Khuê, Mai Thanh Phong. Họ lên diễn đàn nói xấu Việt Minh, đả đảo cộng sản...

Trong năm 1957 phong trào cách mạng Miền A chịu nhiều tổn thất, cán bộ chủ chốt liên tiếp hy sinh; một số quần chúng giảm lòng tin, một số cán bộ có biểu hiện dao động vì cùng một lúc diễn ra dồn dập nhiều sự kiện tác động... Võ Xuân Viên đầu hàng đánh phá cách mạng. Trước đó, ngày 04 tháng 01 năm 1957, ba tên tay sai Nguyễn Văn Chi, Lê Văn Nốt, Lê Bá Ghe dẫn đại đội bảo an từ Mũi Né vào Rừng Rít bao vây phục kích cuộc họp của Ban cán sự Miền A (gồm các đồng chí Huỳnh Hà, Võ Khánh Tôn, Hồ Đức Hậu, Nguyễn Kim Bồng và đồng chí Võ Khánh Tôn được tỉnh cử về nhận bàn giao làm bí thư thay cho đồng chí Huỳnh Hà). Bị đánh bắt ngờ nên hai lãnh đạo Miền A là đồng chí Huỳnh Hà và Hồ Đức Hậu (phó bí thư) hy sinh. Chúng đưa xác đồng chí Hậu về Mũi Né lãnh thưởng với số tiền 160.000 đồng.

Địch kêu gia đình đồng chí Hậu ra Mũi Né nhận xác cũng vừa tổ chức lễ mừng chiến thắng báo công và chúng huênh hoang tuyên bố: “Hai tên đầu sỏ Hà và Hậu đã chết, xem như gốc đã chết, ngọn sẽ khô ngả, Việt cộng sẽ thua, quốc gia sẽ thắng”. Trước mặt gia đình, người thân, vợ con của đồng chí Hồ Đức Hậu chúng còn khản vái: “Mấy ông có linh thiêng thì phù hộ cho chúng tôi mạnh giỏi”. Chứng kiến trước cảnh quá đau lòng và căm hận, con gái Hồ Đức Hậu là Hồ Thị Xuân không thể kềm nén, đã nói to: “Phù hộ cho mấy ông mạnh khỏe để có nhiều sức lực đi lùng rùng, bắn nhiều cán bộ cách mạng hơn nữa, lãnh thưởng nhiều hơn nữa”. Bị bắt ngờ, bẻ mặt, bọng tay sai làm thính, không kịp phản ứng.

Tiếp hôm sau, ngày 05 tháng 01 năm 1957, bọn dân vệ Bàu Sen xã Thiện Nghiệp tiếp tục bao vây, bắt sống đồng chí Phan Tùng, cán bộ giao liên của Miền A để lãnh thưởng.

Tính đến cuối năm 1957 phần lớn cán bộ, đảng viên trung kiên đều bị tù đày như: Võ Thạnh, Nguyễn Bá Lân, Lê Hữu Lý, Phan Văn Hiến, Nguyễn Thanh Hoa, Nguyễn Tịnh, Ngô Tùng Lộc, Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Hòa, Nguyễn Hữu Chi, Lê Văn Giác, Nguyễn Tấn Đạt, Nguyễn Văn Thương, Lê Xuân Đài, Nguyễn Phú, Tô Thu Vân, Trần Đăng, Võ Thị Ngọc, (Bảy Huê) Trần Xu, Huỳnh Lợi, Mai Văn (Ba Hét)... Riêng 2 đồng chí Trần Xu và Huỳnh Lợi sau khi ra tù bị bệnh và hy sinh. Hầu hết đoàn viên của chi đoàn Thanh lao ở Bàu Thiêu trực tiếp tham gia diệt tên Lê Văn Tròn và một số người bị tình nghi có liên can lần lượt bị địch bắt, tù đày.

Hàng chục cán bộ, đảng viên, người yêu nước đều bị địch bắt. Đảng viên của hai xã Hồng Hải, Hồng Thịnh cũ nay thuộc Thiện Nghiệp, Thiện Khánh bị đày ra Côn đảo chuyến đầu tiên vào ngày 30 tháng 4 năm 1957 gồm các đồng chí: Võ Sỹ, Nguyễn Bá Lân, Nguyễn Thanh Hoa, Nguyễn Hữu Chi (Mũi Né); Võ Thạnh, Lê Hữu Lý (Ba Mít), Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Sinh Hòa....

Sau những đợt tố cộng liên tiếp, đánh phá toàn diện của địch, từ đầu năm 1956 đến năm 1959, trong nội bộ cán bộ, đảng viên cũ và nhân dân đã có sự phân hóa sâu sắc...

Một số ít cán bộ chạy đầu hàng; có người tìm cách tự nộp mình cho địch. Một bộ phận nhỏ đảng viên cũ sống hợp pháp nay dao động, cộng tác với địch, quay lại đánh phá đồng chí, đồng đội. Tố giác, kê khai, chỉ điểm, báo cho địch truy bắt cả người thân của mình.

Một bộ phận cán bộ trở mặt, đầu thú lộ nguyên hình làm mật thám, phòng nhì, tay sai đắc lực cho địch. Đến cuối năm 1957 hầu hết cán bộ thoát ly của các xã thuộc Miền A nói chung; Thiện Nghiệp, Thiện Khánh nói riêng đều bị bắt hoặc hy sinh. Từ giữa năm 1958 đến năm 1959, Thiện Nghiệp, Thiện Khánh không còn cán bộ xã phụ trách, chủ yếu là cán bộ Miền A bám trụ trực tiếp.

Trong những năm địch tiến hành tố cộng, tình hình Miền A nói chung, Hồng Hải, Hồng Thịnh, Hồng Tiến cũ nói riêng có sự phân hóa, ngay trong từng gia đình, thôn xóm; nhiều cảnh rất đau lòng - có người cam tâm phản bội, chỉ điểm cho địch bắt người thân ruột thịt. Cơ sở làm phản biến bắt cán bộ; cốt cán trung kiên nay xa lánh không dám tiếp xúc với cách mạng.

Ở Bàu Me, Bàu Ghe có những tên phản bội, giết hại đồng đội, đồng bào như: Nguyễn Văn Chi, Nguyễn Văn Nốt, Lê Bá Ghe, Lê Văn Hai (Tiêu)... Ở Rạng, Bàu Ron, một số chị bị địch o ép, bỏ chồng đi tập kết, thoát ly, lấy ác ôn, cảnh sát. Trong một số gia đình, gia tộc và xóm làng có sự nghi ngờ nhau, có trường hợp trở thành thù hận. Nỗi đau về tư tưởng, tình cảm không thể nào quên, mãi đến hôm nay, 50 năm đã trôi qua, những con người, nhân chứng lịch sử vẫn còn đó!

Nhiều đồng chí trung kiên lần lượt hy sinh hoặc bị bắt, tù đày; Số ít chuyển vùng đi hoạt động hợp pháp; Một số mất tinh thần, cầu an, bảo mạng; Một bộ phận bị cưỡng ép phải ra làm cho địch, nhưng làm cầm chừng không gây tội ác; Một bộ phận nhỏ đầu hàng, phản biến, đánh phá gây tổn thất lớn cho cách mạng...

Sở dĩ có tình hình khó khăn, ác liệt đó là xuất phát từ nhiều nguyên nhân:

Một là, địch ngoan cố, lật lọng không thi hành Hiệp định, Tố cộng, đánh phá ta bằng nhiều thủ đoạn thâm độc. Chúng sử dụng một số người kháng chiến cũ đầu hàng đánh phá cách mạng; tố cộng, diệt cộng, đàn áp phong trào.

Hai là, năm 1955, ta lãnh đạo đấu tranh đòi Hiệp thương mạnh mẽ nhưng không giữ đúng phương châm, phương thức (có lý, có lẽ, có mức độ)... để bộc lộ, dốc hết lực lượng; nhân đó địch đàn áp khốc liệt gây tổn thất lớn;

Ba là, ta chưa lường hết các thủ đoạn và mức nguy hiểm của kẻ thù để chủ động có hướng đối phó; chỉ dựa vào pháp lý Hiệp định Giơnevơ, kéo dài hình thức đấu tranh chính trị đơn thuần, để địch thắng tay khùng bố phong trào;

Bốn là, thực lực của ta tổn thất, số chuyên vùng hợp pháp phần lớn bị địch bắt, một số ít ngã theo địch, càng làm cho ta thêm khó khăn;

Năm là, số ít quần chúng nhân dân mất lòng tin, thậm chí có người nghĩ cách mạng không còn hoặc sẽ lần lượt đầu hàng địch!

Vào một ngày đầu tháng 3 năm 1958, có năm cán bộ còn lại duy nhất của Miền A vào Giếng Xó (xã Hồng Liêm) lấy nước, gồm Võ Khánh Tồn, Nguyễn Văn Nhâm, Trương Vũ Đức, Hồ Văn Lượng và Đặng Văn Cang. Địch phục kích bắn đồng chí Lượng hy sinh, đồng chí Cang bị thương, anh em dìu nhau chạy ngược lên dốc cát, địch đuổi theo. Đồng chí Võ Khánh Tồn buộc lòng phải nổ súng địch khựng lại, anh em mới chạy thoát.

Hai đồng chí Cang và Lượng là cán bộ phụ trách xã Thiện Nghiệp, tạm thời phải ghép lại ở chung với cán bộ Miền A. Vì thời điểm ấy, lực lượng ta còn quá mỏng không thể sống, hoạt động riêng lẽ được nữa. Tính đến đầu năm 1958, toàn Miền A chỉ còn vồn vẹn 3 đồng chí: Võ Khánh Tồn, Nguyễn Văn Nhâm và Trương Vũ Đức. Nhưng anh em vẫn bám trụ kiên cường, nói cho dân biết là cách mạng vẫn còn.

Từ năm 1955 đến 1958, cán bộ, chiến sĩ, đồng bào Miền A nói chung, Thiện Nghiệp, Thiện Khánh nói riêng, đã thể hiện rõ tinh thần chịu đựng, hy sinh chiến đấu kiên cường, bất khuất, khí phách hiên ngang trước bao thủ đoạn tàn bạo của quân thù.

Phần lớn những người trung kiên bị tù đày hoặc đã hy sinh. Một bộ phận nhỏ dao động, đầu hàng, phản biến làm tay sai cho giặc. Trước tình hình quá căng thẳng, ác liệt, một số khá đông cầu an, bảo mạng, tạm lắng, nhưng đa số đồng bào vẫn ấp ủ lòng tin, hướng về cách mạng, chờ dịp sẽ đứng lên. Dù tổn thất hy sinh, dù quân thù tàn bạo, nhưng cán bộ, chiến sĩ, đồng bào vẫn còn hy vọng ở ngày mai, còn tin rằng còn Đảng, còn Bác Hồ sẽ có ngày chiến thắng. Đây là lúc cách mạng gặp thoái trào. Anh em hồi ấy gọi là thời kỳ “*Cú kêu, nai bép*”.

Những tháng năm dài ác liệt nhiều đồng chí đã kiên trung, vững dạ, bền gan, giữ vững lòng tin với dân, với Đảng. Đầu năm 1958, hai người con của Thiện Nghiệp đã vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam lúc cách mạng đang gặp khó khăn cao độ đó là Nguyễn Văn Nhâm và Trương Vũ Đức. Thật đáng khâm phục trước bao tấm gương kiên cường, hy sinh anh dũng như, Hồ Đức Hậu, Huỳnh Hà, Ngô Minh Quang, Hồ Văn Lượng....

Trong những lúc gian nguy, các đồng chí Huỳnh Hà, Hồ Đức Hậu... là những cán bộ giàu tình đồng chí, yêu thương đồng đội; xông xáo, sát địch, sát dân, bám sát địa bàn để chỉ đạo, cảnh giác cao, tránh lánh giỏi... nhiều phen dũng cảm lần dò, đột nhập vào trong xóm ấp. Vừa để giữ bí mật và với lòng mến phục, cơ sở, đồng bào đã tặng hai cán bộ chủ chốt bằng hai biệt danh gần gũi thân thương - đồng chí Hà là anh Hai Gương, do mang kính (gương) cận; đồng chí Hậu là anh Tám Lát, vì hay cải trang đội nón lá, nón lát len lõi tìm mọi cách để gặp nhân dân.

Những biến động sâu sắc, toàn diện về tâm trạng của cán bộ, cốt cán và nhân dân trong những năm 1956 đến 1957 tiếp tục ảnh hưởng, tác động hết sức phức tạp đến phong trào cách mạng vào giai đoạn mới.

Từ năm 1958 đến năm 1959, địch tiếp tục tiến hành tổ cộng giai đoạn 3 theo Luật 10/59; thẳng tay bắn giết những người yêu nước. Đoàn tổ cộng lưu động Bàu Thiêu và đoàn tổ cộng Tỉnh Bình Thuận liên tiếp đến các xã mở mitting. Địch khuyến khích bọn ác ôn o ép, phá rối vợ con của những người đi kháng chiến...

Về tổ chức, bộ máy hành chính của địch cũng có sự thay đổi lớn. Năm 1958, từ Nha hành chính Mũi Né, địch nâng lên thành quận Hải Long gồm 7 xã: Thạch Long, Khánh Thiện, Thiện Nghiệp, Thiện Khánh, Phú Hải, Thanh Hải và Phước Thiện Xuân.

Hội đồng hương chính đổi tên thành Hội đồng xã, Ủy ban hành chính xã có 5 thành viên: xã trưởng, thư ký, tài chính, quân sự và hộ tịch. Mỗi xã có nhiều ấp. Mỗi ấp có một ấp trưởng và một ấp phó.

Ủy ban hành chính xã Thiện Khánh gồm: xã trưởng Mai Thanh Phong và các ủy viên, Lê Nên, Trương Văn Sáu, Nguyễn Văn Lương, Nguyễn Trung Chánh, Nguyễn Văn Đào, Lê Văn Minh... Ủy ban hành chính xã Thiện Nghiệp gồm: xã trưởng Nguyễn Hữu Chung và các ủy viên

(Xã trưởng tồn tại từ năm 1958 đến năm 1975. Chức danh Đại diện xã-Hội đồng nhân dân- tồn tại từ năm 1969 - 1975)

Những năm 1957 đến 1960, địch ở Thiện Nghiệp, Thiện Khánh lần lượt tiến hành 3 việc chính là: làm đường cộng đồng, gom dân ở tập trung và lập khu trù mật.

Thời kỳ này địch ép dân của xã Thiện Nghiệp phát dọn rừng cây làm đường cộng đồng từ Bàu Điền đến Bàu Thiêu, dài khoảng 10 cây số. Riêng ở Triền không có đường cộng đồng mà địch chỉ bắt dân dời nhà từ phía đông bắc sang phía tây nam (khu vực ngã ba Triền) đồng thời đóng đồn ở ngã ba Triền với quy mô khoảng một trung đội lính bảo an.

Ở xã Thiện Khánh, một ít nơi có rào khu trù mật, cắm chông lá, chông cây; riêng ở Láng Cháy có chông sắt, để đúc xi măng. Những năm 1961 đến 1962, ta lãnh đạo cốt cán vận động dân phá rào, nhổ chông. Giữa năm 1963, đồng chí Trần Văn Năm vào ấp, lúc quay ra bị đập chông sắt do ta lật úp còn sót.

Xây dựng khu trù mật là một chủ trương lớn của chính quyền Ngô Đình Diệm, đây là một hình thức nhằm gom dân tập trung để quản lý, ngăn cách, khống chế không cho tiếp xúc với cách mạng. Do đó, từ năm 1958 đến năm 1959, từng bước địch bắt dân cất nhà ở tập trung từng xóm, dọc hai bên các con đường để dễ theo dõi bằng cách tổ chức ấp, nhóm, liên gia – thập gia; ngũ gia liên bảo, dân đi làm ăn phải báo, về phải trình, chúng quản lý việc đi lại, cư trú của nhân dân rất chặt. Đến cuối năm 1959, địch ở xã Thiện Nghiệp lập xong 6 khu trù mật, mỗi khu khoảng từ 20 đến 30 hộ dân, gồm: Khu Bàu Tàng, khu Giếng Đá - Bàu Ron, khu Bàu Điền – Bàu Ghe, khu Lò Dầu, khu Xóm Rẫy và khu Bàu Sen. Địch viết sẵn rồi buộc dân treo trước nhà một tấm bảng gỗ hình chữ nhật với câu khẩu hiệu: “Đả đảo Cộng sản”.

Với chiêu bài mị dân, địch thực hiện cái gọi là quốc kế dân sinh: bắt dân làm đường cộng đồng, đào giếng nước; cất trường tiểu học có 3 lớp (lớp 5,4 và 3). Mỗi

trường có một giáo viên đào tạo cấp tốc. Ở các nơi như: Triền, Bàu Tàng, Bàu Thiều đều có trường học. Thầy Châu Thanh Hải dạy ở Triền.

Địch thẳng tay khủng bố, quản thúc gia đình cách mạng; bắt gia đình có người đi kháng chiến làm tạp dịch, mỗi nhà phải treo đèn, sấm cây, dây, mõ đánh báo động khi có Việt cộng về. Chúng buộc bà con phải vào rừng tìm gọi chồng, con về đầu thú... Nhằm cô lập, bao vây, phân hóa quần chúng, địch đã chia nhân dân thành nhiều thành phần và có cách đàn áp, đối sách riêng, nhất là đối với những gia đình có người đi thoát ly, tập kết, ở tù... “Tập kết - thoát ly - tình nghi - tiêu cực - kháng chiến cũ - ở tù ra”.

Gia đình có người đi tập kết chúng bắt làm tờ ly khai, ly dị; Gia đình có người đi thoát ly chúng bắt vào rừng tìm gọi người thân; Thành phần bị tình nghi mỗi tháng phải đến xã, huyện trình diện hai lần; Kháng chiến cũ bắt viết tờ đầu thú; Cựu tù chính trị bị quản thúc rất chặt, hàng tuần hoặc hàng tháng phải đến quận, tỉnh trình diện.

Từ cuối năm 1959, địch thi hành Luật 10/59. trong đó nổi lên một số tên ác ôn, khát máu như: Huỳnh Khuê (Sáu Hiền), Lê Văn Tiêu... trực tiếp chỉ huy bắn người liên tiếp. Ngày 09 tháng 12 năm 1959, tại cây gũ Bàu Ron, địch công khai bắn 3 người dân bị tình nghi làm cơ sở gồm các ông Lê Kỳ, Phan Văn Bụng quê ở Bình Thiện và ông Chín Bùi quê ở Bàu Điền.

Vào cuối năm 1959, tỉnh ủy Bình Thuận đã tiếp thu được tinh thần Nghị Quyết 15 nhưng ở cơ sở phong trào vẫn còn rất khó. Riêng ở Miền A đến cuối năm 1959, ta mới bắt đầu treo cờ và rải truyền đơn để gây tiếng vang.

Thực hiện chủ trương “giết làm hơn bỏ sót”, giặc thẳng tay bắn giết, bắt bớ, tù đày vô cùng khốc liệt đối với những ai bị tình nghi; nhưng cơ sở, cốt cán, quần chúng tốt vẫn động viên nhau len lỏi tiếp tế, nuôi giấu cách mạng; chống địch tố cộng, lập khu trù mật, làm đường cộng đồng... tiêu biểu nhất là đồng bào ở Bàu Tàng, Triền. Đúng là vẫn còn những đóm than hồng “ngún” cháy âm ỉ trong tro nóng. Lòng dân vẫn còn chờ đợi, luôn giữ vững niềm tin vào Đảng, Bác Hồ... Có người không dám hoạt động, nằm im, song vẫn còn hy vọng dù rất nhỏ.

Từ năm 1959 trở đi, địch bắt đầu thi hành Luật 10/59, đưa cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, thẳng tay tàn sát. Chính cùng thời điểm cách mạng bắt đầu triển khai Nghị quyết số 15 của Trung ương Đảng, với chủ trương hoàn toàn mới, mở ra bước ngoặt mới cho phong trào; đó là: “Đấu tranh chính trị, kết hợp vũ trang, diệt ác hồ trợ”. Tinh thần ấy lúc đầu chỉ đến cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện, còn ở cơ sở phải đến cuối năm 1960 mới được tiếp nhận. Những năm 1958 – 1959, phong trào ở Thiện Nghiệp, Thiện Khánh vẫn còn rất khó khăn.; ta chưa có hoạt động vũ trang...

Đến đầu năm 1958, đồng chí Hồ Văn Lượng hy sinh, ở hai xã Thiện Nghiệp, Thiện Khánh không còn cán bộ phụ trách. Ban cán sự Miền A chỉ còn vài đồng chí cố gắng len lỏi bám dân, móc nối lại cơ sở, gây dựng phong trào chủ yếu là thông qua hộp thư bí mật, hạn chế tối đa việc tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ với cơ sở.

Đến giữa năm 1958, đồng chí Võ Khánh Tôn chuyển qua huyện Hàm Thuận, đồng chí Trương Vũ Đức về Ban hành lang tỉnh, đồng chí Đặng Văn Cang bị thương về tỉnh. Đồng chí Nguyễn Ninh và đồng chí Trương Hồng Thái (Khởi) được tỉnh ủy

điều về Miền A. Từ giữa năm 1958 đến năm 1959, cả Miền A chỉ còn có 3 cán bộ: Nguyễn Ninh, Trương Hồng Thái và Nguyễn Văn Nhâm (Tám Ba Lô).

Trong điều kiện ấy, ta từng bước chuyển đổi phương thức hoạt động. Những năm 1957 đến 1959, địch bủa vây, giăng lưới phòng nhì, mật thám dày đặc, cán bộ Miền A phải dùng hầm bí mật, xây dựng cơ sở, cảnh giác cao độ. Vào gặp cơ sở ban đêm, không hẹn trước, phải đi ít nhất 2 người để cảnh giác. Đối tượng đáng tin cậy, chỗ dựa chính của lãnh đạo Miền A lúc khó khăn ác liệt này không ai khác hơn vẫn là gia đình kháng chiến và cơ sở thanh lao trong bộ máy hội tề. Chính lúc gian truân, đầy máu lửa mới phân biệt được vàng thau. Cán bộ còn sống sót là nhờ lòng dân còn hướng về cách mạng.

Từ cuối năm 1958 sang năm 1959, ở Thiện Khánh gần như trở thành vùng trắng. Riêng Thiện Nghiệp, cán bộ Miền A từng bước mọc nổi, nhen nhóm tập hợp gầy dựng lại được một số cơ sở trung kiên, cốt cán cũ; chủ yếu làm nhiệm vụ tiếp tế, cung cấp tình hình địch. Ở Bàu Thiêu có các ông bà: Hà Minh Hải (ông Hai Sầm), Hà Minh Chánh (ông Tư Sộp), Võ Thị Đợi, vợ của ông Hải (Mẹ Việt Nam anh hùng), Nguyễn Thị Sinh, Nguyễn Văn Năm (Năm Nhánh).....

Trong năm 1958, ở Triền còn vài cơ sở cũ tiếp tế giúp đỡ cách mạng như Phan Thị Thuận, Nguyễn Thị Bích... Từ cuối năm 1958 đến cuối năm 1959, cán bộ Miền A mọc nổi lại được một số cốt cán trung kiên ở Triền như: Phan Thị Thuận, Nguyễn Thị Bích, Đỗ Thanh Tùng (Tùng Méo), Đỗ Thị Châu, Nguyễn Thùy, Phạm Tiến, Dương Thị Huệ, Phan Thị Lập, Đỗ Thị Nhỏ, Đỗ Lộc (Mục Gộc), bà Trần Thị Muôn (bà Trùm Tụ), Nguyễn Văn Trung, Tô Văn Diệm...

Ở Bàu Tàng, Bàu Sen cũng có khá nhiều cơ sở như Lê Đắc, Trần Văn Nhanh, Trần Văn Năm, Lê Thị Sen, Nguyễn Hữu Phước (Tám Ốc), các con ông Hồ Đức Hậu (Hồ Đức Trọng (Mộng), Hồ Thị Tuyết, Hồ Thị Xuân)...

Chỗ dựa, địa bàn chính của cán bộ Miền A thời kỳ đen tối, khó khăn là Bàu Thiêu, Triền, Bàu Sen, Bàu Tàng, Rẫy Thơm, Giếng Đé, Giếng Chanh...

Đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ (1958 - 1959). Địch ép dân làm đường cộng đồng, lập khu trù mật. Ta chỉ đạo số cốt cán trung kiên vận động đồng bào cố gắng bám trụ ở Triền, Bàu Tàng. Bà con viện lẽ do đời sống khó khăn phải bám đất, vườn, rẫy kiếm kế sinh nhai nên hẹn lần, hẹn lượt, kéo dài đến hai năm (từ 1958 đến 1959), mãi đến cuối năm 1959 dân Bàu Tàng mới vào khu trù mật, dân ở Rẫy Thơm bị địch dồn ra Truong Sỏi, riêng đồng bào ở Triền quyết bám trụ không vào khu trù mật.

Cuối năm 1957, địch bắt dân làm đường cộng đồng và ra ở dọc hai bên con đường này nhưng mãi đến cuối năm 1959, dân mới chặt cây gai cút cu rào quanh các khu trù mật khoảng 1.500 mét, vì địch luôn hò hét thúc ép từng nhà dân phải giao nộp chỉ tiêu số mét rào quy định cho từng hộ. *(Có ý kiến cho rằng chỉ riêng ở khu trù mật Bàu Tàng địch mới bắt dân rào)*. Riêng đồng bào ở Triền bám trụ đến tháng 8 năm 1961, khi địch bắn bà Trùm Tụ, bà con mới chạy về Bàu Tàng ở tạm.

Ngoài việc đấu tranh công khai, hợp pháp, một số ít cơ sở mật còn hết sức kín đáo đặt hộp thư bí mật, hoặc giấu hủ gạo, để lại lang, mì trên rẫy cho anh em cán bộ Miền A sống được trong những tháng năm cực kỳ khó khăn, thiếu thốn. Chính những lúc ấy mới thấy được lòng dân đối với cách mạng và công tác vận động quần chúng của cán bộ ta công phu, tỉ mỉ và quan trọng đến nhường nào. Điều đó chứng minh

hùng hồn rằng còn cán bộ tốt thì dân vẫn còn tin tưởng và nuôi giấu, giúp đỡ cách mạng.

Sức chịu đựng của cán bộ, chiến sĩ ta trong thời kỳ “cú kêu, nai bép” (1955 - 1959). Những năm hoạt động bí mật, đấu tranh chính trị đơn thuần (từ năm 1955 đến 1959), cán bộ chiến sĩ toàn Miền A nói chung, của hai xã Thiện Nghiệp, Thiện Khánh nói riêng đã thể hiện tinh thần chiến đấu, sức chịu đựng phi thường trước bao khó khăn, thử thách. Thời kỳ buộc cán bộ ta phải tuân thủ nghiêm ngặt phương châm hoạt động bí mật: “Đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng, đau bệnh không được rên”. Cán bộ, cơ sở muốn gặp nhau thường thông qua tiếng chim và thú rừng... Đến điểm hẹn, bắt liên lạc với nhau bằng ám tín hiệu, không dám nói tiếng người, mà phải dùng tiếng thú, chim rừng như tiếng chim cú kêu, nai bép, đò tác... Do đó, anh em ta đã khái quát hình tượng ấy trong những năm hoạt động bí mật, đấu tranh chính trị đơn thuần này là thời kỳ “cú kêu, nai bép”.

Địch tấn công, đánh phá, lùng sục, tìm từng dấu vết, bao vây, rình rập, dẫn chó đi săn lùng, úp từng dấu chân người mỗi khi phát hiện. Bọn gián điệp, mật thám giả dạng người đi săn, ăn ong, đào đông, bứt máu... để bắt cán bộ. Ta có súng nhưng không được sử dụng... Bên cạnh đó, nội bộ phân hóa, một số ít phản biến, đầu hàng, khai báo chỉ điểm rất nguy hiểm. Ở ngoài chiến khu là thế, còn trong vùng địch, chúng bắt học tổ cộng liên miên...

Ăn đói, ăn thiếu là chuyện thường ngày. Thức ăn chính của người kháng chiến hồi ấy là mì, muối và đông. Mì lâu năm thời kháng chiến chống Pháp của ta để lại và mì của cơ sở trồng ngoài rẫy. Ai cũng phải có cây dò đông. Đồng chí Dương Hữu Lễ hy sinh vì sập hầm đông. Khát nước rất khó chịu, nước ở đây có lúc phải đổi bằng máu! Ngựa, dơi... không dám tắm nước, phải tắm nắng, tắm lửa...

La bàn để xác định đường đi của ta là trăng sao, nhìn rong rêu mọc trên thân cây để định hướng bắc – nam tùy theo mùa mưa nồm hay bắc. Đau bệnh, không có thuốc, không dám rên sợ lộ, cắn răng mà chịu! Mùa nắng thiếu nước, mùa mưa lộ khói lửa và dấu chân in trên cát.

Mỗi chiến trường trong từng giai đoạn cách mạng đều có tính chất gian khổ khác nhau; riêng Miền A thật hết sức ác liệt và vô cùng khó khăn trên nhiều lĩnh vực. Chính những năm tháng tôi luyện, thử thách trong lúc cách mạng gặp thoái trào mới phân biệt được vàng, thau. Lửa thử vàng gian nan thử sức. Cán bộ, chiến sĩ, đồng bào ở đây càng thể hiện rõ tinh thần chiến đấu ngoan cường, sức chịu đựng phi thường đáng cho muôn đời con cháu tôn vinh và tiếp bước.

Những năm 1955 đến 1959, chấp hành nghiêm Hiệp định Giơnevơ, ta chủ trương phân công một số cán bộ, đảng viên không đi tập kết ở lại bám địa bàn lãnh đạo nhân dân, dùng pháp lý Hiệp định Giơnevơ đấu tranh chính trị, đòi địch thi hành Hiệp định, tổng tuyên cử thống nhất nước nhà. Phần đông cán bộ, cốt cán hoạt động công khai, hợp pháp, bám trụ trong dân, đòi địch không được phân biệt đối xử, không trả thù những người kháng chiến.

Số ít thoát ly ra rừng (trốn rừng) hoạt động bất hợp pháp với phương châm, phương thức tuyệt đối bí mật. Cán bộ ta phải thay tên, đổi họ, đổi thứ; một người có từ 3 đến 5 cái tên kháng chiến để giấu tông tích và đánh lạc hướng địch. Ta liên lạc

với cơ sở thông qua đặt hộp thư bí mật, theo phương thức ngăn cách, nứt rẽ xâu chuỗi...

Địch ở tỉnh Bình Thuận nói chung, Nha hành chánh Mũi Né, sau đó là quận Hải Long nói riêng đã thực hiện nhiều âm mưu, thủ đoạn, biện pháp nham hiểm. Chúng huy động tổng lực, dùng mọi thủ đoạn nham hiểm, tàn ác nhất để đánh phá, đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng ở Miền A. Chúng công khai, trắng trợn bác bỏ, không thi hành, không thừa nhận Hiệp định, xuyên tạc nội dung Hiệp định Gionervo, không thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử, đàn áp khủng bố những ai nói đến Hiệp định, đòi hiệp thương...

Quốc sách xuyên suốt của địch là tổ cộng và diệt cộng bằng nhiều thủ đoạn ngày càng thâm độc, tàn ác. Cùng một lúc chúng sử dụng tổng hợp các biện pháp: quân sự, chính trị, tư tưởng, tâm lý... hành hạ, rúng ép, bao vây, cô lập, mua chuộc, dụ hàng, giết hại... bắt những người kháng chiến và gia đình phải ly khai Đảng, ly dị chồng, từ bỏ con nếu những người thân ấy đi theo cách mạng...

Địch huy động nhiều lực lượng: Dân vệ, thanh niên cộng hòa, cảnh sát, phòng nhì, thanh niên chiến đấu, mật vụ, các đoàn thể trong phong trào cách mạng Quốc gia... đánh phá đàn áp cách mạng. Chúng chia quần chúng thành nhiều loại, nhiều thành phần để có cách đối xử riêng, cô lập, phân hóa, ly gián, chiêu an, dụ hàng...

Thâm độc, nguy hiểm nhất là chúng lập các đoàn tổ cộng, mở các lớp học, các buổi mitting tổ cộng liên tiếp khắp các địa bàn, bắt những người kháng chiến cũ và người thân của họ phải viết tờ phản tỉnh, bản đầu thú, bản ly khai. Chúng tập trung đánh phá Miền A - căn cứ kháng chiến cũ, bằng mọi thủ đoạn nhằm dập phong trào cách mạng ở đây vào trong biển máu!

“Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, chính những lúc đầy máu lửa, khúc quanh của lịch sử mới thật sự là thước đo lòng trung dũng, kiên cường của người chiến sĩ cách mạng. Từ năm 1955 đến 1959, những người trung kiên của Miền A nói chung, Thiện Nghiệp, Thiện Khánh nói riêng quyết một lòng theo cách mạng, đã phải đối mặt với bao hy sinh, tổn thất, thử thách cam go, nghiệt ngã đồng thời cũng thể hiện khí phách hiên ngang, lòng thủy chung son sắc, bất khuất kiên cường, vẹn toàn trung hiếu trước nanh vuốt của kẻ thù.

Sớm tiến hành diệt ác, mang kiến nghị; khiêng xác người đi đấu tranh là những hình thức quyết liệt, dũng mãnh, táo bạo tiêu biểu và sớm nhất ở tỉnh Bình Thuận cũng như toàn Miền Nam lúc bấy giờ.

Kẻ thù có thể giết hại, hủy hoại thể xác chứ không sao giam cầm được ý chí, nghị lực can trường, lý tưởng, khí phách của người chiến sĩ cách mạng, người cộng sản chân chính. Trong xóm ấp chúng mở các lớp tổ cộng, rình rập, bắt bớ... Ở các nhà tù, địch tiếp tục ra sức dày ải, thủ tiêu, giết hại, tra tấn những người chiến sĩ cách mạng, quần chúng trung kiên, nhất là những ai chúng gọi là “cựu can, cựu cán”. Ngoài chiến khu, địch huy động tổng lực vây ráp, lùng sục bắn giết cán bộ thoát ly. Cán bộ của Miền A từ xã đến huyện liên tiếp bị hy sinh. Bọn ác ôn phục bắn cán bộ rồi xẻo tai, xẻo mũi, cạy răng, chặt tay, chân... đưa về quận, tỉnh báo công, lãnh thưởng, ăn mừng, thật là ghê rợn và tanh tởm.

Những năm tháng cách mạng bị thoái trào, khốc liệt đầy máu lửa ấy cũng chính là lúc thể hiện sức chịu đựng phi thường, tinh thần hy sinh anh dũng, can trường của cán bộ chiến sĩ và nhân dân ta.

Trong điều kiện hoạt động bí mật, ở lẻ, đi lẻ, thường phải đi lại vào ban đêm, cán bộ ta tránh lánh địch đã gian nan, cộng vào đó việc phòng thủ trước sự tấn công của thú dữ cũng không hề đơn giản. Thời ấy, rừng Miền A, rừng Rít nói riêng nhiều cọp dữ, rắn độc... biết bao lần, nhiều trường hợp cán bộ, chiến sĩ phải đối mặt với cọp đói, chống chọi với chúng chỉ bằng một cây vò dông, chiếc áo, cái lon gỗ...

Anh Phạm Minh Tứ, cán bộ liên lạc của Miền A, đang ngồi vò dông – một con cọp đói từ phía bên kia lùm tâm lang phóng qua, may nhờ vướng bụi cây to nên nó vò lệch. Anh Tứ bí quá, đứng vùng lên dùng cây vò dông với chiếc áo vừa quơ qua, quơ lại, vừa la to áp đảo: “cọp, cọp”. Nó thấy con mồi vừa dữ, vừa lạ nên tháo chạy!

Anh Nguyễn Văn Tâm, cán bộ xã Hồng Trung, đêm ấy ở một mình trong Rừng Rít; đang treo võng chuẩn bị đi ngủ. Bất ngờ một con cọp đói xông vào, anh Tâm phản xạ nhanh, chụp cây vò dông đánh vào mặt; nó bung nhảy, anh Tâm cũng chạy thoát thân...

Anh Đông chiến sĩ của trạm giao thông tỉnh, mang gùi báo đi giữa rừng Ô Rô, một con cọp to chặn đường; không có vũ khí nào khác ngoài chiếc gùi trên vai, anh Đông ném mạnh gùi báo chính xác trúng vào mặt đối thủ, rồi cả hai đều tung chạy...

Vào khoảng giữa tháng 6 năm 1957, anh Trương Vũ Đức, cán bộ liên lạc của Miền A đi từ trạm giao thông tỉnh ở rừng Ô Rô về huyện ở rừng Rít thì gặp cọp đang rình mồi. Đêm ấy trời mưa lâm râm, ánh trăng lờ mờ. Anh Đức choàng tấm ni lông với vũ khí duy nhất là cây gậy to gần bằng cây cán cuốc. Đức lấy hết sức bình tĩnh, chống gậy cao khỏi đầu rồi hét to: “Cọp mày chết”! Con cọp vẫn đứng yên chưa dám tấn công. Liếc mắt thấy phía sau có cây xây khá lớn, Đức nhanh trí nghĩ ra được cách đánh lừa hung thủ - tuy to dữ nhưng kém thông minh. Vừa áp đảo đối phương bằng cây gậy vừa liên tục la thật to: “cọp mày chết” anh Đức tiếp tục lùi dần về phía sau. Khi tiếp cận được thân cây, lấy hết sức bình tĩnh, Anh đu lên cành và leo lên ngọn cây cao và thoát chết.

Ông Nguyễn Văn Nhâm (Tám Ba Lô) người con của vùng Triền, bám trụ, len lỏi hầu hết các khu rừng Rít, Bến Ngạch suốt những năm hoạt động bí mật (từ năm 1954 đến 1959), ít nhất ba lần đối mặt với hổ đói và nhiều lần bị rắn cắn, chỉ dùng thuốc nam để chữa trị. Trong điều kiện, môi trường sinh hoạt thời ấy thường bị rắn cắn nên chiến sĩ ta lúc nào cũng mang “ thần dược” trong người; có nhiều loại nhưng chủ yếu là quả cây thuốc rắn. Chê đôi hạt này áp vào chỗ rắn cắn, nọc độc sẽ được hút ra, không nguy hiểm đến tính mạng... Sau ngày thắng lợi khi được hỏi làm sao để vượt qua, các anh chỉ cười và trả lời ngắn gọn: chủ yếu là nhờ vào niềm tin - tin sẽ có ngày chiến thắng.

Chịu đựng, vượt qua, chiến thắng thiếu thốn, đói khát và sự kham khổ là nét riêng hết sức đặc trưng của cán bộ, chiến sĩ ở chiến trường này. Rất lâu và khó khăn lắm anh em ta mới liên lạc được với gia đình hoặc cơ sở để xin bộ quần áo; thiếu rách là chuyện đương nhiên. Hồi ấy ai cũng biết khâu vá nhưng vải mục nên vá đi - rách lại; có lần nhảy qua cái hầm dông, chiếc quần rách thành hai mảnh. Khó khổ như thế nhưng nhờ ý chí, tinh thần, niềm tin và nghị lực, chiến sĩ ta không hề than vãn kêu ca!

Thiếu ăn vài ba tháng, hết ăn năm bảy ngày là chuyện thường diễn ra đối với cán bộ, chiến sĩ Miền A cũng như Thiện Nghiệp, Thiện Khánh. Có lúc anh em phải sống nhờ vào rau, lá, trái, nấm, củ rừng... Thức ăn chính của cán bộ ta thời ấy là mì, muối, thịt đông nhưng vào mùa nắng rất khó bắt được đông, chúng đùn xuống hang sâu, sắp đến đầu mùa mưa mới trở hang lên tìm thức ăn và sinh nở. Từ đặc tính ấy, nên nhân dân địa phương đã tổng kết: “Tháng mười đông rạ, tháng chạp đông lên”. Kho lương thực chính là khoai mì lâu năm của ta thời kháng chiến chống thực dân Pháp để lại và mì, lang của cơ sở trung kiên đang trồng ngoài rẫy. Mỗi bụi mì chỉ lấy một củ không được để lộ dấu vết. Ai cũng có cây vò đông và biết vò đông. Cây vò đông vừa là công cụ để bắt đông và những lúc ngặt nghèo nó còn dùng nó để chống thú dữ. Có lúc bệnh nặng chỉ vét vấy được một nắm gạo nấu chén cháo loãng là quý lắm. Cá biệt có người dao động chạy đầu hàng địch không chỉ vì sợ chết mà chịu đựng không nổi với cảnh đói, khát, bệnh tật, kham khổ thường xuyên, lâu dài.

Ngay cả ngày tết, mong có được một bữa cơm trắng, cá kho... cũng chỉ là mơ ước; ký ức sâu lắng của cán bộ Miền A là đón giao thừa xuân Mậu Tuất (năm 1958). Nhân dịp tết đến, xuân về, toàn thể cán bộ Miền A tiến hành “hội nghị” tổng kết, gồm 3 người (Võ Khánh Tồn, Nguyễn Văn Nhâm và Trương Vũ Đức). Nội dung cuộc họp là soát xét, đánh giá lại tình hình, tìm cách tháo gỡ, gây dựng lại phong trào; cơ sở, quần chúng không dám hoạt động, không dám tiếp xúc với ta.. khó ơi là khó!..

Đồng chí Tồn bí thư đưa ra biện pháp mới là móc nối lại cơ sở trong kháng chiến chống thực dân Pháp mà lâu nay ta chưa gặp; nhân dịp này thử tiếp cận xem sao. Cả 3 anh đều nhất trí chọn ngày 30 tết, thời điểm ấy địch có thể sơ hở trong việc canh phòng, rình rập...

Bàn xong việc lớn, hôm ấy các anh cũng ôn lại phong tục tết cổ truyền, từ cách trang trí trong nhà đến làm các món ăn: bánh cốm, bánh tét, dưa hành, bánh tráng cuốn măng kho thịt heo... Không khí đang sôi nổi, phấn phát hương vị ngày xuân đồng chí Tồn bật hỏi: “theo chú Đức tết năm nay chúng mình sẽ được ăn món gì?”. Đức thật thà đáp: “thưa anh, tôi ước gì được một bữa cơm gạo trắng với cá tươi kho là toại nguyện lắm rồi”. Cảm thấy chạnh lòng vừa thương đồng đội, anh Tồn buộc miệng: “chỉ thế thôi sao”!

Đúng vào hôm 30 tết, ba đồng chí hăng hái rời chiến khu cùng thâm nhập vào SaRa (Hàm Đức) để bắt liên lạc và tổ chức lại cơ sở cũ. Khi đến địa điểm quy định thì đêm đã về khuya, sương đông ướt lạnh; Nhâm và Đức được phân công canh giới bên ngoài, đồng chí Tồn trực tiếp vào nhà. Đúng nhà, đúng đối tượng, cả hai vợ chồng đều chịu tiếp khách, đồng chí Tồn mừng quá nhưng trong bụng hơi lo vì có người lạ mặt dù được chủ nhà giới thiệu là con rể.

Vừa bắt đầu câu chuyện, bỗng nhiên người thanh niên kia bước ra ngoài vừa nói: “Chú cứ ngồi nói chuyện để cháu ra gác cho”. Với tinh thần, ý thức cảnh giác cao độ và linh tính của người lãnh đạo đã từng nếm trải, sau đó vài phút đồng chí Tồn cũng vội vàng bước theo xem người thanh niên kia canh gác thế nào. Y như dự đoán – anh ta đã biến mất. Đồng chí Tồn lập tức chạy ra điểm hẹn báo cho hai đồng chí ngồi đợi bên ngoài biết sự việc trên. Cùng lúc đó, địch cũng vừa ập đến bao quanh căn nhà, quất đèn pin sáng rực, vừa tìm lục, hô la inh ỏi. Ba đồng chí ta nhanh chóng, im lặng rút lui thoát khỏi vòng vây của giặc. Trên đường trở về tụ điểm, đứng vào

sáng ngày mừng một Tết; ba anh em dừng lại giữa đường tổ chức ăn tết, đồng chí Tôn lục vét trong chiếc “bồng” còn vồn vẹn một ấm trà – đó là hàng chiến lược quý hiếm dự trữ mang theo bên người. Đồng chí Đức trẻ, khỏe nhất hăng hái xung phong trở hết tài năng, nghiệp vụ “vò đông” vì mùa nắng đông đã xuống hang sâu. Hết sức may mắn, anh Đức đã bắt được hai chú đông thềm thật to. Trong lúc đó đồng chí Nguyễn Văn Nhâm vào rẫy mì của cơ sở Nguyễn Thị Bích đào được một ít. Thế là ba anh em nướng mì, nướng đông, trộn lá rừng. Một bữa ăn đón tết giữa rừng xanh ở chiến khu đậm bạc, thanh bản nhưng hết sức ấm tình đồng chí và ngon lành. Ăn xong, ba người quay quần bên lon gô trà ấm áp hương xuân, vui tết và mừng cho cả ba anh em vừa thoát chết. Cán bộ Miền A đón một cái tết vui vẻ lạc quan ngay trên đường công tác thật ấn tượng không thể nào quên, dù tết không có cơm trắng, cá kho như mơ ước, dự kiến ban đầu song vô cùng may mắn và hạnh phúc. Nước đề sinh hoạt của cán bộ ở Miền A có khi phải đổi bằng máu.

Đói còn dễ chịu hơn khát. Địch thường bao vây, phục kích các bàu, giếng nước. Anh em ta đi lấy nước thường bị hy sinh, tổn thất. Nước ở Ô Rô, Rừng Rít nhiều lúc phải đổi bằng máu. Cán bộ dùng nước theo định lượng, có khi người này phải giữ bình đông cho người kia uống để tiết kiệm, vì khát quá, thèm quá khó tự giác uống nhín, để dành.

Khi bình thường, một bình đông nước (khoảng một lít) cho một người dùng trong một ngày; khi thất ngặt thì lượng nước ấy phải dùng trong thời gian 2 đến 3 ngày.

Vào mùa nắng, khi địch bao vây, bố ráp, nước ở đây quý như máu, quý hơn vàng nên anh em thường xuyên phải chịu cảnh ngứa ngáy, hôi hám... Mùa nắng ở đây không có chuyện dùng nước để tắm giặt nên từ đó ta đã sáng tạo nghĩ ra cách tắm riêng như tắm nắng, tắm sương, tắm rung cây; giặt nắng, giặt lửa (dùng lửa hơ khô quần áo rồi vò, giũ). Anh em thường nói vui: “cắt cỏ hơn đồ nước”

Cá biệt như anh Trần Nhật Chánh đã bị kiểm điểm, kỷ luật vì vi phạm về quy định, chế độ tiết kiệm nước. Anh này có đặc tính “ở sạch”, chịu ngứa, sót chưa quen nên có lần đã lén lấy hủ nước của đơn vị dự trữ để tắm. Khi địch bao vây, không còn nước, thủ trưởng đơn vị cho lệnh đào lên thì chiếc hủ cạn khô!

Đặc điểm của Miền A, Ô Rô, Rừng Rít là nhiều lán rừng trùng điệp, chằng chịt, bịt bùng liên hoàn với các loài cây dây, gai, hoa, lá... nhiều lùm bụi tối mịt và giống y hệt nhau, rất khó phân biệt giữa các khu, lán rừng; mặt khác, cán bộ ta phải tuyệt đối giữ bí mật, không được để lộ dấu vết “đi không dấu”, nhất là chiến sĩ giao liên phải đi tắt, cắt rừng trong đêm tối nên việc đi lạc đường không phải là chuyện lạ...

Trong điều kiện ấy, anh em ta có sáng kiến, bí quyết riêng để định hướng. Giữa rừng rậm mịt mù trong đêm tối, có lúc nhờ trăng, sao làm la bàn xác định phương hướng. Anh Tám Thụ, giao liên của tỉnh xuống Miền A, trên đường trở về bị lạc hơn một tuần lễ; nhờ khoai mì của dân để sống cầm hơi, về gần chỗ ở, anh em tìm gặp – mừng ời là mừng.

Cả đồng chí Nguyễn Văn Nhâm (Tám Ba Lô), từng là cán bộ giao liên và sau đó là cán bộ Miền A, quê ở Triền rất thông thạo địa hình nhưng vẫn đi lạc. Vào đầu năm 1959, bị lạc đường, đồng chí đặt chiếc ba lô (bồng mang nước) xuống đất, leo

lên ngọn cây cao nhìn trăng, sao để định hướng (ở khu rừng Bến Ngách thuộc Rừng Triền). Khi tuột xuống cây, do quá vội, vừa căng thẳng nên băng rừng đi tiếp. Sau đó, sực nhớ bỏ quên chiếc ba lô, quay lại tìm mãi; hôm sau nhờ anh Khởi phụ tìm nhiều lần vẫn không thấy. Đồng chí đành chấp nhận bị phê bình kiểm điểm vì sợ địch phát hiện dấu vết của ta trong thời điểm đang bị bao vây, bố ráp. Kể từ đó đồng chí Nhân được anh em tặng cho cái tên kháng chiến đáng yêu “Tám Ba Lô”. Nhiều biệt danh (tên kháng chiến) đáng nhớ, đáng thương ấy ghi lại dấu ấn sâu sắc của một thời gian khó, ác liệt và cũng hết sức kiên cường.

Giữ đúng phương châm, phương thức hoạt động, tránh để lộ dấu vết. Đặc điểm tự nhiên của vùng đất Miền A là khô hạn, cát trắng mịn nên ta để để lộ dấu vết trong cả hai mùa mưa, nắng. Mỗi mùa có thuận lợi và khắc nghiệt riêng. Mùa nắng thiếu nước, đi lấy nước thường bị địch bao vây, phục kích. Mùa mưa có nước nhưng có thể bị lộ khói lửa và dấu chân in trên cát, nhất là sau những đêm mưa. Khi gặp một dấu chân lạ, bọn tay sai lấy thúng úp lại để nhận dạng người và lên kế hoạch vây bắt. Anh em ta chỉ một sơ xuất nhỏ là có thể hy sinh.

Cảnh giác, bí mật trong mọi lúc, mọi nơi là nguyên tắc, là sự sống còn của cán bộ thời ấy. Chiến sĩ ta có lúc phải ngủ trong bụi tre, đám gai rậm hoặc giả dấu chân thú hoặc đi lui vào chỗ ngủ. Nhiều đêm mưa dầm ướt lạnh, không sao yên giấc. Từ thực tế đó, để khắc phục tình trạng bị ướt lạnh; anh em ta đã sáng tạo làm móc võng (vật liệu cứng có móc hai đầu nối liền giữa đầu võng và dây cột võng) để khi trời mưa nước không thấm chảy vào võng hoặc khi cần gấp chỉ kịp gỡ lấy võng đi; cách buộc, tháo võng vào thân cây cũng thật nhanh, gọn để thoát thân...

Sau một số vụ cơ sở phản biến, đầu hàng, chỉ điểm cho địch phục bắt cán bộ; ta thay đổi phương thức tiếp xúc dân, đi ít nhất là hai người và phải đến điểm hẹn sớm hơn, quan sát nắm tình hình, khi giao tiếp phải có người cảnh giác, báo động bằng âm tín hiệu.

Tự động viên để giữ vững tinh thần chiến thắng bệnh tật cũng là một yêu cầu rất cơ bản. Buồn, vắng, lạnh lẽo... điều thuốc rê là bạn chí tình nhưng những chiến sĩ cách mạng cũng luôn bị thiếu hụt. Vắng vẻ quá, nhất là cán bộ giao liên, cán bộ xã những năm 1957 đến 1958 thường phải sống một mình, ở một mình, tự cắt tóc cho chính mình. Anh em giải trí bằng cách hát, ngâm thơ, nói chuyện một mình, đánh cờ, soi gương một mình, Thiếu hẳn thông tin, giao tiếp, tiếng người, các anh thèm khát được cười, nói lớn tự do, được gặp đồng bào, đồng chí... Có anh soi gương để được tự ngắm nhìn nét mặt, nụ cười kháng chiến của mình... Thiếu thông tin, thỉnh thoảng nhận được một tờ báo của cấp trên gửi xuống, anh em chuyền tay nhau đọc đi, đọc lại đến thuộc lòng.

Khó chịu nhất là những lúc ốm đau, không thuốc, không có thức ăn, không sữa, không đường, miệng đắng... thèm chén cháo nóng nhưng không sao có được; không có ai chăm sóc, xoa bóp trong lúc đau nhức toàn thân. Có khi cơn sốt rét rừng ập đến phải cắn răng chịu đựng, không dám rên vì có thể làm lộ địa điểm cơ quan; gián điệp hoặc kẻ xấu phát hiện. Trầy, xước, trặc tay chân... không có thuốc, dầu xoa bóp, ngày đi bị gai quào, đêm về lấy nước tiểu làm thuốc sát trùng. Có trường hợp đau bệnh thiếu thuốc, đành phải hy sinh...

Cô đơn, quanh quẽ không chỉ vì xa gia đình, mà anh em, đồng đội ít được gần nhau, phải sống hoàn toàn bí mật. Gian khổ, chết chóc, quanh hiu... song những chiến sĩ cách mạng Miền A thật sự trung kiên, vẫn vững vàng chịu đựng vượt qua được là nhờ bền gan, vững chí, vì “ thù nhà, nợ nước”, và luôn có niềm tin mãnh liệt – tin Đảng, tin dân, tin Bác Hồ, tin sự tất thắng ở ngày mai; tin sẽ có độc lập, tự do, hạnh phúc, ấm áo, no cơm... thật sự công bằng dân chủ, tin sẽ có một xã hội tốt đẹp, thật sự văn minh, sống trọn tình, vẹn nghĩa... niềm tin là cơ sở, bí quyết để các chiến sĩ ta vượt qua tất cả; cách mạng nhờ đó vẫn tồn tại, mặc cho quân thù truy lung, bố ráp hết sức gắt gao.

Trong thời kỳ đấu tranh chính trị đơn thuần (1954 đến 1959) tương quan lực lượng giữa ta và địch ở Miền A quá chênh lệch. Địch tha hồ huy động mọi lực lượng, công cụ, phương tiện súng đạn, nhà tù... để đàn áp cách mạng. Còn ta chỉ có ý chí, nghị lực, tinh thần và pháp lý Hiệp định Giơnevơ. Có súng cũng không được sử dụng! Những người yêu nước bị đọa đày, khổ ải, hy sinh, tổn thất, uất hận dâng trào. Đây là thời kỳ phong trào cách mạng gặp khó khăn, thử thách cao độ nhất.

Bối cảnh ấy đã dẫn đến sự phân hóa sâu sắc, toàn diện nhất, bộc lộ rõ nhất cái đúng, cái sai, cái ác, cái thiện; chính nghĩa và phi nhân tính... Thể hiện sự đối đầu giữa lương tri và tội lỗi, giữa người tốt với kẻ xấu, người trung, kẻ nịnh; người yêu nước, kẻ can tâm phản quốc, bán giống nòi. Sự phân hóa khốc liệt diễn ra ngay trong từng gia đình, gia tộc, xóm làng, đạo đức, hiếu trung, tiết hạnh bị đổ vỡ. Trong cuộc chiến đấu không cân sức và vô cùng ác liệt ấy; nội bộ ta cũng đã phân hóa: Một số dao động, cầu an, bảo mạng; Số ít phản động, phản bội, đầu hàng, cộng tác với giặc đánh phá cách mạng. Nhưng phần đông vẫn trung kiên, dũng cảm, chịu đựng, hy sinh.

Miền A nói chung và Thiện Nghiệp nói riêng trong thời kỳ “cú kêu nai bép” đã hội tụ và nổi lên nhiều cái “nhất”: Địch lộng hành tiêu diệt đánh phá cách mạng dã man, tàn ác nhất, thể hiện đầy đủ bản chất phản động nhất. Đây là một trong những chiến trường khó khăn, gian khổ, ác liệt, ta bị hy sinh tổn thất nhiều nhất. Nhiều cá nhân, gia đình, tập thể đã đứng vững và chiến đấu ngoan cường, có những hình thức đấu tranh quyết liệt, táo bạo như diệt ác, mang kiến nghị; khiêng xác người chết đi đấu tranh, đòi địch bồi thường nhân mạng hoặc đứng trước sân lễ tố cáo tội ác của giặc... Dù gian khổ, hy sinh nhưng vô cùng vẻ vang, oanh liệt, hào hùng không thể nào quên, nhiều chiến sĩ cách mạng ở chiến trường này đã thật sự phi thường, can trường vượt lên tất cả, khẳng định được chính mình; sẵn sàng chết vinh, không cam tâm sống nhục. Thật đáng tự hào, tôn vinh, khen ngợi những con người thời ấy. Vùng đất, con người Miền A, Thiện Nghiệp, Thiện Khánh là thế - bất khuất, kiên cường.

Trải qua 5 năm đấu tranh chính trị bảo toàn lực lượng của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào xã nhà; cho phép chúng ta rút ra một số điều cần suy ngẫm.

Những năm 1954 đến 1959, ở Miền A nói chung, đồng bào các xã Hồng Hải, Hồng Thịnh, Hồng Tiến cũ nói riêng vô cùng khắc nghiệt. Chỉ 5 năm của thời kỳ “*Cú kêu, nai bép*” nhưng sao cảm thấy dường như dài vô tận, trôi qua nặng nề, chậm chạp, ngọt ngọt đến lạ thường. Cán bộ, chiến sĩ, nhân dân ở đây (trong vùng kèm của

địch) đã bị kẻ thù thẳng tay đàn áp, truy lùng, bắt bớ, tra tấn, giết hại bằng tất cả các thủ đoạn dã man tàn bạo nhất. Chúng dùng tổng hợp các lực lượng, phương tiện, các biện pháp chính trị, tư tưởng, tâm lý, mua chuộc dụ dỗ, hù dọa, thủ tiêu... Với 3 giai đoạn “tổ cộng”, “diệt cộng” của địch là những ngày tháng âm đăm, đau thương tang tóc của nhân dân ta.

Bị áp bức, đọa đày quá sức chịu đựng, đồng bào Thiện Nghiệp, Thiện Khánh đã vùng lên mạnh mẽ với tinh thần chiến đấu và sức chịu đựng phi thường... Bước vào năm 1955, đồng bào ở các vùng kháng chiến cũ như: Bà Thiêu, Bà Sen, Bà Tàng... đã có phong trào diệt ác “lén” (khi chưa có chủ trương của Đảng), kiên quyết đi đấu tranh - vừa tố cáo tội ác, vừa đòi chúng phải bồi thường nhân mạng. Đây là hình thức đấu tranh cao, quyết liệt không chỉ sớm nhất trong tỉnh mà cả toàn Miền Nam lúc bấy giờ. Ý chí, tinh thần ấy mãi mãi là niềm tự hào của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào.

Trong cao trào đấu tranh chính trị vào tháng 10 năm 1955 đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước; đồng bào, cốt cán cũng thể hiện rất rõ tính chất quyết liệt, táo bạo, sáng tạo bằng cách vận động dân ký bản kiến nghị thành vòng tròn, không theo hàng dọc như đã từng làm, nhằm cho địch khó phát hiện ai là người lãnh đạo. Quá trình tổ chức các đoàn biểu tình mang kiến nghị kéo đến trụ sở của địch ở xã, Nha hành chánh Mũi Né... ta đã huy động được sức mạnh tổng hợp, tinh thần đoàn kết chiến đấu; lập thành nhiều đoàn mang băng rôn, biểu ngữ nối tiếp, hỗ trợ nhau. Đoàn đi trước bị địch đàn áp, đoàn đi sau tiếp tục xông lên. Người đi trước bị địch đánh ngã, người đi sau dũng cảm tiến lên không chùn bước...

Kinh nghiệm cho thấy từ bước ngoặt của lịch sử - những lúc cách mạng gặp thoái trào, trước sức đánh phá tàn ác của quân thù thường làm cho nội bộ và nhân dân có sự phân hóa, thì bọn phản bội, đầu hàng lại tích cực góp phần đánh phá ta. Đó là một thực tế đáng buồn. Thâm độc, nguy hiểm hơn là địch đặc biệt chú ý sử dụng một số người đã từng tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp nay quay lại đánh phá cách mạng, trong đó có Võ Xuân Viên là ủy viên thường vụ tỉnh ủy. Tình hình đó cũng làm cho một bộ phận cơ sở, cốt cán hoang mang, giảm sút lòng tin. Âm mưu, thủ đoạn của địch là đánh vào tư tưởng, ý chí và niềm tin của những người cách mạng.

Tại hai xã Thiện Nghiệp, Thiện Khánh của địch thời điểm này đã trở thành nơi đụng đầu quyết liệt giữa phi nghĩa với chính nghĩa và tội ác, sự phản bội với lòng trung thành, thủy chung, son sắt. Một số ít tay sai sớm trở mặt ngoan ngoãn phục vụ cho địch, gây tội ác, thẳng tay giết hại, truy bức, khủng bố đồng đội, đồng bào....

Cuộc đấu tranh căng thẳng phức tạp ấy đã diễn ra trong anh em, vợ chồng, trong từng gia đình và khắp cả xóm làng. Cảnh tố cáo, bắt bớ, tra tấn, tù đày, chét chóc khốc liệt, gây nên tâm trạng lo sợ, nghi ngờ, thù hận... đã diễn ra hàng ngày đe dọa sự sống của nhân dân nhất là gia đình những người đi kháng chiến.

Về tương quan lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch, một bên đông mạnh, có đủ bộ máy, quân đội, vũ khí, nhà tù... công khai bắn giết; còn một bên chỉ hoạt động bí mật, đấu tranh chính trị đơn thuần dựa vào pháp lý Hiệp định Giơnevơ và ý chí, tinh thần, lòng yêu nước... Thế nhưng, cán bộ, chiến sĩ, đồng bào ta đã bền bỉ,

kiên cường chịu đựng, chiến đấu đến cùng, đến người hy sinh cuối cùng. Vào cuối năm 1957, cả Ban cán sự Miền A chỉ còn 03 đồng chí; cán bộ phụ trách các xã nói chung, 3 xã Hồng Hải, Hồng Tiến và Hồng Thịnh cũ nói riêng đều lần lượt hy sinh. Điều đó đã nói lên tính chất ác liệt của cuộc chiến đấu; sức đánh phá, tội ác của giặc cũng như tinh thần anh dũng, kiêu hùng, bất khuất, của cán bộ, chiến sĩ và cốt cán, quần chúng trung kiên.

Từ chiến trường khốc liệt này trong những năm đấu tranh chính trị đơn thuần, cho phép chúng ta rút ra một số kinh nghiệm bước đầu về công tác tổ chức, tư tưởng, phương châm, phương thức đấu tranh...

Bên cạnh lòng quả cảm, niềm tin thắng lợi, ta chưa lường hết bản chất phản động, thủ đoạn nham hiểm, tàn bạo của quân thù. Ngay từ năm 1955, ta đã dốc toàn lực, sớm bộc lộ lực lượng qua các đợt đấu tranh chính trị. Từ đó địch phát hiện đàn áp, đánh phá làm cho cách mạng bị tổn thất nhiều mặt nhất là giảm sút thực lực; ta chưa thực hiện đúng phương châm bảo toàn lực lượng để chiến đấu lâu dài.

Về công tác tư tưởng, hồi ấy nhiều vấn đề bản khuân lo lắng, tâm trạng của đảng viên, cốt cán, quần chúng cách mạng đặt ra chưa được giải quyết căn cơ, thấu đáo... Cán bộ cấp huyện thường lý giải một chiều, chỉ nhấn mạnh mặt thuận lợi là tuy không còn chính quyền, quân đội nhưng có pháp lý Hiệp định, có Đảng, Bác Hồ lãnh đạo, có sức mạnh nhân dân nhất định sẽ thắng lợi. Trong thực tế trong hai năm (1955 và 1956) địch chẳng những không thi hành mà ngược lại xé bỏ Hiệp định, thẳng tay đàn áp cách mạng. Từ đó, tư tưởng, lòng tin của một bộ phận cán bộ, nhân dân bắt đầu dao động, lung lay. Đáng lẽ về nghệ thuật công tác tư tưởng nhất là những lúc cách mạng càng gặp khó khăn, ta phải khéo léo nói rõ thuận lợi, khó khăn, thời cơ, thách thức... để cán bộ, đồng bào chuẩn bị đầy đủ tinh thần, sức lực chịu đựng chiến đấu lâu dài, chèo chống vượt qua phong ba, bão táp.

Về tổ chức lực lượng và hình thức đấu tranh, chúng ta càng thấm thía là: Không thể chỉ dùng chính trị, pháp lý Hiệp định để thuyết phục, đòi hỏi quân thù thực hiện, trong khi chúng đã rắp tâm, cố tình không thừa nhận Hiệp định, dùng bạo lực vũ trang làm biện pháp chính để đàn áp, tiêu diệt cách mạng. Bạo lực cách mạng phải bao gồm cả hai hình thức đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang. Bạo lực phản cách mạng nhất thiết phải được giải quyết bằng bạo lực cách mạng.

Thật vậy, từ cuối năm 1959 đến cuối năm 1960 ngoài việc treo cờ, rải truyền đơn, ta bắt đầu hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác, đánh phá khu trù mật. Địch ở Thiện Nghiệp, Thiện Khánh chùn tay... Cốt cán, quần chúng tốt của ta tin tưởng, vươn lên hoạt động trở lại, thanh niên rủ nhau đi thoát ly... Phong trào cách mạng ở địa phương chuyển biến về chất.

Thực tế lịch sử đã chứng minh, khi nào chúng ta có đội ngũ cán bộ trung kiên vững vàng; đường lối chủ trương đúng, nội dung, phương thức hoạt động phù hợp thì lòng yêu quê hương và niềm tin của cán bộ, chiến sĩ, đồng bào sẽ được khơi dậy và phát huy cao độ. Họ thể hiện ý chí quật cường, không tiếc của cải, máu xương... theo lời Đảng gọi, sẵn sàng hy sinh vì độc lập tự do, mặc cho gian khổ, chông gai, tù đày, chết chóc... Đúng là không thể lực, kẻ thù nào ngăn nổi bước dân đi.

CHƯƠNG II

Vũ trang diệt ác, xây dựng căn cứ, phá ấp chiến lược (1960 - 1965)

Ngày 09 tháng 12 năm 1960, lực lượng của ta đánh tiêu diệt Nha Thiện Phú (Bàu Trắng), địch ở đây rút chạy về quận Hòa Đa. Kể từ đó, chúng tăng cường, củng cố Bàu Thiêu, bố trí một trung đội bảo an đóng đồn ở Bàu Thiêu.

Đến tháng 9 năm 1961, ta đánh Lương Sơn, Bến Ngạch, địch bỏ đồn Bàu Thiêu rút chạy về Mũi Né (quận Hải Long). Dân Bàu Thiêu được tự do - ở đây trở thành vùng giải phóng. Tiếp đó, lực lượng tinh đánh một loạt trận, đốt phá trụ sở xã, diệt ác, phá tề ... nhiều nơi ở Miền A trở thành vùng giải phóng.

Ngày 03 tháng 02 năm 1962, Ngô Đình Diệm ký sắc lệnh tiến hành quốc sách ấp chiến lược. Kể từ đó, địch bắt đầu lập ấp chiến lược trên toàn Miền Nam Việt Nam. Đầu năm 1962, địch hô hào bắt đồng bào Thiện Nghiệp nộp cây gai và chông cây để làm ấp. Chúng gom chông, cây rào tập trung chôn ở cây me của nhà ông Hà Minh Chánh (Tur Sốp). Đến giữa năm 1962, đội công tác Thiện Nghiệp, Thiện Khánh phối hợp về Bàu Sen vũ trang tuyên truyền và đốt sạch số chông, cây nói trên.

Khi các khu vực Bàu Thiêu, Triền, Bàu Tàng, Bàu Sen bị ta đánh phá và làm chủ, chính quyền xã Thiện Nghiệp của địch hoang mang rệu rã. Từ tháng 4 đến cuối năm 1962, địch khẩn trương xây dựng ấp chiến lược kiểu mẫu giống Thầy Ba. Địch gọi là ấp chiến đấu, ta gọi là ấp chiến lược.

Đây là một ấp chiến lược rộng, kiên cố, có diện tích khoảng 7 ha, nằm trên đồi cao, được tiến hành thực hiện gồm hai giai đoạn; lúc đầu quy mô ấp rộng khoảng 5 ha, sau đó mở rộng thêm 2 ha. Bao quanh ấp là vườn cây, rừng, rẫy của dân. Giữa nhiều lớp rào là giao thông hào sâu khoảng 5 mét. Trong ấp thường xuyên có 2 trung đội nghĩa quân và 2 tiểu đội thanh niên chiến đấu chốt giữ. Ấp giống Thầy Ba có ba tôn gác ở ba góc điểm cao cách nhau khoảng 700 mét; chiều rộng đông - tây của ấp khoảng 700 mét, chiều dài bắc - nam khoảng 1.000 mét. Với ba cổng ra vào theo hướng: Bàu Me, Bàu Sen và Rạng. Ấp có đầy đủ trụ sở, trường học, chợ, trạm y tế, chùa... lực lượng ngụ quyền làm việc ban ngày, ban đêm thường lánh ra Mũi Né.

Một sự kiện quan trọng của chính quyền địch là ngày 06 tháng 11 năm 1962, ngụ quyền ở Bình Thuận tổ chức khánh thành ấp chiến lược kiểu mẫu giống Thầy Ba rất quy mô, trọng thể, nhằm khuếch trương thanh thế. Có Cố vấn Tổng thống Ngô Đình Nhu và một số phụ tá tùy tùng về dự lễ. Nhu đáp trực thăng xuống ấp chiến lược giống Thầy Ba làm lễ, cắt băng khánh thành. Ngay sau đó, Nhu bay ra Láng Cháy thăm hỏi đồng bào di cư Thiên Chúa giáo ở xóm Sao Biển, xã Thiện Khánh (***có ý kiến cho rằng Nhu chỉ đến Rạng không dám ra ấp chiến lược Giồng Thầy Ba***).

Phát biểu tại buổi lễ, Nhu huênh hoang, tuyên bố: “Ấp chiến lược là linh hồn của chính phủ Quốc gia. Riêng ấp giống Thầy Ba là Điện Biên Phủ thứ hai, Việt cộng không thể nào xâm nhập được”. Ví von bằng hình ảnh ấy, Nhu muốn củng cố tinh thần cho bọn tay sai ở địa phương, cơ sở.

Từ đầu năm 1962, ngoài khoảng hơn 40 hộ dân ở Thiện Nghiệp chạy ra rừng xây dựng xã căn cứ Hồng Thịnh, còn lại tất cả đồng bào xã Thiện Nghiệp đều bị địch dồn vào giống Thầy Ba với khoảng 150 hộ và 787 khẩu. (*theo tác phẩm: “Căn cứ Khu Lê Hồng Phong trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm” xuất bản năm 2008*).

Giồng Thầy Ba trở thành nhà tù lớn quản thúc nhân dân. Hàng ngày, từ 17 giờ chiều dân phải vào ấp, đến 7 giờ sáng mới được ra khỏi ấp. Có 3 cổng chính ra vào còn bao quanh ấp là hào, hào, chông mìn và ba lớp kẽm gai kiên cố.

Ấp chiến lược giồng Thầy Ba chính là xã Thiện Nghiệp, gồm 3 ấp: Phú Sơn, Phú Hiệp và Phú Điền do ông Nguyễn Hữu Chung (Tur Chung) làm xã trưởng. Mỗi ấp có Ban Trị sự ấp; gồm có ấp trưởng, ấp phó. Dưới Ban trị sự ấp còn có nhóm và liên gia quản lý dân rất chặt. Ở ấp này chủ yếu là dân của Thiện Nghiệp, ngoài ra còn có một số dân Bàu Sen thuộc xã Thiện Khánh bị dồn vào đây

Ở xã Thiện Khánh, năm 1959 địch gom dân lần thứ nhất lập khu trù mật. Đến năm 1962, địch không lập ấp chiến lược vì ở đây có địa hình tự nhiên, ngăn cách lực lượng cách mạng khó thâm nhập vào Rạng. Phía nam có biển không chệ; phía đông bắc có động cát bao bọc và trên đồi cao địch đóng đồn dày đặc (đồn 115, đồn 39 bắc cầu Rạng, đồn Rạng; về sau còn có thêm đồn ở đá Ông Địa), quanh đồn được phòng thủ kiên cố mìn, kẽm gai. Mỗi đồn có một trung đội chốt giữ. Vòng ngoài còn có các lực lượng của quận Hải Long phục kích 05 con đường chính ta thường vào ra:

Dốc Tiên Chỗ - Mộ Cô;

Cầu Rạng - Bàu Me;

Dốc Bà Tám Cận – Giồng Thầy Ba – Điền Viên;

Dốc ông Châu Bét – Giồng Thầy Ba;

Dốc Mã Thánh – Đường Hàm (Bàu Sen).

Địch xây dựng xã Thiện Khánh (Rạng) với quy mô, địa giới có chiều dài khoảng 7 km, chiều rộng khoảng 3 km. Lúc đầu có 5 ấp, đến năm 1965, ta đánh mạnh, chúng quản lý không nổi nên thu hẹp địa bàn; gom dân ấp Thiện Phước vào ở chung trên phần đất của ấp Thiện Long nhưng bộ máy hành chính vẫn còn giữ nguyên 5 Ban trị sự ấp.

Trụ sở xã Thiện Khánh đóng ở ấp Thiện Hòa (*Trạm y tế phường Hàm Tiến ngày nay*); Ấp này có 2 cổng chính nằm trên đường tỉnh lộ 9. Ban ngày dân vẫn về vườn đất cũ làm ăn, chiều tối phải vào ấp. Ở Thiện Khánh địch không bắt dân rào ấp mà nhân dân chỉ tự động rào vườn, rào nhà.

Đến năm 1963, Mai Thanh Phong thay Nguyễn Tấn Quyền làm xã trưởng. Lúc ấy, ủy ban hành chính xã Thiện Khánh có các ủy viên như: Lê Nền, Trương Văn Sáu, Nguyễn Văn Lương, Nguyễn Trung Chánh...

Những năm 1962 – 1963, ngoài việc củng cố ấp chiến lược, bộ máy chính quyền xã, ấp, địch còn tăng cường đồn quân, bắt lính; đẩy mạnh các hoạt động chiêu an, chiêu hồi, truy bức, o ép gia đình cách mạng.

Về tổ chức, địch củng cố, tăng cường nguy quân, nguy quyền. Ở quận Hải Long địch đồn lính nghĩa quân lên thành lập lực lượng bảo an với phiên hiệu 290. Đại đội này trực tiếp đánh phá vùng căn cứ và bàn đạp của ta. Đầu năm 1963, địch giải thể dân vệ, thanh niên chiến đấu lập các liên đội nghĩa quân. Chúng thành lập mới 4 liên đội nghĩa quân, phân công chốt giữ ở quận Hải Long hai liên đội, ở hai xã Thiện Nghiệp và Thiện Khánh hai liên đội. Mỗi liên đội có 3 trung đội. Liên đội được phân công đánh phá Thiện Khánh do Trương Dần làm liên đội trưởng; liên đội phó Nguyễn Văn Tý là cơ sở nội tuyến của ta.

Ở hai xã Thiện Nghiệp và Thiện Khánh mỗi xã có một trung đội nghĩa quân thay phiên nhau thường trực. Lực lượng này đột nhập sâu vào vùng căn cứ Hồng Thịnh, Hồng Thanh phục kích đánh phá, gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất.

Về tổ chức đảng phái phản động, Huỳnh Khuê thay Mai La làm chủ tịch Quận bộ phong trào cách mạng quốc gia vừa kiêm tổng đoàn trưởng nghĩa quân.

Chúng bắt những gia đình cách mạng vào rừng tìm gọi chồng con về. Có trường hợp địch lừa gạt gia đình có con em đi kháng chiến đọc nội dung chiêu hồi, để ghi âm; sau đó dùng máy bay vào vùng ta phát loa kêu gọi hồi chánh.

Những năm 1960 – 1963, địch tiếp tục thực hiện Luật 10/59, thẳng tay sát hại đồng bào ở Thiện Nghiệp. Đây là một trong những nơi điển hình về tội ác của giặc cũng như sự hy sinh tổn thất của đồng bào ta trong toàn tỉnh Bình Thuận.

Năm 1960 địch thủ tiêu một lúc 4 người trên đường từ trại giam về nhà: anh Cây, anh Lựu quê ở Hồng Chính; anh Đây, anh Được quê ở Bàu Thiêu sau khi bắt giam ở Mũi Né tra khảo không xong chúng giả vờ thả về rồi tổ chức thủ tiêu.

Đêm 24 tháng 7 năm 1961, địch bắn bà Trần Thị Muôn (Trùm Tụ) tại nhà riêng ở Triền, vì các con của bà đi kháng chiến. Sau đó trên đường về bắn bị thương ông Ba Lắm đang đi giăng lưới thỏ.

Thực hiện Luật 10/59 và tiếp tục uy hiếp tinh thần những chiến sĩ cách mạng trong tù và cốt cán nhân dân; ngày 20/3/1962, địch đưa hai cơ sở trung kiên là Nguyễn Văn Thời quê ở Bàu Tàng và Trần Ngọc Thuận - quê ở Bàu Điền từ nhà lao Phan Thiết (Pagode) về cây gũ Bàu Ron xã Thiện Nghiệp mở mitting bắn công khai. Tiếp đó, ngày 02 tháng 5 năm 1962, anh Bích và anh Nguyễn Văn Dũng (Đùm) hy sinh ở vọng gác trên núi Bàu Tàng.

Anh Phạm Hữu Tàu quê ở Bàu Tàng, Anh đã ra xây dựng căn cứ xã Hồng Thịnh ngay từ những ngày đầu và được tổ chức phân công phụ trách công tác thiếu niên của xã. Khi bỏ xóm làng ra căn cứ, bà con ở đây chỉ có hai bàn tay trắng, nhà cửa, hoa màu đều bỏ lại. Do đó anh Tàu cũng như nhiều hộ khác thường lên về đất cũ thu hoạch nông sản khuôn chuyển đồ đạc. Ngày 10 tháng 6 năm 1962, anh bị địch bắt giải về quận Hải Long khảo tra tàn bạo nhưng vẫn không khai thác được thông tin. Trưa ngày 17 tháng 6 năm 1962, chúng đưa anh lên khu vực dốc Bà Tám Cận cách ấp giồng Thầy Ba khoảng một cây số thủ tiêu bỏ xác bên vệ đường để uy hiếp tinh thần người dân. Nhân dân đi chợ Mũi Né phát hiện chôn cất anh. Thật đáng thương, đáng nhớ anh Tàu là cán bộ thiếu niên vừa tròn 18 tuổi, dũng cảm hy sinh khi mới tái lập xã căn cứ Hồng Thịnh.

Vào đầu tháng 6 năm 1962, địch lần lượt bắt bà Lê Thị Quý ở Triền - có chồng, con đi kháng chiến; ông Nguyễn Hồng Sơn (Sơn đen) và Nguyễn Sinh Hòa là cựu tù chính trị Côn đảo quê ở Bàu Sen đưa về quận Hải Long tra tấn cực hình – đóng đinh vào tay, chân. Đêm 22 tháng 6 năm 1962, địch dẫn ba người nói trên vào Bàu Tàng thủ tiêu. Đến khi gia đình tìm được xác về mai táng còn thấy vết tích tra tấn của địch trên cơ thể người thân (ngoài những vết thương rỉ máu có cả những cây đinh gim vào các đầu ngón tay...) .

Tháng 12 năm 1962, tên Trần Sỏi dẫn lính phục kích vào Hồng Thịnh bắn chết Trần Văn Trung, xẻo tai về quận Hải Long lãnh thưởng.

Những năm 1960 – 1963, tỉnh ủy Bình Thuận, Ban cán sự Miền A- Đông Hải chủ trương: *Hoạt động vũ trang, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị. Xây dựng thực lực toàn diện về: Mũi, Đội công tác, lực lượng vũ trang huyện, tỉnh, xây dựng các lực lượng mật trong vùng địch bao gồm: cơ sở mật, du kích mật, cơ sở nội tuyến...Đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác, mở kềm, đưa dân ra xây dựng vùng căn cứ, mở rộng vùng giải phóng. Vận động thanh niên thoát ly để phát triển thực lực. Phối hợp các lực lượng đẩy mạnh 2 chân, 3 mũi, phá áp chiến lược.*

Những kết quả hoạt động vũ trang của lực lượng 2/9 và các huyện trên chiến trường toàn tỉnh trong hai năm 1959 – 1960 như một số vụ diệt ác điển hình đầu tiên ở Tam Giác, Hàm Thuận; tiếp đó ta tiêu diệt chi khu quận lỵ Bắc Ruộng ở Tánh Linh và đánh tan trụ sở Nha Thiện Phú (quận Hòa Đa)...Từ chủ trương mới cùng những tin chiến thắng khắp nơi càng tác động tích cực, trực tiếp đến Miền A. Nhờ đó Thiện Nghiệp, Thiện Khánh đã sớm phát triển khá toàn diện. Tính đến cuối năm 1960 thì phong trào của xã nhà có những chuyển biến tích cực và thay đổi về chất.

Thực hiện chủ trương của tỉnh và căn cứ tình hình thực tế ở xã ta thấy muốn mở phong trào, tạo điều kiện cho quần chúng vươn lên, trước hết và nhất thiết phải diệt ác, phá kềm, hạ uy thế của địch. Lực lượng của tỉnh, của huyện đã giúp địa phương liên tiếp trừng trị những tên ác ôn gây nhiều nợ máu, kềm kẹp nhân dân.

Một sự kiện đặc biệt thật là đáng nhớ đó là đêm 28 tháng 11 năm 1959, ba đồng chí cán bộ Miền A (Nguyễn Ninh, Nguyễn Văn Nhâm, Trương Văn Khởi) đã treo 2 lá cờ đỏ sao vàng trên đỉnh núi Tà Dôn. Lá cờ to tung bay trong gió, báo hiệu cho đồng bào Miền A nói chung, đồng bào Thiện Nghiệp, Thiện Khánh nói riêng là cách mạng vẫn còn, đồng bào hãy đứng lên xây dựng lực lượng tiêu diệt quân thù, từng bước phá áp, giải phóng quê hương...

Đêm 26 rạng ngày 27 tháng 12 năm 1960, lực lượng trên về Triền, Bàu Tàng vũ trang tuyên truyền, vận động thanh niên thoát ly. Được cơ sở cung cấp tình hình, lực lượng 2/9 phối hợp với miền A bắt được tên ác ôn Lê Văn Tiêu (Hai Tiêu) là mật vụ xã Thiện Nghiệp. Ta xử bắn tên Tiêu tại ngã 3 Bàu Tàng. Đây là vụ diệt ác đầu tiên ở Thiện Nghiệp cũng như toàn Miền A khi có hoạt động vũ trang trở lại. Sau 5 năm vắng lặng, nay tiếng súng cách mạng đã nổ. Địch bắt đầu rúng động, quần chúng cách mạng khắp khởi mừng thầm, lòng tin được khôi phục.

Cùng trong đêm 26 tháng 12 năm 1960 một số thanh niên, cốt cán ở Triền thoát ly đầu tiên như: Châu Thanh Hải, Đỗ Thanh Tùng, Lê Thanh Hồng, Nguyễn Văn Đương (Tự)...

Sau khi ta diệt Lê Văn Tiêu, nhằm ổn định tinh thần và trấn an bọn tay sai, địch huy động học sinh tổ chức đám tang tố cáo cách mạng vừa trả thù bằng cách bắt hai ông: Bùi Lâm Sơn và Nguyễn Hữu Đông (Tám Đông) bị tình nghi làm cơ sở đưa về trụ sở xã Thiện Nghiệp để giết hại. Nhân lúc chúng sơ hở, hai ông nhanh chóng thoát thân chạy ra vùng căn cứ.

Tiếp đó, sang đầu năm 1961, nhiều cán bộ, thanh niên ở Triền, Bàu Tàng tiếp tục thoát ly, sau đó quay về diệt ác, phá tề, phát động quần chúng đấu tranh, tiếp tế, đi liên lạc, đặt hộp thư; khi có hoạt động vũ trang nhiều cơ sở được gây dựng lại.

Lớp thanh niên kế tiếp thoát ly sớm vào đầu năm 1961 như: Nguyễn Minh Tiên, Nguyễn Thanh Tâm, Đặng Văn Diệp, Trần Hồng Thái, Nguyễn Văn Lợi...

Trong đó có vai trò dẫn dắt của Bùi Lâm Sơn – là cán bộ kháng chiến chống thực dân Pháp; năm 1954 được tổ chức phân công ở lại lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương..

Nhờ lực lượng nòng cốt ấy, đầu năm 1961, Miền A (Đông Hải) đã thành lập được lực lượng vũ trang cấp huyện tại rừng dầu Chai Súc (xã Hồng Liêm), gồm các chiến sĩ: Nguyễn Ninh (Sáu Ninh) bí thư Ban cán sự Miền A làm chính trị viên; đồng chí Lục chỉ huy trưởng; Lúc đầu có 07 đồng chí: Lục (Đê), Nguyễn Thanh Hoa (Thọ), Chín Mót, Thái, Bình, Nguyễn Văn Tự, Nguyễn Văn Nhâm; sau đó bổ sung thêm Nguyễn Minh Tiến, Nguyễn Minh Lợi, Phan Văn Quyết...

Đến tháng 9 năm 1961 cấp trên bổ sung đồng chí Đinh Kim Liên, cán bộ hoàn kết từ miền Bắc trở về. Đây là lực lượng tiên thân của đại đội 450 bộ đội địa phương huyện. Lực lượng vũ trang đầu tiên này của Miền A được trang bị vũ khí, công khai chiến đấu diệt quân thù chấm dứt thời kỳ chỉ hoạt động bí mật, đấu tranh chính trị đơn thuần.

Đầu năm 1961, ta bắt và xử gọn tên Nguyễn Ngôn, mật báo viên ở Triền, y đã từng chỉ điểm đánh phá cách mạng trong những năm 1957 – 1960. Sau khi lượng vũ trang ra đời cuối năm 1961 ta vào vũ trang tuyên truyền ở Thiện Nghiệp. Đến khu vực Me Đồi bắt được Nguyễn Hữu Chi, tên tay sai bán nước đã từng dẫn địch bắn hai cán bộ lãnh đạo Huỳnh Hà, và Hồ Đức Hậu hy sinh để lãnh thưởng trước đây. Hôm nay đã đến lúc y phải đền tội. Ngày 16 tháng 12 năm 1961, công an huyện đưa tên Chi xuống Láng Gũ – Bàu Tàng, mời dân mở mitting, công bố tội ác và xử bắn công khai; có tác dụng tích cực.

Tiếp đó, ngày 03 tháng 01 năm 1962, lực lượng vũ trang huyện (440) vào Rạng bắt sống được tên Hoàng Liễu làm an ninh mật vụ. Trên đường áp tải về căn cứ, hắn ngoan cố tung chạy, buộc ta phải xử tại chỗ.

Ngày 11 tháng 02 năm 1962, đơn vị 450 vũ trang tuyên truyền vào Bàu Điền bắt tên Huỳnh Nở - mật vụ xã Thiện Nghiệp. Ta đưa y vào Bàu Ron mở mitting xử tử trước đông đảo nhân dân.

Ngày 05 tháng 11 năm 1963, Đội công tác Rạng bắt được tên gián điệp nguy hiểm Phương Hoàng của quận Hải Long là Phan Văn Xứng. Tại trại giam huyện, hắn đã thú nhận tội lỗi là đã từng theo dõi cung cấp tình hình cho đại đội 290 phục kích giết hại cách mạng ở vùng bàn đạp. Với tội ác không thể dung tha, tháng 12 năm 1963 ta đưa tên Xứng ra căn cứ xã Hồng Sơn mở mitting xử tội.

Trong một trận khác, ngày 07 tháng 10 năm 1963, ta đột nhập vào bắt sống Trương Phi Hùng ở gần chợ Rạng, tên Hùng là an ninh quân đội quận Hải Long chuyên theo dõi, đánh phá cơ sở và gia đình cách mạng.

Sau nhiều vụ diệt ác liên tiếp, địch rúng động và nâng cao cảnh giác. Nhưng sang năm 1963, ta vẫn quyết tâm tìm mọi cách trừ khử một số tên ác ôn đã từng gây quá nhiều nợ máu. Một chiến công làm nức lòng nhân dân Thiện Nghiệp, Thiện Khánh, đó là trong một trận phục kích tại khu vực Bàu Sen – diệt chết Trần Sỏi. Đại đội 440 và 450 đã thực hiện thành công kế hoạch nử và đánh thiệt hại nặng trung đội nghĩa quân đã từng đột kích giết hại nhiều chiến sĩ, đồng bào.

Được ban bố thăng lên chức vụ trung đội trưởng trung đội nghĩa quân càng làm cho Sỏi trở thành tên tay sai đặc lực rất hung hăng. Suốt hai năm liền (1962 - 1963)

tên Sỏi thường xuyên dẫn lính đột, phục kích vào bàn đạp, vùng ven nơi đứng chân, hoạt động của hai đội công tác của ta; có lần đột nhập luôn sâu vô căn cứ xã Hồng Thịnh. Y bắn giết hàng chục chiến sĩ, đồng bào; chặt tay, xẻo tai mang về quận Hải Long báo công, lãnh thưởng, nhân dân vô cùng căm phẫn. Để không chế ác ôn, mở phong trào, phá kềm, Huyện ủy Lê Hồng Phong chỉ đạo cho huyện đội huy động phối hợp các lực lượng, nhất là đội công tác tìm cách diệt tên Sỏi.

Khi được phân công, Đội công tác Rạng lên kế hoạch nhử dụ, tạo cho tên Sỏi thêm chủ quan, ngạo mạn đột vào vùng ta trở thành quy luật. Nhờ cơ sở trong ấp giồng Thầy Ba bám sát kịp thời cung cấp tình hình, mọi động tĩnh của địch đồng thời lên nuôi com nước cho một số chiến sĩ kiên trì bám nơi mai phục. Ta bố trí một phân nhỏ thường về khu vực Bàu Sen rải truyền đơn, cố ý cho gián điệp phát hiện báo cáo cho tên Sỏi vào đánh phá. Nhiều lần như thế suốt nửa tháng trời, ta đã theo dõi nắm chắc từng bước đi và phương thức hoạt động, cách đột, phục kích, truy đuổi của hắn.

Ngày 25 tháng 12 năm 1963, đại đội 440, 450, trung đội du kích xã Hồng Sơn cùng đội công tác Rạng phục kích ở đường hầm xóm Sơn Lâm cũ thuộc khu vực Bàu Sen vừa rải truyền đơn, cố tình cho gián điệp nhìn thấy. Đúng như dự đoán của ta, nhận được tin có quân giải phóng về hoạt động, như hổ đói thèm mồi, tên Sỏi lập tức đưa một trung đội nghĩa quân ập vào bao vây xóm Sơn Lâm. Bị trúng kế và lọt gọn vào trận địa phục kích; Trần Sỏi bị bắn gãy hai chân ngay từ phút đầu mới nổ súng. Ta diệt được Trần Sỏi và 6 tên khác, thu 7 súng (có một súng ngắn). Trong trận này, đồng chí Thành tiểu đội trưởng đại đội 440 hy sinh.

Đây là một trong những trận diệt ác có kế hoạch tỉ mỉ, kiên trì, công phu được chuẩn bị bài bản. Có sự lãnh chỉ đạo và hợp đồng tác chiến của cơ sở bên trong ấp chiến lược giồng Thầy Ba với bộ đội bên ngoài; sự phối hợp của bộ đội địa phương huyện, du kích xã và đội công tác. Phương án tác chiến được chuẩn bị, tập luyện kỹ, quyết tâm cao vì Trần Sỏi là tên ác ôn có nhiều nợ máu nhất vùng, nguy hiểm, lợi hại, thuộc đường đi, lối lại ở địa bàn; giỏi luôn lách, tránh lách. Ta đã nhiều lần lên kế hoạch với nhiều phương án nhưng trận này mới thực hiện thành công. Diệt được Trần Sỏi là trận đánh sáng tạo trong nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân,

Thiện Nghiệp là một trong những xã địch giết hại nhiều chiến sĩ cách mạng đồng thời cũng là nơi có phong trào diệt ác quyết liệt trong toàn tỉnh lúc bấy giờ. Qua nhiều đợt vũ trang tuyên truyền, diệt ác của các lực lượng đội công tác, bộ đội địa phương huyện, bộ đội tỉnh, ta đã trừng trị liên tiếp hơn chục tên, gây cho địch thói động, chùn tay. Tất cả các vụ diệt ác ở Thiện Nghiệp và Thiện Khánh đều chính xác, đúng người, đúng tội; thực sự có tác dụng góp phần phát động phong trào. Quần chúng nhân dân ở các xã căn cứ, trong ấp chiến lược đều phấn khởi, chuyển biến về tư tưởng, hăng hái nhận nhiệm vụ, tham gia công tác. Hàng loạt thanh niên thoát ly, nhiều người mạnh dạn làm cơ sở, liên lạc, tiếp xúc trở lại với cách mạng.

Trong cuộc đấu tranh trực diện với quân thù, chống địch gọi người thân về đầu thú và bảo vệ khí tiết trong tù và chống dồn dân lập ấp diễn ra ở đây rất ngoan cường. Nhiều cơ sở, cốt cán ở Thiện Nghiệp, Thiện Khánh đã kiên trung đấu tranh chống thù đoạn hành hạ các gia đình có người đi kháng chiến, chúng bắt vào rừng kêu gọi chồng con về, hoặc tình nghi bắt càn, đánh ấu. Trong số những tấm gương tiêu biểu có ông Toại và chị Tuyết.

Ông Nguyễn Hữu Toại (Trùm Tụ) quê ở Triền – có bốn người con trai đều thoát ly đi kháng chiến. Vợ của ông là bà Trần Thị Muôn bị địch bắn chết tại nhà riêng. Địch hành hạ Ông hàng tháng phải đến quận Hải Long trình diện và vào rừng tìm gọi các con. Sau quá trình đấu tranh tư tưởng, hôm ấy ông khăng khai quyết định công khai đối thoại với tên quận trưởng quận Hải Long. Ông tuyên bố: “Theo quy định của các ông thì tôi dư tội chết vì không gọi con về đầu hàng quy thuận quốc gia mà ngược lại còn tiếp tế nuôi con. Nhưng mấy ông thông cảm cho. Mấy ông có Tổ quốc của mấy ông, chúng tôi có Tổ quốc của chúng tôi nên không thể làm khác hơn được, mấy ông muốn làm gì thì làm...”. Ông chưa dứt lời đã bị bọn địch đánh bất tỉnh.

Chị Hồ Thị Tuyết là con của đồng chí Hồ Đức Hậu; một cơ sở trung kiên, luôn giữ mối liên hệ với cách mạng trong thời kỳ đen tối, khó khăn. Từ năm 1960 đến năm 1961 chị đã vận động, đưa một số thanh niên ở Bàu Tàng thoát ly xây dựng lực lượng như: Nguyễn Đình Phúc, Trần Việt Trung, Nguyễn Văn Dũng (Đùm)...

Để đánh lạc hướng, tránh địch theo dõi, gây khó khăn, gia đình khỏi bị liên lụy; chị bố trí các thanh niên đăng ký công khai lên đường đi quân địch; sau đó bí mật quay về ra căn cứ.

Khi bị bắt vào tù, địch tra tấn hỏi cung chị không khai, chỉ khóc.

Địch hỏi: Sao mà khóc? Chị trả lời: “ Khóc hôm nay, để cười cho ngày mai”.

Địch tức tối: “Tại sao ngày mai mà lại cười?”, Chị đối đáp hết sức cứng cỏi: “Cười vì ngày mai chiến thắng ca khúc khải hoàn”.

Tinh thần chiến đấu của những chiến sĩ cách mạng trong nhà tù của giặc là như thế, dân ở trong vùng địch kiểm soát cũng khéo léo đấu tranh công khai hợp pháp. Bà con ở Bàu Tàng, Bàu Sen đã hẹn lần, hẹn lượ, không chịu vào sống ở khu tập trung với lý do là sẽ bị đảo lộn sản xuất, đời sống khó khăn... Mãi đến cuối năm 1959, dân mới miễn cưỡng vào các khu trù mật... Riêng đồng bào ở Triền, đấu tranh nhất quyết không vào. Mãi đến tháng 8 năm 1961, sau khi địch bắn bà Trần Thị Muôn (Trùm Tụ) dân mới tạm lánh về Bàu Tàng một thời gian ngắn. Đến giữa năm 1962, sau khi địch bắn tiếp 3 cơ sở cách mạng (Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Sinh Hòa, Lê Thị Quý) thì bà con đồng loạt bỏ vùng địch ra chiến khu xây dựng căn cứ Hồng Thịnh.

Phối hợp các lực lượng, đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền trong những năm 1961 – 1962, Đội công tác vũ trang tuyên truyền và bộ đội địa phương còn mỏng, yếu nhưng nhờ bộ đội chủ lực tỉnh làm nòng cốt đã giúp đỡ, phối hợp với các đại đội 440, 450; đội công tác liên tiếp vũ trang tuyên truyền, diệt ác, đánh phá các khu trù mật, trừng trị địch đột kích, phục kích, mở vùng; phá kềm tạo điều kiện để ta phát động nhân dân bỏ vùng địch ra xây dựng các xã căn cứ, tạo thế và lực mới.

Đêm 25 rạng sáng ngày 26 tháng 9 năm 1961, Đại đội 489 vào Rạng vũ trang tuyên truyền, đánh địch bị thiệt hại lớn; đánh tan rã trung đội dân vệ, thu 7 súng. Sáng hôm sau, ngày 27 tháng 9 năm 1961, ta rút quân về Bàu Tàng, phát động quần chúng, phát huy chiến quả, tuyên truyền những chiến công liên tiếp vừa qua, củng cố tư tưởng, tạo thêm niềm tin cho nhân dân.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, một đại đội bảo an từ Phan Thiết tràn vào địa điểm đóng quân của ta. Nhờ chủ động triển khai thế trận nên đơn vị 489 đã đánh làm bị thương một số tên, địch rút chạy về lại Phan Thiết.

Tiếp đến, ngày 04 tháng 10 năm 1961, hai đại đội 489 và 481 phối hợp với bộ đội địa phương huyện đánh bọn thủy quân lục chiến càn vào Bến Ngạch; diệt và làm bị thương gần 40 tên. Chiến thắng trên đã góp phần làm nhân dân thêm tin tưởng quân giải phóng.

Trong đợt này có 2 anh dân vệ tự nguyện xin theo cách mạng được bộ đội tiếp nhận và đặt tên mới - tên cách mạng cho hai anh là Thống và Nhất. Sau này hai anh trở thành chiến sĩ giải phóng quân, cùng đồng đội chiến đấu ngoan cường. Sự giác ngộ và hy sinh của các anh đã góp phần tô thắm màu cờ Tổ quốc.

Sang năm 1962, bộ đội chủ lực tỉnh cùng bộ đội địa phương huyện đánh nhiều trận ở địa bàn Thiện Nghiệp, Thiện Khánh, tiêu hao nhiều sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta. Trong đó, có trận khá tiêu biểu: Ngày 27 tháng 7 năm 1962 (đúng vào ngày Thương binh liệt sĩ); bọn biệt kích ở Hải Long đột kích vào khu vực Bàu Tàng. Một trung đội của Đại đội 489 chặn đánh, diệt hơn một tiểu đội, thu toàn bộ vũ khí, trong đó có 2 trung liên. Tiếp đó, toàn Đại đội 489 phối hợp với bộ đội địa phương, đội công tác Rạng vào Thiện Khánh vũ trang tuyên truyền, diệt ác, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân.

Được sự chỉ đạo của huyện ủy huyện Lê Hồng Phong, ngày 25 tháng 5 năm 1962, Đội công tác vũ trang tuyên truyền Rạng được thành lập tại rừng Bến Ngạch. Lúc mới ra đời, do đồng chí Lê Đình Nguyên trực tiếp phụ trách; khi ổn định thành nề nếp thì giao lại cho đồng chí Võ Minh Quốc (Hai Quốc) làm đội trưởng. Những năm 1962 đến 1963, thành viên của đội vốn vẹn có vài ba đồng chí như: Đặng Văn Diệp, Trần Văn Năm, Nguyễn Văn Thái...

Nhiệm vụ Đội công tác Rạng ngoài việc phụ trách xã Thiện Khánh, còn quản lý thêm một số dân Bàu Sen bị địch dồn vào áp giồng Thầy Ba. Địa bàn đứng chân hoạt động của đội công tác Rạng bao gồm: Rạng, Trạm, Bàu Sen, Láng Lớn...

Kê tiếp sự hình thành của Đội công tác Rạng, ngày 30 tháng 5 năm 1962, Đội công tác Thiện Nghiệp cũng được ra đời tại Bàu Thiêu do đồng chí Lê Đình Nguyên thay mặt huyện ủy đứng ra công bố quyết định.

Thành phần đầu tiên của đội công tác gồm: Hà Thanh Hồng làm đội trưởng; Nguyễn Đình Phúc, Nguyễn Thăng Long, Huỳnh Đông Pha, Nguyễn Hữu Phước, Trần Văn Lợi... Đội có nhiệm vụ phụ trách xã Thiện Nghiệp, sau này phần lớn là áp giồng Thầy Ba. Địa bàn đứng chân hoạt động của đội gồm: đường Cộng đồng, Bàu Me, Bàu Tàng, Bàu Điền...

Năm 1963, địch tập trung đánh phá, bao vây huyện Lê Hồng Phong bằng 3 biện pháp:

Một là, đẩy mạnh tuyên truyền, xuyên tạc, chiêu an, chiêu hồi, cài gián điệp, dùng thuốc độc cho vào thức ăn đầu độc cán bộ, đồng bào vùng căn cứ.... Hai là, củng cố áp chiến lược giai đoạn 2 (rào áp bằng cọc sắt, kẽm gai và gài mìn...). Ba là, mở chiến dịch “Sơn Dương II” và “Bình Lâm II” tập trung đánh phá vùng căn cứ giải phóng, phục kích, đột kích...

Riêng ở quận Hải Long, địch giải thể Thanh niên Cộng hòa và dân vệ, bắt lính đơn quân, lập đại đội bảo an 290 để bảo vệ quận lỵ, vừa chi viện đánh phá Thiện Khánh, Thiện Nghiệp. Tại hai xã này, địch còn lập một liên đội nghĩa quân có 03

trung đội do Lê Dân làm Liên đội trưởng. Ở ấp giồng Thầy Ba, địch tổ chức hai tiểu đội thanh niên chiến đấu để giữ ấp.

Ta vũ trang tuyên truyền và diệt ác mạnh, đã biến vùng tạm bị chiếm Thiện Khánh trở thành vùng tranh chấp. Chính quyền địch của hai xã hàng đêm phải lánh về Mũi Né; đến khoảng 9 giờ sáng, sau khi có lính mở đường và bảo vệ chúng mới dám về lại trụ sở xã làm việc.

Trước tình hình khó khăn nhiều mặt, tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương: *“Ra sức củng cố, giữ vững vùng căn cứ giải phóng; tích cực chống địch gom dân đưa phong trào vùng bị kèm lên một bước; phát triển phong trào nhân dân du kích chiến tranh, phá ấp chiến lược, tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống; xây dựng lực lượng ta về mọi mặt”*.

Trên cơ sở chủ trương của tỉnh ủy và tình hình thực tế ở huyện; huyện ủy huyện Lê Hồng Phong đề ra nhiệm vụ chính: *“Xây dựng căn cứ, phát triển thực lực, phát triển phong trào nhân dân du kích chiến tranh, diệt ác, phá kèm, phá ấp chiến lược, phá giao thông địch, đẩy mạnh phong trào 2 chân, 3 mũi, hình thành thế đầu tranh phối hợp và xây dựng thực lực ở 3 vùng: căn cứ giải phóng, tranh chấp và vùng tạm bị chiếm...”*

Nhờ chủ động, sáng tạo trong việc thực hiện chủ trương của cấp trên nên các hoạt động ở Hồng Thịnh và Thiện Nghiệp, Thiện Khánh đều được nâng lên toàn diện, đều khắp ở cả 3 vùng. Phong trào 2 chân, 3 mũi trong năm 1963 phát triển khá đa dạng.

Tháng 02 năm 1963, hai cơ sở binh vận của ta ở trong ấp Rạng là Huỳnh Thị Đan và Phạm Thị Ngọc (Lẹo) đã làm tốt công tác vận động binh lính địch. Các chị đã móc nối, xây dựng được anh Nguyễn Văn Tý là lính nghĩa quân trở thành cơ sở nội tuyến tích cực. Hai lần anh Tý mang súng ngắn ra giao nộp ở Láng Lớn, Bàu Sen tiếp xúc với đội công tác Rạng và được anh Nguyễn Đài, cán bộ binh vận huyện Thuận Phong đã trực tiếp giao nhiệm vụ.

Về hoạt động quân sự, ta liên tiếp vũ trang tuyên truyền, diệt ác, phá kèm, làm các ấp chiến lược lỏng, nhão. Ngày 02 tháng 3 năm 1963, hai Đội công tác Rạng và Thiện Nghiệp phối hợp phục kích tại Miếu cũ Bàu Me, cách ấp chiến lược giồng Thầy Ba khoảng 1.000 mét, đánh một tổ thanh niên chiến đấu tháo chạy; ta thu một súng trường Mỹ.

Ngày 29 tháng 5 năm 1963, đội công tác đột nhập vào Rạng với mục tiêu chính trừng trị bọn tề ác ôn. Đến giữa trưa, ta tiếp cận khu vực cống nước cạnh chùa Hải Tịnh thì bất ngờ phát hiện tên Nguyễn Đàng – cảnh sát quận Hải Long cùng một lính nghĩa quân đang đi bộ sắp đụng đầu với ta. Đồng chí Trần Văn Năm xác định đã bị lộ nên nhanh chóng đổi phương án, cho anh em nổ súng. Tên Đàng chết tại chỗ, ta thu một súng ngắn. Tên lính nghĩa quân đi với Đàng bị thương hốt hoảng chạy vào nhà ông Trợ. Hắn được ta băng bó vết thương, tuyên truyền, giáo dục. Cùng lúc đó anh em đội công tác chặn xe đò từ Phan Thiết ra Mũi Né, mời khách xuống xe làm mitting, tuyên truyền chủ trương, chính sách của cách mạng, vừa vạch rõ tội ác của tên Đàng và nhờ xe khách chở trả tên nghĩa quân về Mũi Né.

Từ giữa năm 1963, ta liên tục đột áp ban ngày lẫn ban đêm, nhiều trận đánh táo bạo; diệt ác, phá kèm làm chính quyền địch lỏng nhão. Lính nghĩa quân co cụm về

phía Mũi Né, tránh đụng đầu với ta. Tề xã và tề ấp đều lưu vong về Mũi Né, quận lỵ Hải Long. Ngày nào có lính bảo an hỗ trợ chính quyền xã Thiện Khánh mới dám về Rạng làm việc.

Ngày 20 tháng 7 năm 1963, bộ đội địa phương huyện và du kích xã Hồng Thịnh đột nhập vào xóm cũ Sơn Lâm – Bàu Sen vũ trang tuyên truyền, vận động thanh niên thoát ly. Ta đã diệt được tên Võ Văn Tĩnh (Sơn Tĩnh) là nhân viên phòng nhì chuyên rình rập, khống chế các gia đình cách mạng và số quần chúng bị tình nghi làm cơ sở. Cũng trong hôm ấy đồng chí Cao Hoài Phong thoát ly ra đội công tác.

Khoảng đầu tháng 8 năm 1963; được cơ sở bên trong cung cấp tình hình, đội công tác Rạng đột nhập vào chợ Rạng bắt được Trương Phi Hùng là an ninh quân đội quận Hải Long đưa về trại giam Huyện Lê Hồng Phong giam giữ, khai thác và ta xử tội sau đó.

Tên Nguyễn Năng làm ấp trưởng ấp Thiện Phước là tay sai đắc lực kèm kẹp nhân dân; ta cảnh cáo nhiều lần nhưng y vẫn tiếp tục gây tội ác. Ngày 03 tháng 9 năm 1963 đơn vị 440 bộ đội địa phương huyện Lê Hồng Phong cùng Đội công tác Rạng vào Xóm Trạm ấp Thiện Phước vũ trang tuyên truyền và bao vây bắt và diệt được tên Nguyễn Năng, thu một súng ngắn.

Sau trận đó, địch không quản lý được ấp này, ngày 11 tháng 12 năm 1963, chúng gom dân ấp Thiện Phước về ở chung trong ấp Thiện Long (Xóm Hành).

Ngày 02 tháng 11 năm 1963, Đội công tác Rạng và du kích xã Hồng Thịnh phục kích ở Dốc Mã Thánh để diệt tề xã, ấp của ấp chiến lược giồng Thầy Ba. Nhưng mới khoảng 7 giờ sáng, một trung đội nghĩa quân đi vào, bị lộ buộc ta phải nổ súng chỉ diệt được một lính nghĩa quân.

Ở Rạng và giồng Thầy Ba ta đều xây dựng được cơ sở mật, có cả cơ sở nội tuyến trong bộ máy nguy quân, nguy quyền. Nhờ đó, các đội công tác nắm được tình hình địch, nhận được tiền, hàng, nhu yếu phẩm và hoạt động có nhiều hiệu quả.

Áp chiến lược giồng Thầy Ba địch phòng thủ khá kiên cố nên ta rất khó vào được; còn ở Rạng có phần lỏng hơn. Ngay trong quá trình dân chặt cây rào vườn, rào xung quanh nhà ở; cơ sở cốt cán của Rạng đã vận động quần chúng tốt, kín đáo tạo nên những đoạn rào ngăn làm thành cổng tạm để có thể mở ra, đóng lại như đoạn rào có cổng giả của vườn nhà ông Trần Đánh ở Xóm Trạm. Nhờ đó, đội công tác và bộ đội ra vào ấp thuận tiện hơn trong những đêm trời tối.

Cuối năm 1963, nhiều hình thức đấu tranh chính trị của đồng bào cũng được nâng lên. Có lần nhân dân ở ấp giồng Thầy Ba xô cổng đòi ra khỏi ấp sớm hơn để vào rẫy lao động sản xuất cho kịp mùa vụ. Bà con nói với lính gác và nhắc lại lời của Ngô Đình Nhu trước đây: “Các ông tuyên bố giồng Thầy Ba là Điện Biên Phủ thứ hai, Việt cộng vào bị phơi thây như rạ, nhưng chưa gì chính quyền đã bỏ dân (chạy lưu vong), Điện Biên Phủ ngoài bắc Pháp thua, Điện Biên Phủ này ai thắng? Ở đây các ông tháo chạy thì toàn miền Nam sẽ là Điện Biên Phủ”. Lời lẽ bình vận chặt chẽ, bình dị có tính thuyết phục cao nên đám lính nguy nhượng bộ cho dân đi ra cổng ấp.

Năm 1963, đội công tác vũ trang tuyên truyền Rạng phối hợp với các lực lượng tỉnh, huyện, du kích xã, đội công tác Thiện Nghiệp làm được nhiều việc như cắt đứt đường giao thông đoạn từ đá Ông Địa ra giáp Xóm Trạm; kiểm soát, làm chủ đoạn đường này. Địch muốn đi lại từ Phan Thiết ra Mũi Né phải bố trí lực lượng mở

đường. Ta liên tục đột áp vũ trang tuyên truyền, diệt ác, hạ uy thế địch, tạo lòng tin cho dân. Phát triển cơ sở, rút thanh niên thoát ly, tiếp nhận được tin tức, tiền hàng... Chính quyền xã Thiện Khánh về đêm phải tránh lánh lưu vong. Ta đã không chế địch, phát triển thực lực, xây dựng phát huy công tác hậu cần tại chỗ.

Quốc sách áp chiến lược cùng chung số phận phải ra đi theo gia đình họ Ngô. Ngày 09 tháng 3 năm 1964, Tổng thống Dương Văn Minh ký sắc luật giải tán áp chiến lược đồng thời lập áp Đời mới, sau đó là áp Tân Sinh (1965). Sau những cuộc đảo chính lật đổ nhau của ngụy quyền Sài Gòn, nội các của chúng liên tiếp có sự thay đổi. Tư tưởng, tâm lý trong bộ máy tổ chức của ngụy quân, ngụy quyền bị phân hóa sâu sắc. Dưới bàn tay của quan thầy Mỹ, Dương Văn Minh làm đảo chánh lật Ngô Đình Diệm, tiếp đó Nguyễn Khánh lật Dương Văn Minh...

Ở Bình Thuận, khu Lê Hồng Phong địch tập trung đánh phá vùng giải phóng, ổn định vùng tạm chiếm; ra sức đôn quân, bắt lính, chúng huy động không quân, pháo binh, bộ binh càn quét, xúc tác dân vùng giải phóng. Địch lập thêm cái gọi là: “Làng tị nạn Cộng sản” ở Cầu Ké, Vĩnh Thủy, áp Phú Trinh (*phường Phú Thủy ngày nay*)... Gom dân ở một số xã phía nam khu Lê Hồng Phong về đây, trong đó có dân Thiện Nghiệp, Thiện Khánh, Hồng Thịnh...

Ở Thiện Khánh từ giữa năm 1965, địch lập áp Tân Sinh, buộc dân áp Thiện Phước phải vào ở chung trong địa giới của áp Thiện Long, đưa đồng bào di cư Thiên chúa giáo về Cầu Ké (xã Thanh Hải) và làng Thanh Bình. Những năm 1964 đến 1968, Ủy ban hành chánh xã gồm các thành viên: Mai Thanh Phong làm chủ tịch; Hồ Ân, phó chủ tịch và một số ủy viên: Trương Văn Sáu, Nguyễn Trung Chánh, Đỗ Hữu Lượng, Nguyễn Hữu Thanh... Riêng thời kỳ này, về mặt địa giới hành chánh xã Thiện Khánh từ 5 áp nhập lại còn 4 áp Thiện Long (Xóm Hành), Thiện Hải (Rạng), Thiện Phước (Xóm Trạm) và Thiện Hòa (Láng Cháy). Trụ sở xã Thiện Khánh đặt ở áp Thiện Hòa (*Trạm y tế phường Hàm Tiến ngày nay*).

Điểm mới ở Rạng và áp chiến đấu giồng Thầy Ba là địch dao động; ngay cả áp chiến lược giồng Thầy Ba kiên cố nhưng cũng bị quân ta thường xuyên vây ép. Tề xã, áp có mặt ban ngày, mới xế chiều là lo cuốn gói rút về Mũi Né. Hai trung đội nghĩa quân và hai tiểu đội thanh niên chiến đấu tự phá rào thành một đoạn dài khoảng 10 mét làm cửa bí mật để sẵn sàng tháo chạy mỗi khi quân giải phóng tấn công. Địch sa sút toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần, nội bộ đấu đá nghi ngờ nhau trước phong trào cách mạng ngày càng lên cao. Sau khi phá áp giồng Thầy Ba, ta thường phá đường, đắp mô, gài mìn làm chủ một đoạn đường khu vực Đá Ông Địa, mỗi sáng địch phải lính đi mở đường.

Về ta, thực hiện chủ trương chung là nhanh chóng chuẩn bị thực lực để giành thắng lợi trên toàn miền Nam; tranh thủ thời cơ địch đang hoang mang, lúng túng sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm mới bị lật đổ; huyện ủy huyện Lê Hồng Phong phát động toàn Đảng, toàn quân, toàn dân:

“Đẩy mạnh phong trào 3 mũi giáp công, làm tiêu hao sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta, liên tục vũ trang tuyên truyền, phát động quần chúng diệt ác, phá kềm, mở mảng, mở vùng, giành quyền làm chủ...”

Thực hiện chủ trương đổi mới phương thức hoạt động, phối hợp các lực lượng chặt chẽ, kịp thời; bộ đội địa phương huyện phối hợp với các Đội công tác bám chắc

địa bàn; áp sát, bám trụ vào các ấp chiến lược, đẩy mạnh 3 mũi giáp công, tiến công địch. Liên tục diệt ác, phá tề, xây dựng thực lực cách mạng, làm lỏng rã kèm, phát động nhân dân chống phá, tẩy chay các chủ trương kế hoạch do địch đề ra.

Huyện đội Lê Hồng Phong linh hoạt phối hợp xây dựng kế hoạch tác chiến, trực tiếp bàn bạc với bí thư xã Hồng Thịnh và các đội trưởng Đội công tác Thiện Nghiệp, Rạng. Khi các đội công tác cần huy động thêm lực lượng để đủ sức đánh địch thì trực tiếp trao đổi với chi ủy và xã đội Hồng Thịnh điều du kích tăng cường; không phải thông qua huyện đội khắc phục được tình trạng chậm trễ thời gian để không làm hỏng kế hoạch tác chiến.

Với sự lãnh đạo của chi bộ xã Hồng Thịnh và sự phối hợp chặt chẽ của hai đội công tác, không ngừng uyển chuyển, sáng tạo về phương thức hoạt động nên trong những năm 1964 đến 1965 phong trào hai chân ba mũi có nhiều chuyển biến tiến bộ và hiệu quả.

Những năm 1963 đến 1965, các lực lượng của tỉnh, huyện, xã, đội công tác đã phối hợp nhịp nhàng tiến công địch giải tán hội tề ở Rạng và giồng Thầy Ba đạt kết quả tốt. Ngày 04 tháng 11 năm 1963, đơn vị 489 của tỉnh đánh áp chiến lược giồng Thầy Ba. Hai trung đội nghĩa quân và hai tiểu đội thanh niên chiến đấu tháo chạy. Ta bắn chết 1 lính nghĩa quân tại sân trụ sở xã Thiện Nghiệp, phát động quần chúng. Cùng thời gian đó, Đại đội 450 bộ đội địa phương huyện Lê Hồng Phong đánh vào Rạng đốt trụ sở xã Thiện Khánh. Trong đợt này ta bắt trên 10 tên hội tề ấp, nhóm, liên gia của 2 xã giải về trại A của huyện học tập, cải tạo thời gian 7 ngày; sau đó đưa đến vườn mít của Má Trợ mời gia đình ra cùng làm cam kết bảo lãnh – hứa không làm việc cho địch. Sau khóa học này, phần đông những người được học tập bỏ việc hoặc làm cầm chừng, lấy lệ.

Cuối năm 1963, Đội công tác vào Rạng vũ trang tuyên truyền và đưa được 24 nam nữ thanh niên ấp Thiện Phước ra Triền, Bến Ngạch dự hội trại 3 ngày. Nội dung hội trại gồm chương trình văn nghệ, phát động thanh niên thoát ly, tòng quân nhập ngũ. Ngoài số đông đăng ký thoát ly, số còn lại ta bí mật phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người và đưa tất cả về lại nhà để chuẩn bị hành trang cần thiết. Qua đợt vận động này, riêng ấp Thiện Phước có 16 nam nữ thanh niên thoát ly, bổ sung vào lực lượng của đội công tác cũng như của huyện và tỉnh.

Vào đầu tháng 4 năm 1964; một trận đánh mưu mẹo của Đội công tác Rạng và du kích xã căn cứ Hồng Thịnh đạt hiệu quả cao, được đồng bào tán phục. Ta đào hố, đắp mô trên đường Tỉnh lộ 9, cách Xóm Trạm khoảng 1.000 mét về hướng tây nam. Anh em cầm cờ, gài mìn ở các hố theo lề đường, toàn bộ việc đi lại lưu thông từ Phan Thiết ra Mũi Né bị ngưng trệ. Tên Chương, trưởng chi cảnh sát quận Hải Long chỉ huy lực lượng đến khai thông đường. Chương cho rằng ta gài mìn ở trụ cờ nên bắt lính buộc dây vào trụ cờ, ngồi núp xuống hố để kéo cờ. Mìn dưới hố nổ, bị thương 2 tên; Chương và một đồng bọn chết ngay tại chỗ.

Khoảng 12 giờ trưa ngày 28 tháng 5 năm 1964, Đội công tác Rạng và du kích xã Hồng Thịnh đột nhập vào ấp Thiện Long vũ trang tuyên truyền, diệt ác, phá tề. Hôm ấy, tề điệp không có mặt, chỉ có một trung đội nghĩa quân tháo chạy tán loạn, ta bắt sống tên Mười Lăm – là lính nghĩa quân thuộc trung đội 45 giáo dục, thả tại chỗ.

Triển khai chiến dịch Hè Thu do tỉnh đội Bình Thuận phát động, đầu tháng 8 năm 1964, lực lượng vũ trang tỉnh và huyện Lê Hồng Phong huy động du kích các xã căn cứ: Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng, Hồng Sơn, Hồng Thịnh và hai đội công tác Thiện Nghiệp, Rạng đánh vào ấp chiến lược giồng Thầy Ba. Tuy ta chưa phá được ấp nhưng đã khuyếch trương thanh thế, uy hiệp địch và củng cố tư tưởng và lòng tin cho nhân dân.

Từ ngày 26 tháng 7 đến ngày 09 tháng 8 năm 1964, địch tổ chức 5 cánh quân càn quét, đánh phá sâu vào xã căn cứ của huyện Lê Hồng Phong. Một cánh từ quốc lộ 1 đổ vào căn cứ Hồng Liêm; cánh thứ hai từ Lương Sơn xuống Hòa Thắng, cánh thứ ba từ SaRa vào Hồng Sơn. Hai cánh còn lại từ Phan Thiết, Mũi Né càn vào Bàu Sen, Bàu Tàng rồi thọc vào căn cứ Hồng Thịnh.

Suốt 15 ngày đêm, các đơn vị 440, 450 và du kích các xã căn cứ chặn đánh diệt hàng chục tên địch và bắn rơi 1 chiếc trực thăng HU – IA. Đây là một trong những trận đánh chống càn dài ngày, tiêu biểu của bộ đội địa phương và dân quân du kích xã. Ta đưa dân tránh lánh an toàn, bảo vệ căn cứ; vừa đẩy lui địch với lực lượng nhỏ hơn địch nhiều lần.

Những năm 1964 – 1965, bên trong các ấp giồng Thầy Ba và Rạng tuy không có chi bộ, chi Đoàn nhưng cơ sở mật của ta khá mạnh, nhất là các dì, các chị rất tận tụy, khôn khéo trong việc cung cấp tin tức, tiền hàng...

Trong nhiều cơ sở ở Rạng, phải kể đến dì Nguyễn Thị Nhỏ (Sáu Nhỏ), bà Năm Già, chị Khá, Lê Thị Cang, Huỳnh Thị Trọng, Nguyễn Thị Cảnh, Võ Thị Hoa, Nguyễn Thị Ba, Đỗ Thị Nết, Lê Thị Mực, Nguyễn Thị Hương, Huỳnh Thị Nghĩa, Huỳnh Thị Nhuận... Hai chị Nghĩa và Nhuận làm binh vận khá giỏi đã giác ngộ nhiều người trong hàng ngũ binh lính địch cung cấp thông tin của địch cho ta.

Trong ấp chiến lược giồng Thầy Ba mặc dù địch phòng thủ rất kiên cố ở vòng ngoài; hầm, hào, chông mìn, trạm gác... nhưng bên trong ấp chúng đặt nặng việc quản lý hành chánh, nhiều mặt khác còn sơ hở. Trong đó yếu tố cơ bản nhất là lòng dân vẫn hướng về cách mạng, ngay cả một bộ phận trong bộ máy nguy quân, nguy quyền, công tác dân vận và binh vận của ta trong giai đoạn ấy đạt nhiều kết quả. Dân ở trong ấp nhưng cách mạng vẫn ở trong lòng dân.

Những năm 1964 đến 1965, một số anh em là lính dân vệ, nghĩa quân, bảo an đóng ở đây đã được gia đình, cơ sở giác ngộ, các anh đã bỏ hàng ngũ địch thoát ly, tham gia đội công tác, bộ đội địa phương. Phần đông đều chiến đấu ngoan cường, có một số anh đã hy sinh quả cảm như Nguyễn Văn Phượng, Nguyễn Văn Giỏi ...

Ngoài việc cung cấp nhiều thông tin quan trọng, kịp thời; cơ sở nội tuyến còn đưa được một số đồng chí cựu tù chính trị Côn Đảo đang bị địch quản thúc đi ra với Đội công tác Rạng như Võ Thạnh, Nguyễn Chi (thoát ly ngày 10 tháng 3 năm 1964), Phan Văn Hiến (thoát ly ngày 16 tháng 4 năm 1964). Cơ sở đã dẫn đường cho vợ và 3 đứa con của đồng chí Võ Thạnh từ trong ấp giồng Thầy Ba ra Láng Lớn để nhờ đội công tác đưa về căn cứ Hồng Thịnh...

Mũi binh vận đã góp phần tích cực cho phong trào chung của địa phương. Thanh niên phản chiến và một số lính nghĩa quân chống đôn quân, bắt lính của địch. Anh em đã bằng nhiều hình thức đào ngũ, trốn lính, thoát ly ra vùng căn cứ tham gia kháng chiến; một số khác còn tự phá hoại cơ thể bằng cách đập mìn hư bàn chân, chặt

ngón tay... để được giải ngũ như Nguyễn Phú (Ba Phú), Nguyễn Cang, Phạm Kỳ, Nguyễn Văn Phi...

Đầu năm 1965, cơ sở nội tuyến còn cung cấp bản đồ chi tiết về áp chiến lược giồng Thầy Ba để ta điều nghiên chuẩn bị nắm chắc mục tiêu. Nhờ đó, khi lực lượng vào giải phóng áp này nhanh gọn, an toàn, hiệu quả.

Trong Chiến dịch Xuân – Hè năm 1965, phong trào cách mạng toàn huyện cũng như xã nhà phát triển mạnh. Điển hình nhất là trận đánh giải phóng áp giồng Thầy Ba; giải phóng hoàn toàn xã Thiện Nghiệp; xã Thiện Khánh trở thành vùng tranh chấp.

Trước khí thế chiến thắng của quân dân toàn tỉnh, thế và lực của địch ngày càng suy yếu, cơ thủ, tư tưởng nguy quân, nguy quyền đều hoang mang. Giữa năm 1965, huyện ủy tiếp tục phát động toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong huyện phối hợp với các lực lượng của trên quyết tâm giải phóng quê nhà.

Bước vào đợt hoạt động thứ hai (quý II năm 1965). Tỉnh chủ trương chọn huyện Lê Hồng Phong làm điểm, nhằm giải phóng các xã: Thiện Nghiệp, Thiện Khánh, Phú Long, Phú Hải, Phước Thiện Xuân...

Mở đầu cho đợt hoạt động, sau thời gian khẩn trương chuẩn bị chiến trường; đêm ngày 04, rạng ngày 05 tháng 5 năm 1965; dưới sự chỉ huy của anh Trần Văn Lý các đơn vị 488, 489 cùng Đội công tác giồng Thầy Ba phá rào, vượt giao thông hào, giải phóng áp giồng Thầy Ba – nơi mà ba năm trước đây Ngô Đình Nhu tuyên bố là Điện Biên Phủ thứ hai, nay đã tan tành. Toàn bộ nguy quân, nguy quyền đều tháo chạy và tan rã bỏ áp. Ta chỉ bắn chết một tên liên lạc của địch leo rào vào nắm tinh hình vào rạng sáng ngày 05 tháng 5 năm 1965. Kể từ đó, xã Thiện Nghiệp hoàn toàn được giải phóng. Đêm ngày 05 tháng 5, ta tập họp đồng bào làm mitting lớn tại trụ sở xã của địch; phổ biến tin chiến thắng trong toàn tỉnh và chiến dịch Xuân Hè 1965 đồng thời kêu gọi dân về vườn đất cũ làm ăn. Sáng hôm sau máy bay địch quần đảo, phát loa hù dọa nếu dân không về Thiện Khánh sẽ bị ném bom... Nơi kiên cố mà địch đã từng tuyên bố là bất khả xâm phạm; vậy mà chỉ tồn tại vồn vẹn gần 3 năm (1962 đến 1965) đã bị quân dân ta làm vô hiệu hóa.

Cùng ngày hôm ấy, đồng chí Nguyễn Anh Dũng, huyện đội trưởng huyện Lê Hồng Phong chỉ huy đánh chiếm Rạng. Sau một giờ nổ súng quân ta làm thiệt hại nặng 1 trung đội dân vệ, thu toàn bộ vũ khí. Cả ngày 05 tháng 5 năm 1965, hai đơn vị 440 và 489 trụ lại làm chủ hoàn toàn xã Thiện Khánh.

Do ta đoán sai hướng tiếp viện của địch, chiều hôm đó, địch phản kích mạnh lực lượng ta bị động khi rút lui lại lọt vào vòng vây của địch. Bộ đội địa phương huyện hy sinh gần một trung đội. Cả bộ đội và dân công hy sinh 13 người. Đồng chí Ngô Tấn Hải, chính trị viên đại đội 489 của tỉnh và 8 dân công bị địch bắt sống. Thật đáng tiếc thương những người con của quê hương đã chiến đấu anh dũng; trong số hy sinh đó có hai chiến sĩ còn rất trẻ, nguyên là học sinh trường Phan Bội Châu (Đặng Ngọc Châu, Lê Như Huỳnh). Chị Lê Thị Sen, chủ tịch Hội phụ nữ xã Hồng Thịnh, một cán bộ nữ xông xáo từ những năm còn hoạt động bí mật cũng hy sinh tại trận này trong khi đang mang thai đứa con đầu lòng. Riêng đồng chí Ngô Tấn Hải bị thương nặng ta không tải thương kịp nên bị chúng bắt (đ/c Hải là người con của xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận là cán bộ tập kết trở về Nam khá sớm). Sau này bị đày ra

Phú Quốc, ngày 23 tháng 01 năm 1969, trong lúc lãnh đạo một cuộc đấu tranh chống địch đàn áp tù binh, Hải đã hy sinh anh dũng trước cửa phòng giam. Đồng đội đã sáng tác thơ ca để hát và nhớ mãi về anh.

Ngày 05 tháng 5 năm 1965 (mùng 5 tháng 4 năm Ất Tỵ) – đây là một ngày đáng nhớ của cán bộ, chiến sĩ, nhân dân huyện Lê Hồng Phong, xã nhà nói riêng - kể với niềm vui thắng lớn là phá ấp giồng Thầy Ba cũng vừa là nỗi buồn đau vì tổn thất, hy sinh trong lúc tấn công làm chủ Rạng.

Quá trình tái lập và phát triển xã căn cứ Hồng Thịnh.

Cuối năm 1961, đầu năm 1962, lực lượng của tỉnh, huyện vũ trang tuyên truyền giải phóng một số nơi như Bàu Trắng, Bàu Thiêu. Đồng thời ta vận động, hướng dẫn một số gia đình cốt cán ở các xã trong đó có Thiện Nghiệp về vườn, rẫy sản xuất, thỉnh thoảng ở lại ban đêm, tích lũy gạo, nước, tạo thế hai chân làm nông cốt, đi đâu từng bước hình thành xã căn cứ.

Khi địch bắt đầu lập ấp chiến lược giồng Thầy Ba, khoảng tháng 4 năm 1962, đồng bào Thiện Nghiệp chia thành hai bộ phận. Số đông bị địch dồn vào ấp giồng Thầy Ba, một số ít chạy ra rừng xây dựng căn cứ.

Ngày 22 tháng 6 năm 1962, khi địch bắt một lúc 3 người dân cốt cán của Thiện Nghiệp: Lê Thị Quý, Nguyễn Hồng Sơn và Nguyễn Sinh Hòa, đồng bào ở khu trù mật Bàu Tàng và dân gốc ở Triền mới lánh về đây đều rời bỏ tất cả gia sản, vườn đất đồng loạt đi theo lời kêu gọi của Mặt trận giải phóng miền Nam, không chấp nhận sống chung với bầy lang sói, đi ra rừng quyết lòng xây dựng xã căn cứ Hồng Thịnh, chỉ còn khoảng 10 gia đình về Rạng.

Nhờ quá trình chuẩn bị từ trước, đến cuối tháng 6 năm 1962, xã căn cứ Hồng Thịnh chính thức được tái lập, có đầy đủ tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, du kích. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, xã Hồng Thịnh đã từng tồn tại và phát huy tác dụng trong suốt những năm 1951 đến năm 1954.

Nay mới thành lập lại ngay những ngày đầu, đồng bào căn cứ Hồng Thịnh gặp muôn vàn khó khăn, thiếu, đói, bệnh đau và bị địch đánh phá...; song bà con vẫn quyết lòng bám trụ hết sức kiên cường. Căn cứ Hồng Thịnh từng bước được mở rộng và tồn tại đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ.

Cuối năm 1961, đầu năm 1962, lực lượng tỉnh, huyện về Thuận Phong vũ trang tuyên truyền, giải phóng một số nơi như Bàu Trắng, Bàu Thiêu. Lúc bấy giờ dân Thiện Nghiệp chia thành 2 bộ phận. Số đông bị địch dồn vào ấp chiến lược giồng Thầy Ba, một bộ phận chạy ra rừng xây dựng xã căn cứ, chủ yếu là gia đình cách mạng ở Bàu Tàng, Bàu Sen, Bàu Me, Bàu Điền... Riêng đồng bào ở Triền chạy về Bàu Tàng rồi chạy ra chiến khu tham gia xây dựng căn cứ Hồng Thịnh, Hồng Trung và Hồng Sơn, đông nhất vẫn thuộc về căn cứ Hồng Thịnh.

Đến cuối năm 1962, xã Hồng Thịnh có hai thôn, khoảng 40 hộ dân. Năm 1963 tăng lên hơn 60 hộ với khoảng 300 dân. Vào giữa năm 1965, khi ta đánh giải phóng ấp giồng Thầy Ba, bà con ở đây bung ra xây dựng thêm một thôn mới là thôn ba. Toàn xã có 3 thôn, có khoảng 100 hộ với hơn 500 dân. Đây là thời điểm phát triển rực rỡ nhất của xã căn cứ Hồng Thịnh.

Về ranh giới xã căn cứ Hồng Thịnh bao gồm: giồng Thắc rần, Bến Ngạch, đường Cộng đồng, Rừng Rít, Láng Cóc, Bàu Điền, được chia thành 3 vùng nhỏ:

Thôn 1: Từ Đường Ngang đến Hàm bom 17, do ông Nguyễn Văn Hiền làm thôn trưởng đầu tiên. Thôn 2: Từ đường Cộng đồng đến Rừng Rít, do ông Nguyễn Văn Chút làm thôn trưởng. Thôn 3: Từ Láng Cóc đến Bàu Điền; do anh Trần Văn Rừng làm thôn trưởng.

Khi mới thành lập (năm 1962), chi bộ xã đầu tiên do đồng chí Lê Đình Nguyên phụ trách, sau đó đồng chí Nguyễn Tấn Đạt làm bí thư; đồng chí Nguyễn Thanh Hoa làm phó bí thư. Lúc đầu chi bộ có 3 đảng viên; thời điểm đông mạnh khoảng 20 đảng viên.

Ủy ban nhân dân tự quản đầu tiên do đồng chí Nguyễn Thanh Hoa làm Chủ tịch, đồng chí Phan Văn Thu làm Phó chủ tịch. Đồng chí Nguyễn Xuân Thùy làm xã đội trưởng, anh Trần Văn Trung làm xã đội phó. Đồng chí Lê Thị Sen làm Hội trưởng Hội phụ nữ xã. Đồng chí Hồ Đức Trọng (Mộng) làm bí thư chi đoàn. Ông Lê Văn Thu phụ trách Hội Nông dân.

Những gia đình sớm có mặt và bám trụ ở căn cứ như Ông Tám Tùng, Hai Bàng, Hai Thìn, Bảy Đặng, Ba Hiền, Chín Chèo; Năm Ân, Hai Còn, Ba Mạnh, Hai Giỏi, Đỗ Văn Quân (Ba Đa), Nguyễn Thăng Long, Lê Đắc, Nguyễn Thị Sang (Mười Sang), chị Be, chị Thường...

Hồng Thịnh là một trong những xã có phong trào khá toàn diện của huyện Lê Hồng Phong. Ngoài việc đẩy mạnh sản xuất tự túc, bà con có mối quan hệ chặt chẽ gắn bó với đồng bào các xã Hồng Sơn, Hồng Trung, Hồng Thanh để mua bán, trao đổi hàng hóa, nhu yếu phẩm đồng thời phối hợp chống càn bảo vệ căn cứ...

Bên cạnh xây dựng lực lượng dân quân, du kích đánh địch, rào làng, đánh chông, chống càn, đưa dân đi tránh lánh; quân dân Hồng Thịnh đã tham gia tích cực, toàn diện các phong trào do cấp trên phát động như: đánh phá ấp chiến lược, đào đường, đắp mô, phá giao thông địch, di dân công chiến trường, tải thương, tải đạn. Xã đội, du kích còn phối hợp với đội công tác, bộ đội địa phương huyện đánh phá ấp, chống đột kích, vũ trang tuyên truyền...

Phong trào văn hóa, văn nghệ cũng rất sôi nổi. Tỉnh, huyện thường về đây chiếu phim, diễn văn nghệ phục vụ đồng bào. Đời sống vật chất tuy khó khổ nhưng cuộc sống tinh thần luôn tươi vui lành mạnh; đó chính là sức sống của những người kháng chiến, vượt lên chính mình và mọi hoàn cảnh khắc nghiệt

Xã đã duy trì được một lớp học bổ túc văn hóa, thời điểm đông nhất khoảng 40 em. Đồng chí Đinh Hoán (Tám Hoán), cán bộ phòng giáo dục huyện Lê Hồng Phong về tổ chức phong trào, động viên người tại chỗ tham gia dạy học như Nguyễn Hữu Phước... Những năm 1964 đến 1965, nhiều cá nhân, tập thể của xã được các cấp khen thưởng về nhiều thành tích đáng ghi nhận. Hồng Thịnh xứng đáng là hậu phương, hậu cần tại chỗ của huyện,,

Những năm 1962 đến 1965, quân dân xã Hồng Thịnh đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ: Sản xuất tự túc, phục vụ hậu cần tại chỗ; bố phòng xây dựng làng chiến đấu, xây dựng lực lượng du kích, từ vũ khí thô sơ tiến lên lấy vũ khí của địch để đánh địch, đóng góp nhân tài vật lực cho kháng chiến....

Qua những năm phát triển toàn diện, quân dân xã nhà có đủ tiềm lực để bước vào cuộc chiến đấu mới với kẻ thù mới càng nhiều khó khăn thử thách.

CHƯƠNG III

Vượt qua khó khăn, gian khổ; giữ vững vùng căn cứ, trực tiếp góp phần đánh quân xâm lược Mỹ (1966 - 1968)

Cuối năm 1965, ta giải phóng và làm chủ hầu hết các huyện Hòa Đa, Hàm Thuận, Khu Lê Hồng Phong. Bộ máy của địch ở Bình Thuận bị sộc sệt; lâm vào thế bị bao vây, lúng túng, chống đỡ yếu ớt. Đầu năm 1966, đế quốc Mỹ thực hiện “chiến tranh cục bộ”, đưa quân Mỹ và chư hầu trực tiếp ồ ạt nhảy vào đánh phá Bình Thuận nói chung, Khu Lê Hồng Phong nói riêng, tiếp sức cho nguy quân, nguy quyền gươm dậy...

Đối với vùng căn cứ, vùng giải phóng của ta; địch tiến hành âm mưu “hủy diệt” bằng các hình thức: Càn quét, đột kích, thả cài gián điệp, chiêu hồi, dùng chiến tranh tâm lý, dụ hàng, xúc tát đồng bào căn cứ về các làng ty nạn cộng sản... Chúng huy động tổng lực quân Mỹ, quân nguy như nghĩa quân, bảo an, tình báo, biệt kích, thủy quân lục chiến... đánh phá liên tục; bằng tổng lực các phương tiện như: máy bay, xe tăng, pháo tầm xa; rải chất độc hóa học, hủy diệt hoa màu, bao vây nguồn nước, triệt nguồn sống của nhân dân căn cứ. Riêng máy bay chúng sử dụng nhiều loại: trực thăng cán gáo, phản lực, đacôta, B52...

Từ cuối năm 1965 đến năm 1967, địch thường ném bom thẳng xuống xã Thiện Nghiệp – cho nơi đây là vùng mất an ninh. Địch sử dụng pháo từ Nông Cà Tang, núi Tà Dôn, Căng Esepic và ở ngoài tàu biển... bắn cấp tập suốt ngày đêm. Xã căn cứ Hồng Thịnh là một trong những trọng điểm đánh phá, hủy diệt của địch. Điển hình tội ác của giặc Mỹ là nhiều lần ném bom thảm sát nhân dân Hồng Thịnh liên tiếp trong năm 1966.

Rõ nhất về tội ác của giặc là ngày 25 tháng 02 năm 1966 (mùng 5 tháng hai năm Bính Ngọ), Mỹ dùng máy bay phản lực F105 ném bom sập hầm nhà của ông Trần Văn Hành, làm chết hết 17 người trong hầm, đa số là người già, phụ nữ, trẻ em. Người lớn nhất trên 50 tuổi, cháu bé nhất chưa tròn hai tuổi. Dưới chiếc hầm có 3 gia đình bị tử nạn: Ba người con của đồng chí Hồ Đức Hậu; ông Lê Đắc; riêng nhà của ông Trần Văn Hành chết trọn 13 người, gồm cả 3 thế hệ: ông bà, cha mẹ, con, dâu cháu nội. Nhiều thân xác bị vụn nát không sao nhận diện. Thật hết sức đau thương! Không còn cách nào khác để xác định, phân biệt từng người để mai táng nên anh em Đội công tác và du kích đành phải tìm lượm từng mảnh theo từng cụm thi thể để trên những tấm tôn khiêng lên một khu đất có địa thế tốt cách đó khoảng 1.000 mét và an táng tập thể thành 5 ngôi mộ: Mộ ông Lê Đắc còn nguyên hình thể; mộ chị Phạm Thị Ngọc (Lẽo bị mất một chân); mộ ba chị em con của ông Hồ Đức Hậu (Hồ Thị Tuyết, Hồ Đức Tính và Hồ Đức Hạnh) xác ba người còn ôm nhau; mộ bốn mẹ con chị Ân (dâu và cháu nội của ông Trần Văn Hành), bốn mẹ con cũng nằm gần nhau ở một góc hầm; mộ 8 người gồm ông Hành, bà Gằn (vợ ông Hành) và 6 người con.

Tiếp đó, ngày 04 tháng 9 năm 1966, quân Mỹ huy động 8 chiếc trực thăng (tàu gáo) và bộ binh càn vào căn cứ Hồng Thịnh bắn chết 4 ông già và bắt khoảng 20 phụ nữ, trẻ em chở về Phan Thiết.

Từ năm 1966 đến năm 1967, quân Mỹ và chư hầu thường càn quét với quy mô lớn, dài ngày vào căn cứ Thuận Phong, ác liệt nhất là chúng dùng trực thăng (tàu gáo) quần đảo rất thấp, thổi quét, nhảy chụp, bắt, bắn người.

Năm 1967, quân Mỹ đóng đồn dã chiến trên núi Tà Dôn, khống chế vùng Triền; địch huy động xe tăng, máy bay, pháo binh, bộ binh càn quét, rải chất độc hóa học. Với chiến thuật “Đổ nước bắt dế” địch tổ chức nhiều cuộc càn liên tiếp, dài ngày. Đáng nhớ nhất là tháng 02 năm 1967, chúng huy động trên 10.000 quân tràn vào căn cứ Thuận Phong kéo dài 15 ngày đêm, quân dân căn cứ chống đỡ quyết liệt...

Những năm 1966 đến 1969, quân Mỹ và chư hầu huy động tổng lực nhiều phương tiện chiến tranh, vũ khí tối tân, hiện đại nhằm hủy diệt căn cứ Lê Hồng Phong, Thuận Phong. Trong đó xã căn cứ Hồng Thịnh là một trong những nơi trọng điểm. Một vùng đất nhỏ hẹp nhưng phải chống chọi, chịu đựng, đối đầu với lực lượng đánh phá quá lớn. Sự ác liệt không sao tả hết. Trên bản đồ tỉnh Bình Thuận địch bôi đỏ vùng này, dùng tất cả mọi tiềm lực quân sự để tiêu diệt...

Chúng phối hợp các lực lượng: không quân, bộ binh, pháo binh, lính thủy đánh bộ; sử dụng xe tăng, xe ủi, máy bay B52, F105, trực thăng các loại, tàu gáo đổ quân nhảy chụp, ném bom, bắn pháo, càn quét, ủi phá địa hình, lập vành đai trắng..

Các loại máy bay thay phiên nhau ném bom dọc đường cộng đồng, các khu rừng Ô Rô, rừng Rít... từ Bàu Thiều đến cây Xay Đôi, Bàu Điền, ... Thôn Một của xã Hồng Thịnh là nơi chịu nhiều bom đạn nhất. Chúng ném nhiều loại bom từ 50kg đến 500 kg; bom bi, bom chùm, bom xăng, thuốc cay có nồng độ cao, chất độc Đioxin... hủy diệt hết rừng cây, hoa màu của dân căn cứ. Pháo từ các nơi: Ma Lâm, Nồng Cà Tang bắn qua, ngoài tàu biển bắn vào, Lầu Ông Hoàng bắn lên... cấp tập suốt ngày đêm.

Chúng tập trung xe tăng, xe ủi; phá rừng tạo nên nhiều con đường ngang dọc, phân chia rừng Ô Rô, rừng Rít thành nhiều ô bàn cờ trồng trái để dễ đánh phá và không cho lực lượng ta còn nơi ẩn náu. Địch còn thả hai loại máy thu tiếng động có pin báo tin để chúng bắn pháo vào đúng các tọa độ, nhất là những điểm ta thường lui tới như các con đường mòn, các bàu, giếng nước....

Đối với vùng tạm chiếm chúng truy lùng, đánh phá cơ sở gắt gao, vừa tung tin hù dọa, phát lệnh giới nghiêm. Tăng cường bắt lính, đôn quân, thành lập lực lượng nhân dân tự vệ. Địch ra sức củng cố nguy quân, nguy quyền, tổ chức các đoàn thể, ổn định tư tưởng, tuyên truyền sức mạnh của quân Mỹ nhằm trấn an tinh thần bọn tề ấp, tề xã.

Về bộ máy chính quyền của xã Thiện Khánh, gồm có: Mai Thanh Phong làm chủ tịch; Hồ Ân làm phó chủ tịch, Nguyễn Hữu Lượng thay Lê Dược làm an ninh xã; Nguyễn Trung Chánh và Đỗ Văn Thành là ủy viên.

Về phương thức quản lý, địch tăng cường thêm công áp, canh gác, xét lục nghiêm ngặt hơn. Từ cuối năm 1965, địch không cho dân ở phân tán các khu vực

Xóm Trạm, Láng Cháy, Đá Ông Địa mà thúc ép dồn dân ở hai ấp Thiện Phước và Thiện Hòa (từ Láng Cháy lên Xóm Trạm) vào ấp Thiện Long.

Ở xã Thiện Nghiệp, địch tiến hành xây dựng mới ấp Bà La quá trình kéo dài từ tháng 6 năm 1965 đến cuối năm 1965. Sau khi mất Giồng Thầy Ba; những tháng cuối năm 1965, địch khẩn trương xây dựng ấp mới ở khu vực Bà La – gọi là ấp Bà La, thuộc ranh giới của xã Thiện Khánh.

Sau khi ta giải phóng ấp giồng Thầy Ba thì đồng bào ở đây bung ra đi nhiều nơi: khoảng 40 hộ vào xây dựng thôn 3, căn cứ Hồng Thịnh; một số về Mũi Né; một bộ phận vào vườn đất cũ; một số ít vào xóm Bà La ở nhờ trong nhà người thân... Đến cuối năm 1965, bà con các nơi lần lượt dỡ nhà cũ ở giồng Thầy Ba về Bà La cất nhà theo sự phân lô của địch. đồng thời chính quyền địch cũng nhanh chóng cất trụ sở, trạm y tế, làm đường Hòa Bình để tập trung dân lại. Đến năm 1967, Bà La mới có trường tiểu học từ lớp một đến lớp ba. Trước đó, con em ở đây chỉ học tư, do thầy Bảy Khá mở lớp dạy tại nhà. Đời sống của đồng bào sống ở ấp Bà La rất khó khăn, phải làm thuê, gánh mướn. Một số ít thuê đất im ở Xóm Trạm, Láng Cháy để sản xuất. Vùng đất Thiện Nghiệp không có ruộng để sản xuất lúa nên đồng bào ở đây phải mua gạo chợ. Tuy vậy phải trải qua một thời gian dài - từ giữa năm 1965 đến năm 1967, địch mới hoàn chỉnh xong ấp Bà La chính là xã Thiện Nghiệp mới, gồm các công việc: xây dựng củng cố bộ máy chính quyền để quản lý dân; ổn định đời sống tối thiểu đó là phân ô, chia lô cho dân cất nhà tạm bợ; xây dựng cơ sở hạ tầng...

Những năm 1965 đến 1975, xã Thiện Nghiệp ở nhờ trên đất của xã Thiện Khánh...

Cùng với việc đánh phá hủy diệt, chúng ra sức tăng cường chiến tranh tâm lý, chiêu an, dụ hàng; dùng máy bay rải truyền đơn khắp vùng căn cứ Lê Hồng Phong. Nội dung truyền đơn xuyên tạc, nói xấu cách mạng đồng thời rêu rao tính ưu việt của Chính phủ Quốc gia; kêu gọi cán bộ, chiến sĩ Việt cộng về hồi chánh sẽ được khoan hồng, được hưởng những ưu đãi và Chính phủ Quốc gia sẽ trọng dụng.

Tên Nguyễn Trung Trực (Trực Mắm), là huyện đội trưởng huyện đội Thuận Phong chạy đầu hàng, địch cho ghi âm tiếng nói của y, đưa lên máy bay phóng thanh trên loa, nội dung kêu gọi cán bộ, chiến sĩ ta về hồi chánh...

Tên Ân là lính của đại đội 290 – quê ở xã Hồng Sơn, thông thạo địa bàn nên thường dẫn địch vào đánh phá vùng căn cứ, trung đội nghĩa quân do tên trung sĩ Lùn chỉ huy lúng lúng vào giồng Ván Hương, Tre Huê, Bàu Thiêu, căn cứ Hồng Thịnh... bản đồng chí Phan Văn Thu – Chủ tịch ủy ban nhân dân xã Hồng Thịnh bị thương và hai du kích Phan Văn Rôm, Nguyễn Văn Lợi hy sinh. ...

Đồng bào trong ấp bị khống chế nhiều mặt, ra vườn rẫy chỉ được đem cơm đủ ăn, gắp “Việt cộng” về phải trình báo cụ thể. Bất gia đình có người thoát ly đêm phải đến trụ sở xã canh giữ để không cho ta về tiếp cận. Sáng ra vườn, ra rẫy, đến 17 giờ phải vào ấp. Hàng ngày có một trung đội nghĩa quân lục soát dọc tỉnh lộ 9 từ Đá Ông Địa đến Rạng...

Do điều kiện chiến trường có nhiều thay đổi nên cuối năm 1966, tỉnh ủy Bình Thuận quyết định tách Lê Hồng Phong thành hai huyện: Hòa Đa ở phía bắc, Thuận Phong ở phía nam để sát cơ sở; kịp thời chỉ đạo phong trào.

Trước tình hình khó khăn ác liệt, một số người sợ sự đánh phá của quân Mỹ, dao động bỏ công tác; huyện ủy Thuận Phong chủ trương: Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ, quyết tâm tìm biện pháp đánh quân xâm lược Mỹ. Phát động phong trào bắn máy bay, diệt xe tăng địch bằng đầu đạn, trái nổ tự tạo. Từng bước khắc phục tư tưởng ngán ngại, không dám đánh Mỹ... đồng thời phải quyết tâm chuyển phương thức hoạt động, củng cố tổ chức, phát triển thực lực trong vùng địch, diệt ác, phá kềm...

Đối với vùng căn cứ, chính quyền và đoàn thể kêu gọi thuyết phục người già, phụ nữ, trẻ em tạm thời về vùng địch sống hợp pháp, chỉ để lại số sinh lực có đủ sức khỏe tham gia sản xuất, chiến đấu và xây dựng làng chiến đấu.

Những nơi mất dân, gặp khó khăn ở vùng căn cứ, vùng giải phóng, ta tập hợp cán bộ xã, thôn, du kích... quán triệt tình hình, nhiệm vụ và phổ biến kinh nghiệm bước đầu về cách đánh quân Mỹ. Sau đó, chọn nòng cốt củng cố lại Đội công tác, vũ trang tuyên truyền bám vào ấp, bám dân, động viên nhân dân quyết tâm đánh Mỹ, diệt ngụy, phá ấp, mở kềm..

Cuối năm 1967, đảng bộ huyện Thuận phong mở hội nghị tại xã căn cứ Hồng Thịnh. Đánh giá sâu kỹ tình hình mới với những khó khăn nhiều mặt, Hội nghị huyện ủy Thuận Phong đề ra chủ trương: Đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh; phong trào 2 chân, 3 mũi giữ vững vùng căn cứ. Mỗi xã căn cứ phải có địa điểm thứ hai, dự trữ nước, lương thực, dự phòng khi địch càn quét ta có chỗ di chuyển dân. Củng cố lực lượng căn cứ để hỗ trợ các đội công tác ở phía trước. Phát động phong trào khắc phục khó khăn, tiếp tục sản xuất tự túc; sản xuất ban ngày lẫn dưới đêm trăng. Chớp thời cơ lúc địch không càn quét, bắn pháo, ném bom là tranh thủ sản xuất hoặc thu hoạch mùa màng nhanh gọn. Nhân rộng phong trào làm nhà hầm chống phi pháo; ổn định thể ăn, ở của dân. Bộ đội địa phương phối hợp với lực lượng trên hoạt động linh hoạt đánh địch hỗ trợ phong trào phía trước vừa bảo vệ căn cứ ở phía sau... Các đội công tác bám sát địa bàn, củng cố xây dựng thực lực, lãnh đạo nhân dân chống phá các chủ trương, thủ đoạn của địch; diệt ác, phá ấp, mở kềm, tạo thế đấu tranh chính trị cho quần chúng. Huy động sức mạnh tổng hợp của 3 vùng, 3 mũi, 3 thứ quân.

Thực hiện chủ trương của huyện Thuận Phong, ở xã triển khai nhiều hoạt động; trước nhất là củng cố hai đội công tác Rạng và Bà La. Đồng chí Trần Văn Năm tiếp tục làm đội trưởng đội công tác Rạng. Cán bộ chiến sĩ của toàn đội gồm: Nguyễn Chí Thanh, Cao Hoài Phong, Võ Thị Ngọc Hoa, Nguyễn Thị Cảnh, Lê Minh Tuấn, Tạ Thị Tư, Mai Ngọc Linh...

Sau khi ta giải phóng ấp chiến lược giồng Thầy Ba, địch chuyển ra lập ấp Bà La. Đến cuối năm 1965, đội công tác Thiện Nghiệp (giồng Thầy Ba) chuyển thành Đội vũ trang tuyên truyền Bà La. Đội được bổ sung, củng cố, những năm 1965 đến 1967 là thời kỳ đội có lực lượng sung túc nhất, khoảng trên 10 cán bộ, chiến sĩ.

Đồng chí Nguyễn Đình Phúc tiếp tục làm đội trưởng. Cán bộ, chiến sĩ gồm: Nguyễn Thanh Sơn (Bạc), Nguyễn Văn Bảy, Lê Văn Hồng; Nguyễn Văn Phương, Nguyễn Văn Giới, Lê Văn Trục, Trần Hữu Đức, Nguyễn Văn Bích, Nguyễn Thị Sáu, Nguyễn Thanh Liêm (1968), Phạm Thị Hoa (Ba Cải), Tạ Thị Tư...

Địch phòng thủ cứng, Địch công tác khó vào ấp, nên phương thức hoạt động chủ yếu là móc nối hện dân, cơ sở ra vùng bàn đạp ở vườn đất cũ để tiếp xúc, tuyên truyền, giáo dục. Khi vào ấp đội phải phối hợp với lực lượng vũ trang của huyện hoặc tỉnh.

Ngày 17 tháng 9 năm 1967 (**có tư liệu khác cho rằng ngày 21/11/1967**), theo lịch hẹn với cơ sở bên trong nhưng bị phản biến, nên khi ba cán bộ của đội công tác Bà La vừa đến khu vực Hồ Lở thì lọt vào ổ phục kích của địch. Ba anh hy sinh tại chỗ, đó là Nguyễn Thanh Sơn (Bạc), Lê Văn Trực và Lê Văn Hồng, tổn thất lớn lao của đội công tác Bà La cũng là bài học kinh nghiệm sâu sắc trong công tác tổ chức, phát triển xây dựng thực lực cũng như cách đánh giá sử dụng người. Chúng ta phải luôn đề cao cảnh giác ở mọi nơi, mọi lúc nhất là khi tình hình cách mạng gặp khó khăn.

Chỉ riêng trong năm 1967, Đội công tác vũ trang tuyên truyền Bà La liên tiếp hy sinh gần 10 đồng chí: Nguyễn Văn Phượng, Nguyễn Thanh Sơn, Lê Văn Trực, Lê Văn Hồng, Nguyễn Văn Giới, Nguyễn Văn Ôm...

Cơ sở, quần chúng tốt trong ấp Bà La có Nguyễn Thị Nhỏ, Di Tâm, Anh Quới, Nguyễn Thị Phó, Đoàn Phù (ông Bảy Rô) và bà Mục Ngộ...

Năm 1965 cơ sở, quần chúng tốt ở Rạng còn khá mạnh như Võ Thị Ngọc Hoa, Nguyễn Thị Cảnh, Nguyễn Thái Hoàng, Nguyễn Thị Sinh, Huỳnh Thị Thu Thủy, Trần Thị Lê, Trần Thị Thường, Đỗ Thị Nét, Lê Thị Mục, Nguyễn Thị Chử, Nguyễn Thị Đậu, ông Nguyễn Trạch (bị địch giam ở quận), bà Huỳnh Thị Vàng, ông Nguyễn Văn Hoài (vận động em ruột Nguyễn Văn Giới là lính nghĩa quân thoát ly ra đội công tác). Cuối năm 1965, nhiều cơ sở bị lộ lần lượt thoát ly ra rừng (Võ Thị Ngọc Hoa, Nguyễn Thị Cảnh, Nguyễn Thái Hoàng, Phạm Thị Ngọc, Huỳnh Văn Luân, Nguyễn Văn Dương, Đỗ Tấn Minh...); do đó số còn lại trong ấp mỏng dần.

Trong lúc ở vùng ta gặp khó khăn nhưng cơ sở bên trong đã làm được một số việc rất quan trọng như cung cấp tình hình địch, đặt hộp thư bí mật; làm tốt công tác binh vận, làm ám tín hiệu, báo động, báo an cho đội công tác ra bàn đạp hoặc vào ấp; cung cấp tin tức tiền hàng... Chôn các khạp, hủ ở vườn, rẫy, nơi quy định dùng để đựng hàng tiếp tế hoặc mua giùm cho đội công tác về lấy như: pin, dây dù, vải, thuốc tây, văn phòng phẩm, thực phẩm... Do phong trào chưa phát triển mạnh nên thực lực của ta trong Rạng, Bà La có hạn; chưa phát triển được đảng viên, đoàn viên, du kích mật.....

Về phương thức hoạt động của các đội công tác lúc bấy giờ là vừa dùng phương thức cần cầu, móc nối cơ sở, quần chúng tốt ra vùng ven, bàn đạp bằng cách đặt hộp thư bí mật hoặc dân đi hợp pháp ra vườn, rẫy sản xuất, lấy củi... Chủ yếu là dùng phương thức mới, hạn chế vào ấp.

Đồng thời đội công tác phối hợp với lực lượng vũ trang vào ấp để vũ trang tuyên truyền; gây tiếng vang, hạ uy thế, uy hiếp địch, diệt ác, mở kềm, phát động quần chúng, xây dựng phong trào, rải truyền đơn, xây dựng cơ sở, mua hàng, vận động tài chánh, thu thập thông tin, tiền, hàng...

Từ năm 1966 đến năm 1967, ta vào ấp ít tác dụng, chủ yếu làm mitting, tuyên truyền, thực lực ta không đủ sức đánh địch; không diệt được ác ôn. Đời sống đại bộ phận đồng bào hai xã Thiện Nghiệp, Thiện Khánh nghèo khổ, thiếu việc làm, thiếu

ăn, thiếu mặc, không có tiềm lực để ủng hộ vật lực cho cách mạng. Do đó, ta chủ trương hạn chế việc vào ấp, chủ yếu là dùng phương thức cần câu, móc dân ra bàn đạp để tuyên truyền, giáo dục. Hai đội công tác Rạng và Bà La thường xuyên bám bàn đạp, bám vườn đất cũ, rừng rẫy ven xóm cũ để tiếp xúc cơ sở, dân ra làm ăn. Thông qua đó ta nắm tình hình, tuyên truyền giáo dục, xây dựng cảm tình cơ sở...

Những lúc cách mạng gặp nguy nan chính là dịp để thấy lòng dân mệnh mông như biển cả. Gia đình cha Nguyễn Văn Giáp, mẹ Lê Thị Lưỡng ở Thiện Nghiệp, có 4 người con trai đều tham gia kháng chiến và tất cả đều không trở về. Ngày 20 tháng 3 năm 1962, Nguyễn Văn Thời (Ba Thời) bị địch đưa từ nhà lao Phan Thiết (Pagode) về bắn tại cây gũ Bàu Ron. Sau đó ba người nữa liên tiếp hy sinh: Nguyễn Văn Lịch (năm 1967), Nguyễn Văn Lai (năm 1968) Nguyễn Đình Phúc (năm 1969). Với lòng yêu quê hương và căm thù giặc sâu sắc, anh Nguyễn Đình Phúc đã chiến đấu dũng cảm, mưu trí; là một trong những đội trưởng đội công tác tận tụy, giàu tình cảm được đồng bào, đồng đội yêu thương, mến phục.

Lúc khó khăn, gian khổ ở Rạng vẫn còn một cơ sở trung kiên nòng cốt như: Đỗ Thị Nết, hai vợ chồng ông Đỗ Bính và bà Lê Thị Mực, Má Lung, vợ chồng ông Nguyễn Thành và bà Trần Thị Canh... Đội công tác và cơ sở vận động dân đi làm ăn, gặp cách mạng không khai báo với địch, đòi đi sớm, về tối, để có thời gian lao động sản xuất và miễn cưỡng chấp hành các quy định của địch...

Bà La, Rạng là những nơi phong trào cách mạng luôn gặp khó khăn, lực lượng ta vào ấp hoạt động bị hạn chế. Tình hình trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau: Địa bàn gần quận lỵ Hải Long, địch khống chế kèm chặt, ta khó hoạt động; đường vào ấp trồng trái, độc đạo, địch phục kích, đánh mìn; nằm xa rừng, sát biển, dốc động cao, ta khó tiếp cận và rút quân khi bị địch phản kích. Quân chúng bị địch khống chế, khi vào vườn, rẫy gặp cách mạng phải báo cáo. Chúng cài con tin, gián điệp để theo dõi nắm tình hình của ta cung cấp cho địch. Gia đình cách mạng, cơ sở bị lộ lần lượt ra vùng căn cứ; số cốt cán còn ở lại trong ấp rất ít. Đội công tác rất khó tiếp cận để phát triển thực lực. Lương thực của đồng bào sản xuất ở vùng này có hạn, không trồng lúa mặt khác đa số bà con nghèo, thiếu tiềm lực để cung cấp cho ta. Thực lực cách mạng ở trong 2 ấp Rạng và Bà La từ những năm 1966 trở đi ít dần, chưa có đảng viên, đoàn viên, du kích mặt...

Về hoạt động vũ trang tuyên truyền, sau khi tổ chức được củng cố những năm 1966 đến 1968, các lực lượng đội công tác Rạng, Bà La, du kích xã căn cứ Hồng Thịnh phối hợp với lực lượng vũ trang huyện, tinh liên tiếp đánh địch ở vùng ven và cả trong ấp nhằm phá ấp, mở kèm. Đầu năm 1968, huyện đội Thuận Phong lập thêm trung đội 451, đứng chân ở địa bàn Rạng, Bà La, gắn bó với các đội công tác. Trung đội này được hình thành cũng nhờ rút nhân lực từ các Đội công tác Mảng 3 và du kích xã căn cứ Hồng Thịnh, Hồng Thanh, Hồng Trung...

Khi ấp Bà La mới vừa thành lập, liền bị quân ta đánh phủ đầu. Ngày 28 tháng 3 năm 1966, đơn vị 450 và du kích xã Hồng Thịnh phối hợp với lực lượng 482 của tỉnh đánh vào Rạng làm thiệt hại nặng một trung đội nghĩa quân. Sau đó ta đánh ấp Bà La, khống chế đồn Cầu Rạng.

Xã Thiện Nghiệp, ấp Bà La mới được địch xây dựng gần một năm; tề nguy ở đây chưa kịp hoàn hồn bởi âm vang của trận đánh ấp giồng Thầy Ba. Đêm 25 tháng 5

năm 1966 (mùng 7 tháng 4 năm Bính Ngọ); tiểu đoàn 482 của tỉnh, đại đội 450 và Đội công tác Bà La đột nhập vào vừa không chế đồn cầu Rạng, vừa tiêu hao tiêu diệt làm thiệt hại 2 trung đội nghĩa quân 37 và 45. Ta diệt tại chỗ 7 và bắt sống 20 tên, đưa về trại A của huyện Lê Hồng Phong giáo dục, cải tạo. Chính số lính được thả về đã tuyên truyền có lợi cho cách mạng sau khi họ được học tập về tình hình và chính sách khoan hồng của Mặt trận giải phóng. Trận đánh áp Bà La lần thứ hai này có ý nghĩa và tác dụng nhiều mặt.

Đội công tác còn thường xuyên phối hợp với xã đội, du kích căn cứ Hồng Thịnh đánh chống càn, đưa dân đi tránh lánh. Ngày 29 tháng 9 năm 1966, anh Nguyễn Nhân (Mười Chút) là chiến sĩ của Đội công tác Rạng cùng du kích đánh địch càn vào Bến Ngạch, bảo vệ dân. Anh chiến đấu dũng cảm và bị thương nặng; sau đó không thể tiếp tục ở phía trước, phải chuyển về phía sau làm bí thư chi đoàn xã căn cứ Hồng Thịnh.

Những năm 1966 đến 1968, lực lượng ta vẫn cố gắng đột vào Rạng, Bà La vũ trang tuyên truyền, phát động phong trào ủng hộ kháng chiến, thu mua hàng hóa. Ngày 17 tháng 9 năm 1967, các đơn vị 440, 450 cùng Đội công tác Bà La và Rạng gài mìn, phục kích đón đánh đơn vị bảo an hay vào đánh phá vùng căn cứ. Khi hành quân đến khu vực phía tây Bàu Tàng chúng lọt vào ổ phục kích của ta, mìn nổ diệt tại chỗ 5 tên, phá hủy 1 cối 60 ly. Trong sáu tháng cuối năm 1967, ta liên tiếp đánh vào ấp ở Rạng, Bà La.

Tham gia tổng tấn công xuân Mậu Thân 1968, ngày 01 tháng 02 năm 1968, đồng chí Thạch Bò huyện đội phó triệu tập các đội công tác Rạng, Bà La, du kích xã Hồng Thịnh về bìa rừng phía bắc Bàu Tàng phổ biến kế hoạch tổng tấn công năm 1968.

Ngày hôm đó trung đội 451 được thành lập gồm 17 đồng chí, do 2 đồng chí Nguyễn Văn Chương và Nguyễn Văn Đậu chỉ huy. Trang bị khá bén nhọn, gồm nhiều tiểu liên, trung liên và một khẩu đại liên...

Sau khi kế hoạch tấn công Rạng được công bố: Trần Văn Năm chỉ huy trưởng và Nguyễn Văn Đậu chỉ huy phó trận đánh; toàn đơn vị khẩn trương bí mật hành quân. Đến 02 giờ sáng ngày 01 tháng 02 năm 1968, (mùng bốn Tết năm Mậu Thân) ta tiếp cận vào Rạng. Sau 15 phút chiến đấu, trung liên hết đạn, khẩu đại liên bị kẹt đạn, quân ta tổn thất.

Địch đông hơn ta gấp nhiều lần, gồm 2 trung đội nghĩa quân, 1 đại đội địa phương quân, 2 tiểu đội thanh niên chiến đấu. Tương quan lực lượng quá chênh lệch nhưng anh em ta vẫn chiến đấu dũng cảm diệt chết 2 tên nghĩa quân và làm thương 2 tên lính bảo an.

Đồng chí Nguyễn Văn Bích hy sinh và nằm lại ở Dốc Mã Thánh, Trần Văn Tư (Rừng) bị thương. *(có ý kiến cho rằng anh Nguyễn Văn Bích không còn ở Đội công tác Bà La mà lúc hy sinh là Tiểu đội trưởng của đơn vị 451)*

Sau đó ta trụ lại và làm chủ Rạng gần 10 ngày đêm (từ ngày 01 đến ngày 09 tháng 02 năm 1968). Địch nả pháo vào khu dân cư; một số đồng bào sợ bom đạn đi tản cư. Ta kêu gọi dân yên tâm ở lại với cách mạng. Chấp hành mệnh lệnh chung của 3 chiến dịch tổng tiến công trong toàn tỉnh, anh em trụ lại mấy ngày đêm nhưng không phát huy nhiều tác dụng, không vận động được nhân vật lực vì bom pháo quá

ác liệt. Địch co cụm tại Mũi Né và tuyên bố : “Khi nào ngọn đèn ở Căng Esepic tắt thì chúng tao mới đầu hàng”.

Ngày 09 tháng 02 năm 1968 địch huy động rất đông gồm lực lượng đại đội 290 cùng 1 liên đội nghĩa quân từ Mũi Né, Bà La lên phản kích. Trước khi rút lui khỏi Rạng, quân ta chặn đánh quyết liệt tại Láng Cát, Miếu Điền (Rạng).

Ngày 18 tháng 02 năm 1968, ta tấn công Rạng đợt thứ hai. Lực lượng tham gia gồm đơn vị 451 cùng hai đội công tác Rạng, Bà La và du kích Hồng Thịnh. Biết lực lượng của ta khá mạnh nên 2 trung đội nghĩa quân của địch tránh lánh co cụm về cầu Rạng và ấp Bà La chờ viện binh. Lực lượng ta trụ lại ở Rạng làm công tác tuyên truyền.

Sáng ngày 19 tháng 02 năm 1968, địch chi viện đưa đại đội 290 cùng 1 liên đội nghĩa quân từ hướng ấp Bà La xuống phản kích. Ngày 20 tháng 02 năm 1968, hai trung đội 451 và 452 tập kích đại đội 290 tại Rạng, diệt chết và làm bị thương một số tên. Ta hy sinh 3 đồng chí.

Nhằm làm thối động, địch phải kéo bớt quân ở Rạng về phòng thủ Mũi Né. Ngày 07 tháng 3 năm 1968, ta phân công trung đội 451 (bộ đội địa phương huyện) phục kích ở Đồi 115 cách quận lỵ Hải Long gần 1.500 mét. Khoảng 7 giờ sáng hôm ấy, trung đội nghĩa quân lọt vào ổ phục kích, bị diệt chết tại chỗ 7 tên, bị thương 5 tên, thu 6 súng, có 1 trung liên, trong đó có tên Quang là trung đội trưởng nghĩa quân. Bên ta đồng chí Nguyễn Văn Đậu là trung đội trưởng trung đội 451 hy sinh..

Sau Tết Mậu Thân, địch bung ra phản kích dữ dội. Từ tháng 4 đến cuối năm 1968, từ chiến lược 2 gọng kìm “tìm diệt và bình định”, địch chuyển sang “quét và giữ” - quân Mỹ đánh phá vòng ngoài, nguy chiếm giữ bên trong. Ở vùng ta Mỹ đổ quân đóng chốt dã ngoại khắp nơi, từ Râm Tre Hàm Nhơn đến giáp giồng Triền, lán Cầm Liên, Bàu Tàng... đều có quân Mỹ. Trong các ấp chúng củng cố nguy quân, nguy quyền, các đoàn bình định nông thôn. Lực lượng ta rất khó đứng chân và hoạt động...

Đêm 16 tháng 7 năm 1968 (ngày 21 tháng 6 năm Mậu Thân), Đơn vị 450, 451 và hai đội công tác Rạng, Bà La phối hợp vào đánh địch ở Bà La và Rạng, vũ trang tuyên truyền, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch. Trung đội lính nghĩa quân bị tiêu hao nặng, ta diệt 12 tên, bắt sống 8 tên, thu 4 súng.

Căn cứ Hồng Thịnh với phong trào nhân dân du kích chiến tranh (1966 - 1968). Địch đánh phá căn cứ Hồng Thịnh bằng tổng lực. Hồng Thịnh là cửa ngõ tiền tiêu; vừa là hậu phương vừa tiền tuyến của huyện Thuận Phong, nên những năm 1966 đến 1968, địch đánh phá ác liệt, thường xuyên, liên tục bằng nhiều lực lượng, phương tiện như: Pháo trên bờ, ngoài tàu biển bắn vào làm sập hầm chết ông Chèo, ông Chi. Trực thăng (gáo) nhảy cóc, nhảy chụp, bắn, bắt người, máy bay các loại ném bom, rải chất độc hóa học. Xe tăng ủi phá địa hình, bộ binh càn quét, địa phương quân, nghĩa quân phục kích, đột kích. Rừng bị cháy, cây, cỏ, hoa màu sơ xác, tan hoang... Ta phải lùi sâu vào giáp Bàu Thiêu.

Xã Hồng Thịnh hình thành 3 cơ sở (căn cứ có 3 khu vực) mỗi nơi đều trữ gạo, nước để khi địch càn nơi này ta đưa dân di chuyển tránh lánh đến nơi khác. Ông Biện Thành đi lấy nước ở Triền bị địch bắn trọng thương. Ta phải sống dưới hầm. Dân căn cứ bắt đầu sáng tạo ra nhà hầm và ở nhà hầm từ đó.

Mở rộng, giữ vững vùng căn cứ. Những năm 1965 đến 1968, căn cứ Hồng Thịnh không ngừng được mở rộng và phát triển toàn diện. Tháng 5 năm 1965, sau khi giải phóng ấp giồng Thầy Ba, ta đưa khoảng 40 hộ dân ra xây dựng thôn 3 xã căn cứ Hồng Thịnh.

Từ đó, Hồng Thịnh có 3 thôn, khoảng trên 100 hộ với dân số khoảng 500 người. Đây là thời kỳ thịnh vượng, phát triển thuận lợi nhất của xã. Đến cuối năm 1967, địch ném bom đánh phá tàn phá, hao mất một ít dân. Từ năm 1965 đến cuối năm 1968, quân dân Hồng Thịnh vẫn bám trụ đẩy mạnh các phong trào hoạt động ở phía sau đồng thời hỗ trợ tích cực cho phía trước. Quân dân Hồng Thịnh đã phát huy tốt tinh thần tự lực cánh sinh xây dựng căn cứ, vừa cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến.

Về thực lực bộ máy tổ chức của xã căn cứ: Chi bộ xã có 3 tổ đảng phụ trách 3 thôn với tổng số khoảng 10 đảng viên, do đồng chí Nguyễn Thăng Long làm bí thư chi bộ. Đến đầu năm 1968, chi bộ tăng lên gần 20 đảng viên. Do chiến đấu hy sinh và tăng cường cho phía trước nên đến tháng 12 năm 1968, chi bộ xã còn có 8 đảng viên.

Chính quyền, đoàn thể cũng luôn được củng cố. Chủ tịch ủy ban: Nguyễn Thanh Hoa; Phó chủ tịch: Phan Văn Thu; Chủ tịch Hội nông dân: Nguyễn Điền Thanh; Xã đội trưởng: Nguyễn Thanh Liêm; Bí thư Đoàn thanh niên: Phạm Minh Trí và sau đó là anh Nguyễn Văn Nhân (Mười Chút)... Hội trưởng phụ nữ: Huỳnh Thị Hiệp và sau đó là Phan Thị Nhâm; Y tế xã: Chị Trần Thị Hoài.

Về sản xuất, đời sống và hậu cần tại chỗ của nhân dân. Do bom, pháo ác liệt của địch nên cán bộ, chiến sĩ, đồng bào xã Hồng Thịnh không thể sống yên ổn trên mặt đất; chủ yếu là ở dưới hầm – nhà hầm, hội trường, phòng họp cũng ở dưới hầm kể cả sinh hoạt, hội họp và học văn hóa ban đêm cũng ở dưới hầm. Xã có hội trường dưới hầm với sức chứa khoảng 50 người.

Căn cứ được bố trí ở nhiều điểm có dự trữ lương thực, nước uống; và phải lùi sâu dần ra giáp đến Bàu Thiêu. Cây cỏ, hoa màu... bị bom pháo và chất độc hóa học đốt cháy, dân không trồng trọt, sản xuất được, nếu có cuộc đất, làm rẫy cũng chủ yếu là lao động dưới đêm trăng!

Nguồn sống chính của đồng bào lúc này là đan lát nia, thúng, dùm, sắn, chặt cán cuốc, đòn gánh, bắt dồng, ăn ong... Dân ở đây bắt liên lạc với đồng bào Hồng Sơn để trao đổi lương thực và nhu yếu phẩm. Một bộ phận ra Hồng Thanh mua cá khô đưa về Hồng Sơn bán hoặc đổi gạo.

Tham gia công tác hậu cần. Những năm 1966 đến 1968, xã Hồng Thịnh thành lập Ban lương thực (tổ hậu cần) trực thuộc Phòng kinh tài huyện gồm 6 đến 8 thành viên. Bộ phận này làm nhiệm vụ nhận tiền của huyện, móc nối cơ sở trong vùng địch để mua hàng hóa, lương thực, nhu yếu phẩm chuyên về hậu cứ cho hậu cần huyện và tỉnh.

Phong trào sản xuất tự túc được đẩy mạnh nhất là sau khi huyện tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào thi đua sản xuất tự túc tại xã Hồng Trung (ngày 20 tháng 11 năm 1967). Hội nghị này đã phát động thi đua, bàn biện pháp cụ thể. Từ đó phong trào xây dựng tổ vận động công, giúp nhau sản xuất có hiệu quả hơn.

Tính đến cuối năm 1967, xã căn cứ Hồng Thịnh còn 77 gia đình với khoảng 345 nhân khẩu, trong đó có 67 lao động chính, khoảng 120 lao động phụ. Về sản xuất nông nghiệp, được tổ chức thành 3 nhóm ở 3 địa điểm chính, đó là:

Nhóm sản xuất trong căn cứ Hồng Thịnh: 12 hộ; Nhóm sản xuất trong căn cứ xã Hồng Sơn: 44 hộ; Nhóm sản xuất trong căn cứ xã Hồng Liêm: 44 hộ;

Các nông sản chính làm được gồm: Lúa, mì, bắp, dưa, bầu, bí và các loại đậu, mè, khoai các loại (mì, lang, nọc, tím, bí, từ...). Ngoài ra dân còn làm thêm nghề phụ như: Băt đồng, ăn ong, làm đôn gánh, cán cuốc, mé xay... Về thu nhập, đời sống: có 32 gia đình đủ ăn, số còn lại thiếu ăn. Bà Mục, chị Tròn... là những hộ sản xuất giỏi của xã được hội nghị biểu dương trong toàn huyện.

Tham gia chống càn, bảo vệ căn cứ và làm nghĩa vụ chung. Hồng Thịnh đã thành lập trung đội du kích xã và trung đội thanh niên xung phong làm nòng cốt cho toàn dân thực hiện tốt các nhiệm vụ như: Rào làng chiến đấu, đánh chông bố phòng. Ta đánh những bãi chông rộng khoảng 20 mét, dài hàng trăm mét ở giồng Thắc Rắn, Bến Ngạch, Rừng Rít ... Phối hợp với các xã bạn, các lực lượng đánh địch càn quét, đưa dân đi tránh lánh.

Tiêu biểu, nổi bật nhất là trận đánh chống càn quần nhau với giặc ròng rả suốt 15 ngày đêm với 12.000 quân Mỹ và chư hầu (từ ngày 15 đến ngày 28 tháng 02 năm 1967). Quân ta tiêu diệt được nhiều tên địch... Du kích vừa đánh địch vừa đưa dân đi tránh lánh. Người già, trẻ em đói khát là người. Du kích các xã Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh và Hồng Sơn phối hợp đánh chống càn và bảo vệ dân. Một bộ phận đồng bào của các xã phải lánh qua xã Hàm Trí. Một số chiến sĩ ta bị thương và 5 nữ dân công của xã Hồng Sơn đã hy sinh ở Trạm giao liên của huyện. Thôn Một xã căn cứ Hồng Thịnh lọt vào đường đi chính của địch, đồng bào di tản, tránh lánh vô cùng vất vả.

Du kích Hồng Thịnh đã cùng một bộ phận của đơn vị 450 suốt đêm băng rừng ra tận Bàu Trắng mang về được 3 bồng nước cũng chỉ đủ cấp cứu cho trẻ em. Con của bà Huỳnh Thị Hiệp khát quá phải uống nước tiểu. Cán bộ, chiến sĩ, đồng bào nhường nhịn, chia nhau từng ngụm nước... Đồng chí Lê Long Phi - Chánh văn phòng huyện ủy huyện Thuận Phong về lại cơ quan huyện tìm nước để cứu các cháu, bị địch bắn hy sinh.

Chỉ trong vòng một năm: Từ tháng 02 năm 1966 đến tháng 02 năm 1967; nhân dân xã Hồng Thịnh phải chịu đựng 3 lần bị quân Mỹ giết hại tập thể. Đây là dấu ấn về tội ác không thể nào quên (ngày 26 tháng 02 năm 1966; ngày 04 tháng 9 năm 1966 và tháng 02 năm 1967).

Với tiềm lực bằng ấy nhưng quân, dân Hồng Thịnh đã làm được nhiều việc: Đi dân công dài ngày tải thương, tải đạn và đi phục vụ các trận đánh ở Mũi Né, Bà La, Rạng và các nơi khác... thanh niên thoát ly bổ sung nhân lực cho đội công tác, cho các đơn vị 450, 451, 452 và các cơ quan của tỉnh... Cùng bộ đội địa phương, đội công tác đào đường, đắp mô, đặt mìn đánh địch dọc tỉnh lộ 9 đoạn từ Phú Hải ra Rạng. Cùng các lực lượng đi vũ trang tuyên truyền nhiều ấp ở Rạng, Bà La, Tuy Hòa, Gò, Gộp... Đồng bào nhận nuôi thương binh còn yếu mới xuất viện từ bệnh xá huyện Thuận Phong ra, mỗi đợt từ 3 đến 4 người, Chi đoàn thanh niên phân công đoàn viên trực tiếp phục vụ, chăm sóc, tắm rửa cho thương binh Anh Năm quê ở Hàm Đức, anh

Bằng ở Phú Hải, anh Phúc quê Hàm Nhơn... là những thương binh đã được nhân dân, đoàn thể xã căn cứ Hồng Thịnh tiếp tục nuôi dưỡng, cuu mang sau khi rời trạm xá huyện Thuận Phong. ... Qua phong trào này, vào cuối năm 1968 một số thanh niên hăng hái, xông xáo được kết nạp vào Đoàn.

Một trong những phong trào tiêu biểu, xuất sắc đáng nhớ là đánh xe tăng, hạ máy bay. Sáng ngày 25 tháng 8 năm 1967 (nhằm ngày 20 tháng 7 năm Đinh Mùi), đúng vào ngày này năm trước cha anh Nguyễn Văn Xí bị giặc Mỹ bắn chết, hôm nay anh Xí đi bắn thịt rừng về cúng cha. Vừa ra rẫy, anh bị 2 chiếc trực thăng (gáo) quần thập, hình như chúng phát hiện được anh. Với lòng căm thù giặc, quyết trả thù cha, anh xiết cò. Phát thứ nhất – một chiếc xuống thập bốc cháy. Chiếc thứ hai nhào xuống, lần thứ hai anh vẫn bình tĩnh nhả đạn đúng đích, thế là chúng cùng chung số phận. Nguyễn Văn Xí, du kích thôn 2 xã Hồng Thịnh, mới tuổi 17 với khẩu súng trường Đức trong thời gian chớp nhoáng khoảng vài ba phút đã bắn rơi liên tiếp hai chiếc trực thăng (tàu gáo) của Mỹ ở ngay trên mảnh đất quê hương của mình thuộc khu vực Rừng Kén- Đường Ngang. Điều độc đáo, thú vị ở đây là một du kích trẻ chỉ bắn duy nhất 2 phát súng trường, hạ được 2 chiếc máy bay Mỹ. Xí vừa được rửa thù nhà, vừa trả nợ nước. Cùng với du kích xã Hồng Thanh, anh Xí đã sớm góp phần cho huyện, tỉnh có thêm kinh nghiệm để chỉ đạo và phát động phong trào diệt máy bay Mỹ trong toàn tỉnh lúc bấy giờ....

Quân dân căn cứ Hồng Thịnh đã phối hợp chặt chẽ với các xã căn cứ bạn như Hồng Sơn, Hồng Trung, Hồng Thanh, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được cấp trên giao như đi trinh sát, gác bù, nổ súng báo động, báo an khi phát hiện có địch càn, hoặc phục kích; đánh chống càn, đưa dân đi tránh lánh. Chặt cò cây sống rào làng chiến đấu thành nhiều lớp liên hoàn giữa các thôn, xã, đánh nhiều bãi chông, mìn, kiên cố gấp nhiều lần so với thời kỳ kháng chiến chín năm. Đi lấy nước, lấy lương thực, tải thương; đi dân công chiến trường ngắn hạn hoặc dài ngày.

Hồng Thịnh là điểm đứng chân của nhiều lực lượng nên đã cung cấp nhiều nhân, tài vật lực cho kháng chiến. Các đoàn thể nói chung, nhất là Đoàn thanh niên hồi ấy hoạt động thật sôi nổi, tham gia toàn diện các phong trào sản xuất, chiến đấu, dân công chiến trường, hợp bạn, văn hóa, văn nghệ...

Dù địch đánh phá ác liệt, đời sống, sinh hoạt bị đảo lộn nhưng những năm 1966 đến 1968 căn cứ Hồng Thịnh vẫn giữ được dân, duy trì được các mặt hoạt động, góp phần tích cực cho phong trào nhân dân du kích chiến tranh của toàn huyện Thuận Phong. Đây là thời kỳ trực tiếp đánh quân xâm lược Mỹ, bắt đầu hiểu được phần nào điểm mạnh và yếu của quân Mỹ để tìm biện pháp đối phó. Với chặn đường qua, quân dân xã nhà đã thêm trưởng thành và rút ra nhiều kinh nghiệm để vững bước tiến lên đánh cho Mỹ cút, nguy nhào.

CHƯƠNG IV

Quyết tâm giữ vững vùng căn cứ; chống địch ủa phá địa hình, lấn chiếm vùng giải phóng, gom dân lập ấp (1969 - 1972)

Thực hiện 2 gọng kèm bình định và tìm diệt, âm mưu thủ đoạn của địch đối với huyện Thuận Phong là hủy diệt vùng căn cứ và đánh phá phong trào trong vùng chúng kiểm soát. Thời kỳ này địch lập thêm tổ chức Dân ý vụ, Bình định (xây dựng nông thôn); ngoài đại đội 290 còn có đại đội 288. Về trang bị vũ khí, chúng sử dụng ngày càng tối tân như các loại bom (bom từ, bom bi, bom cam, bom xăng...), pháo (60 ly, 105 ly, 250 ly) và nhiều loại mìn (mìn cóc, mìn ba châu, mìn riếp, mìn claymor.....).

Bên cạnh việc đột kích, phục kích, chúng mở nhiều trận càn với quy mô lớn từ 100 đến hơn 1.000 quân; cùng với bộ binh là các loại cơ giới xe tăng, xe ủi phá địa hình rừng Ô Rô, rừng Rít, căn cứ của ta thành ô bàn cờ nhằm lập vành đai trắng. Có lúc lực lượng của huyện và đội công tác phải ra lại vùng ven để đứng chân.

Chúng sử dụng máy bay các loại: trực thăng (có 3 loại là gáo, chiến đấu và hai chong chóng), phản lực, khu trục, Đacôta, đầm già, cả máy bay B52 ném bom hủy diệt, không chế địa bàn đi lại, sinh hoạt và sản xuất của ta.

Địch còn huy động các loại xe: xe tăng, xe ủi, xe bọc thép càn quét, bắn phá, ủi, cày xới địa hình, lập vành đai trắng, đẩy lực lượng cách mạng ra xa dân; dùng chất độc hóa học diệt hết rừng, cây cỏ, hoa màu, nông sản, triệt phá nguồn sống của dân, phong tỏa các bầu, giếng nước; bao vây nguồn lương thực và nước sinh hoạt của vùng căn cứ...

Chúng sử dụng pháo từ các nơi bắn cấp tập suốt ngày đêm. Các cụm pháo ở núi Tà Dôn, Nồng Cà Tang, Lầu Ông Hoàng, Căng Esepic, pháo từ hạm đội 7 ngoài biển đông cũng liên tục bắn vào.

Địch huy động sức mạnh tổng hợp, càn quét ngăn, dài ngày, dùng gián điệp, chiến tranh tâm lý, tung tin, hù dọa, chiêu hồi, dụ hàng. Năm 1969, bị địch đánh phá ác liệt, đói khổ, kết hợp với sự dụ dỗ làm một số người dao động đầu hàng, chạy về vùng địch. Đội công tác Rạng, du kích xã Hồng Thịnh cá biệt cũng có kẻ bỏ đơn vị chạy chiêu hồi ...

Trong vùng tạm kiểm soát, địch thực hiện các kế hoạch bình định: cấp tốc, củng cố, phát triển; ráo riết truy lùng gặt gao, bắt cơ sở với các chiến dịch phượng hoàng, bắt càn, đánh ẩu; kiểm soát giới nghiêm, tăng cường bắt lính, đôn quân; tổ chức lực lượng nhân dân tự vệ.

Chúng ra sức củng cố tề, nguy, tổ chức các đoàn thể, phát triển Đảng dân chủ, ép các thành phần vào Đảng dân chủ (kiểu đánh trống ghi tên), lập lại ấp, rào ấp, gài mìn kiên cố. Về bộ máy nguy quyền cấp xã những năm 1965 đến 1968, chúng bổ nhiệm 5 chức danh: Đại diện xã, 4 ủy viên (hộ tịch, tài chánh, xã đội và hành chánh). Từ năm 1969 trở đi địch bắt dân bầu Chủ tịch hội đồng và xã trưởng. Nhằm củng cố tinh thần cho đám tay sai, vào khoảng tháng 7 (?) năm 1970, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu về thăm Rạng. Khán đài sân lễ đặt tại vườn dừa ông Thủ tự Thái.

Phát triển nâng cấp một số tuyến giao thông chính để cơ động trong việc càn quét đánh phá. Cuối năm 1968 sang đầu năm 1969, Mỹ tu bổ mở rộng quốc lộ I đoạn phía bắc Phan Thiết và đặt đèn pha cực mạnh trên đỉnh núi Tà Dôn rọi sáng khắp một vùng rộng lớn. Việc đi lại của ta vào ban đêm cũng gặp khó khăn.

Ở Rạng, Bà La địch củng cố toàn diện. Về tổ chức và tư tưởng, chúng thành lập Hội đồng nhân dân xã; thành lập mới lực lượng bình định nông thôn, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý bằng nhiều hình thức văn hóa, văn nghệ, thể thao... (chiếu phim, diễn văn nghệ do đám tâm lý chiến và xây dựng nông thôn tổ chức). Củng cố, ổn định tinh thần, tư tưởng cho nguy quân, nguy quyền bằng luận điệu: “Việt cộng tấn công tết Mậu Thân đã kiệt sức, không thắng nổi quốc gia. Như thế Việt Cộng nhất định phải thua”.

Chúng dùng nhiều thủ đoạn kèm dân trong ấp như xiết bóp ngày càng chặt, quy định từ 6 giờ sáng cho dân ra vườn đất cũ làm ăn, nhưng đến trước 17 giờ chiều phải có mặt trong xóm ấp. Hạn chế việc dân vào rừng làm ăn, các khu vườn đất cũ ở xa ấp cũng không được về như: Bàu Tàng, Bàu Ron, Bàu Điền...

Về quân sự, địch phân công cụ thể phạm vi đánh phá. Lực lượng bảo an, biệt kích đánh vòng ngoài, nghĩa quân vòng giữa, bình định nông thôn và nhân dân tư vệ phụ trách vòng trong. Đáng chú ý là chúng tăng cường phục kích, gài mìn, giăng lưới mật thám, tình báo; đặc biệt là hoạt động gián điệp cài con tin của bọn quân báo quận Hải Long khá lợi hại, nguy hiểm; đã làm cho ta gặp không ít khó khăn. Riêng hai đội công tác vũ trang Rạng và Bà La vào những năm 1969 đến 1972 khi ra bàn đạp hoặc đột vào ấp thường bị phục kích, vì chúng cài con tin gián điệp và cơ sở phản biến, có lần ta bị động bất ngờ, không kịp đối phó, tổn thất khá lớn.

Có hai trung đội nghĩa quân thường xuyên chốt giữ hai xã Thiện Nghiệp và Thiện Khánh. Hai đoàn bình định nông thôn thay phiên có mặt (một đoàn của quận Hải Long, một đoàn của tỉnh Bình Thuận). Hàng ngày vào khoảng 18 giờ, địch tung lực lượng gài mìn Claymore bao quanh các đồn; đến khoảng 5 giờ sáng mới gỡ mìn gom lại, bên ngoài ấp có lính canh gác suốt ngày đêm.

Trên đồi dốc Mã Thánh Rạng, địch xây dựng thêm một cụm lô cốt, bố trí một trung đội nghĩa quân chốt giữ, trang bị cả súng cối và đại liên. Từ năm 1971 địch còn lập thêm đồn ở đồi cao Đá Ông Địa...

Ở ấp Bà La địch sớm xây dựng thêm một cụm lô cốt trên đồi cao phía bắc cầu Rạng (gọi là Đồi 39). Ở đây có một trung đội nghĩa quân thường trực suốt ngày đêm nhằm ra sức khống chế các cao điểm.

Đối với vùng giải phóng và bàn đạp, từ phía ngoài các cụm lô cốt đến bìa rừng giáp ranh các xã căn cứ Hồng Thịnh, Hồng Thanh, chúng cho hai đại đội bảo an mang phiên hiệu 288 và 290 cùng trung đội biệt kích của quận Hải Long thường xuyên mai phục, đột kích đánh phá gây cho ta nhiều tổn thất, vừa bị hy sinh ở bàn đạp và ngay cả khi đang ở trong căn cứ.

Vào tháng 12 năm 1968, hai Đội công tác Mũi Né và Rạng phối hợp vào Rạng làm công tác vũ trang tuyên truyền, tiếp cận đến khu vực chợ Rạng. Đồng chí Mai Thanh Khải rà gỡ được quả mìn Claymore của địch gài. Khi nhìn vào nhà ông Nguyễn Thông cơ sở của ta, hôm ấy không thấy tháp đèn làm ám tín hiệu báo an, nên lực lượng ta biết có địch cho lệnh rút lui. Hồi ấy đội công tác không đủ sức đánh

địch, chỉ khi có bộ đội phối hợp mới làm được việc ấy. Trên đường từ Rạng về lại căn cứ, ta lọt vào ổ phục kích của trung đội số 20. Đồng chí Hùng (Bạc) đội trưởng Đội Mũi Né hy sinh trong đêm ấy.

Vào tháng 8 năm 1969, đại đội bảo an 288 càn sâu vào rừng Bến Ngạch, đến râm Thắc Rắn, cây xay Bánh Lái căn cứ Hồng Thịnh đánh vào cơ quan huyện ủy và bộ phận cơ yếu điện đài huyện Thuận Phong. May là anh em ta cảnh giác rút quân kịp thời, bảo đảm an toàn về người, chỉ mất một chiếc máy truyền tin 15 watt...

Do cách đánh phá mới của địch, những năm 1969 – 1972, cán bộ, chiến sĩ đội công tác, các cơ quan, dân căn cứ liên tiếp hy sinh cả khi ta vào ấp cũng như lúc chúng phục kích, đột kích ra vùng ta. Đội công tác ngày càng mỏng về thực lực, cơ sở bên trong cũng ít dần và rất khó phát huy tác dụng.

Từ năm 1971, lính của đại đội 290, có tên Nguyễn Văn Quốc nguyên là du kích xã Hồng Thịnh chạy về đầu hàng, thường xuyên dẫn đường vào đánh phá căn cứ, gây cho ta thêm nhiều tổn thất.

Có lần đại đội 290 đổ quân ở cầu Ông Tầm đi vào sân banh Láng Le, bọc vào đánh bên hông của căn cứ Hồng Thịnh. Nhiều trận chúng đổ quân ở Gộp càn xuống đánh sau lưng căn cứ Hồng Sơn, Hồng Thịnh. Trong hai lần liên tiếp chúng bắn chết hai người dân ở căn cứ đó là: Ngày 16 tháng 10 năm 1969 (mùng 6 tháng 9 âm lịch) bắn chết ông Trần Phê (Tư Phê) tại râm Thắc Rắn (Xác Rắn) thuộc thôn 2 xã Hồng Thịnh; tháng 12 năm 1969, đại đội 290 đổ quân ở Gộp, từ đó lưng sục vô ranh giới 2 xã Hồng Sơn, Hồng Thịnh bắn chết ông Nguyễn Rạng, dân căn cứ Hồng Sơn, sau đó thọc ra đánh phá Triền, Bàu Tàng...

Mọi hoạt động đánh phá của địch giai đoạn này đều nhằm thực hiện âm mưu bình định (cấp tốc, củng cố, phát triển...). Những năm 1970, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu bắt dân treo khẩu hiệu: “Diệt Cộng là yêu nước” và trên vách của mỗi nhà đều có vẽ lá cờ “ba que” (nền màu đỏ có ba sọc ngang màu vàng).

Về ta, tình hình nổi lên nhiều khó khăn phức tạp mới. Tâm trạng, tư tưởng nảy sinh nhiều vấn đề cần giải quyết. Thấy ta tổng tấn công trong dịp tết Mậu Thân không thắng lợi hoàn toàn, tiếp đến là Bác Hồ từ trần; một số ác ôn ảo tưởng cho rằng cách mạng sẽ thua nên tăng cường đánh phá quyết liệt, tỏ ra hống hách, ngạo mạn... Trong khi đó một bộ phận cán bộ, chiến sĩ, đồng bào ta thấy tình hình ác liệt nên dao động, hoài nghi, mất niềm tin, cầu an, bảo mạng, nảy sinh tư tưởng tiêu cực.

Về chủ trương của huyện, đây là thời kỳ huyện đảng bộ Thuận Phong liên tục được củng cố về tư tưởng, tổ chức; tăng cường sức chiến đấu và năng lực lãnh chỉ đạo. Hai lần Đại hội huyện đảng bộ huyện Thuận Phong đều tổ chức tại căn cứ xã Hồng Thịnh. Đại hội I (năm 1970), có đồng chí Lê Thứ - Bí thư tỉnh ủy xuống trực tiếp chỉ đạo. Đại hội lần II (năm 1972), do đồng chí Hồ Phú Diên – Trưởng ban Tuyên huấn tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo. Cán bộ, chiến sĩ của Hồng Thịnh góp phần bảo vệ và phục vụ các lần đại hội thành công.

Trước sự đánh phá, xúc tạt gom dân của địch, huyện ủy Thuận Phong chủ trương: chuyển một số cụ già, trẻ em, phụ nữ đau yếu tạm thời ra sinh sống ở vùng giáp ranh, vùng tranh chấp hoặc vùng địch tạm chiếm đồng thời giữ mối liên lạc với gia đình ở vùng ta, khi có điều kiện sẽ về lại căn cứ.

Động viên toàn Đảng, quân, dân trong huyện vượt qua mọi khó khăn, cố gắng lớn nhất, đẩy mạnh tiến công tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta; đánh bại về cơ bản âm mưu bình định gom dân của địch; phá ấp, mở vùng, diệt ác, giành quyền làm chủ nông thôn. Phát động quần chúng nổi dậy, xây dựng thực lực đông, mạnh cả về số và chất lượng, làm nòng cốt cho phong trào 2 chân, 3 mũi (quân sự, chính trị và binh vận).

Từ chủ trương trên, xã căn cứ Hồng Thịnh đề ra nhiệm vụ củng cố lực lượng, tăng cường bố phòng, chống càn, đưa dân đi tránh lánh, bảo vệ dân. Đẩy mạnh sản xuất trong mọi điều kiện để giữ vững căn cứ. Củng cố dân quân du kích, phát triển vũ khí tự tạo đánh xe tăng, hạ máy bay Mỹ. Đi dân công chiến trường, cung cấp nhân vật lực cho cấp trên, du kích phối hợp chặt chẽ với công binh huyện và đội công tác đánh địch mọi nơi, mọi lúc bằng tất cả sức mình.

Hai Đội công tác Rạng, Bà La cũng chuyển phương thức hoạt động phù hợp hơn; phối hợp với du kích các xã căn cứ và bộ đội để đánh địch, vừa tấn công địch ở phía trước vừa góp phần bảo vệ dân, bảo vệ căn cứ; củng cố khả năng phòng thủ ở phía sau. Những năm 1969 – 1972, địch đánh phá, truy bắt gắt gao, cơ sở trong ấp liên tiếp bị tù đày; ta vào ấp cũng thường bị tổn thất... Do đó, đội công tác hạn chế việc trực tiếp vào ấp mà móc nối cơ sở, dân ra vườn đất cũ làm ăn để tiếp xúc nắm tình hình, xây dựng phát triển thực lực, xây dựng cảm tình, cơ sở, cốt cán; bám chặt vườn đất cũ, bám sát dân bằng phương thức càn cầu.

Về công tác tổ chức, hoạt động của hai Đội công tác Rạng, Bà La cũng được tăng cường. Đến giữa năm 1968, thường vụ huyện ủy điều đồng chí Trần Văn Năm về công tác ở huyện đội. Đồng chí Cao Hoài Phong thay đồng chí Năm làm đội trưởng (từ tháng 6 năm 1968 đến tháng 6 năm 1969). Giữa năm 1969, đồng chí Phong được chuyển về công tác ở văn phòng huyện ủy, đồng chí Mai Thanh Khải là đội phó lên làm đội trưởng (từ tháng 6 năm 1969 đến cuối năm 1974).

Những năm ác liệt (1968 đến 1972), Đội công tác vũ trang tuyên truyền Rạng được củng cố, bổ sung; thực lực khá đông, hoạt động tích cực đồng thời hy sinh, tổn thất cũng khá lớn.

Những lúc đông đủ đội Rạng có khoảng 10 người. Trong những năm ấy, các đồng chí sau đây đã từng là cán bộ, đội viên thuộc đội công tác Rạng: Cao Hoài Phong, Mai Thanh Khải, Lê Thị Ngọc Huỳnh, Nguyễn Thị Cảnh, Võ Thị Ngọc Hoa, Nguyễn Văn Hai, Mai Văn Linh, Nguyễn Văn Thiên, Trần Văn Chiêm, Trần Văn Tư, Trần Văn Xuông, Trần Văn Hồ, Bùi Văn Cu, Anh Ba Nhỏ, Nguyễn Văn Dương, Huỳnh Văn Luân, Trần Văn Chân (Sáu Chân), Nguyễn Văn Nhuận, Nguyễn Thị Mai (chị Mười Mai bị địch bắt tháng 02 năm 1969). Chỉ trong hai năm 1969 và 1970, nhiều anh, chị liên tiếp hy sinh như Phạm Văn Minh, Trần Văn Chiêm, Huỳnh Văn Luân, Trần Văn Tư, Trần Văn Xuông, Bùi Văn Cu....

Ngoài số cơ sở cũ như: Nguyễn Thị Sáu, Đỗ Thị Năm, Đỗ Thị Nét, Lê Văn Thiệt, Lê Thị Khá, Đỗ Bính, Lê Thị Mực... ta còn phát triển thêm một số cơ sở mới như: Ngô Quý, Nguyễn Đền, Huỳnh Thị Sự do Ngô Quý làm tổ trưởng. Thật đáng quý, trong hoàn cảnh khó khăn nhưng cơ sở bên trong đã nỗ lực làm được một số việc thiết thực giúp đỡ cách mạng như: vận động nhân dân đấu tranh chống lại thủ

đoạn kèm kẹp của địch. Vận động bà con góp kinh phí chôn cất chiến sĩ ta bị hy sinh nằm lại trong ấp. Tiếp tế, cung cấp tình hình, nhu yếu phẩm...

Một số cơ sở mới được xây dựng đã phát huy tác dụng tốt như hai vợ chồng ông Nguyễn Thông và bà Trần Thị Tùng, nhà ở gần chợ Rạng; hai ông bà đã vận động dân chống địch kèm kẹp, không cho dân đi lại làm ăn; ông lập bàn thờ thiên (trời) trước nhà để thấp đèn, nhang làm ám tín hiệu cho đội công tác vào ấp an toàn hơn.

Cơ sở yếu, không những khó vào ấp mà công tác vận động nhân tài vật lực lại càng thêm hạn chế. Những lúc khó khăn, đứt liên lạc với cơ sở ta vào ấp thường bị hy sinh vì vướng mìn của địch. Thời điểm ác liệt (từ năm 1970 đến năm 1971) ở Rạng chỉ còn hai vợ chồng anh Lê Văn Thành và chị Trần Thị Canh thông qua hình thức hợp pháp nhận lãnh bò đàn chăn thả vào rừng, tiếp xúc với đội công tác ở khu vực chợ cây Xay, Râm Tre (Hàm Nhơn).

Những năm 1967 đến 1968, nhiều chiến sĩ hy sinh; năm 1969 Đội công tác Bà La đã được huyện ủy kịp thời quan tâm chỉ đạo củng cố. Đồng chí Nguyễn Thăng Long làm đội trưởng (hy sinh ngày 27 tháng 3 năm 1969). Đồng chí Nguyễn Thanh Liêm được bổ sung lên làm đội trưởng (từ năm 1969 đến tháng 01 năm 1973). Chiến sĩ, đội viên gồm có: Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thị Năm, Phan Thị Biên, Nguyễn Văn Sáu, Trần Thị Lành, Nguyễn Văn Hai, Nguyễn Thị Phụng, Trần Thị Thân....

Cùng với Đội công tác Rạng, đội Bà La cũng chuyển phương thức hoạt động; khi nào phối hợp với các lực lượng trên đủ mạnh mới vào ấp, còn lại hàng ngày tìm cách liên lạc dân, cơ sở về vườn đất cũ để tiếp xúc, tuyên truyền, nắm tình hình, phát triển cơ sở hoặc xây dựng quần chúng cảm tình với cách mạng... Khoảng 10 ngày, nửa tháng ta mới gặp được dân một lần ở vườn, rẫy thuộc khu vực Bàu Me, Bàu Nổi, Me Đồi. Số cơ sở trung kiên ở ấp Bà La còn giữ mối liên lạc với đội công tác không nhiều như: Nguyễn Thị Nhỏ (Sáu Nhỏ), Lê Thị Khá...

Ấp Bà La nằm ở vị trí dưới chân đồi dốc khá cao, gần đồn giặc kiểm soát nên ta rất khó vào. Đội công tác Bà La là một trong những đội công tác yếu, khó trong toàn huyện, thực lực mỏng, do đó thường phối hợp chặt với Đội công tác Rạng, Mũi Né, huyện đội và du kích xã căn cứ Hồng Thịnh để vào ấp tiến hành vũ trang tuyên truyền, làm 5 bước công tác dân vận (điều tra, tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện và đấu tranh).

Khi có điều kiện nhiều cơ sở hoạt động bí mật ở bên trong vùng địch kiểm soát đã tiếp tế, đi liên lạc, cung cấp tình hình. Nhiều người bị địch bắt tra tấn tù đày ở quận Hải Long hoặc đưa vô giam giữ tại nhà lao Phan Thiết. Ở Rạng có: Võ Tôn, Huỳnh Thị Quyết, Mai Nhánh, Trần Thị Thương, Nguyễn Thị Liễu, Nguyễn Thị Mươi, Nguyễn Thị Tường.. Ở Bà La có: Nguyễn Huệ (Quê), Nguyễn Út, Trần Thị Hạng, Lê Văn Trinh....

Tiêu biểu điển hình nhất ở vùng này là bà Nguyễn Thị Nhỏ; những năm 1966 –đến 1972 bị địch bắt tra tấn, cầm tù nhiều lần ở quận Hải Long và nhà lao Phan Thiết nhưng bà vẫn ngoan cường, bền bỉ tiếp tục hoạt động. Từ một cơ sở trung kiên, ngày 25 tháng 9 năm 1969 bà được kết nạp vào Đảng. Kể từ đó mãi đến cuối năm 1972 đồng chí Nhỏ vinh dự là đảng viên cộng sản duy nhất ẩn mình bám trụ trong lòng địch. Sang năm 1973, dự đoán địch có thể thủ tiêu nên tổ chức đồng ý cho đồng

chí Nhỏ thoát ly ra căn cứ. Quá căm tức người đảng viên trung liệt, địch tịch thu toàn bộ gia sản, phá dỡ ngôi nhà thân yêu của bà. Bà là một trong những tấm gương sáng hoạt động trong lòng địch và đấu tranh trong nhà tù của giặc...

Phối hợp với các lực lượng phá ấp, mở kèm; thực hiện chủ trương của huyện ủy Thuận Phong, những năm 1969 đến 1972, đội công tác Rạng, Bà La, du kích xã Hồng Thịnh thường xuyên phối hợp với bộ đội địa phương huyện bám vùng ven, vào ấp đánh địch, vũ trang tuyên truyền, phát triển thực lực, trong đó có một số trận đánh đạt kết quả tốt, gây cho địch tổn thất và thối động, nhất là vào cuối năm 1969.

Đêm ngày 03 tháng 01 năm 1969, Đội công tác Rạng, Đội công tác Bà La và du kích xã Hồng Thịnh phối hợp vào ấp vũ trang tuyên truyền. Lực lượng ta tuy ít nhưng đã chia thành hai mũi. Mũi 1: Vào Rạng phá hư hồng nặng trụ sở xã, tiêu diệt 3 tên nghĩa quân. Mũi 2: Đồng loạt tập kích bọn địch đóng ở đôn cầu Rạng, diệt tại chỗ 1 tên, số còn lại bỏ chạy thoát thân...

Tiếp đó, đêm ngày 05 tháng 11 năm 1969, hai đơn vị 450 và 482 cùng Đội công tác Bà La đột nhập vào ấp Phú Sơn (thuộc Bà La, xã Thiện Nghiệp). Lực lượng ta vừa đến bìa ấp, chó trong xóm đánh hơi sủa rộ nên địch đề phòng, cảnh giác. Với quyết tâm cao, anh em vẫn khẩn trương tiếp cận mục tiêu không lùi bước. Khi chúng vừa phát hiện, chiến sĩ ta đã nhanh chóng phát lệnh nổ súng phủ đầu. Cụm địch thứ nhất bị diệt 07 tên, các cụm còn lại vừa bắn loạn xạ, vừa kêu cứu khẩn cấp về chi khu quận lỵ Mũi Né xin tiếp viện. Khoảng 15 phút sau, địch bắn đèn sáng rực, pháo ngoài biển, pháo bờ và máy bay quần đảo bắn xối xả quanh trận địa. Tất cả anh em ta đều bình tĩnh, nhanh chóng rút lui an toàn.

Từ năm 1971 đến năm 1972, đội công tác Rạng thực hiện khá hiệu quả việc đánh trả thủ đoạn gài mìn claymor của địch. Nhờ cán bộ của huyện đội hướng dẫn sâu kỹ cho đội công tác và du kích xã về kỹ năng rà mìn, gỡ mìn và đánh trả, ta đã làm hạn chế chiến thuật gài mìn của địch. Một số lính nguy đã chết vì chính những quả mìn của chúng.

Vào giữa tháng 8 năm 1970, Đội công tác Rạng đã gỡ mìn và gài đánh trả diệt được tên thiếu úy đồn trưởng và 2 nghĩa quân. Tháng 6 năm 1971, cũng bằng chiến thuật ấy, ta diệt tiếp 1 tên trung sĩ. Tháng 7 năm 1971, ta gài lại quả mìn claymor và 2 quả M26, làm chết 01 và bị thương 04 tên...

Bọn biệt kích và quân báo quận Hải Long gây nhiều tội ác, ta chủ trương quyết tâm tiêu diệt. Tháng 10 năm 1971, bộ đội địa phương huyện phối hợp với đội công tác lên kế hoạch phục kích ở khu vực giồng Thầy Ba. Đúng như dự kiến, hai đơn vị hiếu chiến đó là trung đội nghĩa quân 20 và tiểu đội tình báo quận Hải Long lọt vào trận địa. Ta diệt chết tên trung sĩ Nguyễn Văn Lùn, hai tên khác bị thương, địch tháo chạy. Trung sĩ Lùn là tên ác ôn đã từng gây nhiều nợ máu với cách mạng với nhân dân mãi đến nay mới đền tội, cơ sở cách mạng phẫn khởi.

Đêm 15 tháng 02 năm 1971, lực lượng 450 và 452 tập kích trung đội nghĩa quân 45 tại Rạng, diệt 1 tên và làm bị thương 2 tên. Ngày 02 tháng 01 năm 1972, hai đơn vị 450 và 452 phục kích tại khu vực Mã Thánh trên đóc Rạng, đánh hai trung đội nghĩa quân 20 và 37, diệt tại chỗ 2 tên và làm bị thương 3 tên.

Sau khi đến hộp thư và gặp cơ sở trở về, vừa tới khu vực cây Xay Đồi, anh Phạm Minh Trí là cán bộ huyện Thuận Phong tăng cường xuống giúp Đội công tác

Bà La, lọt vào ổ phục kích của địch. Dù bị thương nặng nhưng anh vẫn dũng cảm trụ dưới hầm đông chiến đấu đến hết đạn và hy sinh vào chiều ngày 14 tháng 8 năm 1972 (16 tháng 7 năm Nhâm Tý). Địch gọi trực thăng chở anh về quận Hải Long. Mãi đến nay tổ chức và gia đình vẫn chưa tìm được hài cốt của Phạm Minh Trí – một người con thân yêu của quê hương Thiện Nghiệp.

Quân dân xã căn cứ Hồng Thịnh cùng các xã bạn bám trụ, đánh địch giữ vững vùng căn cứ dù phải vượt qua lắm chông gai thử thách. Những năm 1969 đến 1972, chiến trường Hồng Thịnh nói riêng, vùng căn cứ Thuận Phong nói chung vô cùng khốc liệt, địch đánh phá bằng các lực lượng, phương tiện với nhiều mưu mô thủ đoạn. Về tương quan lực lượng thì chúng đông hơn ta gấp nhiều lần.

Những năm 1970 đến 1972, địch dùng xe tăng đuổi rượt, ủi sập hầm, bắt, bắn giết cán bộ, đồng bào. Chiến sĩ của đội công tác, du kích có lúc phải dùng hầm bí mật bám vùng ven, để tạo thế chiến đấu.

Địch huy động bộ binh, cơ giới vào vùng giải phóng, vùng ven, ủi, cào nhà, xúc dân lên xe chở vào hai ấp Gò và Gộp, trong đó có cả dân của xã Hồng Thịnh. Vấn đề dồn dân và chống dồn dân trở thành sự sống còn, thành bại và giằng co quyết liệt. Địch ra sức dồn dân lập ấp, ta quyết giữ đất, giữ dân, giữ địa bàn..

Từ năm 1969 đến năm 1972, một số ít người chịu đựng không nổi đã bỏ vùng ta chạy vào vùng địch, về Ty chiêu hồi. Địch ở Bình Thuận và quận Hải Long chuyên sử dụng bọn đầu hàng, phản bội quay lại đánh phá ta rất ác liệt. Trong đó có 3 tên nguyên là cán bộ chỉ huy của đơn vị 450 (Sơn Kè, Trúc Mẫm và Huỳnh Văn Ngọc), tên Phúc là cán bộ đặc công Tỉnh (C5) và Nguyễn Văn Quốc (du kích xã Hồng Thịnh). Bọn này thuộc địa hình, nắm chắc phương thức hoạt động của ta nên dẫn địch đánh phá, nguy hiểm nhất là đại đội 290 luôn sâu vào căn cứ, gây cho toàn huyện cũng như xã nhà thêm khó khăn...

Quân, dân Hồng Thịnh thể hiện rõ khí phách ngoan cường. Một số người già yếu, phụ nữ có con nhỏ đã nghe lời Đảng gọi tạm thời lánh ra hai ấp chiến lược Gò và Gộp sống hợp pháp. Còn lại dân trong căn cứ Hồng Thịnh lúc này chủ yếu là số sinh lực, mỗi người dân là một chiến sĩ. Mặc cho khó khăn, ác liệt, quân dân căn cứ Hồng Thịnh vẫn bám trụ kiên cường, phối hợp chặt với các xã bạn (Hồng Liêm, Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Sơn), chống âm mưu ủi phá địa hình, lập vành đai trắng, dồn dân, lập ấp của địch...

Bắt đầu từ năm 1969, công binh huyện huấn luyện, tập huấn rất sâu kỹ, tỉ mỉ cho du kích xã và đội công tác biết kỹ thuật chế tạo trái nỏ và cách đánh mìn, dùng mìn tự tạo, đầu đạn, trái nỏ diệt xe tăng, bọc thép, xe ủi của Mỹ.

Trong những tháng Hè – Thu năm 1969, hai Đội công tác Rạng, Bà La thường sát cánh cùng du kích, dân quân xã Hồng thịnh đánh trả những trận càn quy mô lớn của địch, vừa đưa dân đi tránh lánh. Trong một trận chống càn ác liệt không cân sức vào cuối năm 1969, anh Phạm Văn Minh, cán bộ Đội công tác Rạng bám trận địa chiến đấu và anh dũng hy sinh.

Giằng co quyết liệt nhất là khoảng thời gian 10 ngày khói lửa (ngày 10 đến ngày 20 tháng 8 năm 1969), du kích hai xã Hồng Thịnh, Hồng Sơn đã sát cánh bên nhau đánh lui hai chi đội xe bọc thép của địch. Riêng trong đợt này du kích các xã đã phá hủy một số xe bọc thép và xe ủi của địch. Chị Tô Thị Phượng, xã đội phó xã

Hồng Thịnh đã trực tiếp chỉ huy và cùng du kích dùng đầu đạn pháo 105 ly, gắn kíp nổ đánh cháy 1 xe tăng Mỹ. Qua những thiệt hại nặng nề trên, hai chi đội xe bọc thép ở đồn Gộp chùn bước, không dám ngang nhiên, lộng hành vào ủi phá các xã căn cứ như trước.

Máy bay, xe tăng và giặc Mỹ đều phải đền tội tại mảnh đất này. Thù nhà, nợ nước và tình yêu quê hương đã hun đúc những người con gái, con trai Thiện Nghiệp, Thiện Khánh trở nên cứng cỏi. Ở hậu phương, tại quê nhà là thế, khi được bổ sung vào bộ đội địa phương huyện và lính chủ lực các anh càng tiếp tục chiến đấu ngoan cường.

Nguyễn Tấn Định sinh năm 1952, lớn lên ở vùng quê Thiện Nghiệp. Anh vào căn cứ xã Hồng Thịnh năm 1965, đầu năm 1968 mới chưa tròn 17 tuổi đã thoát ly gia nhập đơn vị đặc công quân khu 6. Anh Định tham gia hàng chục trận đánh, luôn sẵn sàng nhận mọi khó khăn về mình; cùng đồng đội lập nhiều chiến công hiển hách. Trong trận đánh vào cứ điểm Sông Quao lần thứ 5 đêm 31 tháng 3 năm 1970, Anh được giao nhiệm vụ làm tổ trưởng tổ thọc sâu vào trận địa. Khi có lệnh nổ súng, đồng chí phá nốt vòng rào cuối cùng dẫn đồng đội xông lên tiêu diệt xe M113. Địch tập trung hỏa lực bắn chặn quyết liệt; chiến sĩ xạ thủ B.40 bị thương; Anh liền lấy khẩu súng ấy bắn hỏng xe tăng của địch tạo điều kiện cho toàn đơn vị tiêu diệt địch. Ngày 01 tháng 4 năm 1970, anh đã dũng cảm hy sinh với cấp bậc B phó trong lúc đang chiến đấu tiêu diệt cụm xe cuối cùng của địch trong căn cứ Sông Quao. Anh được tặng thưởng một huân chương quân công hạng Ba, 3 huân chương chiến công giải phóng hạng Ba; 8 giấy khen và bằng khen; nhiều lần được tặng danh hiệu dũng sĩ diệt Mỹ, diệt xe cơ giới và một lần chiến sĩ thi đua. Ngày 19 tháng 5 năm 1972, Nguyễn Tấn Định được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam truy tặng danh hiệu anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng.

Nguyễn Tấn Định, Nguyễn Văn Xí và nhiều anh, chị em khác đã trở thành niềm kiêu hãnh tự hào của đồng bào Thiện Nghiệp – một vùng quê nghèo khó nhưng biết sản sinh ra những đứa con dũng cảm, mưu trí, giàu lòng yêu nước, góp phần làm rạng rỡ quê hương.

Từ năm 1969 đến năm 1970, địch càn quét, đánh phá ác liệt, xúc tác dân, người già, trẻ em không thể sống được ở căn cứ, phải di chuyển liên tục. Trước tình hình đó, chấp hành chủ trương của huyện, chi bộ xã Hồng Thịnh lãnh đạo nhân dân căn cứ phải tạm thời chia mỗi gia đình thành hai bộ phận. Số sinh lực bám trụ căn cứ, chiến đấu và sản xuất; người già, phụ nữ, trẻ em tạm thời lánh vào hai ấp chiến lược của xã Long Phú (Hồng Sơn). Nhờ đó, nhân dân căn cứ Hồng Thịnh chia thành hai lực lượng vừa làm tròn nhiệm vụ ở hậu phương, vừa xông pha ra tiền tuyến.

Một thôn của căn cứ Hồng Sơn nằm trong địa giới của xã Hồng Thịnh. Mặt khác đồng bào Hồng Sơn ở trong hai ấp Gò và Gộp, trong đó có dân Hồng Thịnh về sống hợp pháp đã phối hợp nhau đẩy mạnh phong trào 2 chân, 3 mũi phá thế kềm kẹp của địch, bung về vườn đất cũ làm ăn, liên lạc với cách mạng. Từ đó Hồng Sơn trở thành bàn đạp, lực lượng hậu cần của các xã căn cứ Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh... Các xã căn cứ đã phối hợp chặt với du kích, đội công tác Hồng Sơn để bám gia đình ở vùng ven, vừa liên lạc nhau thông qua tình cảm gia đình, vừa trao đổi tiền, hàng, tin tức; tạo ra thế xen cài răng lược giữa vùng ta và vùng địch.

Về công tác đảng trước tình hình khó khăn, ác liệt, cần phải tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp của tổ chức đảng. Năm 1970, chi bộ xã Hồng Thịnh tiến hành đại hội, bầu chi ủy mới gồm các đồng chí: Nguyễn Thị Sang, Phan Văn Thu, Nguyễn Văn Lộc, Tô Thị Phượng... do đồng chí Sang làm bí thư. Chi bộ đã phát huy tốt vai trò của mình; lãnh đạo chặt chẽ công tác tư tưởng, tổ chức, đề ra nhiệm vụ, biện pháp sát đúng để giữ vững phong trào trong những năm đầy khói lửa.

Cùng với phong trào chung toàn huyện, năm 1972, xã căn cứ Hồng Thịnh từng bước ổn định và tạo thế, tạo lực vươn lên toàn diện... Trước hết là phong trào đánh chông, bố phòng, đánh chông càn bảo vệ căn cứ; diện tích đánh chông ngày càng mở rộng; sau đó là đẩy mạnh sản xuất tự túc, đi dân công chiến trường...

Mùa hè năm 1972, huyện Thuận Phong tổ chức một mô hình dân vận mới, đó là: “Đại hội nhân dân”, thời gian kéo dài khoảng một tháng. Toàn huyện đã tổ chức được 7 cuộc Đại hội tập trung thu hút hai đối tượng: Đại hội gồm các đại biểu thuộc vùng địch tạm chiếm và Đại hội gồm các đại biểu vùng căn cứ;

Đại hội nhân dân mang ý nghĩa như Hội nghị Diên Hồng trong thời chống quân xâm lược Mỹ; có nhiều nội dung cơ bản: quán triệt tình hình, nhiệm vụ mới, thảo luận và giải đáp khó khăn, vướng mắc, nghe kết quả diễn biến của hội nghị Paris... khẳng định quyết tâm và bàn biện pháp đánh Mỹ.

Căn cứ Hồng Thịnh vinh dự là một trong những địa điểm được huyện chọn mở Đại hội này. Đặc biệt có đồng chí Hồ Viết Hách là cán bộ lãnh đạo Ban Tuyên huấn Khu 6 xuống trực tiếp truyền đạt thông tin giúp đại biểu hiểu sâu, nắm chắc vấn đề và củng cố thêm lòng tin.

Tiếp sau “Đại hội nhân dân” là đợt cao điểm “chồm lên” trước khi Hiệp định Paris được ký kết.

Qua những đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, quân, dân, phong trào chiến đấu, sản xuất, thi đua diệt Mỹ của Hồng Thịnh có nhiều chuyển biến. Một trong những sự kiện, chiến tích tiêu biểu, nổi bật đó là hạ máy bay Mỹ. Nhờ nắm chắc quy luật là chiếc máy bay đâm già thường lên đây quần đảo xuống thấp nhằm phát hiện mục tiêu, thả trái mù chỉ điểm cho máy bay phản lực ném bom nên chi ủy chỉ đạo cho xã đội phân công anh em thay phiên nhau phục kích.

Thời cơ tốt đã đến. Khoảng 8 giờ sáng ngày 05 tháng 4 năm 1972, anh Đoàn Văn Bụi (xã đội phó) và anh Lê Văn Thảo, du kích đang ngồi gác trên núi Nhỏ. Các anh phát hiện chiếc L19 từ trên cao bỗng lao nhanh xuống thấp, định thả trái mù chỉ điểm cho máy bay Đacôta đến bắn phá. Hai anh Bụi và Thảo liền động viên nhau hạ quyết tâm; nhanh như chớp, hai anh đồng loạt nổ súng thật bình tĩnh và chính xác. Chiếc “Đâm già” phụt cháy, như bó đuốc khổng lồ bay lết thêm một quãng ngắn thì rơi nhào xuống rẫy dưa thuộc địa danh Láng Rộng xã Hồng Trung, cách núi Nhỏ khoảng 1.000 mét.

Cán bộ, chiến sĩ, đồng bào toàn huyện vui mừng. Huyện ủy gửi thư khen và thưởng cho xã đội, du kích 2 kg đường cát và 2 hộp sữa bò. Niềm vui sướng và phần thưởng cao quý nhất đối với các anh là máy bay Mỹ phải khiếp sợ không còn ngạo mạn, đánh phá căn cứ của ta như trước. Từ đó, đồng bào đã gọi nơi đây bằng cái tên thân thương thứ hai là “Láng Đâm Già” với niềm kiêu hãnh, tự hào về một chiến công của quân dân Hồng Thịnh.

Những năm 1969 đến 1972, dù địch tập trung càn quét, ủi phá địa hình, lập vành đai trắng, dồn dân quyết liệt, ta chịu nhiều tổn thất, hy sinh... nhưng quân dân Hồng Thịnh đã đứng vững, vừa giữ căn cứ, vừa chi viện cho phía trước. Tham gia toàn diện các phong trào chiến đấu, sản xuất, bố phòng, chống càn, diệt xe tăng, xe ủi, máy bay Mỹ; cùng các lực lượng bám vào các cơ sở ở trong ấp Gò, Gộp, Rạng, Bà La; giữ mối liên lạc giữa hai vùng ta và địch, tạo thế đứng chân mới, cung cấp nhân tài, vật lực cho huyện, tỉnh và cho các đội công tác.

Một số tập thể và cá nhân của căn cứ Hồng Thịnh đã được các cấp khen thưởng; trong đó có Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng Phan Văn Thu được Ủy ban nhân dân cách mạng Tỉnh Bình Thuận tặng bằng khen với thành tích xuất sắc: “Chăm lo đời sống nhân dân, tích cực gương mẫu trong mọi công tác, được nhân dân tin tưởng”. Đây là hành trang quan trọng để quân dân ta tiếp tục bước vào cuộc chiến đấu mới.

CHƯƠNG V

Củng cố thực lực, trực tiếp chiến đấu góp phần giải phóng quê hương. (1973 - 1975)

Âm mưu, thủ đoạn của địch. Những năm 1973 đến 1975, sau khi Hiệp định Paris về Việt Nam được ký kết, Mỹ rút quân quy mô và sức càn quét, đánh phá của địch ở tỉnh Bình Thuận nói chung huyện Thuận Phong nói riêng giảm hơn trước. Đời sống, sinh hoạt, đi lại của các lực lượng ta bớt khó khăn; nhân dân ở vùng căn cứ từng bước ổn định dần. Riêng địch ở quận Hải Long chẳng những không giảm mà còn tăng cường đánh phá mông nam của huyện Thuận Phong với nhiều thủ đoạn mới tinh vi, thâm độc cả việc cài con tin, gián điệp và máy thu tiếng động...

Tuy nhiên, trước tình hình địch vi phạm Hiệp định Paris, thực hiện khẩu hiệu “4 không” của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu (không thực hiện ngừng bắn, không bắt tay, không thỏa hiệp, không đàm phán với Cộng sản) và triển khai kế hoạch hậu chiến. Tỉnh trưởng Ngô Tấn Nghĩa hò hét xua quân ra lấn chiếm vùng ven Phan Thiết, dọc đường I, đường 8. Địch không thi hành Hiệp định, không ngừng bắn, mà tiếp tục giành dân, lấn đất, ủi phá lấn chiếm địa hình; thực hiện âm mưu Việt Nam hóa chiến tranh...

Ở Thuận Phong nói chung, Rạng, Bà La, căn cứ Hồng Thịnh nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn. Thực lực các đội công tác mỏng, cơ sở, cốt cán chính trị trong các ấp rất ít, đồng chí Nguyễn Thị Nhỏ, đảng viên trong ấp Bà La bị địch tình nghi, theo dõi quản thúc buộc phải chạy ra vùng căn cứ, còn lại một số cơ sở, cảm tình khác ta chưa liên lạc được.

Ở vùng tranh chấp, địch xua quân lấn chiếm, ủi phá địa hình nhằm thu hẹp vùng giải phóng, mở rộng vùng địch kiểm soát, giành đất, giữ dân. Chúng lập nông trường từ giồng Thầy Ba đến Bàu Sen trồng bông, mè, khoai mì nhằm lập vành đai ngăn chặn sự giao tiếp giữa lực lượng cách mạng với nhân dân trong vùng bị kìm. Địch ủi phá một vùng rộng lớn từ giồng Thầy Ba, Bàu Sen đưa lực lượng nghĩa quân

ra chốt giữ... Theo kế hoạch, địch lần chiếm ở xã Thiện Nghiệp từ giồng Thầy Ba đến Bàu Sen, Hòn Một, Láng Lớn. Nhưng mới cày ủi được gần 100 ha thì bị ta chặn đánh phải dừng lại.

Ở vùng căn cứ, bàn đạp, địch không đánh với quy mô lớn như trước mà chủ yếu là tăng cường đột kích, phục kích, biệt kích, cài gián điệp... đánh phá. Đội công tác, cán bộ, chiến sĩ tiếp tục bị hy sinh; khó khăn lớn nhất là giảm sút thực lực.

Ở trong ấp, địch đẩy mạnh đồn quân, bắt lính. Tại Rạng, Bà La địch cấm đoán nghiêm ngặt hơn, không cho dân ra vườn đất cũ sản xuất, nhiều người phải đi làm thuê, gánh mướn, hoặc bỏ quê đến nơi khác tìm kế sinh nhai.

Nhằm ngăn chặn không cho dân tiếp xúc đội công tác, bọn tình báo, tầm nã, cảnh sát quận Hải Long thường xuyên lùng sục, hù dọa dân, đồng thời tổ chức hệ thống gián điệp, mật vụ... Cơ sở bên trong nhiều ấp liên tiếp bị bẻ vỡ, nhất là từ đầu năm 1974, đồng chí Cao Hoài Phong huyện ủy viên hy sinh, địch lấy được tài liệu, nhiều đảng viên, cơ sở ở mảng Tuy Hòa, Phú Long bị bắt. Tình hình của huyện Thuận Phong nói chung, mảng 3 nói riêng càng khó khăn thêm.

Bên ngoài ấp cũng như các đường mòn dẫn vào ấp, địch tăng cường gài mìn phục kích. Bên ngoài vùng căn cứ, bàn đạp chúng đột kích đánh phá đội công tác và lực lượng du kích. Thực lực của hai đội công tác Rạng, Bà La từ năm 1973 đến 1974 mỏng dần; cơ sở bên trong hai ấp có lúc gần như bị trắng.

Chủ trương của huyện Thuận Phong, sau khi có Hiệp định Paris, trước những thuận lợi, khó khăn mới, huyện ủy Thuận Phong chỉ đạo: *“Ra sức động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân phấn khởi, tự hào tiếp tục chiến đấu, đánh bại âm mưu bình định lấn chiếm của địch, giành đất, giành dân, giành quyền làm chủ, vận động đồng bào dựa vào pháp lý Hiệp định đấu tranh đòi bung ra đất cũ, bám ruộng vườn. Tiếp tục mở phong trào và phát triển cơ sở vào vùng sâu, vùng yếu, ra sức xây dựng, củng cố vùng giải phóng vững mạnh về mọi mặt; tích cực phát triển lực lượng chính trị và vũ trang....*

Toàn huyện ra sức tuyên truyền, phát động quần chúng đưa lên thành cao trào đấu tranh chính trị, vận động binh lính thực hiện hòa hợp, hòa giải dân tộc, làm cho họ cầu an, tiêu cực. Hết sức phát huy pháp lý Hiệp định, buộc địch ngừng bắn và thực hiện các quyền tự do dân chủ.

Về vũ trang thì lập thể đứng sát trên các địa bàn, vây ép đánh chặn không cho địch bung xia lấn chiếm, kết hợp với các lực lượng bên trong diệt ác; kịp thời trừng trị bọn vi phạm Hiệp định, bắt bớ, khủng bố nhân dân. Thực hiện tốt phương châm: Kết chặt 3 mũi giáp công và pháp lý Hiệp định, đánh phá âm mưu bình định lấn chiếm, giành dân, giành quyền làm chủ, vận động dân bung ra bám đất cũ, đi đôi xây dựng vùng giải phóng, phát triển thực lực...”.

Thực hiện chủ trương của huyện, xã căn cứ Hồng Thịnh và hai Đội công tác Rạng, Bà La phối hợp với các lực lượng của trên đẩy mạnh các hoạt động toàn diện cả phía trước lẫn phía sau.

Phong trào giành đất cấm cò của hai đội công tác. Những ngày cuối tháng 01 năm 1973 và đầu tháng 02 năm 1973, đã diễn ra việc giành đất cấm cò, tranh chấp giằng co quyết liệt giữa ta và địch, nhất là trong khoảng 10 ngày sau khi Hiệp định Paris được ký kết (ngày 27 tháng 01 năm 1973 đến ngày 10 tháng 02 năm 1973).

Với sự chuẩn bị từ trước, sáng ngày 28 tháng 01 năm 1973, cờ giải phóng được tung bay phất phới, ngạo nghễ khắp một vùng rộng lớn: Đá Vàng, chùa Ông Bái, Me Đồi, Bàu Ghe, Bàu Me, Láng Cháy, Láng Im, ... đồi cao gần mũi đá Ông Địa. Hầu hết ở các cây cao, trên đồi cao đều có cờ của Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam.

Ngày 27 tháng 01 năm 1973, Đội công tác Rạng bám trụ cắm cờ, giữ đất từ đồi Miếu Điền đến giáp Láng Cháy, từ đồi Cây Cày đến Đá ông Địa... Địch tung quân phản kích quyết liệt, chúng nhổ cờ của ta, cắm cờ ba que. Lực lượng địch quá đông, trang bị hiện đại, đội công tác phải rút quân. Đồng chí Nguyễn Văn Bảy (Bảy Óm) đã hy sinh vì trúng đạn cối của địch trong lúc đang giữ cờ. Những ngày tháng ấy chiến sỹ ta phải giành với địch từng ngọn cây, đồi dốc...

Tuy lực lượng mỏng, yếu nhưng Đội công tác Bà La vẫn cố gắng bám dân, bám địa bàn đánh địch, không cho chúng nhổ cờ của ta. Ngày 29 tháng 01 năm 1973, địch vào Me Đồi nhổ cờ giải phóng, bị trúng mìn của đội công tác (cài dưới cờ). Địch gọi trực thăng đến lấy xác, vùi và bỏ lại một bàn chân của tên lính.

Nghe dân phản ảnh tình hình, sáng ngày 30 tháng 01 năm 1973, ba đồng chí Trần Thanh Bình, Đoàn Văn Bụi và Nguyễn Thanh Liêm ra kiểm tra nắm lại thông tin. Bị địch phục kích, đồng chí Liêm, đội trưởng Đội công tác Bà La hy sinh tại vườn dừa ông Hai Trừ (Bàu Quéo).

Đêm 25 tháng 12 năm 1973, bộ đội địa phương huyện phối hợp với đội công tác đánh vào trụ sở xã Thiện Khánh; 4 tên lính nghĩa quân bị thương, địch tháo chạy. Ta vũ trang tuyên truyền phát động quần chúng rồi rút lui an toàn.

Đánh địch ủi phá, lấn chiếm địa hình, lấn đất, lập nông trường. Nhằm thực hiện âm mưu hậu chiến, từ tháng 4 năm 1974, tiểu khu Bình Thuận và quận Hải Long khuyến khích và tạo điều kiện cho bọn nhà giàu và có thế lực trong bộ máy chính quyền, lập nông trường phát triển kinh tế. Chúng tổ chức hợp tác xã nông tín cuộc, đầu tư vốn cho một số có quyền, chức làm chủ đầu tư, mở trang trại; lập kho phân, thuốc trừ sâu ở Mũi Né.

Tại Rạng, tên Huỳnh Khuê (Sáu Hiền) – Chủ tịch Quận bộ phong trào cách mạng Quốc gia làm chủ đầu tư phát triển, quản lý trang trại. Chúng huy động một máy ủi, ba máy cày vào ủi phá khu vực sân lễ cũ: từ giồng Thầy Ba đến xóm núi Bàu Sen, khoảng 100 ha, tiến hành trồng mè, mì...

Chấp hành chủ trương của huyện ủy Thuận Phong, huyện đội tổ chức lực lượng đánh phá sớm ngăn chặn bẻ gãy âm mưu, kế hoạch trên của địch. Đồng chí Trần Văn Năm là huyện đội phó trực tiếp cùng đồng chí Mai Thanh Khải Đội trưởng Đội công tác Rạng điều nghiên, khảo sát tình hình đề lên phương án tác chiến cụ thể.

Qua thực tế tình hình, các đồng chí thống nhất nhận xét; địa hình rộng, trống trải, nếu đưa bộ đội đến tấn công, địch phản kích ta sẽ bị tổn thất. Từ đó các anh đưa ra cách đánh du kích hợp lý, bằng sự phối hợp: huyện đội cung cấp trái nỏ và hướng dẫn kỹ thuật, còn du kích xã Hồng Thịnh và Đội công tác Rạng sẽ trực tiếp chọn thời cơ thích hợp, đánh hiệu quả nhất. Với quyết tâm chống địch lấn chiếm địa hình, lấn đất giành dân; đêm 17 tháng 6 năm 1974, huyện đội, đội công tác và du kích xã Hồng Thịnh dùng mìn phá hỏng 3 chiếc máy cày và một máy ủi tại dốc Mã Thánh. Kể từ đó, nơi đây được nhân dân đặt tên địa danh mới: “Dốc Máy Cày” với lòng tự hào, ghi

nhớ về một chiến công mưu trí, sáng tạo của quân và dân ta. Từ tháng 8 năm 1974 trở đi, địch không dám vào chăm sóc hoa màu, vừa bị nắng hạn kéo dài nên mì, mè... chết dần, không có thu hoạch, chúng phải bỏ luôn nông trường này.

Từ kết quả và kinh nghiệm đó, huyện đội phân công đồng chí Trần Văn Năm trực tiếp chỉ huy trung đội 451 đánh trung đội nghĩa quân chốt giữ kho phân, thuốc ở Mũi Né làm chết một và bị thương hai tên, đốt cháy toàn bộ kho vật tư. Trước sức đánh phá liên tiếp của ta, kế hoạch cày ủi 10 ha ở phía Bắc “Mô Cô” Mũi Né của địch cũng bị bỏ dở, không thể thực hiện được.

Củng cố thực lực, phá ấp mở kèm. Đầu năm 1974, cán bộ chiến sĩ của hai Đội công tác Rạng và Bà La liên tiếp bị hy sinh. Cơ sở, cốt cán trong ấp bị tù đày, thực lực của ta tiếp tục mỏng dần, không thể đảm đương nhiệm vụ..

Trước yêu cầu mới, huyện ủy Thuận Phong phân công đồng chí Nguyễn Thanh Khải ủy viên thường vụ huyện ủy phụ trách chung ba đội công tác: Rạng, Bà La và Mũi Né đồng thời trực tiếp làm đội trưởng đội Mũi Né, đồng chí Trần Đông Nam, cán bộ công an huyện được tăng cường xuống giúp mảng 3 thường xuyên hỗ trợ đội Bà La. Đến đầu năm 1975, đồng chí Nam đi học ở trường Đảng tỉnh, Đội công tác này còn đồng chí Nguyễn Văn Sáu. Cuối năm 1974, đồng chí Mai Thanh Khải được điều động về tăng cường cho Mảng 2, Đội công tác Rạng chỉ còn duy nhất anh Nguyễn Văn Hai.

Các đội công tác Rạng, Bà La và du kích xã Hồng Thịnh vẫn cố gắng bám trụ và phối hợp với lực lượng của huyện, tinh tấn công địch ở phía trước... Đội công tác phối hợp với bộ đội địa phương huyện, C5 đặc công tinh đột vào các ấp vũ trang tuyên truyền; đánh địch càn quét, phục kích, đột kích.

Tiêu biểu và gây tiếng vang lớn nhất trên địa bàn huyện Thuận Phong lúc bấy giờ là trận đánh đồn và trụ sở xã Thiện Khánh vào đêm 26 tháng 12 năm 1973. Đây là vùng bị kèm cứng, cách mạng khó vào nên địch rất chủ quan. Với quyết tâm cao và kỹ thuật đặc công, sau hai đêm đột nhập, các chiến sĩ đặc công đã điều nghiên, chuẩn bị kỹ nắm chắc chiến trường.

Lực lượng tham gia trận đánh gồm 15 người, thuộc hai đơn vị: C5 đặc công và Đại đội 450. Vũ khí được trang bị bèn, nhọn... Ban chỉ huy trận đánh gồm: Đồng chí Lê Thanh Phong, đại đội trưởng C5 làm chỉ huy trưởng, đồng chí Lê Văn Ruộng – đại đội trưởng 450 làm chỉ huy phó. Sau 15 phút chiến đấu và thu dọn chiến trường, ta đã phá hỏng nặng trụ sở xã, nhà cuộc cảnh sát, diệt 22 tên địch (bình định, cảnh sát, nghĩa quân). Địch bắn pháo ngăn chặn khắp nơi nhưng ta vẫn kịp thời rút lui. Chỉ bị thương 05 chiến sĩ ...

Năm 1974, bộ đội, du kích xã và đội công tác liên tục trừng trị bọn lẩn chiếm vùng giải phóng và bảo vệ nông trường của chúng; ta kiên quyết không cho địch lẩn chiếm các khu vực: giồng Thầy Ba, Bàu Me, Bàu Sen, Bàu Tàng, Láng Cháy... Viết bản thông báo, cảnh cáo địch không được lẩn chiếm vùng giải phóng.

Từ năm 1973 đến 1974, lực lượng ta liên tục đắp mô, phá đường, đánh mìn tiêu hao sinh lực địch, tuyến đường tỉnh lộ 9 từ Phan Thiết ra Mũi Né không an toàn đối với bọn địch ở quận Hải Long (Mũi Né). Du kích 3 xã Hồng Thịnh, Hồng Thanh, Hồng Sơn gắn bó keo sơn, phối hợp chặt chẽ với đội công tác mảng 3 đánh địch ở Mũi Né, Bà La, Rạng...

Củng cố kiện toàn tổ chức, xây dựng và phát triển xã căn cứ Hồng Thịnh. Những năm 1973 đến 1975, quân dân căn cứ Hồng Thịnh vươn lên củng cố, phát triển thực lực toàn diện, đẩy mạnh phong trào sản xuất và chiến đấu giữ vững vùng căn cứ giải phóng...

Năm 1973 toàn Đảng, quân, dân căn cứ Hồng Thịnh phối hợp cùng lực lượng phía trước, đánh địch vi phạm Hiệp định Paris, càn quét, đột kích lấn chiếm vùng giải phóng. Từng bước vận động dân ra lại vùng ven, vùng giải phóng, đẩy mạnh sản xuất, tiếp tế lương thực, thực phẩm cho cách mạng.

Thực hiện Chỉ thị số 08 của tỉnh ủy Bình Thuận về xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, cùng với xã bạn, Hồng Thịnh đã tích cực chuẩn bị nhân sự, tổ chức bầu cử Ủy ban nhân dân cách mạng xã. Đầu tháng 6 năm 1973, nhân dân toàn xã sôi nổi tham gia bầu cử, dân chủ, công khai. Đồng chí Phan Văn Thu làm chủ tịch xã Hồng Thịnh cho đến ngày giải phóng.

Về xây dựng đảng, toàn chi bộ tổ chức quán triệt sâu kỹ Chỉ thị số 03 của tỉnh ủy Bình Thuận về nội dung xây dựng chi bộ 4 tốt (xây dựng nội bộ, tấn công địch và xây dựng ta, quan hệ quần chúng tốt, xây dựng và thực hiện Nghị quyết tốt). Từ đó công tác lãnh đạo của chi bộ được nâng lên, việc phát triển đảng viên mới cũng được quan tâm đẩy mạnh, chi bộ tăng cường lãnh đạo các đoàn thể một cách toàn diện.

Về công tác tổ chức, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông dân xã đều được củng cố, phân công đảng viên trực tiếp phụ trách các đoàn thể. Nhiệm vụ chính của đoàn thể lúc này là vận động đoàn viên, hội viên hăng hái xung kích trên hai mặt trận: sản xuất và chiến đấu.

Đồng thời với việc đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, huyện chỉ đạo các xã căn cứ khôi phục, hình thành trở lại chợ kháng chiến để giải quyết vấn đề lưu thông nông sản, hàng hóa nhằm nâng cao đời sống ở vùng ta. Thông qua đó việc mua bán, giao lưu trao đổi hàng hóa giữa các xã và giữa hai vùng ta và địch thuận lợi hơn. Tin tức, tình hình cũng cập nhật kịp thời hơn. Từ cuối năm 1973 trở đi, việc trao đổi nhu yếu phẩm thuận lợi hơn, góp phần cải thiện một bước đời sống vật chất của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào vùng căn cứ.

Các xã Hồng Thanh, Hồng Thịnh, Hồng Trung và Hồng Sơn luôn gắn bó, duy trì việc mua bán, trao đổi nông, lâm hải sản, các mặt hàng thiết yếu. Điều kiện liên kết chặt chẽ là nhờ dân xã Hồng Thịnh cứ mỗi gia đình có 2 bộ phận vừa ở vùng ta vừa ở trong 2 ấp chiến lược Gò và Gộp. Nhân dân ở đây giữ được thế hợp pháp thường xuyên vào vườn, rẫy tiếp xúc gặp gỡ nhau, nhờ đó vấn đề trao đổi nông lâm sản để lấy những mặt hàng thiết yếu khác giữa hai vùng được thuận lợi nhiều hơn.

Đời sống vật chất trong vùng kháng chiến từng bước được ổn định, cuộc sống tinh thần, văn hóa, văn nghệ, y tế càng được quan tâm và có điều kiện phát triển. Các đội văn nghệ xã, đội văn nghệ huyện, đội chiếu phim... đoàn văn công tình thường về Hồng Trung, Hồng Thịnh phục vụ nhân dân.

Về giáo dục, năm 1973, Hồng Thịnh tổ chức được 5 nhóm học bổ túc văn hóa tại gia đình, có 18 người theo học. Sang năm 1974, toàn xã Hồng Thịnh tổ chức được 3 lớp học (lớp 1 đến lớp 3). Cán bộ giáo dục của tỉnh, huyện như Mai Khắc Phục, Vũ Hồng Xuyên, Đinh Hoán thường xuống xã tổ chức, chỉ đạo động viên phong trào.

Công tác y tế, chăm lo sức khỏe cho đồng bào cũng được quan tâm; huyện chỉ đạo củng cố lại Ban y tế xã, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cứu viên, cứu thương; tiêm phòng dịch tả, mắt hột... Ta vận động nhân dân xây dựng tủ thuốc của xã, tủ thuốc gia đình và cá nhân để mỗi người, mỗi gia đình tự chăm sóc sức khỏe cho mình. Hội ấy thuốc nam giữ vai trò quan trọng.

Phong trào thể dục, thể thao cũng bắt đầu được phát động và từng bước phục hồi. Xã Hồng Thịnh thành lập được đội bóng chuyên, tổ chức đấu giao hữu với các xã bạn, tạo không khí vui tươi, lành mạnh trong vùng căn cứ. Phong trào văn hóa văn nghệ, y tế, giáo dục, thể thao của xã Hồng Thịnh cùng các xã bạn đều phát triển, đổi mới. Đời sống vật chất, tinh thần vùng căn cứ kháng chiến giảm bớt căng thẳng và có nhiều khởi sắc tươi vui, nhân dân phấn khởi.

Năm 1974 ta tập trung củng cố thực lực một cách toàn diện. Đầu năm ấy, tỉnh ủy Bình Thuận cho tái lập huyện căn cứ Lê Hồng Phong. Chấp hành chủ trương của tỉnh và huyện ủy huyện căn cứ Lê Hồng Phong; xã căn cứ Hồng Thịnh tiếp tục củng cố thực lực toàn diện, hoàn thành tốt 2 nhiệm vụ: sản xuất và chiến đấu, xứng đáng với vai trò vừa là hậu phương vừa tiền tuyến; đẩy mạnh hoạt động ở phía trước và cả phía sau.

Thực hiện chủ trương của Khu ủy Khu 6 về việc phát triển vùng căn cứ, giải phóng, tháng 12 năm 1973, tỉnh ủy Bình Thuận mở hội nghị chuyên đề về xây dựng căn cứ. Hội nghị xác định nhiệm vụ như sau: *“Tiếp tục khôi phục sản xuất nông nghiệp, lấy sản xuất lương thực, thực phẩm làm trọng tâm, từng bước đưa dân vào làm ăn tập thể... Sản xuất đủ ăn và có dự trữ, trên cơ sở đó củng cố và nâng cao các mặt chính trị, quân sự, văn hóa, y tế, xã hội... vận động đồng bào ở phía trước về thêm để tăng cường dân số vùng ta...”*

Tiếp đó, đầu năm 1974, tỉnh ủy chỉ đạo thành lập huyện căn cứ Lê Hồng Phong, gồm có 8 xã: Hồng Lâm, Hồng Thắng, Hồng Chính, Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh, Hồng Sơn và Hồng Liêm. Kể từ đó, huyện căn cứ chỉ đạo sâu sát, kịp thời, toàn diện các xã căn cứ nói chung, Hồng Thịnh nói riêng. Nhờ vậy Hồng Thịnh có điều kiện phát triển toàn diện và mạnh mẽ hơn. Tháng 5 năm 1974, huyện ủy huyện căn cứ Lê Hồng Phong chỉ đạo các xã căn cứ tiến hành đại hội chi bộ nhằm củng cố, tăng cường, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng.

Đại hội chi bộ xã Hồng Thịnh lần cuối cùng trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Vào giữa tháng 5 năm 1974, chi bộ xã Hồng Thịnh tiến hành đại hội. Địa điểm dưới bóng cây rừng rậm ở Láng Găng, Rừng Rít thuộc thôn 3 xã Hồng Thịnh. Hội trường thoáng mát, trang trí đơn sơ nhưng đầy ý nghĩa với đầy đủ băng rol, khẩu hiệu và hoa rừng tươi thơm phảng phất...

Đại hội toàn thể chi bộ xã Hồng Thịnh gồm có 14 đảng viên; bầu chi ủy mới gồm 3 đồng chí, được phân công như sau: Nguyễn Thị Sang làm bí thư, Nguyễn Văn Thanh làm phó bí thư, Nguyễn Văn Lộc là chi ủy viên.

Trong đại hội chi bộ đã thống nhất cao đề ra 5 nhiệm vụ chính: *Tiếp tục vận động số nhân dân tạm lánh vào ấp Gò, ấp Gộp trước đây nay về lại căn cứ. Quan tâm công tác phát triển đảng viên mới. Củng cố các tổ chức đoàn thể, xã đội, du kích. Đẩy mạnh sản xuất tự túc và làm ăn tập thể với hình thức vắn đổi công. Vận động và*

cung cấp nhân tài vật lực cho phía trước, phối hợp cùng đội công tác, bám sát địa bàn, sát dân, sát địch, cùng bộ đội đánh địch, chống càn, phục, đột kích bảo vệ căn cứ, bảo vệ nhân dân.

Sau đại hội, chi bộ quán triệt sâu rộng Nghị quyết đến toàn thể cán bộ chiến sĩ và nhân dân; triển khai kỹ Chỉ thị số 12, Chỉ thị số 01 và 04 của Trung ương Cục Miền Nam. Qua đợt sinh hoạt chính trị đó đã góp phần nâng cao nhận thức và tư tưởng cho đảng viên. Tất cả đều chuyển biến tích cực; phong trào của xã Hồng Thịnh vươn lên rõ nét và toàn diện. Cuối năm 1974 chi bộ xã có gần 20 đảng viên, sức lãnh đạo chiến đấu của Đảng được tăng cường. Chính những gia đình đảng viên làm nòng cốt động viên đồng bào bám căn cứ. Đến ngày giải phóng dân căn cứ Hồng Thịnh vẫn còn bám trụ trên 40 hộ. Thật đáng tự hào là có một số gia đình đã bám đất giữ làng, chịu đựng, chiến đấu kiên cường suốt 13 năm ở chiến trường ác liệt này với quyết tâm: “một bước không đi, một ly không rời”.

Trong 2 ngày (05 và 06 tháng 4 năm 1974), huyện đoàn Lê Hồng Phong tổ chức hội nghị toàn huyện, kiểm điểm tình hình năm 1973 và đề ra nhiệm vụ phong trào thanh niên năm 1974. Sau hội nghị, hoạt động của xã đoàn Hồng Thịnh có nhiều chuyển biến tiến bộ. Đoàn viên, thanh niên thể hiện rõ vai trò xung kích trên các mặt trận sản xuất và chiến đấu...

Giữa tháng 4 năm 1974, Hội Phụ nữ xã Hồng Thịnh cũng tổ chức Đại hội, kiểm điểm tình hình và đề ra hai nhiệm vụ chính là: Một là, đẩy mạnh sản xuất vắn đôi công, làm ăn tập thể; Hai là, động viên phụ nữ, nhất là nữ thanh niên tích cực tham gia dân quân, du kích, tuần tra canh gác bảo vệ căn cứ;

Đại hội bầu Ban chấp hành gồm 3 chị: Nguyễn Thị Ngu làm hội trưởng; Lê Thị Đông làm hội phó; Nguyễn Thị Hòa (Phận) làm ủy viên;

Tháng 9 năm 1974, hai đoàn thể của xã Hồng Thịnh là Hội Nông dân và Đoàn thanh niên đều đồng loạt tiến hành Đại hội. Ban chấp hành xã Đoàn do đồng chí Nguyễn Văn Dũng làm bí thư. Ban chấp hành Hội Nông dân xã gồm 3 đồng chí: Nguyễn Văn Lộc làm hội trưởng, Nguyễn Thị Cảnh làm hội phó, Lê Văn Nhu làm ủy viên...

Qua đại hội các đoàn thể đã đánh giá: Đa số đoàn viên, hội viên đều tích cực hăng hái thi đua sản xuất, đoàn kết, tương trợ nhau lúc khó khăn; tham gia các tổ chức sản xuất tập thể như tổ vắn đôi công, hợp tác... Tham gia tốt phong trào dân quân, du kích, tuần tra canh gác, bố phòng, chống càn, bảo vệ căn cứ.

Về nhiệm vụ chung của các đoàn thể lúc bấy giờ đều tập trung bàn biện pháp thi đua thực hiện 2 công việc cơ bản trọng tâm: Một là: Đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh. Hai là: Phát triển sản xuất và từng bước đi vào làm ăn tập thể.

Tháng 12 năm 1974, tỉnh ủy Bình Thuận quyết định giải thể huyện Lê Hồng Phong, giao các xã phía bắc cho huyện Hòa Đa, các xã phía nam cho huyện Thuận Phong. Mỗi huyện thành lập một ban cán sự căn cứ. Ban cán sự căn cứ của huyện Thuận Phong lúc đầu có 4 sau đó bổ sung 2; gồm 6 đồng chí: Võ Tấn Trương, Trần Văn Năm, Nguyễn Văn Thừa, Hồ Văn Tân, Phan Hòa Bình và Lê Hùng Vương.

Chủ trương của ban cán sự đề ra là “*từng bước xây dựng vùng kinh tế giải phóng, lấy việc khôi phục phát triển làm trọng tâm; đẩy mạnh trồng cây lương thực,*

thực phẩm, tăng mức sản xuất lên một bước nhằm đảm bảo cung cấp tại chỗ, bảo đảm đời sống nhân dân và nội bộ, vừa tạo nguồn dự trữ theo yêu cầu cách mạng”.

Xã Hồng Thịnh thực hiện Nghị quyết trên, đẩy mạnh sản xuất với hình thức làm ăn tập thể.

Về hoạt động quân sự: huyện đội huyện căn cứ Lê Hồng Phong chỉ đạo các xã căn cứ củng cố, kiện toàn các ban chỉ huy xã đội... huyện ủy và huyện đội tổ chức “Hội nghị du kích chiến tranh” trong thời gian 4 ngày (từ ngày 25 đến ngày 29 tháng 8 năm 1974). Hội nghị được tổ chức quy mô bài bản, triệu tập đại biểu các xã về dự đông đủ, có báo cáo điển hình, thảo luận rất sôi nổi với tinh thần trách nhiệm cao. Hội nghị đã đánh giá sâu kỹ tình hình, âm mưu, thủ đoạn của địch trong việc lấn chiếm, ủi phá địa hình, lập nông trường; từ đó đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp như sau: Chống địch lấn chiếm địa bàn, càn quét, đột kích, phục kích, cài gián điệp vào tổ chức vùng ta. Bố trí cán bộ an ninh chuyên trách xã tăng cường công tác an ninh, trừ gian, diệt tề, phát hiện gián điệp...

Sau hội nghị của huyện, Hồng Thịnh khẩn trương bố trí cán bộ an ninh, củng cố lực lượng dân quân, du kích, canh gác bố phòng, phong trào chuyển biến rõ rệt cả du kích xã và du kích ở thôn. Tất cả đoàn viên, thanh niên đều là du kích. Tính đến năm 1974, du kích toàn xã có khoảng 20 chiến sĩ (Nguyễn Minh Chiến, Nguyễn Văn Hà, Lê Thanh Phú, Đoàn Văn Bụi, Lê Văn Thảo...). Du kích thôn của 4 xã Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh và Hồng Sơn luôn gắn bó, sát cánh bên nhau, liên kết phối hợp ngày càng chặt chẽ. Lực lượng du kích thôn của 2 xã Hồng Thịnh và Hồng Trung sau khi được củng cố có 17 chiến sĩ (trong đó có 5 nữ). Dân quân, du kích thôn, xã đều được kiện toàn, chất lượng chiến đấu bước đầu được nâng lên.

Các tuyến bố phòng đến thời điểm năm 1974 được hình thành liên thôn, liên xã. Các xã căn cứ phối hợp củng cố các tuyến rào nội địa để chống địch lấn chiếm. Các tuyến rào liên hoàn dài hàng nghìn mét, rộng từ 30 đến 80 mét. Ta đã cắm được 159.545 cây chông, 131 hầm chông và gài đánh 120 đầu đạn, trái nổ, có sơ đồ để quản lý. Trong đó, tuyến bố phòng từ phía nam Triều đến giáp đường Cộng đồng dài 800 mét, rộng 15 mét được bố phòng khá kiên cố; có khoảng 7.500 mũi chông các loại...

Năm 1974 ta có chỉ đạo chuyển đổi về mặt tổ chức cũng như phương hướng hoạt động cho sát với tình hình. Tháng 12 năm 1974, huyện đảng bộ Thuận Phong tiến hành đại hội lần thứ III tại xã Hồng Thịnh. Đồng chí Mãn Tấn Dũng được bầu làm Bí thư huyện ủy. Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ chính như sau:

Ở phía sau: Đẩy mạnh nhân dân du kích chiến tranh, giữ vững căn cứ, giữ dân, giữ đất, phát động dân sản xuất dư ăn có phần dự trữ. Phối hợp chi viện cho phía trước, cho đội công tác. Phát triển văn hóa, văn nghệ, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, cải thiện toàn diện đời sống nhân dân căn cứ. Kêu gọi vận động dân căn cứ trước đây tạm lánh vào vùng địch, nay có điều kiện tiếp tục ra lại xây dựng căn cứ.

Ở phía trước: Phối hợp 3 thứ quân, đẩy mạnh phong trào 2 chân, 3 mũi. Tiêu hao sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta. Chống lấn chiếm địa bàn. Cài thế rãng lược, da beo giữa ta và địch. Đội công tác xóc vào bám sát địa bàn, bàn đạp, xây dựng cơ sở giao nhiệm vụ. Tiếp xúc dân, vận động nhân tài vật lực. Đội công tác cùng các

đơn vị C5, 450 và 451 phối hợp 3 mũi giáp công hỗ trợ diệt ác, phá kềm, đánh địch mở đường.

Ở trong vùng địch kiểm soát: Đẩy mạnh 3 mũi giáp công tấn công địch tại chỗ, rải truyền đơn, kết hợp 3 thứ quân, lực lượng bên trong và bên ngoài. Các đoàn thể đẩy mạnh đấu tranh chính trị và binh vận...

Một sự kiện có ý nghĩa lịch sử của địa phương không thể nào quên, đó là Hội nghị huyện ủy mở rộng (ngày 07 tháng 4 năm 1975). Trước thắng lợi vang dội, liên tiếp của quân ta trên toàn miền. Với tinh thần huyện, xã tự giải phóng cho mình, không ý lại vào cấp trên. Ngày 07 tháng 4 năm 1975, đồng chí Mẫn Tấn Dũng, Bí thư huyện ủy huyện Thuận Phong triệu tập hội nghị huyện ủy mở rộng, bàn kế hoạch giải phóng quê nhà:

Địa điểm họp là xã căn cứ Hồng Sơn, thành phần gồm huyện ủy viên, huyện đội, lãnh đạo các đội công tác. Nội dung hội nghị quán triệt chủ trương, quan điểm của ta và sẵn sàng tư thế để phối hợp giải phóng quê hương. Đó là: Kết hợp 3 thứ quân, 3 mũi giáp công, tự lực giải phóng địa phương mình, nhất là khi có bộ đội chủ lực tiến vào. Khi bộ đội chủ lực đi qua, lực lượng tại chỗ phải tiếp quản, xây dựng chính quyền cách mạng: tiếp thu, quản lý toàn diện nhất là quản lý ngục quân, ngục quyền. Không trả thù cá nhân, không trả thù, bắn giết thủ tiêu người của chế độ cũ; thực hiện hòa giải, hòa hợp dân tộc.

Với tinh thần khẩn trương, hối hả và tin tưởng - hai mươi năm mới có một ngày - cán bộ chủ chốt hăng hái nhận nhiệm vụ cụ thể như sau: Đồng chí Tứ Hải chỉ huy đơn vị 450 bộ đội địa phương huyện. Các đồng chí huyện ủy viên, đội trưởng các đội công tác lo tiếp quản cơ sở của mình được phân công. Đồng chí Trần Văn Năm và Nguyễn Thanh Khải trực tiếp chỉ huy 4 Đội công tác: Sa Ra, Rạng, Bà La, Mũi Né và lên phương án đánh địch đang trụ lại ở Sa Ra.

Ngày 19 tháng 4 tháng 1975; ta làm chủ Sa Ra, Tuy Hòa, Phú Long... Sáng ngày 20 tháng 4 năm 1975, các đồng chí Trần Văn Năm và Nguyễn Thanh Khải điều một chiếc xe dân sự chở 4 người (Năm, Khải, Hai và Sáu) ra tiếp quản Mảng 3... Đến Rạng, Bà La, các anh khẩn trương tập họp cơ sở, cốt cán, quần chúng tốt giao thực hiện các nhiệm vụ trước mắt, gồm: Thu giữ súng đạn, vũ khí, phương tiện cất vào trụ sở. Niêm phong bảo quản tất cả tài liệu của địch để lại. Kêu gọi ngục quân, ngục quyền hãy bình tĩnh, yên tâm ra trình diện, sẽ được cách mạng khoan hồng..

Ngay sau đó các anh tiếp tục ra Mũi Né và trụ lại ở đây để huy động cốt cán tham gia tiếp quản chính quyền và quản lý quân lỵ của địch để lại rất ngổn ngang. Ngay từ đầu ta đã khẩn trương thành lập chính quyền quân quản của các xã:

Thiện Nghiệp gồm các ông: Lê Huyền Linh, Lê Văn Thiệt, Nguyễn Minh Long, Bùi Hảo, Nguyễn Văn Hai, Nguyễn Thị Phố, lấy tên là xã Hồng Tiến.

Thiện Khánh gồm các ông: Trần Văn Năm, Nguyễn Văn Sáu, Đỗ Tấn Minh, Phan Minh Kính, lấy tên là xã Hồng Hải.

Kết thúc hai mươi năm chống đế quốc Mỹ xâm lược. Nhân dân hai xã Thiện Nghiệp và Thiện Khánh đã dâng hiến cho sự nghiệp cách mạng hơn 600 người con yêu quý, đến nay vẫn còn một số đồng chí chưa tìm được hài cốt. Nhiều vật lực của dân tự sản xuất đã đóng góp nuôi quân, theo con số thống kê hồi ấy là: hơn 30 tấn gạo, hàng chục tấn muối, đường, bột ngọt...; trên 500 kg văn phòng phẩm và thuốc

tây; hơn 40 triệu đồng tiền mặt, một số gia đình khá giả còn ủng hộ cả vàng, đồng. Lòng dân thật là bao la, không sao đo đếm được.

PHẦN KẾT LUẬN

Trải qua 90 năm tranh đấu, từ phong trào Cần Vương đến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, trong đó có 30 năm kháng chiến trường kỳ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; cán bộ, chiến sĩ, đồng bào Thiện Nghiệp – Thiện Khánh (Hàm Tiến ngày nay) chịu nhiều mất mát, hy sinh nhưng vô cùng anh dũng, vẻ vang rất đáng tự hào.

Hôm nay được hưởng độc lập, tự do, lớp cháu con hãy lắng đọng lòng mình, nghiêng mình kính cẩn, để tri ân trước vong linh, xương máu của lớp lớp cha anh đã ngã xuống, để cho chúng ta có được hạnh phúc hôm nay. Chúng ta phải ghi nhớ, bảo vệ thành quả ấy.

Lịch sử không cho phép bất cứ ai được quên quá khứ. Quá khứ, hiện tại và tương lai là một dòng chảy liên tục, chúng tích oai hùng luôn cần được bảo tồn, kế tục và phát huy.

Thiện Nghiệp, Thiện Khánh (Rạng) ngày xưa; Hồng Hải, Hồng Tiến và Hồng Thịnh trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ luôn giữ một vị trí chiến lược vô cùng quan trọng, có nhiều thuận lợi song cũng lắm khó khăn trong quá trình phát triển chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích.

Thiện Nghiệp, Thiện Khánh có biển, rừng, núi, bầu nước... Với vị thế và điều kiện tự nhiên ấy nơi đây đã cung cấp nhiều động, thực vật làm lương thực, thực phẩm để nuôi sống lực lượng kháng chiến, đã làm tròn nhiệm vụ hậu phương, hậu cần tại chỗ; cung cấp sức người, sức của cho hai cuộc kháng chiến. Nhân dân địa phương sớm có truyền thống yêu nước đã tham gia các phong trào từ hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Rạng là một trong những nơi của tỉnh Bình Thuận sớm có đảng viên và nhóm Nông hội đỏ từ năm 1930. Phong trào cách mạng liên tục phát triển.

Trong hai cuộc kháng chiến từ năm 1946 đến năm 1975, các lực lượng của cấp trên từ Ban Cán sự Cục Nam đến tỉnh, huyện thường đứng chân trên vùng đất này; nhiều phong trào, các cuộc lễ lớn, hội nghị, đại hội... được tổ chức tại địa bàn này ở đây như: lễ Rước đuốc chiến thắng năm 1950, Đại hội Đảng của huyện; nơi học tập, đưa tiễn đoàn quân đi tập kết... Nhiều địa danh truyền thống đã trở thành tình cảm in sâu vào tâm trí của những người kháng chiến như Bầu Sen, Bầu Tàng, Rừng Rít, Bền Ngạch, Triền... Nhờ sự chỉ đạo, giúp đỡ của các lực lượng trên nên phong trào kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ của xã không ngừng lớn mạnh.

Bên cạnh nhiều thuận lợi, tại địa bàn này cách mạng gặp không ít khó khăn. Mùa nắng thiếu nước nghiêm trọng; biết được điều đó địch thường phục kích bao vây các bầu, giếng nước, có lúc nước phải đổi bằng máu... Thiện Nghiệp – Thiện Khánh, đặc biệt là căn cứ Hồng Thịnh giữ vai trò vừa hậu phương, vừa tiền tuyến – là cửa ngõ, lá chắn bảo vệ chiến khu Lê Hồng Phong trong suốt 30 năm kháng chiến. Nếu

Rạng có tình lộ 9 xuyên qua, địch thường xuyên đi lại không chế kiểm soát thì các xã Hồng Tiến, Hồng Thịnh luôn phải chống chọi nhiều trận càn trước khi chúng đi sâu vào căn cứ Lê Hồng Phong.

Thiện Nghiệp, Thiện Khánh ở gần Mũi Né (Hải Long là quận lỵ); Phan Thiết là tỉnh lỵ của địch nên quân dân ta luôn phải đối phó với sự càn quét đánh phá của giặc. Thiện Khánh còn bị bao vây bởi đồn thù, đồi cát và biển đông. Lực lượng cách mạng rất khó tiếp cận, bám dân, bám chiến trường và đánh địch kể cả khi cần rút lui an toàn. Quân dân Thiện Nghiệp, Thiện Khánh luôn bị địch đánh phá, tàn sát, giết hại dã man trong mọi thời kỳ từ năm 1946 đến năm 1975.

Về lực lượng, thủ đoạn, tội ác của địch ở đây cũng rất đặc biệt, khác hẳn nhiều nơi. Do ở vị trí bị bao vây áp sát cơ quan đầu não của chúng nên cả 2 thời kỳ chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và tay sai không những địch đóng đồn, bót sớm mà còn sử dụng mọi hình thức, biện pháp man rợ, tàn bạo... phương tiện chiến tranh hiện đại nhất để uy hiếp, hủy diệt giết hại chiến sĩ, đồng bào từ chặt đầu, chôn sống, cắt cổ, mổ bụng, chặt tay chân, xẻo tai, (cá biệt có tên tay sai ăn cả thịt người) cột vào ngựa kéo... ném bom, bắn pháo làm chết một lúc nhiều gia đình!

Một trong những nguyên nhân làm cho phong trào cách mạng ở đây thêm gay go, khốc liệt, đó là cả hai thời kỳ xâm lược, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đều ra sức khai thác, sử dụng bọn tay sai đầu hàng, phản bội người tại chỗ để đánh phá cách mạng. Bọn này đặc lực trung thành, ngoan ngoãn tuân theo lệnh chủ, ra sức, tiếp tay cho quân xâm lược giết hại nhân dân...

Tổ chức của đảng ở Thiện Khánh được hình thành rất sớm, từ năm 1930 đảng viên Hồ Quang Cảnh đã xây dựng được 6 cơ sở nòng cốt tại Rạng. Nhờ đó năm 1931 đã có phong trào đấu tranh mạnh mẽ.

Đầu năm 1947 thành lập được chi bộ xã Quang Cảnh có 3 đảng viên; đến năm 1950 phát triển trên 300 đảng viên. Từ năm 1946 đến năm 1975, có lúc cách mạng gặp thoái trào nhưng luôn có đảng viên bám cơ sở vận động quần chúng. Đáng tự hào là vào thời điểm khó khăn nhất (năm 1958) có hai người con của xã được đứng vào hàng ngũ của Đảng: Nguyễn Văn Nhâm và Trương Vũ Đức. Ở Triền có một số đảng viên được kết nạp từ năm 1950; hoạt động đơn tuyến và giữ được thế hợp pháp trong vùng địch suốt những năm 1954 – 1961 như Nguyễn Thị Bích, Phan Thị Thuận...

Nhiều đảng viên một lòng trung với Đảng, hiếu với dân như Hồ Quang Cảnh, Hồ Nhất Trinh, Hồ Đức Hậu, Ngô Minh Quang, Nguyễn Tấn Đạt, Nguyễn Thăng Long, Nguyễn Đình Phúc, Hồ Đức Trọng; Nguyễn Văn Xí, Nguyễn Tấn Định....-

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp có lúc phát triển thành ba chi bộ lãnh đạo ba xã: Hồng Hải, Hồng Thịnh và Hồng Tiến. Sang thời kỳ chống đế quốc Mỹ từ năm 1962 đến năm 1975, bên cạnh hai chi bộ ở hai đội công tác vũ trang tuyên truyền, xã căn cứ Hồng Thịnh luôn có chi bộ lãnh đạo phong trào – lúc khó khăn tồn tại còn dưới 10 đảng viên, khi thuận lợi có khoảng 20 đồng chí. Đây là những hạt gạo trên sàn luôn đi đầu trong việc động viên hướng dẫn nhân dân bám trụ giữ đất, giữ dân, giữ vững vùng căn cứ.

Chính quyền cách mạng của xã được hình thành từ cách mạng tháng Tám năm 1945 và phát huy tốt trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Năm 1962 tái thành lập chính quyền xã Hồng Thịnh và tồn tại, trưởng thành liên tục đến năm 1975.

Nhiều đồng chí kiên trung, bám trụ, gắn bó với dân, cán bộ, chính quyền cách mạng thật sự của dân và vì dân, sống chết cùng dân-

Trong điều kiện vô vàn khó khăn vẫn tổ chức cho dân bầu cử Ủy Ban Nhân dân Cách mạng. Chính quyền xã luôn chủ động, sáng tạo, quản lý toàn diện, tổ chức các hoạt động sản xuất tự túc, bảo vệ mùa màng, rào làng, đánh chống càn, xây dựng và bảo vệ căn cứ, động viên nhân dân đóng góp sức người, sức của. Qua các thời kỳ cán bộ chủ chốt của Ủy ban nhân dân xã nhiều lần được cấp trên khen thưởng.

Suốt hai cuộc kháng chiến, Mặt Trận và các đoàn thể của xã luôn là cầu nối giữa Đảng với dân, vận động nhân dân tham gia kháng chiến.

Mặt trận Việt Minh, Liên Việt làm nòng cốt từ năm 1945 đến năm 1954. Mặt trận giải phóng xã Hồng Thịnh hoạt động tích cực. Những năm đầu của hai cuộc kháng chiến, Đảng, chính quyền còn khó khăn, Mặt trận xã giữ vai trò rất quan trọng, đã chủ động lãnh đạo, phát động dân và trực tiếp điều hành mọi hoạt động.

Cán bộ, đoàn thể thật sự sát dân, cùng ăn, ở, cùng làm, cùng chịu đựng, hy sinh; đúng là chỗ dựa, niềm tin của dân. Các tổ chức đoàn thanh niên, phụ nữ, nông dân, Hội phụ lão, Hội mẹ chiến sĩ, Đội thiếu niên... cùng phối hợp phát động các tầng lớp, các thành phần, mọi lứa tuổi cùng tham gia kháng chiến.

Ở vùng ta, khối dân vận kiên trì vận động dân bám trụ, đánh giặc chống càn, rào làng chiến đấu, tăng gia sản xuất. Ở vùng địch tạm chiếm, dân sống trong lòng địch nhưng cách mạng vẫn ở trong lòng dân, được bà con tiếp tế, nuôi giấu, che chở, báo tin... giúp ta diệt ác, đánh đồn, phá ấp...

Nhân dân tham gia kháng chiến toàn diện, kiên cường vượt qua bao thử thách. Góc gác dân Thiện Nghiệp – Thiện Khánh là những người can trường, gan dạ, giàu lòng yêu nước từ các tỉnh miền trung vào đây lập nghiệp. Do đó, trong hai cuộc kháng chiến, nhiều con em ở Rạng, Láng Cháy, Bàu Sen, Bàu Me, Bàu Tàng, Triền, Rẫy Thơm... đã một lòng theo Đảng, Bác Hồ đứng lên kháng chiến, bám trụ ngoan cường. Có nhiều gia đình, nhiều người dân bám căn cứ kháng chiến từ năm 1946 – 1975, quyết không ra sống chung với giặc.

Tuy kinh tế biển, vườn, rẫy... thu nhập thấp nhưng luôn sẵn lòng cung cấp nhân tài, vật lực và trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu... hàng chục gia đình tiêu biểu – 4 thế hệ nối tiếp lên đường kháng chiến - Có nhà trên 20 người tham gia kháng chiến, hơn 10 người hy sinh (Nguyễn Văn Trung, Hồ Quang Cảnh...) có nhà hy sinh từ 05 đến 07 người thân, ngày giải phóng đất nước năm 1975 không còn ai sống sót trở về.

Nhiều gia đình, tập thể và cá nhân tiêu biểu hoặc trở thành anh hùng (Nguyễn Tấn Định, Nguyễn Thị Hòa...). Nhiều chiến sĩ thi đua, dũng sĩ diệt máy bay, diệt xe tăng Mỹ (Nguyễn Văn Xí, Lê Văn Thảo.....)

Dân ở trong lòng địch – cách mạng ở trong lòng dân; nuôi giấu bộ đội, chiến sĩ, cho du kích trú ẩn trong nhà để diệt ác, cung cấp tiền, vàng, hàng hóa... (bà Nguyễn Thị Chử là một trong những gia đình có nhiều đóng góp giúp đỡ cho cách mạng).

Sức chịu đựng phi thường thể hiện qua những năm đen tối, thoái trào hoặc ở vùng căn cứ dưới mưa bom, bão đạn. Dân ở nhà hầm, sản xuất ban đêm, dùng cuốc thay cày, sức sống mãnh liệt đã dũng cảm vượt qua bao đau thương, tang tóc.

Các lứa tuổi, các thành phần, các tầng lớp đều tham gia đánh Tây, diệt Mỹ. Tình quân dân keo sơn bền chặt – Má chiến sĩ và dân nuôi bộ đội, cùng sống chết với các chiến sĩ. Dân chịu tất cả bom đạn, tra tấn, đói, khát, có người hàng chục lần cất nhà, với nhiều loại nhà: ngói, tôn, thiếc, rạ, mo cau, nhà hầm... Dân ở 3 vùng: vùng địch, vùng bản lẻ và vùng căn cứ liên kết, hỗ trợ nhau để sống và chiến đấu...

Trong hai cuộc kháng chiến, nhân dân các xã căn cứ Hồng Hải, Hồng Tiến, Hồng Thịnh giữ vai trò hết sức quan trọng và có nhiều đóng góp.

Nguồn gốc đồng bào ở căn cứ phần đông từ những gia đình giàu truyền thống cách mạng, từ những chiếc nô cách mạng như: Triều, Bàu Tàng, Bàu Sen... bỏ vùng địch vào xây dựng căn cứ. Nhân dân đã chịu đựng, bám trụ đến cùng, vượt qua mọi gian khổ, thiếu thốn, hy sinh không kém gì so với các chiến sĩ...

Thông qua vùng căn cứ, chợ kháng chiến, đồng bào ở hai vùng hỗ trợ, phối hợp giữa phía trước và phía sau, giao lưu, cung cấp tin tức, tiền hàng cho cách mạng. Những năm 1946 – 1975, quân dân xã căn cứ đã phát huy tác dụng. Xã Hồng Thịnh thời điểm đông nhất có trên 500 người, lúc khó khăn còn dưới 40 người. Đến ngày 19 tháng 4 năm 1975 - ngày giải phóng tỉnh nhà, còn lại khoảng 40 gia đình bám trụ không rời căn cứ, quân, dân xã căn cứ Hồng Thịnh thể hiện rõ vai trò của mình và thật kiên cường trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Đồng bào căn cứ đã hoàn thành nhiệm vụ vừa hậu phương, vừa tiền tuyến; cần mẫn lao động cả ngày lẫn đêm, bền bỉ, dẻo dai nêu cao tinh thần tự lực tự cường, đóng góp lương thực, thực phẩm để nuôi quân, đi dân công chiến trường; thoát ly bổ sung lực lượng cho các cơ quan, dân quân chính Đảng. Nhiều người ra đi mãi mãi không về!

Nhân dân trở thành chiến sĩ tham gia vót chông, rào làng, đào giao thông hào, hầm các loại... Du kích, dân quân đánh mìn, chống càn, đưa dân tránh lánh, chống địch càn quét ủi phá địa hình, giành đất, giữ dân, cùng lực lượng trên vào phá ấp, phá đường, cắt giao thông địch...

Thiếu thốn về vật chất nhưng đời sống tinh thần ở đây vẫn lạc quan, vui tươi, lành mạnh, rộn rã tiếng hát lời ca. Có đội văn nghệ, đội bóng chuyền, bóng đá, giao lưu với bộ đội, với xã bạn; tổ chức các lớp học bổ túc văn hóa. Sôi nổi nhất là những năm kháng chiến chống thực dân Pháp.

Toàn quân, dân Thiện Nghiệp – Thiện Khánh theo lời vẫy gọi của Đảng ta và Bác Hồ đã quyết lòng chiến đấu, đánh địch bằng tất cả các mặt: Kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, quân sự... Quân là dân, dân là quân, chống giặc, tấn công địch bằng tất cả các loại vũ khí, phương tiện ở mọi nơi, mọi lúc, trong lòng địch, ngoài chiến khu.

Một trong những nghệ thuật, hình thức phát triển sớm là diệt ác gan lì, táo bạo, tác dụng tốt mở phong trào. Những năm 1946 – 1948, lực lượng du kích xã, cả du kích mật bên trong liên tiếp diệt những tên ác ôn, đầu sỏ như Cai Hương, Cai Thới. Các đội viên du kích dũng cảm như : Nguyễn thị Bán, Trần Xu, Nguyễn Văn Phước (Tur Lâm), Nguyễn Thị Nuôi (Ngọc)... đã trực tiếp phối hợp treo cờ trên nóc nhà thờ Rạng; táo bạo diệt chết bọn tay sai và cả lính Pháp ở chợ Rạng giữa ban ngày trong vùng kiểm soát của địch.

Sang thời kỳ chống đế quốc Mỹ; năm 1955, anh Nguyễn Văn Năm (Năm Nhánh) đã lãnh đạo chi đoàn thanh niên tiêu diệt ác ôn. Trong vòng 3 năm (1961 - 1963), lực lượng 2/9 của Tỉnh, của huyện Lê Hồng Phong và Đội công tác phối hợp diệt liên tiếp hơn 10 tên ác ôn, tạo khí thế cho quần chúng vươn lên, lũ tay sai chùn tay, bót hung hăng, gian ác.

Ngay thời kỳ đấu tranh chính trị đơn thuần, cốt cán, nhân dân ở đây đã có nhiều hình thức chống địch linh hoạt sáng tạo như: ký và đưa kiến nghị, phá các lớp học tổ cộng, khiêng xác người chết đi đấu tranh, đưa người của ta vào nằm hội tề... tẩy chay trò hề “trung cầu dân ý”.

Sang giai đoạn có đấu tranh vũ trang, đồng bào không vào áp chiến lược hoặc đòi ra công ấp làm ăn, thông qua đấu tranh chính trị để hỗ trợ cho mũi binh vận, vũ trang, thể hiện rõ nghệ thuật chiến tranh nhân dân, tinh thần tự lực, sáng tạo, mưu trí, dũng cảm...

Về hoạt động vũ trang, dân quân, du kích biết phát huy lợi thế rừng núi, dựa vào địa hình, địa vật để lấy yếu chống mạnh, lấy ít đánh nhiều, dùng vũ khí thô sơ chống vũ khí hiện đại của địch. Quân dân xã nhà đã đào hầm, chặn xe tăng Pháp, diệt xe tăng, bắn rơi máy bay Mỹ, phá đường, cắt giao thông của địch, mở rộng vùng ta, thu hẹp vùng địch kiểm soát.

Phát huy sức mạnh tổng hợp, phối kết hợp 3 thứ quân, hỗ trợ giữa phía trước và phía sau, liên kết với xã bạn. Quân dân ta đã đánh giặc bằng tất cả khả năng, điều kiện, dựa vào đồi núi, rừng rậm để chống giặc. Ta đã khéo léo kết hợp chặt giữa 3 vùng, 3 thứ quân, 3 mũi giáp công. Suốt hai cuộc kháng chiến trường kỳ, xã nhà đã giữ được thế trận của 3 vùng: Kháng chiến, bản lẻ và vùng địch hậu.

Thể hiện rõ kháng chiến toàn dân, chiến tranh nhân dân. Mọi thành phần, lứa tuổi đều cống hiến máu xương, nhân tài vật lực, góp sức mình vào sự nghiệp giải phóng quê hương. Với tinh thần quyết chiến, quyết thắng để vượt qua tất cả. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong xã đã quyện vào nhau để sống và chiến đấu. Có những lúc ác liệt tưởng chừng như không thể vượt qua, thế mà lực lượng cách mạng vẫn tồn tại nhờ giữ vững thế trận lòng dân. Dân ở trong lòng địch, cách mạng vẫn bám chắc trong lòng dân.

Thật đáng tự hào về sức chịu đựng, cống hiến hy sinh của quân dân Thiện Nghiệp – Thiện Khánh. Suốt hai cuộc kháng chiến xã căn cứ đều đứng vững. Đội công tác, dân căn cứ, du kích, dân quân chịu đựng tất cả sự hủy diệt của địch: bom đạn, thuốc độc, đói, khát, bệnh đau. Có lúc mọi sinh hoạt đều ở dưới hầm, dựa vào rừng, biển, bầu nước để sống và chiến đấu. Nhờ vào lá, rau, củ, trái, thịt rừng... Có lúc phải lấy nước biển nấu keo làm muối. Để có một ngụm nước uống, một miếng ăn đỡ lòng có khi phải đổi bao mồ hôi, nước mắt và cả máu xương! Địch đánh phá, tàn sát ác liệt suốt mọi thời kỳ, chết chóc, tang thương nhất là vào các thời điểm năm 1930 và 1931; năm 1946 và 1947; năm 1955 và 1962; năm 1966 và 1970. Có trận chúng huy động càn cả chục ngàn quân với các phương tiện máy bay, xe tăng, xe ủi, bộ binh thẳng tay sát hại dân lành...

Không những chịu đựng gian khổ mà cả chấp nhận hy sinh; trong thời kỳ đánh đế quốc Mỹ phần đông cán bộ, chiến sĩ, đội viên của hai đội công tác đã lần lượt hy sinh, có lúc gần như trở thành vùng trắng. Cả đội công tác có khi còn vài anh chị em.

Cán bộ, chiến sĩ, đồng bào ở các xã căn cứ Hồng Hải, Hồng Tiến, đặt biệt là Hồng Thịnh chiến đấu, hy sinh quả cảm, đã trụ vững, duy trì được căn cứ trong hai thời kỳ kháng chiến. Nhiều lớp thanh niên thoát ly vào các đơn vị bộ đội, dân chính, dân công chiến trường cũng hy sinh. Đến ngày giải phóng quê hương, những người con của xã nhà đi kháng chiến còn may mắn sống sót trở về không nhiều!

Quân dân hai xã đã lập nhiều chiến công hiển hách, nhiều tập thể, cá nhân tiêu biểu, nhiều người con trung hiếu kiên cường. Nhiều người Cha, bà Mẹ chiến sĩ đã hết lòng nuôi bộ đội. Từ những năm 1930 đến năm 1975, một chặng đường dài đủ làm thước đo sự can trường của bao lớp cha anh. Từ Hồ Sĩ Lâm, Hồ Quang Cảnh, Hồ Đức Hậu, Nguyễn Thị Nuôi, Hồ Nhất Trinh ... cho đến Trần Xu, Đinh Văn Góp, Phạm Đình Hòe, Nguyễn Tấn Đạt, Võ Tấn Trương, Ngô Minh Quang, Nguyễn Văn Thời, Nguyễn Đình Phúc, Trần Văn Năm, Mai Thanh Khải, Nguyễn Văn Xí, Lê Văn Thảo, Nguyễn Thanh Liêm, Nguyễn Tấn Định... Đó là những người con trung hiếu của xã nhà.

Chính những dòng máu tươi đỏ ấy đã tô thắm thêm mảnh đất quê hương, nhiều tên đất, tên làng trở thành tên của chiến công. Nhiều địa danh được nhân dân tự hào và ghi lòng, tạc dạ: Mộ Năm Hình, Giồng Triền, Rừng Rít, Mã chị Ngọc, Mã ông Chín Luôn, Vườn Mít Má Trợ, Sân Lễ rước đuốc chiến thắng, Bàu Tàng, Vọng gác bù trên núi Bàu Tàng, Chợ Kháng chiến, Rẫy Thơm, Râm Tre, Cây Me ông Phạm Chút, Cây Gũ Bàu Ron, Hàm Bom 17, Rừng Cây Kén, Đường Ngang, Láng Đầm Già, Dốc Xe Tăng...

Trải qua 30 năm chiến đấu, quyết tử để giữ quê hương. Quân dân Thiện Nghiệp – Thiện Khánh đã ném trải, vượt qua bao đau thương, tang tóc, tù đày, chết chóc, hy sinh... tất cả để chiến thắng quân thù, để có độc lập – tự do. Làm được điều đó là nhờ nhiều yếu tố: Trước hết là tình yêu xóm làng, quê hương đất nước và lòng căm thù giặc sâu sắc. Được cách mạng giác ngộ nhận thức đầy đủ chân lý: “Không có gì quý hơn Độc lập, tự do”. Bên cạnh đó, cán bộ, chiến sĩ đồng bào đã giữ vững niềm tin vào Đảng Cộng Sản Việt Nam, vào Bác Hồ vĩ đại và tin sẽ có ngày chiến thắng, hát khúc khải hoàn.

Hôm nay và mãi mãi mai sau, các thế hệ nối tiếp của chúng ta phải sống sao cho đáng sống, xứng đáng với cha anh, phát huy truyền thống oai hùng, quý báu, cao đẹp và chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến tranh sang giai đoạn hòa bình, tiếp tục góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Trải qua ba mươi năm chiến đấu đầy máu và nước mắt; đây là điều kiện cần và đủ để cho phép cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Thiện Nghiệp – Thiện Khánh (Hàm Tiến ngày nay) rút ra một số bài học từ thực tế lịch sử ở vùng đất kiên cường, anh dũng này.

Để chiến đấu và chiến thắng, trước hết phải đoàn kết quân dân. Quân là của dân, luôn chiến đấu bảo vệ dân. Dân tự nguyện sẵn sàng đùm bọc, chở che nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ. Quân dân ở đây đã thật sự gắn bó keo sơn như cá với nước. Nhờ đó ta đã xây dựng, củng cố được thế trận lòng dân, thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, tồn tại, phát triển giữa vòng vây của giặc.

Đoàn kết chung lòng, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, quân, dân. Dựa vào sức mạnh hậu cần, hậu phương tại chỗ, tự lực là chính đồng thời biết tranh

thủ sự phối hợp, giúp đỡ của xã bạn, các lực lượng cấp trên. Đánh địch bằng tất cả tiềm lực vật chất và tinh thần; rừng cây, rừng chông, hàng tre... trở thành chiến lũy chặn bước tiến của quân thù; thắng giặc bằng trí thông minh và lòng quả cảm.

Khi địch đánh phá ác liệt bằng nhiều thủ đoạn, mưu mô xảo quyệt, cuộc chiến đấu gian khổ kéo dài thường dẫn đến một bộ phận trong hàng ngũ ta và nội bộ nhân dân có lúc, có nơi có thể bị phân hóa, số cơ hội sẽ đầu hàng phản bội. Từ đó ta phải kiên định, vững vàng đôi diện, chấp nhận thực tế khách quan, không bi quan, dao động. Mặt khác phải luôn nêu cao cảnh giác và vận dụng tốt quan điểm, phương pháp đánh giá, sử dụng người nhằm hạn chế địch cài nội gián, con tin gây cho ta nhiều tổn thất đáng tiếc. Đánh giá, sử dụng người luôn có ý nghĩa đến việc thành bại của cách mạng. Hai đội công tác Rạng và Bà La đã có lần bị mất mát vì cơ sở phản biến.

Về phương châm, nghệ thuật tuyên truyền, giáo dục, thi đua khen thưởng; phát huy truyền thống tốt đẹp, người lãnh đạo, làm công tác tổ chức cần chắc chiu, nuôi dưỡng từ những hạt giống nảy mầm, nhân rộng những tấm gương cá nhân, tập thể điển hình, tiêu biểu đầy tính thuyết phục. Đối tượng biểu dương không chỉ thủ lĩnh, cốt cán mà chú ý chọn những chiến sĩ, quần chúng thật sự có thành tích, xứng đáng để mọi người học tập. Có như thế mới thật sự có ý nghĩa và kịp thời động viên phong trào.

Trong 30 năm ấy, xã nhà đã làm được điều hết sức đáng trân trọng. Đó là khơi dậy lòng yêu quê hương, đất nước và căm thù giặc, nung nấu, thôi thúc, động viên mọi tầng lớp nhân dân lên đường chiến đấu cũng như đóng góp tiền của, máu xương; thể hiện rõ tinh thần kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ.

Về công tác tổ chức, duy trì thực lực luôn giữ vai trò quyết định. Không có cán bộ, cốt cán, cơ sở vững vàng là mất phong trào, là tổn thất hy sinh. Trong mọi hoàn cảnh dù khó khăn đến mấy cũng phải quyết tâm củng cố tổ chức, xây dựng phát triển thực lực. Có tổ chức, cán bộ, chiến sĩ, cơ sở, có người tốt trung kiên, dũng cảm, sáng tạo... chúng ta sẽ vượt qua tất cả.

Muốn giữ vững phong trào cách mạng, nhất là những lúc gặp khó khăn, thoái trào càng phải củng cố, duy trì tổ chức như nhen những đóm than hồng trong tro nóng.

Phải dũng cảm, gan dạ, thông minh, sáng tạo, mưu trí, dám đánh, quyết đánh và biết đánh, vừa phải biết bảo toàn lực lượng, có cách đấu tranh phù hợp tùy theo tương quan lực lượng từng lúc, từng nơi giữa ta và địch.

Chấp hành, vận dụng chủ trương của cấp trên, phải sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, cơ sở; tránh máy móc, rập khuôn, với tinh thần: “cách mạng là sáng tạo, chân lý là cụ thể”.

Trong chiến tranh giải phóng, kháng chiến trường kỳ nhất thiết phải huy động sức mạnh tổng hợp, vận dụng linh hoạt nhiều hình thức đấu tranh, trong đó chủ yếu là hai mũi chính trị và quân sự. Ta phải sử dụng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng. Nhất thiết phải tổ chức diệt ác, phá kềm, mở và đưa phong trào đấu tranh của quần chúng phát triển.

Phối hợp nhịp nhàng lực lượng tại chỗ với cấp trên, và vũ trang bên ngoài với các lực lượng mật bên trong vùng địch, phối hợp 3 mũi giáp công, 3 thứ quân để tấn công, tiêu diệt địch.

Phải duy trì, giữ vững vùng căn cứ để tạo thế đứng chân lâu dài và phát huy hiệu quả kịp thời lực lượng, sức mạnh trực tiếp của hậu phương, hậu cần tại chỗ.

Vấn đề cốt lõi đặt ra là phải giải quyết hài hòa, tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu; bảo vệ mùa màng với khẩu hiệu: “Không đánh thì giặc cướp của ta, không tăng gia lấy gì nuôi quân đánh giặc”.

Mặt khác, để có tiềm lực kháng chiến lâu dài, vấn đề mấu chốt là vừa huy động, vừa bồi dưỡng sức dân. Một khi huy động quá sức dân lập tức sẽ mất thế trận lòng dân. Qua cuộc tổng động viên nhân tài vật lực năm 1950 đã cho chúng ta bài học quý giá ấy. Phải chăm lo, bồi dưỡng sức dân mới có phong trào chiến tranh nhân dân lâu dài. Làm sao để kinh tế vùng ta không bị vùng địch bao vây, tiêu diệt. Bụng dân no thì lòng dân theo Đảng, có đủ sức để đóng góp nhân tài, vật lực. Trong điều kiện kháng chiến khó khăn cũng phải hướng dẫn, tổ chức giúp dân sản xuất. Đồng thời phải xây dựng duy trì phong trào văn hóa văn nghệ luôn tạo ra cuộc sống vui tươi, lành mạnh, tiếng hát át tiếng bom; biến sức mạnh tinh thần trở thành sức mạnh vật chất.

Suốt 90 năm (từ năm 1885 đến năm 1975) đấu tranh anh dũng, đặt biệt là 30 năm kháng chiến gian lao của cán bộ, chiến sĩ, đồng bào; hy sinh vì độc lập, tự do; Thiện Nghiệp – Hàm Tiến thật đáng tự hào và mãi thương – mãi nhớ!

Ngày xưa ông cha ta biết xuất phát từ đặc điểm chiến trường để tìm phương đánh và thắng giặc. Ngày nay, trong hoàn cảnh và điều kiện mới, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu sâu sắc điều này để khắc phục khó khăn, khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế, đề ra giải pháp sát hợp khả thi nhất nhằm tô bồi gấm vóc giang sơn, làm cho quê hương mẫn mà, xanh mướt đẹp giàu để không phải thẹn lòng với các bậc tiền nhân.

Dừa xanh, biển mặn trong xanh,
Núi rừng, bầu nước bao quanh hữu tình,
Thiện Nghiệp – Hàm Tiến trung trinh,
Tự hào biết mấy quê mình hôm nay./.

HẾT

PHỤ LỤC

* **Tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, đội công tác qua các thời kỳ**

1. Bí thư chi bộ xã căn cứ Hồng Thịnh qua các thời kỳ:

Nguyễn Tấn Đạt: 1963 – 1965;
Nguyễn Thăng Long: 1966 – 1967;
Nguyễn Tấn Đạt: 1967 – 1969;
Nguyễn Thị Sang: 1970 – 1971;
Nguyễn Văn Thiên: 1972 – 1973;
Nguyễn Thị Sang: 1974 – 1975.

2. Tính đến thời điểm tháng 3 năm 1975, chi bộ xã căn cứ Hồng Thịnh còn các đảng viên sau:

Nguyễn Thị Sang; Phạm Thị Biên; Nguyễn Anh Tuấn; Nguyễn Văn Thanh (Nguyễn Diễm Thanh); Nguyễn Hữu Chi; Nguyễn Văn Lộc; Phan Văn Thu; Đoàn Văn Bụi; Lê Văn Thảo; Nguyễn Minh Chiến; Lê Văn Nhu; Nguyễn Thị Cảnh; Nguyễn Thị Năm; Nguyễn Thị Dương; Nguyễn Văn Dũng; Nguyễn Thị Thảo; Nguyễn Thị Hòa (Phận); Tô Thị Phượng; Phan Thị Nhân (Phương); Nguyễn Văn Nhung...

.....

3. Chính quyền

Chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng Xã.

Nguyễn Thanh Hoa: 1963 – 1968
(đồng chí Hoa hy sinh dưới hầm năm 1968)
Phan Văn Thu: 1969 – 1975.

4. Xã đội trưởng và xã đội phó:

a. Xã đội trưởng

Nguyễn Xuân Thùy: 1962-1963;
Nguyễn Thanh Tâm (Cần) : 1964;
Nguyễn Thăng Long: năm 1965
Nguyễn Thanh Liêm : 1966 – 1968;
Tôn Thanh Mạo (Vân): hy sinh 23 tháng 9 âm lịch (02/11/1969);
Nguyễn Văn Lộc: 1970 – 1973;

Lê Văn Thảo: 1974 – 1975;

b. Xã đội phó

Phan Văn Minh: 1966 – 1967;
Đoàn Châu Thương (Hai Mỹ) : 1968 – 1969;
Tô Thị Phượng : 1969-1970
Đoàn Văn Bụi: xã đội phó 1971 – 1975;

5. Chủ tịch Mặt trận:

Trần Đại Chính.

6. Đoàn thanh niên - Bí thư và Ban chấp hành

Nguyễn Văn Trọng (Đức) 1962 – 1964;
Hồ Thị Xuân: 1965- 1966;
Nguyễn Văn Nhân (Mười Chút): 1967 – 1969;
Phạm Minh Trí : 1970 – 1971;
Nguyễn Văn Nhung: 1972 – 1973;
Nguyễn Văn Dũng: 1974 - 1975.

Ban chấp hành xã đoàn năm 1965 gồm các anh , chị: Phạm MinhTrí, Hồ Thị Xuân, Cao Hoài Phong, Nguyễn Thị Cảnh, Phạm Thị Lệ...

7. Nông dân.

Trần Văn Nhanh: 1962 – 1965
Nguyễn Văn Thanh: 1966 - ?

8. Phụ nữ:

Hồ Thị Tuyết: 1962- 1963
Lê Thị Sen: 1964 – 1965
Huỳnh Thị Hiệp: 1966 - 1967
Phan Thị Nhâm: 1968-1970
Lê Thị Đông: 1971-1973
Nguyễn Thị Ngu : 1974-1975

Những năm 1974 – 1975: Ban chấp hành gồm: Nguyễn Thị Ngu, Lê Thị Đông, Nguyễn Thị Hòa.

9. Các đời Đội trưởng đội công tác vũ trang tuyên truyền Rạng.

Võ Đình Quốc: 1962 – 1963;
Trần Văn Năm: 1964 – 6/1968;
Cao Hoài Phong: tháng 6/1968 – 6/1969;
Mai Thanh Khải: tháng 6/1969 – cuối năm 1974;

10. Các Đội trưởng Đội công tác vũ trang tuyên truyền Giồng Thầy Ba

Hà Thanh Hồng: 1962 – 1963;
Nguyễn Đình Phúc: 1964 – 1965;

11. Các Đội trưởng Đội Bà La.

Nguyễn Đình Phúc: 1966 – 1967;
Nguyễn Thăng Long: 1968 – 27/3/1969 (hy sinh);
Nguyễn Thanh Liêm: 1969 – 30/01/1973 (hy sinh).

*** Danh sách cán bộ, chiến sĩ hy sinh (1962 - 1975)**

1. Đội công tác Rạng.

Đặng Văn Diệp (Tròn) (1963);

Nguyễn Văn Dũng (1964);

Nguyễn Thị Dậu (1964);

Phạm Thị Ngọc (Lêo) (ngày 25 tháng 3 năm 1966);

Nguyễn Khuê (1967);

Phạm Ái (1967);

Trần Văn Chân (năm 1968);

Phạm Văn Minh (năm 1969) ở Đội Rạng phối hợp du kích Hồng Thịnh đánh
chống càn – hy sinh năm 1969;

Trần Văn Chim (tháng 01/ 1969);

Huỳnh Văn Luân (ngày 29 tháng 7 năm 1969 tức ngày 12 tháng 6 năm Kỷ Dậu);

Trần Văn Tư (ngày 08 tháng 6 năm 1970);

Trần Văn Xuồng (ngày 20 tháng 7 năm 1970);

Bùi Văn Cu (ngày 16 tháng 10 năm 1970);

Nguyễn Văn Chánh (1971);

Nguyễn Thị Phương (Nguyễn Thị Chính) (ngày 22 tháng 12 năm 1972);

Trần Văn Hồ (1970)

Nguyễn Văn Ba:

Trần Thị Chín (.....) hy sinh tại chân núi Đá Vàng, ngày.. tháng ...năm .?

Nguyễn Văn Bảy (ngày 27 tháng 01 năm 1973);

Nguyễn Văn Dương (1974);

Võ Văn Mười (Mười Ba) (1974);

Nguyễn Văn Dương (Năm Dương) và Võ Văn Mười (Mười Ba) cùng hy sinh ở
xã Hồng Thanh ngày.. tháng... năm 1974.

2. Đội công tác Giồng Thầy Ba và Bà La

Nguyễn Văn Phương (ngày 20 tháng 6 năm 1967);

Nguyễn Thanh Sơn (Sơn Bạc) (ngày 17 tháng 9 năm 1967) ;

Lê Văn Trực (ngày 17 tháng 9 năm 1967) ;

Lê Văn Hồng (ngày 17 tháng 9 năm 1967) ;

Nguyễn Văn Giỏi (ngày 01 tháng 10 năm 1967);

Nguyễn Văn Ôm (1967);

Nguyễn Đình Phúc (Chắc) (1969);

Nguyễn Văn Bốn ...

Nguyễn Thăng Long (ngày 27 tháng 3 năm 1969).

Nguyễn Thị Bích Phương (ngày 29 tháng 02 năm 1971);

Nguyễn Thị Mỹ:.....

Phạm Minh Trí (ngày 24 tháng 8 năm 1972)

Trần Văn Sáu (Chân) (1972);

Nguyễn Thanh Liêm (ngày 30 tháng 01 năm 1973);

Hồ Văn Thái (ngày 17 tháng 12 năm 1973);

Đỗ Văn Nhứt (ngày 17 tháng 12 năm 1973);
Lê Thanh Sơn (ngày 17 tháng 12 năm 1973);
Mai Thanh Khải (tháng 4 năm 1975);

3. Cán bộ, chiến sĩ hy sinh sau khi đã chuyển công tác khỏi Đội công tác Rạng, Bà La..

- Nguyễn Thái Hoàng (ngày 17 tháng 4 năm 1968) ở Trạm xá Huyện, là cơ sở bên trong thuộc đội công tác Rạng sau đó thoát ly. Lúc hy sinh anh thuộc đơn vị 451.

- Nguyễn Đình Phúc (Chắc) hy sinh ở Đội công tác Phú Hải.

- Cao Hoài Phong (1974) hy sinh ở Đội công tác Phú Hải.

- Mai Thanh Khải (tháng 4 năm 1975) hy sinh ở Tuy Hòa.

3. Cán bộ, chiến sĩ xã căn cứ Hồng Thịnh đã hy sinh tại căn cứ.

Võ Văn Minh;

Trần Văn Sơn;

Nguyễn Văn In;

Nguyễn Văn Khi (Lý);

Nguyễn Văn Thời (Hai Thời) (ngày 20 tháng 3 năm 1962);

Nguyễn Văn Lịch (ngày 07 tháng 9 năm 1967).

Nguyễn Thanh Hoa (1968);

Tôn Thanh Mạo (Vân) (ngày 05 tháng 11 năm 1969), là Xã đội trưởng;

*** Những gia đình tiêu biểu**

1. Gia đình ông Hồ Sĩ Lâm, ở Rạng, có 18 người tham gia kháng chiến, trong đó có 10 liệt sĩ; hai bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng (cả 4 thế hệ gồm: ông bà, cha mẹ, con, cháu, rể, dâu.)

2. Gia đình ông Nguyễn Văn Trung (Mục Trung) ở Triền có 4 thế hệ tham gia kháng chiến gồm 21 người, trong đó có 10 liệt sĩ; 3 bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng,

3. Bà Lê thị Nuôi mẹ của anh Nguyễn Thăng Long (ở Triền) là mẹ VNAH có 4 người con hy sinh.

4. Ông Đỗ Gộc ở Triền có tất cả 5 người con đều là liệt sĩ.

5. Gia đình ông Võ Thành Dương ở Rẫy Thơm có 10 người tham gia kháng chiến, trong đó có 7 liệt sĩ và 01 bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng.

6. Gia đình ông Nguyễn Văn Giáp và Bà Lê Thị Lương là Mẹ Việt Nam Anh Hùng, có 04 người con trai đều hy sinh: Nguyễn Văn Thời, Nguyễn Văn Lai, Nguyễn Văn Lịch và Nguyễn Đình Phúc (chắc).

7. Ông Nguyễn Hữu Toại (Trùm Tụ) và bà Trần Thị Muôn, ở Triền, có 03 người con trai đều đi kháng chiến: Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Hữu Đông (Cư), Nguyễn Hữu Hải (Chánh). Hai vợ chồng ông bà đã làm cơ sở, đấu tranh chính trị kiên cường và đều bị địch sát hại.

8. Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng Nguyễn Thị Ai, có 7 người tham gia kháng chiến, trong đó có 4 liệt sĩ.

9. Gia đình ông Lê Đắc ở Bàu Tàng, có 18 người tham gia kháng chiến, có 4 liệt sĩ, bà Nguyễn thị Máy là Mẹ Việt Nam Anh Hùng.

10. Gia đình ông Trần Văn Nhanh, quê ở Bàu Tàng, bị chết một lúc 13 người dưới hầm bom 17.

11. Gia đình ông Nguyễn Công Lý ở Rẫy Thơm có 3 người tham gia kháng chiến, có 1 liệt sĩ, 1 nữ Anh hùng Lực lượng vũ trang (Nguyễn Thị Hòa).

12. Gia đình ông Võ Sỹ ở Rẫy Thơm, có người tham gia kháng chiến

13. Gia đình ông Nguyễn Tấn Đạt và bà Lê Thị Quý, có 4 người tham gia kháng chiến, hy sinh. Bà Lê Thị Quý bị địch bắn ở Bàu Tàng.

14. Mẹ VNAH Nguyễn thị Nhờ quê ở Bàu Tàng, có 2 con hy sinh là liệt sỹ anh hùng LLVT Nguyễn Tấn Định và liệt sĩ Nguyễn Tấn Công (cán bộ công an huyện,)

Anh hùng liệt sĩ Nguyễn Tấn Định, sinh năm 1952, thoát ly ra căn cứ Hồng Thịnh năm 1965, nhập ngũ ngày 02 tháng 02 năm 1968. Anh hy sinh ngày 01 tháng 4 năm 1970. Nguyễn Tấn Định chiến đấu dũng cảm, lập nhiều chiến công hiển hách. Ngày 19 tháng 5 năm 1972, Anh được nhà nước truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”. /.

* **Hàm Bom 17:** Gồm 03 gia đình:

+ *Gia đình thứ nhất có 03 chị, em:*

1. Hồ Thị Tuyết - sinh năm 1941 (25 tuổi), chị;
2. Hồ Đức Hạnh (Chúc giữa), em;
3. Hồ Đức Tính (Chúc Xiu), em;

=> 03 chị , em chôn chung một mã.

+ *Gia đình thứ hai có 13 người gồm 02 vợ chồng và 11 người con, dâu, cháu:*

4. Trần Văn Nhanh - sinh năm 1917 (49 tuổi), chồng;
5. Nguyễn Thị Gần - sinh năm 1919 (49 tuổi), vợ;
6. Trần Văn Hiệp - sinh năm 1939 (27 tuổi), con;
7. Trần Thị A - sinh năm 1949 (17 tuổi), con;
8. Trần Văn Phong - sinh năm 1952 (14 tuổi), con;
9. Trần Văn Bảy - sinh năm 1955 (11 tuổi), con;
10. Trần Văn Tám - sinh năm 1958 (8 tuổi), con;
- 11- Trần Văn Chín - sinh năm 1962 (4 tuổi), con;

=> 02 vợ chồng và 06 người con chôn chung một mã.

12. Phạm Thị Ân - sinh năm 1941 (25 tuổi), vợ ông Trần Văn Hiệp; con dâu ông Nhanh;

13. Trần Thị Nghĩa – sinh năm 1959 (7 tuổi), con ông Hiệp và bà Ân;

14. Trần Văn Định - sinh năm 1961 (5 tuổi), con ông Hiệp và bà Ân;

15. Trần Văn Tư - sinh năm 1963 (3 tuổi), con ông Hiệp và bà Ân;

=> 01 con dâu và 03 người cháu nội chôn chung một mã.

16. Phạm Thị Lèo (Ngọc) – sinh năm 1944 (22 tuổi), con dâu; chôn một mã vì gãy chân nên thi thể còn nguyên.

+ *Gia đình thứ ba có 01 người:*

17. Lê Đắc (Mục Ngọng), chôn một mã.

BÀI THƠ CỦA NHÀ CÁCH MẠNG HỒ QUANG CẢNH

Còn sống hỡi còn ta với bạn
Hỡi còn ta bạn bạn với ta
Khóc làm chi, nín kéo mà
Quảng Nam, Lao Bảo cũng là trời chung.
Từ danh giá vai mang túi đẽ,
Thời vị lai mặc kệ phong ba
Sanh cũng là, tử cũng là
Búng tay khắng khái con nhà Lạc Long.
Chí nam tử ngoài vòng nô lệ
Phận làm trai bốn bề là nhà.
Bạn ơi! Nghe mấy lời ta: Dầu xa muôn dặm cũng là gần nhau.
Nghĩ nông nỗi thêm đau đớn ruột
Giận thói thường muốn tuốt gươm gan
Chém cha quỷ xứ đa đoan
Nữ không chỉ lối đem đường cho đây
Góm ghê thay những loài phản phúc
Đề rồi coi đất trúc trời nghiêng
Làm trai có trái truan chuyên
Có hay có biết, mới thiên việc đời
Còn công việc còn người cừ oán,
Lưỡi gươm trần dạn bạn trăm năm.
Đường xa xôi chớ nghĩ mà lầm
Đã đi đi mãi, đã lầm lầm luôn
Khói nghi ngút sầu tuông lai láng,
Nước lừng đùng buồn bạn láng lai,
Buộc trăm năm, hỡi còn dài,
Dạn dò sau trước một bài đưa chân.
Thân còn nặng ái ân lấm nhĩ,
Đời còn đời phi thị chẳng không.
Sau cho nhẹ gánh tang bồng,
Mới là con cháu Lạc Hồng Việt Nam.
Tay đã đã nhúng vô chàm lở hội
Chí cho bền gỡ rối tùy cơ
Quản bao tháng đợi năm chờ
Nước non còn đó thiên cơ hẵng còn
Đi thi đi, hồn cứ ở; Về thì về mà nợ chớ quên
Nơi vũ lấy bấy nhiêu niên
Rửa hờn cho sạch quay phiến đừng vưon.
Đưa bạn ngọc lên đường hoạn nạn
Chén quan hà chưa cạn đã say
Mặt nhìn mặt, tay chìa tay
Trùng phùng xin đợi ngày rày năm sau!

Viết năm 1930, 1931

*** SỔ GIA ĐÌNH XÃ HỒNG THỊNH
BÁM TRỤ ĐẾN NGÀY GIẢI PHÓNG**

1. Nguyễn Văn Thìn – Bà Thiêu.
2. Nguyễn Văn Hiền – Bà Tàng.
3. Nguyễn Trung Thành.
4. Lê Văn Nhu – Bà Thiêu.
5. Lê Văn Hào
6. Phan Văn Tùng – Tám Tùng.
7. Nguyễn Thị Phương - Triền (Vợ anh Định)
8. Nguyễn Tấn Đạt.
9. Lê Đắc (Hầm bom 17)
10. Nguyễn Văn Hời
11. Nguyễn Văn Quảng
12. Nguyễn Hữu Chi
13. Nguyễn Thị Sang
14. Phạm Văn Thu
15. Đỗ Văn Quân (Ba Đa) - Triền
16. Nguyễn Văn Bảy
17. Nguyễn Điển Thanh
18. Lê Thị Ty - Mẹ VNAH
19. Nguyễn Văn Thanh
20. Nguyễn Văn Lộc
21. Nguyễn Thị Tử
22. Trần Văn Mẹo
23. Nguyễn Văn Thành
24. Nguyễn Văn Mậu
25. Nguyễn Quốc Dân – Ba Dân
26. Nguyễn Văn Thúy
27. Nguyễn Văn Giác
28. Nguyễn Văn Bờ (Tư Bờ)
29. Nguyễn Văn Dậu
30. Trần Văn Bảy
31. Trần Văn Long
32. Nguyễn Văn Hoa
33. Trần Văn Còn
34. Nguyễn Văn Luân
35. Nguyễn Văn Tuy (Mục Tuy)
36. Nguyễn Thanh Sơn (Hai Giọt)
37. Phan Văn Ân (Năm Ân)
38. Nguyễn Văn.....
39. Nguyễn Văn Bé
40. Nguyễn Thị Nuôi.

DANH SÁCH LIỆT SĨ
XÃ THIỆN NGHIỆP - PHƯỜNG HÀM TIẾN
TRONG THỜI KỲ CHỐNG PHÁP, CHỐNG MỸ
(phục vụ công tác Biên soạn lịch sử xã Thiện Nghiệp - phường Hàm Tiến)

SỐ TT	Họ và tên <i>Lịch sử truyền thống xã Thiện Nghiệp - phường Hàm Tiến</i>	Năm sinh	Quê quán	Chức vụ	Ngày hy sinh	Nơi hy sinh
I. Các liệt sĩ hy sinh trong thời kỳ chống Pháp						
Nhóm 1. Liệt sĩ hy sinh trên vùng đất Thiện Nghiệp – Hàm Tiến						
1	Nguyễn Thị Ngọc	1929	Hàm Tiến – Hàm Thuận	Tiểu đội trưởng	21/04/1942	Hàm Tiến - Phan Thiết
2	Trần Nhỏ	1912	Hàm Tiến – Hàm Thuận	Bộ đội	05/8/1945	Mũi Né – Phan Thiết
3	Mai Thanh Nhung	1921	Hàm Tiến – Hàm Thuận	Thôn trưởng	13/02/1946	Hàm Tiến – Phan Thiết
4	Lê Văn Tại	1912	Hàm Tiến – Hàm Thuận	Tiểu đội trưởng	01/6/1946	Hàm Tiến – Phan Thiết
6	Nguyễn Văn Sắc	1908	Hàm Tiến – Hàm Thuận	Bộ đội	20/9/1946	Hàm Tiến – Phan Thiết
5	Nguyễn Hữu Thành	1900	Hàm Tiến – Hàm Thuận	Đội viên	27/9/1946	Mũi Né – Phan Thiết
7	Nguyễn Cầu		Hàm Tiến – Hàm Thuận	Liên lạc xã	1947	Hàm Tiến – Phan Thiết
8	Trần Văn Phu	1927	Hàm Tiến – Hàm Thuận	Cán bộ nằm vùng	03/3/1947	Bàu Sen – Thiện Nghiệp
9	Võ Văn Thới	1914	Thiện Nghiệp – Phan Thiết	Thôn đội trưởng	28/7/1947	Thiện Nghiệp – Phan Thiết
10	Nguyễn Dần	1913	Khánh Thiện – Hàm Thuận	Trưởng ban hành chính khu 6	02/01/1948	Thôn 5 - xã Hàm Tiến – Phan Thiết
11	Đình Văn Đây	1928	Hàm Tiến – Hàm Thuận	Đội viên	11/01/1948	Mũi Né – Phan Thiết
12	Trần Văn Nghé	1919	Thiện Nghiệp – Phan Thiết	Tiểu đội phó	22/7/1948	Chợ Mũi Né
13	Trương Văn Tấn	1931	Hàm Tiến – Hàm Thuận	Đơn vị: Trần Quốc Thắng	05/8/1948	Thiện Nghiệp – Phan Thiết
14	Nguyễn Văn Thuận	1921	Hàm Tiến – Hàm Thuận	Tiểu đội phó Tiểu đoàn Hoàng Hoa Thám	15/8/1948	Mũi né – Phan Thiết
15	Nguyễn Văn Chách	1925	Hàm Tiến – Hàm Thuận	Dân quân tự vệ	18/12/1948	Hàm Tiến – Phan thiết
16	Đặng Kỳ Tâm	1927	Hàm Tiến – Hàm Thuận	Du kích	9/1949	Hàm Tiến – Phan Thiết
17	Phan Văn Ái	1932	Hàm Tiến – Hàm Thuận	Tiểu đội phó	15/10/1951	Hàm Tiến – Phan Thiết
18	Phạm Xẻ		Hàm Tiến – Hàm Thuận		09/4/1952	Khu Lê Hồng Phong
19	Phùng Bá Điều	1919	Thiện Nghiệp – Phan Thiết	Tiểu đoàn 86	10/5/1952	Xã Hồng Hải
			Hàm Thuận			Thiện Nghiệp

**DANH SÁCH BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG
XÃ THIỆN NGHIỆP – PHƯỜNG HÀM TIẾN**

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trường hợp được phong tặng/ truy tặng	Năm phong tặng, truy tặng
1	Nguyễn Thị Thất	1908	Có 02 con là liệt sĩ : - Nguyễn Văn An - Nguyễn Văn Đức	Phong tặng 2014
2	Nguyễn Thị Ai	1904 - 1986	Có 04 con là liệt sĩ : - Trần Thị Chín - Trần Văn Sáu - Trần Văn Thu - Trần Văn Đông	Truy tặng 17.12.1994
3	Đỗ Thị Mọi	1910 - 1963	Có 02 con là liệt sĩ : - Nguyễn Văn Trường - Nguyễn Thế - Nguyễn Quy	Truy tặng 2003
4	Lê Thị Lương	1912 - 1953	Có 03 con là Liệt sĩ : - Nguyễn Văn Lai - Nguyễn Văn Thời - Nguyễn Văn Lịch	Truy tặng 4.4.1997
5	Lê Thị Dần		Có 03 con là Liệt sĩ : - Nguyễn Văn Chi - Nguyễn Văn Phúc - Nguyễn Văn Giới	Truy tặng 2007
6	Nguyễn Thị Máy	1909	Có 03 con là Liệt sĩ : - Lê Văn Rừng - Lê Văn Minh - Lê Thị Sen	
7	Nguyễn Thị Kỳ	1906	Có 02 con là Liệt sĩ: - Nguyễn Thanh Hùng - Nguyễn Thanh Hải	Truy tặng 2014
8	Võ Thị Lung	1917	Có 02 con là Liệt sĩ: - Nguyễn Văn Đục - Nguyễn Văn Sáu	
9	Diệp Thị Chung	1911	Có 02 con là Liệt sĩ: - Võ Ngọc Hoàng	Truy tặng 2014

			- Võ Hữu Minh	
10	Phạm Thị Nhị	1894	Có 02 con là Liệt sĩ: - Đặng Văn Cang - Đặng Thái Phong	Truy tặng 2014
11	Đặng Thị Bô	1915	Có 03 con là Liệt sĩ: - Nguyễn Văn Quang - Nguyễn Văn Sương - Nguyễn Văn Vinh	Phong tặng
12	Trần Thị Cang	1922	Có chồng và 02 con là Liệt sĩ: - Chồng Phan Văn Láng - Con Phan Văn Tạo - Con Phan Văn Lập	Phong tặng
13	Diệp Thị Cung	1905 - 1991	Có 02 con là Liệt sĩ: - Trần Văn Năm - Trần Văn Phú - Trần Văn Hòa	Truy tặng 17.12.1994
14	Bùi Thị Liên	1909 - 1993	Có 03 con là Liệt sĩ: Nguyễn Văn Mao Nguyễn Văn Khuê Nguyễn Hữu Thọ	Truy tặng 17.12.1994
15	Nguyễn Thị Mến	1915	Có 01 con duy nhất là Liệt sĩ: Lê Bá Đặng	Truy tặng 24.4.1995
17	Nguyễn Thị Cây	1005	Có 02 con là Liệt sĩ: - Nguyễn Văn Ân - Nguyễn Văn Út (Thái)	Truy tặng năm 2015
18	Nguyễn Thị Minh	1918	Có 01 con là Liệt sĩ: - Trần Văn Hổ	Truy tặng năm 2014
19	Võ Thị Ân	1905	Có 02 con là Liệt sĩ: - Nguyễn Văn Nô - Nguyễn Văn Ôm	Truy tặng năm 2014
20	Võ Thị Đẹt	1917	Có 01 con là Liệt sĩ: - Nguyễn Văn Tư	Truy tặng năm 2015
21	Huỳnh Thị Thành	1925	Có 02 con là Liệt sĩ: - Trần Thanh Khán - Trần Thị Hiệp	Truy tặng năm 2015
22	Nguyễn Thị Nhờ	1911	Có 02 con là Liệt sĩ: - Nguyễn Văn Năm - Nguyễn Văn Sáu	Truy tặng năm 2015
23	Trần Thị Mười	1922	Có 02 con là Liệt sĩ:	Truy tặng

Lịch sử truyền thống xã Thiện Nghiệp - phường Hàm Tiến

			- Nguyễn Minh Tâm - Huỳnh Thanh Long	năm 2015
24	Đỗ Thị Tuất	1910	Có 02 con là Liệt sĩ: - Nguyễn Văn Chung - Nguyễn Rẫy	Truy tặng năm 2015

CÁC CUỘC HỘI THẢO, XÁC MINH, THẨM ĐỊNH TƯ LIỆU

Ngày, tháng, năm	Địa điểm	Nội dung	Số đại biểu tham dự.
5.5.2007	Hội trường phường Hàm Tiến	Hội thảo sự kiện 1930-1975	40 người
5.5.2009	Hội trường xã Thiện Nghiệp	Hội thảo sự kiện 1930-1975 (lần 2)	40 người
5.6.2009	Hội trường phường Hàm Tiến	Hội thảo sự kiện 1930-1954	30 người
9.8.2010	Hội trường xã Thiện Nghiệp	Hội thảo sự kiện 1954-1975	30 người
7.4.2013	Hội trường phường Hàm Tiến	Hội thảo sự kiện 1945-1975	30 người
8.8.2013	Hội trường xã Thiện Nghiệp	Hội thảo giai đoạn 1946-1954.	15 người
5.5.2014	Hội trường phường Hàm Tiến	Hội thảo giai đoạn 1946-1954	20 người
9.5.2014	Hội trường phường Phú Thủy	Hội thảo giai đoạn 1946-1954	10 người
9.8.2014	Hội trường xã Hàm Đức	Hội thảo giai đoạn 1946-1954	15 người
7.9.2014	Hội trường phường Hàm Tiến	Hội thảo giai đoạn 1946-1954	15 người
11.2014	Hội trường phường Hàm Tiến	Hội thảo giai đoạn 1965-1975	15 người
11.2014	Hội trường phường Phú Thủy	Hội thảo giai đoạn 1965-1975	15 người
11.2014	Hội trường xã Hồng Phong	Hội thảo giai đoạn 1965-1975 (cụm Hồng Thanh – Hồng Trung)	20 người
11.2014	Hội trường thôn 7 xã Hàm Đức	Hội thảo giai đoạn 1965-1975 (cụm Triền - Hàm Đức)	15 người
10.2015	Hội trường phường Hàm Tiến	Hội thảo giai đoạn 1954-1975 (cụm Hàm Tiến -Thiện Nghiệp -Mũi Né)	15 người
10.2015	Hội trường phường Phú Thủy	Hội thảo giai đoạn 1954-1975 (cụm các phường nội thành)	15 người

**DANH SÁCH
NHỮNG NHÂN CHỨNG TRỰC TIẾP CUNG CẤP TƯ LIỆU**

Họ và tên	Chức vụ trong thời kỳ kháng chiến	Địa chỉ hiện nay
------------------	--	-------------------------

Lịch sử truyền thống xã Thiện Nghiệp - phường Hàm Tiến

T			
	Lê Đình Nguyên	Thường vụ huyện ủy Thuận Phong	Phường Hàm Tiến
	Huỳnh Thị Cân	Hội trưởng phụ nữ xã Hồng Thịnh	Phường Hàm Tiến
	Nguyễn Bá Lân	Chủ tịch UBKC xã Quang Cảnh	Phường Hàm Tiến
	Nguyễn Thị Cảnh	Đội công tác Rạng (1965)	Phường Hàm Tiến
	Nguyễn Văn Hai	Đội công tác Bà La	Phường Hàm Tiến
	Đỗ Tấn Minh	Đội trưởng du kích xã Hồng Hải (1952-1954)	Phường Hàm Tiến
	Mai Um	Cán bộ xã Quang Cảnh	Phường Hàm Tiến
	Trương Văn Sáu	Xã trưởng xã Thiện Khánh (1969-1972)	Phường Hàm Tiến
	Nguyễn Văn Đệ	Em ruột liệt sĩ Nguyễn Thị Ngọc (Nuôi)	Phường Hàm Tiến
	Trần Văn Năm	Đội trưởng đội công tác Rạng	Xã Hồng Sơn
	Lê Huyền Linh	Cán bộ xã Hồng Thịnh	Xã Hồng Sơn
	Võ Thị Lành	HUV. Đội trưởng đội công tác xã Hồng Sơn	Xã Hồng Sơn
	Đoàn Châu Thương	Xã đội phó Hồng Thịnh (19 - 19)	Xã Hồng Sơn
	Nguyễn Xuân Anh	Thôn trưởng xã Hồng Thịnh	Xã Hồng Sơn
	Lê Thị Ngọc Huỳnh	Đội công tác Rạng (1968)	Xã Hồng Sơn
	Trần Đông Nam	Đội công tác Bà La (4/1975)	Xã Hàm Đức
	Hồ Thị Xuân	Cán bộ Đoàn thanh niên (1965-1966)	Xã Hồng Liêm
	Nguyễn Thị Nhon	Cơ sở cách mạng	Xã Hồng Liêm
	Võ Tấn Trương	Quyền bí thư Huyện ủy Thuận Phong	Xuân Lộc - Đồng Nai
	Nguyễn văn Nghiệp	Bệnh xá F1 tỉnh	Xã Thiện Nghiệp
	Phạm Ngọc Thạch	Du kích xã Hồng Hải	Xã Thiện Nghiệp
	Nguyễn Thị Mười	Cơ sở cách mạng	Xã Thiện Nghiệp
	Võ Thị Ngọc	Du kích xã Hồng Hải	Xã Thiện Nghiệp
	Nguyễn Văn Phú	Cơ sở cách mạng	Xã Thiện Nghiệp
	Lê Thị Hường	Du kích xã Hồng Thịnh	Xã Thiện Nghiệp
	Nguyễn Văn Hoài	Cơ sở cách mạng	Xã Thiện Nghiệp
	Nguyễn Văn Sáu	Đội công tác Rạng	Xã Thiện Nghiệp
	Nguyễn Thị Minh Hòa	Cán bộ cơ quan Công an tỉnh	Xã Thiện Nghiệp
	Lê Thị Hòa	Dân căn cứ Hồng Thịnh	Xã Thiện Nghiệp
	Huỳnh Thị Thu Thủy	Cơ sở cách mạng	Xã Thiện Nghiệp
	Phạm Chí Thanh	Dân căn cứ Hồng Thịnh	Xã Thiện Nghiệp
	Nguyễn Văn Muộn	Chủ tịch UBKC Xã Khánh Long (Mũi Né)	Phường Mũi Né
	Phan Văn Thất	Tham gia kháng chiến chống Pháp	Phường Mũi Né
	Lê Mao	Tham gia kháng chiến chống Pháp	Phường Mũi Né
	Nguyễn Hữu Tín	Bí thư huyện ủy Thuận Phong (1969-1972)	Phường Mũi Né
	Nguyễn Thị Nhỏ	Đội công tác Mãng 3	Xã Hồng Phong
	Hà Trung Thành	Dân căn cứ Hồng Trung	Xã Hồng Phong
	Nguyễn Văn Hiên	Xã đội phó Hồng Thanh	Xã Hồng Phong
	Nguyễn Thanh Bình	Đội công tác Mũi Né (1974-1975)	Xã Hồng Phong
	Hà Văn Công	Xã đội phó Hồng Trung	Xã Hồng Phong
	Nguyễn Văn Hợp	Du kích xã Hồng Thanh	Xã Hồng Phong

Nguyễn Văn Thiên	Bí thư Xã Hồng Thịnh (1972-1973)	Xã Hồng Phong
Tô Thị Phương	Xã đội phó Hồng Thịnh (1969-1970)	Xã Hồng Phong
Huỳnh Đông Pha	Cán bộ y tế Bệnh xá Huyện Thuận Phong	Xã Hồng Phong
Trần Thị Lành	Đội công tác Rạng	Xã Hồng Phong
Nguyễn Văn Dũng	Phân trạm giao liên xã Hồng Thịnh	Xã Hồng Phong
Võ Thành Dinh	Đội trưởng Đội công tác XaRa(1971-1972)	Xã Hàm Đức
Nguyễn Văn Nhâm	HUV.Chánh VP huyện ủy Thuận Phong	Xã Hàm Đức
Nguyễn Thị Sang	Bí thư Xã Hồng Thịnh (1970-1971)	Triền - Xã Hàm Đức
Nguyễn Điển Thanh	Hội trưởng hội Nông dân xã Hồng Thịnh	Triền - Xã Hàm Đức
Phan Văn Thu	Chủ tịch Xã Hồng Thịnh (1965-1975)	Triền - Xã Hàm Đức
Nguyễn Hữu Chi	Bí thư Xã Hồng Thịnh (1968-1972)	Triền - Xã Hàm Đức
Phan Thị Phương	Bí thư chi bộ Áp Gò xã Hồng Sơn (71- 75)	Triền - Xã Hàm Đức
Nguyễn Tấn Thành	Công an huyện Thuận Phong	Triền - Xã Hàm Đức
Phan Văn Hai	Du kích xã Hồng Thịnh	Triền - Xã Hàm Đức
Võ Văn Quân	Du kích xã Hồng Thịnh	Triền - Xã Hàm Đức
Đoàn Văn Bụi	Xã đội phó Hồng Thịnh (1971-1975)	Triền - Xã Hàm Đức
Lê Văn Thảo	Quyền xã đội trưởng Hồng Thịnh (9/1974)	Triền - Xã Hàm Đức
Nguyễn Thị Thủy	Đội công tác Rạng	Triền- Xã Hàm Đức
Trương Văn Sáu	Du kích xã Hồng Thịnh	Triền- Xã Hàm Đức
Mãn Tấn Dũng	Bí thư huyện ủy Thuận Phong (1970-1975)	Phường Phú Trinh
Nguyễn Tế Nhị	Bí thư huyện ủy Hàm Thuận (1949-)	Phường Phú Trinh
Nguyễn Văn Bốn	Bí thư huyện ủy Hàm Thuận	Phường Phú Trinh
Hồ Quang Sanh	Cơ sở cách mạng	Phường Phú Trinh
Nguyễn Thị Sinh	Cơ sở cách mạng	Phường Phú Trinh
Nguyễn Thị Mai	Đội công tác Rạng (1965-1968)	Phường Hưng Long
Huỳnh Thanh Phương	Đội công tác Hàm Thắng	Phường Hưng Long
Trương Vũ Đức	Phó ban hành lang tỉnh Bình Thuận	Phường Phú Thủy
Châu Thanh Hải	Cán bộ cơ yếu tỉnh Bình Thuận	Phường Phú Thủy
Nguyễn Công Đức	Đặc công tỉnh	Phường Phú Thủy
Vũ Bình Phong	Huyện đội trưởng huyện Lê Hồng Phong	Phường Phú Thủy
Võ Thị Ngọc Hoa	Đội công tác Rạng	Phường Phú Thủy
Trần Hữu Đức	Ban dân y huyện Thuận Phong	Phường Phú Thủy
Trần Hữu Bình	CTV. Đại đội A huyện Hàm Thuận	Phường Phú Thủy
Nguyễn Minh Thành	Thị đội phó thị xã Phan Thiết	Phường Phú Thủy
Nguyễn Văn Thạnh	Trung đoàn 812	Phường Phú Thủy
Ngô Minh Cương	VP. Huyện ủy Hàm Thuận	Phường Phú Thủy
Nguyễn Ngọc Sang	Cán bộ huyện đoàn Thuận Phong	Phường Phú Thủy
Lê Thị Xuân	Xã đội trưởng xã Hồng Sơn	Phường Phú Thủy
Nguyễn Văn Thân	Tiểu đoàn 482	Phường Phú Thủy
Hoàng Trí Thức	Cán bộ huyện Thuận Phong	Xã Phong Năm
Lê Chí Đức	Cán bộ công an thời chống Pháp	Phường Phú Hải
Nguyễn Văn Phước	Đội công tác Thiện Nghiệp (1960-1962)	Phường Phú Hải

	Huỳnh Minh Chánh	Cán bộ trung đoàn 812	Phường Xuân An
	Nguyễn Hồng Đào	Cán bộ trung đoàn 812	Phường Xuân An
	Nguyễn Thị Phố	Cơ sở cách mạng	Phường Lạc Đạo
	Mai Ngọc Linh	Đội công tác Rạng	Xã Hàm Thắng
	Phan Thị Tâm	Cơ sở cách mạng	Thị trấn Phú Long
	Nguyễn Văn A	HUV. Chánh VP huyện ủy Thuận Phong	Thị trấn Thuận Nam
	Lê Trường Ngọc	Ban tuyên huấn tỉnh ủy BT (1962-1967)	Chợ Lâu-Bắc Bình

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Các tập sách đã xuất bản:

1. Lịch sử đảng bộ tỉnh Bình Thuận - tập I - thời kỳ 1930-1954, xuất bản tháng 2 năm 1994;
2. Lịch sử đảng bộ tỉnh Bình Thuận - tập II - thời kỳ 1954-1975, xuất bản năm 2000;
3. Bình Thuận 30 năm chiến tranh giải phóng – tập II – kháng chiến chống Mỹ 1954-1975, xuất bản năm 1992;
4. Lịch sử đặc công tỉnh Bình Thuận (1952-1975), xuất bản năm 1997;
5. Chiến đấu oanh liệt thắng lợi vẻ vang (những trận đánh điển hình trên chiến trường Bình Thuận), xuất bản năm 2000;
6. Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Bình Thuận(1945-2000), nhà xuất bản QĐND, năm 2000;4. Báo cáo khoa học về Nguyễn Thông – xuất bản tháng 8 năm 1984;
7. Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Hàm Thuận – tái bản lần thứ nhất - năm 2010;
13. Đại đội 450 Thuận Phong trên vùng đất kiên trung (1961-1975), xuất bản năm 1999;
8. Phan Thiết truyền thống đấu tranh cách mạng – tập I – 1930-1954, xuất bản năm 1989;

9. Phan Thiết truyền thống đấu tranh cách mạng – tập II – 1954-1975, xuất bản năm 1991;

10. Phan Thiết những trận đánh tiêu biểu (1945 – 1975), xuất bản năm 1992;

11. Căn cứ khu Lê Hồng Phong trong kháng chiến chống Pháp 1950-1975, xuất bản năm 2008;

12. Truyền thống đấu tranh cách mạng xã Hồng Phong 1945-1975, xuất bản tháng 2 năm 2005;

13. Nhân dân Hồng Sơn chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược 1930-1975, xuất bản tháng 12 năm 2003;

14. Lịch sử truyền thống xã Phú Hải (1945 – 1954), xuất bản năm 1996;

15. Hàm Nhơn những chặng đường đấu tranh cách mạng, tập I và II, xuất bản năm 1985, 1990;

12. Vùng đất kiên trung, của đ/c Lê Văn Hiền, xuất bản năm 2006;

II. Hồi ký và lời kể được ghi chép lại của một số cán bộ chủ chốt:

1. Nguyễn gia Tú - Cán bộ lão thành cách mạng.

2. Tiểu Nghi (Ba Nghi) - Cán bộ lão thành cách mạng.

3. Bùi Minh Huệ (Tám Hân) - Cán bộ lão thành cách mạng.

4. Phạm Đình Hòe - Cán bộ lão thành cách mạng.

5. Nguyễn Quý (Giáo Quý) - Cán bộ lão thành cách mạng.

6. Lê Đình Nguyên – Phó bí thư huyện ủy Hàm Thuận.

7. Nguyễn Minh Quyết – (Tu Quyết) – Huyện đội trưởng huyện Thuận Phong.

8. Nguyễn Minh (Minh Phú) – Huyện đội trưởng huyện Hàm Thuận.

9. Lê Minh Lý (Lý Trường) – Chính trị viên phó huyện Thuận Phong.

10. Nguyễn Văn Bốn – Bí thư huyện ủy Hàm Thuận.

11. Nguyễn Ninh (Sáu Ninh) – Bí thư ban cán sự Miền A.

12. Nguyễn Kim Bông - Ủy viên Ban cán sự Miền A.

13. Nguyễn Ngọc Cao - Ủy viên Ban cán sự Miền A.

14. Đinh Mạnh Trình – (Quế) – Bí thư xã Hồng Phong.

15. Nguyễn Văn Năm (Năm Nhánh) - Bí thư chi đoàn Hồng Phong.

16. Trương Vũ Đức – Cán bộ Miền A.

17. Trần Văn Năm – Đội trưởng Đội công tác Rạng.

18. Nguyễn Ngọc Sương – Bí thư huyện đoàn huyện Lê Hồng Phong (trước năm 1954).

19. Phan Tấn Trình – Bí thư huyện ủy Hàm Thuận năm 1947.

20. Nguyễn Tế Nhị - Bí thư huyện ủy huyện Hàm Thuận năm 1949 – 1950.

MỤC LỤC

- Lời nói đầu	trang 03
- Lời cảm ơn	trang 05
- Phần thứ nhất:	
Quá trình hình thành, phát triển và truyền thống yêu nước của nhân dân Thiện nghiệp - Thiện Khánh từ thuở lập làng đến Cách mạng tháng Tám thành công.	trang 06
Chương I: Quê hương Thiện Nghiệp – Hàm Tiến.	trang 07
Chương II: Phong trào yêu nước trước năm 1945.	trang 18
Chương III: Phong trào đấu tranh do tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo (1930 – 1945).	trang 20
Chương IV: Nhận xét chung.	trang 28
- Phần thứ hai:	
Đảng bộ và nhân dân Thiện Nghiệp – Thiện Khánh đấu tranh bất khuất trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp.	trang 30
Chương I: Xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng, lãnh đạo toàn dân kháng chiến (1946-1947).	trang 31
Chương II: Đảng bộ, quân ,dân xã Quang Cảnh đẩy mạnh nhân dân du kích chiến tranh, kháng chiến toàn dân toàn diện (1948 – 1950).	trang 47
Chương III: Xây dựng căn cứ vững chắc, làm tròn nhiệm vụ vừa hậu phương vừa tiền tuyến (1951 – 1954).	trang 62
- Phần thứ ba:	
Đảng bộ và nhân dân Thiện Nghiệp – Thiện Khánh bám trụ kiên cường, chiến đấu hy sinh trong sự nghiệp chống đế quốc Mỹ xâm lược.	

	trang 80
Chương I: Đấu tranh chính trị quyết liệt, kiên cường (1954 -1959).	trang 81
Chương II: Vũ trang diệt ác, xây dựng căn cứ, phá áp chiến lược (1960 -1965).	trang 108
Chương III: Vượt qua khó khăn gian khổ, giữ vững vùng căn cứ, trực tiếp góp phần đánh quân xâm lược Mỹ (1966 – 1968).	trang 123
Chương IV: Quyết tâm giữ vững vùng căn cứ, chống địch úi phá địa hình, lần chiếm vùng giải phóng, gom dân lập ấp (1969 – 1972).	trang 133
Chương V: Củng cố thực lực, trực tiếp chiến đấu, góp phần giải phóng quê hương (1973 – 1975).	trang 142
- Kết luận	trang 151
- Phụ lục:	
+ Tổ chức đảng, đoàn thể, chính quyền, đội công tác qua các thời kỳ.	trang 165
+ Danh sách cán bộ, chiến sỹ hy sinh (1962-1975).	trang 167
+ Những gia đình tiêu biểu.	trang 169
+ Hàm bom 17.	trang 170
+ Bài thơ của nhà cách mạng Hồ Quang Cảnh.	trang 171
+ Số gia đình xã Hồng Thịnh bám trụ đến ngày giải phóng.	trang 172
+ Danh sách liệt sỹ.	trang 173
+ Danh sách các bà mẹ Việt Nam anh hùng.	trang 176
+ Danh sách người có công hiện đang hưởng chính sách.	trang 178
+ Các cuộc hội thảo, xác minh, thẩm định tư liệu.	trang 185
+ Danh sách những nhân chứng trực tiếp cung cấp tư liệu.	trang 186
+ Tài liệu tham khảo.	trang 189
+ Mục lục	trang 191